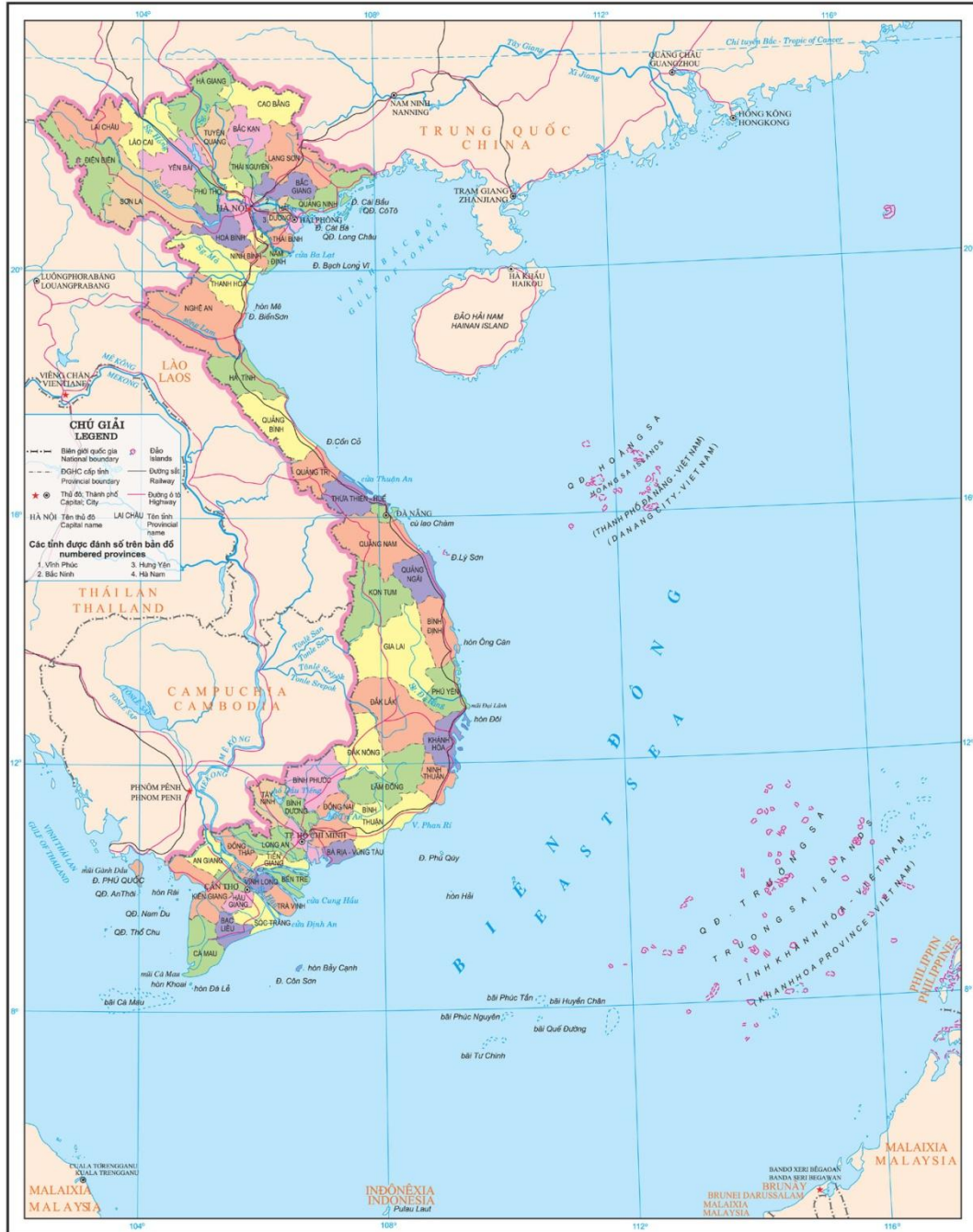


Bộ công cụ phân tích Tội phạm về động, thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật

BÁO CÁO CỦA ĐOÀN CÔNG TÁC
UNODC TẠI VIỆT NAM

BẢN ĐỒ VIỆT NAM

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ADMINISTRATIVE MAP OF SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
MINISTRY OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT

TỈ LỆ - SCALE 1 : 9 000 000

Vị trí các đảo được biểu thị theo khả năng cho phép của tỉ lệ bản đồ
Island's visibility depends on the map's display scale
Số đăng ký KH/08
Số lượng m: 500.000 tỷ
In tại:
Không bản

BinhDuongLand.vn

LỜI CẢM ƠN

Ban Sinh kế Bền vững thuộc Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp quốc và các chuyên gia của Ban xin trân trọng cảm ơn tất cả những cá nhân và cán bộ mà chúng tôi đã tiếp xúc vì những đóng góp, chuyên môn và hỗ trợ dành cho hoạt động phân tích Bộ công cụ này.

Chúng tôi xin được cảm ơn Tiến sỹ Scott Robertson và nhóm cộng sự tại Hiệp hội Bảo tồn Động vật hoang dã (WCS) tại Việt Nam vì những đóng góp về mặt chuyên môn và sự hợp tác mà ông và nhóm cộng sự đã dành cho chúng tôi. Ngoài ra, chúng tôi trân trọng cảm ơn thạc sỹ Vương Tiến Mạnh, Phó Giám đốc Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam và nhóm cộng sự. Chính nhờ những mối quan hệ hợp tác chặt chẽ này mà nhóm chuyên trách của chúng tôi mới có thể tiếp cận và nắm bắt được những thông tin chi tiết.

MỤC LỤC

BẢN ĐỒ VIỆT NAM	TRANG 2
LỜI CẢM ƠN	TRANG 3
MỤC LỤC	TRANG 4
DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	TRANG 6
TÓM TẮT	TRANG 9
1. MỤC ĐÍCH	TRANG 12
2. PHƯƠNG PHÁP	TRANG 15
3. GIỚI THIỆU	TRANG 17
4. BỐI CẢNH QUỐC GIA	TRANG 19
5. LUẬT PHÁP	TRANG 24
6. THỰC THI PHÁP LUẬT	TRANG 43
7. TÒA ÁN	TRANG 80
8. VIỆN KIỂM SÁT (CÔNG TỔ)	TRANG 84
9. PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG	TRANG 87
10. CÁC TÁC NHÂN VÀ GIẢM THIỂU NGUỒN CẦU	TRANG 90
11. PHÂN TÍCH DỮ LIỆU	TRANG 96
12. KẾT LUẬN	TRANG 97
13. DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ	TRANG 98
PHỤ LỤC A: DANH SÁCH CÁC BUỔI THAM VẤN THÀNH VẤN NGƯỜI THAM GIA	TRANG 101
PHỤ LỤC B: DANH SÁCH CÁC VỤ ÁN ĐÃ TRUY TỐ	TRANG 104
PHỤ LỤC C: NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG BỘ LUẬT HÌNH SỰ	TRANG 106
PHỤ LỤC D: SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HỆ THỐNG TÒA ÁN VIỆT NAM	TRANG 107

PHỤ LỤC E: TỔNG HỢP CÁC CHUYỂN CÔNG TÁC TỚI CÁC CƠ QUAN THỰC THI PHÁP LUẬT	TRANG 108
PHỤ LỤC F: THÔNG TIN NGUỒN MỞ VỀ CÁC VỤ THU GIỮ	TRANG 118
PHỤ LỤC G: BÁO CÁO CITES THƯỜNG NIÊN – 2012/2013	TRANG 123
PHỤ LỤC H: CƠ QUAN QUẢN LÝ CITES – BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆT NAM 2015	TRANG 127
PHỤ LỤC I: BUÔN BÁN CÁC SẢN PHẨM ĐTVHD QUA INTERNET Ở VIỆT NAM	TRANG 137
PHỤ LỤC J: XÂY DỰNG NĂNG LỰC HÀNH PHÁP CHO IGO VÀ NGO VỀ WLFC 2010-2015	TRANG 145

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

AFP	Cảnh sát Liên bang Ôxtrâyli
AIRCOP	Chương trình Liên lạc tại Sân bay
APG	Nhóm Châu Á/Thái Bình Dương về chống rửa tiền
ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
ASEAN-WEN	Mạng lưới thực thi bảo vệ động thực vật hoang dã ASEAN
CBD	Công ước Đa dạng Sinh học
CCCE	Ban Tuyên giáo Trung ương
CCP	Chương trình Kiểm soát công-ten-nơ
CITES	Công ước về Buôn bán Quốc tế Các loài Động, Thực vật hoang dã nguy cấp
CITES MA	Cơ quan Quản lý CITES
CMS	Công ước Bảo tồn các loài động vật hoang dã di cư
CrPC	Bộ luật Tố tụng Hình sự
CPI	Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng
DPC	Tòa án Nhân dân cấp huyện
DARD	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
EIA	Cơ quan Điều tra Môi trường
ENV	Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên
EP	Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường (Cục Cảnh sát Môi trường)
EU	Liên minh Châu Âu
FAO	Tổ chức Nông Lương của Liên Hợp Quốc
FATF	Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền
FLEGT	Thực thi Lâm luật, Quản trị rừng và Thương mại Lâm sản
FIU	Cơ quan Tình báo Tài chính
FPD	Cục Kiểm lâm
FPF	Lực lượng Kiểm lâm
GMS	Tiểu vùng Mê-kông Mở rộng
HCMC	Thành phố Hồ Chí Minh
HSI	Tổ chức Nhân đạo Quốc tế
ICCWC	Liên minh phòng chống tội phạm về động thực vật hoang dã toàn cầu
IGO	Tổ chức Liên chính phủ
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
INTERPOL	Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế

IUCN	Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
LE	Thực thi pháp luật
LEA	Cơ quan thực thi pháp luật
MARD	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
MoD	Bộ Quốc phòng
MoF	Bộ Tài chính
MONRE	Bộ Tài nguyên và Môi trường
MoU	Bản ghi nhớ
MPS	Bộ Công an
NGO	Tổ chức phi chính phủ
PPC	Tòa án Nhân dân tỉnh
RAMSAR	Công ước về những vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế, đặc biệt là nơi cư trú của các loài chim nước
SOMTC	Hội nghị quan chức cấp cao về phòng chống tội phạm xuyên quốc gia
SPC	Tòa án Nhân dân Tối cao
TCCCC	Trung tâm điều phối chống tội phạm xuyên quốc gia
TRACE	Mạng lưới pháp y động vật hoang dã TRACE
TRAFFIC	Mạng lưới theo dõi buôn bán động thực vật hoang dã
TT	Tổ chức Hướng tới minh bạch
UNCAC	Công ước của Liên hợp quốc về phòng chống tham nhũng
UNODC	Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên hợp quốc
UNTOC	Công ước phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên hợp quốc
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
VCIS	Hệ thống Thông tin Hải Quan Việt Nam
VIET NAM WEN	Mạng lưới thực thi pháp luật về động thực vật hoang dã của Việt Nam
VNACCS	Hệ thống thông quan tự động và Cơ chế thu gom tại cảng
VMP	Cảnh sát biển Việt Nam
VNFOREST	Tổng cục Lâm nghiệp
VPA	Hiệp định Đối tác Tự nguyện
WCO	Tổ chức Hải quan Thế giới
WCO CEN	Mạng lưới Thực thi Hải quan của Tổ chức Hải quan Thế giới
WCS	Hiệp hội Bảo tồn Động vật Hoang dã
WDC	Tổ chức Huấn luyện Chuyên nghiệp vụ cho công tác Bảo tồn
WLFC	Tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật

WWF

Quỹ Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế

TÓM TẮT

Tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật (WLFC) là mối đe dọa ngày một gia tăng trên toàn cầu. Các mạng lưới tội phạm thu lợi nhuận rất lớn từ việc đánh bắt trái phép thủy hải sản, săn bắn động vật và khai thác gỗ, buôn bán các loài nguy cấp bất hợp pháp. WLFC cũng là nguồn tài trợ cho các loại hình tội phạm khác, và có mối quan hệ chặt chẽ với tệ nạn tham nhũng và rửa tiền. Hoạt động phạm tội có tổ chức xâm hại tài nguyên thiên nhiên, gây ra tác động nghiêm trọng tới hệ sinh thái, tình hình an ninh, sinh kế cộng đồng và kinh tế. Việt Nam là một quốc gia đa dạng sinh học, là nơi cư trú của một số loài động thực vật thuộc nhóm tiêu biểu và nguy cấp nhất trên thế giới. Việt Nam đã coi WLFC là mối đe dọa nghiêm trọng và ngày càng gia tăng, và đây là cam kết của cấp cao nhất của chính phủ Việt Nam trong công tác đối phó với tệ nạn nghiêm trọng này.

Liên minh phòng chống tội phạm về các loài động thực vật hoang dã toàn cầu (ICCWC) đã xây dựng Bộ công cụ Phân tích Tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật (*Bộ công cụ*) nhằm mục đích hình thành một mô hình hỗ trợ các quốc gia triển khai hoạt động phân tích cấp quốc gia để hiểu rõ hơn hiện trạng và những thách thức chủ yếu liên quan đến tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật. Do đó, chính phủ Việt Nam đã đề nghị ICCWC tham gia hỗ trợ công tác phân tích để có thể triển khai mạnh mẽ hơn nữa các hoạt động liên quan. Quy trình hỗ trợ dưới sự chỉ đạo của Chính phủ đã được triển khai và có sự tham gia của các cơ quan hữu quan tại Việt Nam.

Nhằm hỗ trợ quy trình triển khai Bộ công cụ này tại Việt Nam, đại diện các cơ quan gồm UNODC, WCS và CITES đã tổ chức một chuyến công tác thu thập dữ liệu thực tế kéo dài từ ngày 26 tháng 1 đến ngày 10 tháng 2 năm 2015 tại các địa phương khác nhau trên cả nước; từ khu vực biên giới, tại các vườn quốc gia, cảng biển, sân bay và chợ cho tới hai thành phố lớn và nhiều tỉnh thành. Nhóm đã có các hoạt động trao đổi với đại diện và cán bộ của các cơ quan trung ương, tỉnh và địa phương, các quốc gia tài trợ và các nhóm xã hội dân sự bao gồm đại diện các tổ chức NGO, thẩm phán, kiểm sát viên, cán bộ hải quan, công an, lực lượng bộ đội biên phòng, cán bộ kiểm lâm địa phương và Ban quản lý vườn quốc gia. Một chuyến công tác thu thập dữ liệu thực tế khác cũng đã được tổ chức tại cửa khẩu Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị vào tháng 8 năm 2015.

Như chúng tôi nhấn mạnh trong báo cáo này, công tác chia sẻ thông tin và các dữ liệu nghiệp vụ cần phải đảm bảo tính khả thi, kịp thời, đáng tin cậy; đồng thời phải kết hợp với năng lực kỹ thuật và các kỹ năng nâng cao cần thiết để phát hiện, xác định mục tiêu và bắt giữ tội phạm. Khung pháp lý hiện nay có thể được cải thiện ở rất nhiều khía cạnh hoạt động để có thể truy tố tội phạm, đặc biệt tội phạm liên quan đến động thực vật hoang dã mà hiện nay còn gặp nhiều khó khăn do những điểm chưa hoàn thiện của khung pháp lý này.

Để đấu tranh thành công với tội phạm WLFC, Việt Nam phải có các biện pháp hiệu quả hơn bên cạnh các biện pháp tịch thu và xử phạt hành chính như hiện nay. Chỉ tịch thu mà không tiến hành bắt giữ, đặc biệt đối với đối tượng tổ chức và tài trợ cho tội phạm WLFC sẽ không có tác động đến hoạt động buôn bán và có nhiều ý kiến cho rằng nếu chỉ có biện pháp tịch thu đơn thuần thì thậm chí còn làm trầm trọng thêm tội phạm WLFC.

Những kết quả và kiến nghị mà chúng tôi rút ra từ những phân tích trong báo cáo này cho thấy những ưu và khuyết điểm trong năng lực và khả năng đối phó với tội phạm WLFC của Việt Nam, đây

và là cơ sở để chúng tôi thiết kế một chương trình chi tiết về xây dựng năng lực và hỗ trợ kỹ thuật cho Việt Nam.

NHỮNG KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHÍNH

- Có một số điểm chưa hoàn thiện trong pháp luật hình sự, đặc biệt là Bộ luật Hình sự, dẫn đến tình trạng trong nhiều vụ án chỉ áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đơn thuần dù hành vi vi phạm có tính chất nghiêm trọng, đã làm suy giảm tài nguyên động thực vật hoang dã và lâm sản của đất nước.
- Quy định về khung hình phạt dành cho các tội WLFC nghiêm trọng có tổ chức hoặc xuyên quốc gia là chưa đầy đủ, rõ ràng.
- Các cơ quan Tư pháp chưa hiểu hết và nhận thức đầy đủ về vấn đề WLFC và những thách thức liên quan đến vấn đề này khi xử lý các vụ án về WLFC.
- Việc các cơ quan thực thi pháp luật không thể hoặc thực hiện thiếu hiệu quả trong việc truy tố đối tượng phạm tội là do chứng cứ thiếu vững chắc hoặc không đầy đủ cũng như do những bất cập lớn trong Bộ luật Hình sự liên quan đến quy định bắt buộc phải định lượng giá trị của vật chứng trong các vụ án WLFC, dẫn đến rất ít vụ việc được chuyển tới Viện kiểm sát để truy tố xét xử.
- Không có bằng chứng cho thấy các kênh chia sẻ thông tin hoặc chia sẻ thông tin nghiệp vụ quốc tế đang hoạt động có hiệu quả, ngay cả đối với các nguồn tin hướng dẫn cán bộ khu vực biên giới về các tuyến đường xâm nhập trái phép mới nhất, về các phương thức thủ đoạn buôn lậu hoặc thông báo về đối tượng hoặc lô hàng tình nghi (chỉ có một hoặc hai trường hợp chia sẻ thông tin nghiệp vụ kịp thời).
- Việc nhận dạng các loài động vật, thực vật và đặc biệt là gỗ quý gặp khó khăn do năng lực thực thi pháp luật còn yếu đồng thời khó khăn hơn bởi các trường hợp cất dấu và mảnh khéo tinh vi của bọn tội phạm kết hợp với hành vi gian lận trong cấp phép và định danh loài.
- Nhu cầu sử dụng động thực vật hoang dã làm thực phẩm và thuốc chữa bệnh do tin tưởng vào những lợi ích sức khỏe mà những loài này mang lại là động lực chính, làm gia tăng hoạt động buôn bán động thực vật hoang dã và làm phức tạp tình hình thực thi pháp luật.
- Thiếu các công cụ thiết yếu để đảm bảo hiệu quả trong thực thi pháp luật bao gồm các hệ thống và cơ chế giám sát, thanh tra, kiểm tra.
- Thiếu năng lực điều tra trong xử lý tội phạm xuyên quốc gia có tổ chức.
- Chỉ chú trọng áp dụng các biện pháp thu giữ và xử lý hành chính; trong khi đó, quan sát cho thấy việc chủ động trong thực thi pháp luật chỉ được thực hiện rất hạn chế.
- Thiếu các dịch vụ hỗ trợ nâng cao liên quan đến điều tra hiện trường và kỹ thuật hình sự.
- Việc không xử lý triệt để tình trạng tham nhũng có tổ chức và có hệ thống diễn ra ở các vị trí và địa phương trọng điểm là nguyên nhân chính dẫn đến việc thi pháp luật đối với hoạt động buôn bán trái phép động thực vật hoang dã thiếu hiệu quả.

Nội dung các khuyến nghị cụ thể được chúng tôi tổng hợp và trình bày tại *Phần 13* của báo cáo. Chúng tôi cũng đã xây dựng một kế hoạch hành động riêng để hỗ trợ triển khai những khuyến nghị này.

1. MỤC ĐÍCH

Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC) là cơ quan đi đầu trên thế giới trong cuộc chiến chống lại các hoạt động buôn bán ma túy trái phép và tội phạm có tổ chức trong khuôn khổ Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (UNTOC) và Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng. Theo nghị quyết 55/25 ngày 15 tháng 11 năm 2000, Đại Hội đồng đã khẳng định vai trò của UNTOC trong cuộc chiến chống buôn bán trái phép các nguồn tài nguyên thiên nhiên khi tuyên bố Công ước này "là một công cụ hiệu quả và khung pháp lý cần thiết cho hoạt động hợp tác quốc tế chống lại các loại tội phạm như buôn bán trái phép các loài động vật và thực vật hoang dã được bảo vệ và đẩy mạnh các nguyên tắc của Công ước về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã, nguy cấp".

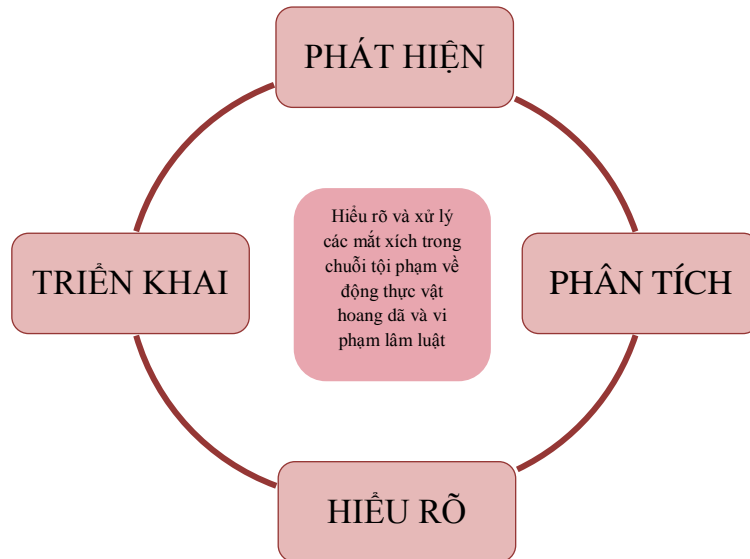
Ngày 30 tháng 7 năm 2015, Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua một nghị quyết mang tính lịch sử số A/69/314 về *Đối phó với nạn buôn bán trái phép động vật hoang dã* trong đó cơ quan này đã đưa ra một số khuyến nghị; một số khuyến nghị này cũng sẽ được trình bày trong báo cáo này. Những khuyến nghị này bao gồm xem WLFC là loại hình tội phạm nghiêm trọng, có sự tham gia của các nhóm tội phạm có tổ chức; triển khai các biện pháp chống rửa tiền, thành lập các nhóm đặc trách có sự tham gia của nhiều cơ quan về tội phạm buôn bán động vật hoang dã cấp quốc gia; củng cố các quy trình tư pháp và hoạt động thực thi pháp luật; ngăn chặn và đối phó với nạn tham nhũng và giảm thiểu nhu cầu sử dụng các loài hoang dã đang bị đe dọa và sản phẩm từ các loài hoang dã.

Với vai trò là một khuôn khổ toàn diện, Bộ công cụ đã được giới thiệu đến các bên liên quan và các thành viên tham gia trước khi và trong thời gian thực hiện chuyển công tác. Bộ công cụ cung cấp cơ chế thu thập và đánh giá thông tin chi tiết về mức độ sẵn sàng ứng phó của một quốc gia và giúp nâng cao nhận thức về các phương pháp tiếp cận khác nhau trong hoạt động đối phó với tội phạm WLFC.

Trước thách thức nghiêm trọng của tội phạm WLFC và quy mô xuyên quốc gia phổ biến của loại hình tội phạm này, một liên minh có sự tham gia của nhiều cơ quan mang tên Liên minh phòng chống tội phạm về các loài động thực vật hoang dã toàn cầu (ICCWC) đã được thành lập năm 2009. Liên minh này có sự tham gia của Ban thư ký CITES, Tổ chức Cảnh sát Hình sự Quốc tế (INTERPOL), Ngân hàng Thế giới, Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) và Cơ quan Phòng chống Ma túy và Tội phạm của Liên Hợp Quốc (UNODC). Sự phối hợp của mỗi cơ quan góp phần vào nỗ lực chống lại nạn buôn bán trái phép các loài động vật và thực vật hoang dã được bảo vệ trên cơ sở điều phối hoạt động hỗ trợ cho các chính phủ, các cơ quan thực thi pháp luật về động vật hoang dã và lâm luật cấp quốc gia và các mạng lưới tiểu vùng tham gia bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên của thế giới nhằm ngăn chặn hành vi khai thác của các hoạt động phạm tội. Bộ công cụ có bốn thành tố chính hỗ trợ người sử dụng theo những cách sau:

1. Làm rõ thực trạng các loại tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật bao gồm động cơ và các chủ thể liên quan;
2. Phân tích các biện pháp tư pháp hình sự bao gồm hệ thống lập pháp, hành pháp, truy tố và xét xử đang được áp dụng;

3. Hiểu rõ các mắt xích và chủ thể khác nhau trong chuỗi tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật; và
4. Triển khai các biện pháp xử lý và ngăn chặn tội phạm liên quan đến động, thực vật hoang dã bằng cách áp dụng các biện pháp khuyến khích thay thế



Hình 1: Bốn thành tố chính trong Bộ công cụ phân tích WLFC

Bộ công cụ gồm 5 hợp phần; tuy nhiên theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam, hai chuyên gia do nhóm công tác thực địa cử đến hỗ trợ sẽ tập trung chủ yếu vào ba lĩnh vực sau đây:

- Lập pháp
- Các biện pháp thực thi pháp luật
- Năng lực truy tố và xét xử



LẬP PHÁP

- Luật quốc tế
- Luật trong nước
- Tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã và lâm sản
- Tội phạm liên quan
- Sáng kiến khu vực và đặc thù



TRUY TỐ VÀ XÉT XỬ

- Xét xử
- Truy tố
- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tội phạm
- Tuyên án và xử lý
- Đền bù, bồi thường và khôi phục nguyên trạng



DỮ LIỆU VÀ NGHIÊN CỨU

- Thu thập dữ liệu
- Cơ sở dữ liệu
- Chỉ số hoạt động
- Nghiên cứu phân tích



THỰC THI PHÁP LUẬT

- Cơ quan thực thi pháp luật
- Nguồn nhân lực
- Thông tin **ng nghiệp vụ**
- **Thẩm quyền** thực thi pháp luật
- Thủ tục và kỹ thuật điều tra
- Kiểm soát biên giới và Hải quan
- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực tội phạm
- Hỗ trợ và trợ giúp kỹ thuật
- Trách nhiệm giải trình và liêm chính



ĐỘNG CƠ VÀ NGĂN NGỪA

- Phân tích bối cảnh
- Quản lý động, thực vật hoang dã và lâm sản
- Xây dựng năng lực xã hội
- Buôn bán và thị trường hợp pháp
- Nâng cao nhận thức

Hình 2: Năm hợp phần của Bộ công cụ phân tích tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật

2. PHƯƠNG PHÁP

Cùng với sự chỉ đạo của chính phủ trong công tác triển khai Bộ công cụ này, ICCWC sẽ tham gia hỗ trợ trong tất cả các giai đoạn của quy trình. Phương pháp tiếp cận này sẽ đảm bảo tính linh hoạt; sử dụng các nguyên tắc học thuật đáng tin cậy đã được công nhận và đáp ứng được nhu cầu và yêu cầu của Việt Nam.

Phương pháp tiếp cận

- Thiết lập đầu mối “trong nước” có tầm ảnh hưởng và phù hợp cho Chương trình Toàn cầu của UNODC và đại diện trong nước của UNODC – đảm bảo CITES MA tham gia đầy đủ.
- Tổ chức gặp gỡ các cán bộ chính phủ được giao nhiệm vụ tham gia để giới thiệu Bộ công cụ, chính thức công bố và giới thiệu về hoạt động triển khai Bộ công cụ, tiếp thu ý kiến góp ý và khởi động quy trình vận động sự tham gia của các chủ thể hữu quan chính từ các cơ quan của chính phủ và các NGO cũng như các đơn vị tình nguyện.
- Đồng thời tổ chức nghiên cứu và rà soát các văn bản pháp luật có liên quan, các nghiên cứu về tội phạm WLFC và các báo cáo đã công bố của các chuyên gia đã được chỉ định.
- Thành lập và hỗ trợ một nhóm công tác “trong nước” để quản lý và điều phối các hoạt động liên quan; thu thập và tổng hợp các nghiên cứu quốc gia, xin cấp phép và cho phép triển khai tuyến thực địa của đoàn công tác.
- Đề nghị các Cơ quan Thực thi Pháp luật, tòa án, viện kiểm sát được giao nhiệm vụ hoặc chịu trách nhiệm đấu tranh với loại hình tội phạm WLFC cung cấp các nghiên cứu đã thực hiện trong nước.
- Tất cả các bên đều đồng ý với mục đích và quy mô của đoàn công tác trong nước này.
- Thành lập một nhóm công tác có sự tham gia của đại diện CITES MA, các đối tác NGO chính và các bên hữu quan khác.
- Tổ chức hội thảo trong nước với tất cả các Cơ quan Thực thi Pháp luật, NGO và các cơ quan chính phủ để công bố các nghiên cứu quốc gia và tạo điều kiện để các chuyên gia làm rõ và tìm hiểu nội dung thông qua các câu hỏi mở (*sử dụng kỹ thuật T.E.D. – Nói, Giải thích, Quyết định và 5WH – Cái gì, Ở đâu, Khi nào, Tại sao, Ai và Bằng cách nào – câu hỏi mở kết hợp với các câu hỏi xác nhận nếu cần thiết*).
- Triển khai công tác thực địa với tất cả các thành viên của các nhóm và tổ chức các chuyến thăm các địa điểm và địa phương đã thống nhất để tiếp xúc và phỏng vấn với cán bộ làm việc trong các cơ quan liên quan để đảm bảo hiểu rõ hơn về vai trò, trách nhiệm và các hoạt động được đã thực hiện. Phạm vi và quy mô câu hỏi dựa trên nội dung hướng dẫn và đề xuất của Bộ công cụ.
- Tổ chức thêm các cuộc tiếp xúc với các tổ chức NGO và các đối tác quốc tế như WCS, Quỹ Quốc tế bảo tồn thiên nhiên (WWF), Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ và đại diện Phái đoàn Liên minh châu Âu (EU) nếu cần thiết và có thể thực hiện.
- Sau khi kết thúc chuyến công tác, tổ chức một cuộc họp báo cáo chi tiết với Giám đốc Cấp cao

của CITES MA và các cơ quan khác của chính phủ có quan tâm để thảo luận bất kỳ vấn đề hoặc thắc mắc nào phát sinh trong chuyến công tác thực địa và giới thiệu chi tiết các giai đoạn tiếp theo trong quy trình của Bộ công cụ (chuẩn bị hai trang tổng kết ngắn gọn để phát cho đại biểu và thảo luận).

- Các chuyên gia và đại diện trong nước của UNODC chia sẻ suy nghĩ, những kết quả ban đầu và thống nhất các giai đoạn tiếp theo trong hoạt động trình dự thảo báo cáo sơ bộ.
- Đề nghị dịch tất cả các báo cáo của các cơ quan và ý kiến phản hồi của các thành viên nhóm công tác sử dụng mẫu ngắn gọn của mỗi cơ quan/địa điểm đã tổ chức thăm quan thực địa.
- Các chuyên gia chuẩn bị một báo cáo sơ bộ trong thời hạn 2 tuần sau khi kết thúc chuyến công tác để các đối tác thuộc ICCWC góp ý và sau đó hoàn thiện báo cáo.
- Chuẩn bị dự thảo báo cáo cuối cùng bao gồm các nội dung khuyến nghị và kế hoạch hành động cho các chương trình xây dựng năng lực và kỹ thuật theo các ưu tiên hành động ngắn/trung và dài hạn.
- Trình bày báo cáo trước Chính phủ sở tại.
- Góp ý và đưa ra khuyến nghị để nâng cao chất lượng Bộ công cụ và công tác triển khai Bộ công cụ.
- Chia sẻ những thông lệ tích cực nhất và bài học kinh nghiệm trong quá trình triển khai Bộ công cụ.

3. GIỚI THIỆU

Các cuộc phỏng vấn và tiếp xúc đã được thực hiện với cán bộ thuộc các cơ quan Hải quan (các phòng ban phụ trách biên giới trên đất liền, cảng biển và sân bay), lực lượng Biên phòng, Cảnh sát môi trường, Kiểm lâm, Tòa án Nhân dân và Viện kiểm sát Nhân dân tại mười địa phương khác nhau của Việt Nam. Ngoài ra còn có các cuộc tiếp xúc khác với các cơ quan gồm CITES MA Việt Nam, USAID, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam, WCS Việt Nam và WWF Việt Nam.

Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Tổng cục Hải quan và Cục Kiểm lâm đã có văn bản phản hồi tham gia vào diễn đàn với các cơ quan tư pháp hình sự và cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam.

Trong thời gian hai tuần, các chuyến thực địa đã được tổ chức đến các địa điểm sau:

1. Cửa khẩu Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh, tiếp xúc với lực lượng Hải quan và Biên phòng
2. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình và Phó chánh án
3. Phòng Cảnh sát môi trường tỉnh Quảng Bình, tiếp xúc với ban lãnh đạo
4. Chi cục Kiểm lâm Quảng Bình, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tiếp xúc với Trưởng phòng Thanh tra và Pháp chế
5. Cửa khẩu Cha Lo, tỉnh Quảng Bình, tiếp xúc với Chi cục Trưởng Chi cục Hải quan và ban lãnh đạo Chi cục
6. Chi cục Kiểm lâm thành phố Hồ Chí Minh, tiếp xúc với Chi cục trưởng và Trưởng phòng
7. Chi cục Hải quan Cảng Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh, tiếp xúc với Phó Chi cục Trưởng và các Trưởng nhóm thuộc Chi cục Hải quan
8. Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, tiếp xúc với các cán bộ thuộc Phòng Thực hành Quyền công tố và Hành chính
9. Sân bay Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh, tiếp xúc với Chi cục trưởng và Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan sân bay Tân Sơn Nhất
10. Vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk, tiếp xúc với Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm, cán bộ thuộc ban lãnh đạo Vườn quốc gia và Phó Đoàn trưởng Đoàn Biên phòng 749

Tổ chức một chuyến thực địa khác ngày 31 tháng 8 năm 2015 tới các địa điểm sau:

11. Cửa khẩu Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị, tiếp xúc với Chi cục trưởng Chi cục Hải quan

Tất cả các cuộc tiếp xúc đều diễn ra có sự thỏa thuận và đồng ý từ trước và chúng tôi đã nhận được sự hợp tác, tham gia đầy đủ và nhiệt tình. Các cuộc trao đổi diễn ra một cách chuyên nghiệp, lịch sự và phong phú và các cơ quan tiếp nhận đón tiếp nồng hậu. Danh sách các cán bộ tham gia được liệt kê tại Phụ lục A.

Nhóm công tác của ICCWC Việt Nam

Ông Manjit Iqbal, Chuyên gia pháp chế, tư pháp và công tố của UNODC – nguyên Phó Tổng Chương lý Viện công tố Somalia (Tương đương Phó Viện trưởng VKSNDTC ở Việt Nam) và Cán bộ Pháp lý của UNEP có kinh nghiệm trong hoạt động công tố và soạn thảo các văn bản pháp luật bao gồm hoạt động xây dựng năng lực cho các cán bộ tòa án và kiểm sát.

Ông Simon Ramsden, Chuyên gia thực thi pháp luật của UNODC – nguyên sỹ quan cảnh sát cao cấp của Vương Quốc Anh có kinh nghiệm sâu rộng trong hoạt động cảnh sát quốc tế, hoạt động hiệu quả và xây dựng năng lực.

Ông Stephen Carmody, Chuyên gia thực thi pháp luật của UNODC – nguyên sỹ quan cảnh sát Ô-xtrây-li-a có kinh nghiệm sâu rộng trong điều tra tội phạm buôn bán động thực vật và vi phạm lâm luật, trong hợp tác quốc tế và đào tạo cán bộ thực thi pháp luật trong GMS.

Bà Rhiannon Hudson-Jones, Chuyên gia tư vấn, Tội phạm môi trường và AML/CTF - UNODC Việt Nam

Ông Hoàng Kim Thành, Cán bộ Chương trình Quốc gia, Thực thi Lâm luật - UNODC Việt Nam

Bà Lê Thị Ngọc, Cán bộ Truyền thông - UNODC Việt Nam

Ông Nguyễn Anh Tuấn, Cán bộ CITES MA Việt Nam

Ông Nguyễn Văn Đoàn, Cán bộ CITES MA Việt Nam

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo, Cán bộ Thực thi Pháp luật, WCS Việt Nam

Bà Lê Huệ Chi, Trợ lý Chương trình – WCS Việt Nam

4. BỐI CẢNH QUỐC GIA

Việt Nam xếp thứ 16 thế giới về đa dạng sinh học. Rừng của Việt Nam giàu tài nguyên sinh học với hệ sinh thái đa dạng. Việt Nam có 9 khu dự trữ sinh quyển và 2 di sản thiên nhiên thế giới và là nơi cư trú của khoảng 16.500 loài thực vật (30% đặc hữu) và khoảng 10.500 loài động vật trên cạn bao gồm 6.600 loài côn trùng, 317 loài bò sát trên cạn và 21 loài bò sát biển, 840 loài chim (18 loài đặc hữu), 312 loài thú trên cạn và 25 loài thú biển, 167 loài lưỡng cư, khoảng 600 loài cá nước ngọt và khoảng 2.500 loài cá nước mặn.¹

Đặc điểm địa lý

Việt Nam nằm ở phía đông và nam của bán đảo Đông Dương thuộc khu vực Đông Nam Á, một mặt giáp Biển Đông, phía bắc giáp với Trung Quốc, phía tây giáp Lào và Campuchia. Đồng bằng sông Cửu Long nằm ở phía nam.

Việt Nam có tổng chiều dài biên giới trên đất liền là 4.639km với bờ biển kéo dài 3.260 km. Quảng Bình là địa phương có chiều rộng hẹp nhất trên đất liền với chỉ 50km sau đó diện tích mở rộng dần lên đến khoảng 600km về phía bắc. Việt Nam có tổng diện tích khoảng 339.560km² (95,82% hay 325.361 km² đất liền và 4,18% hay 14.199km² diện tích mặt nước).

Địa hình của Việt Nam chủ yếu là núi rừng, đồng bằng chiếm khoảng 20%, địa hình đồi núi chiếm 40% và rừng nhiệt đới khoảng 42%.

Kinh tế

Những nỗ lực từ công cuộc cải cách kinh tế sau *Đổi mới* năm 1986 đã giúp GDP của Việt Nam tăng gần gấp 3 lần và hiện nay đang tăng trưởng ở mức ổn định 6,0% một năm². Hoạt động thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài đã được mở rộng đáng kể. Một trong nhiều khía cạnh của “Chiến lược Phát triển Kinh tế - Xã hội (SEDS): 2001-2010” và hai chiến lược trước đó cùng với *SEDS: 2011-2020*, là tăng cường tập trung vào mở rộng ra toàn cầu lĩnh vực chế biến nông sản và hải sản, chế tạo, điện tử và xuất khẩu các sản phẩm gỗ. Một trọng tâm chính khác là đầu tư vào công tác xúc tiến du lịch. Theo Quy hoạch Phát triển Tổng thể của Việt Nam, từ năm 2015 đến năm 2020, ngành du lịch sẽ đóng góp 7,5% vào Tổng Sản phẩm Nội địa (GDP).

Việt Nam là quốc gia xuất khẩu lớn thứ 8 trên thế giới về các sản phẩm da thuộc và giày dép. Việt Nam có ngành chế biến gỗ quy mô lớn với mạng lưới gồm 760 đơn vị chế biến gỗ quốc doanh trên cả nước. Ngoài ra còn có hơn 200 doanh nghiệp địa phương, 53 doanh nghiệp liên doanh và xấp xỉ 1.200 đơn vị sản xuất quy mô nhỏ. Theo ước tính, nhà nước sở hữu khoảng 6.000 doanh nghiệp quốc doanh (DNNN): phần lớn các doanh nghiệp này không hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

¹Bộ Tài nguyên và Môi trường: Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hà Nội, 2013.

²Ngân hàng Thế giới, 2014, *Tăng trưởng GDP (% hàng năm)*, <http://data.worldbank.org/indicator/NY.GDP.MKTP.KD.ZG>

Sự chuyển dịch việc làm từ khu vực nông nghiệp sang khu vực làm công ăn lương trong các ngành chế tạo, xây dựng và dịch vụ đã đặt ra những vấn đề khác như lực lượng lao động có tay nghề phù hợp để bắt kịp tốc độ phát triển nhanh như hiện nay.³

Dân số

Việt Nam có khoảng 89,71 triệu dân⁴ với tốc độ tăng trưởng dân số bình quân hàng năm vào khoảng 1,1%, trong đó nam giới chiếm 49,4% và nữ giới chiếm 50,6%. Mật độ dân số bình quân là 260 người/km². Khoảng 70% dân số sống ở khu vực nông thôn trong khi đó các thành phố lớn là Hà Nội có dân số 6,5 triệu người (toàn thành phố) trong đó dân số khu vực nội thành là 2,6 triệu người, thành phố Hồ Chí Minh (Sài Gòn) có dân số 7,4 triệu người, Hải Phòng có 1,9 triệu người và Đà Nẵng có 887.069 người.

Chính phủ Việt Nam công nhận sự tồn tại của 54 dân tộc trong đó người Việt (Kinh) là dân tộc chiếm đa số; theo số liệu chính thức của Việt Nam (từ cuộc điều tra dân số năm 1999), người Việt chiếm 86% dân số của cả nước. Tỷ lệ biết đọc biết viết ở độ tuổi từ 15 tuổi trở lên là 94% vào năm 2009. Hiện nay Chính phủ đang ưu tiên phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo chất lượng.⁵

Chính quyền

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia một đảng cầm quyền và các vấn đề chính sách lớn đều do Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương và Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định và giao cho Chính phủ triển khai thực hiện. Quyền lập hiến và lập pháp được trao cho Quốc hội, “cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.” Quốc hội có quyền thông qua và sửa đổi Hiến pháp, pháp luật và đưa ra các quyết định quan trọng của đất nước.

Vị trí Chủ tịch nước vẫn do ông Trương Tấn Sang nắm giữ từ năm 2011, đại diện cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong công tác đối nội và đối ngoại⁶. Chính phủ là cơ quan hành chính cao nhất do Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đứng đầu kể từ năm 2006⁷.

Ủy ban Nhân dân (cấp tỉnh, quận/huyện và xã) chịu trách nhiệm quản lý trong địa bàn hành chính của mình; quản lý, chỉ đạo, điều hành các hoạt động hàng ngày của các cơ quan nhà nước địa phương và triển khai các chính sách của Hội đồng Nhân dân cấp tương ứng và của các cơ quan nhà nước cấp trên.

Môi trường

Tổng quan về nguồn tài nguyên rừng

Phần lớn diện tích rừng của Việt Nam đã bị suy thoái, chặt phá hoặc rụng lá sau các cuộc xung đột diễn ra vào giữa thế kỷ 20. Do đó, Việt Nam đã triển khai chương trình phủ xanh đất trống đồi trọc trên toàn quốc năm 1987. Nỗ lực của Việt Nam đã giúp tăng diện tích bao phủ rừng từ khoảng 26%

³ Ngân hàng Thế giới: Báo cáo Phát triển Việt Nam 2014 – Báo cáo chính

⁴ Ngân hàng Thế giới, 2013

⁵ KPMG: Vượt qua sự phức tạp – Đầu tư tại Việt Nam, 2011

⁶ Ông Trần Đại Quang đã trúng cử chức vụ Chủ tịch Nước từ tháng Tư năm 2016

⁷ Ông Nguyễn Xuân Phúc đã trúng cử chức vụ Thủ tướng Chính phủ từ tháng Tư năm 2016

vào năm 1994 lên đến gần 39,7% vào năm 2011. Tuy nhiên, mặc dù tổng diện tích rừng của cả nước đã tăng trong thời gian 20 năm qua nhưng phần lớn là nhờ vào hoạt động trồng rừng quy mô lớn. Năm 2010, rừng trồng chiếm một phần tư tổng diện tích rừng của Việt Nam trong khi đó rừng nguyên sinh chỉ chiếm 1% tổng diện tích và diện tích còn lại là rừng tự nhiên được tái sinh.

Năm 2013, diện tích rừng của Việt Nam là 13,5 triệu hecta với độ che phủ 41%. Trong số này có 10,3 triệu hecta rừng tự nhiên, 3,5 triệu hecta rừng trồng, 416.529 hecta rừng cao su và cây gỗ đặc chủng khác⁸. Mặc dù ở Việt Nam, cây cao su được xem là nông sản, không phải lâm sản nhưng diện tích cây cao su vẫn được tính vào diện tích che phủ.⁹ Khoảng 72% đất rừng thuộc sở hữu toàn dân, khoảng 24% thuộc sở hữu tư nhân và phần còn lại thuộc một loại hình sở hữu khác. Theo ước tính của cơ quan chức năng, khoảng 80.000 hecta rừng là “rừng giàu” – được định nghĩa là các khu rừng có các loài bản địa, không xuất hiện dấu hiệu rõ ràng về hoạt động của con người, có các quy trình sinh thái tương đối liên tục và có trữ lượng cây đứng cao. Cách định nghĩa này tương ứng với các định danh về “rừng nguyên sinh” của FAO¹⁰. Khoảng 6,7 triệu hecta bao gồm rừng trồng cao su được xem là rừng sản xuất, chiếm khoảng 49% tổng diện tích rừng. 6,8 triệu hecta còn lại chiếm khoảng 38% tổng diện tích rừng, được định danh là rừng phòng hộ bảo vệ đất và nguồn nước, 16% diện tích rừng còn lại được Việt Nam sử dụng vào mục đích bảo tồn đa dạng sinh học.

Rừng ở Việt Nam có thể được chia thành hai quần hệ lớn gồm: rừng thường xanh, bao gồm cây lá kim và rừng rụng lá. Việt Nam có hơn 1.500 loài thực vật thân gỗ từ các loài gỗ cứng có giá trị thương mại như mun và tect, cho đến các loài như cọ, đước và tre. Ngoài ra còn có nhiều loài cây leo thân gỗ (lianas) và thực vật thân thảo. Tổng cộng diện tích rừng thưa và rừng rậm, cây bụi thấp, cây bụi và tre nứa che phủ khoảng một phần hai tổng diện tích cả nước.

Hầu hết diện tích rừng ở Việt Nam đều có đặc điểm hỗn loài trong đó một diện tích rừng nhất định có thể có rất nhiều loài cùng sinh trưởng. Diện tích rừng mưa tương đối hạn chế và diện tích rừng thuần loài rất ít. Loại hình rừng gần nhất với rừng thuần loài là rừng thông ba lá (*Pinus khasya*) và thông hai lá (*Pinus merkusii*) sinh trưởng ở vùng cao; và rừng đước ven biển. Các loài cận nhiệt đới sống ở vùng núi thuộc các chi như *Quercus* (sồi), *Castanopsis*, *chi Thông* (thông) và *chi Thông tre*. Cây bụi, tre nứa, cỏ dại và cỏ thân cao đã xâm lấn diện tích rừng đã khai thác và mọc quanh các khu dân cư và dọc theo các trục giao thông chính và đường sắt. Có nhiều loại rừng khác nhau cùng tồn tại trong khu vực giữa diện tích rừng đã khai thác và rừng trên cao.

Phần lớn rừng tại khu vực Tây Nguyên là rừng rậm với phong phú các loài cây thường xanh lá rộng và rừng nửa thường xanh, một số loài trong số này cho thu hoạch gỗ có giá trị thương mại cao. Rừng nguyên trạng (nguyên sinh) vẫn tồn tại ở một số khu vực trong vùng. Trong vùng cũng có các loại hình rừng khác bao gồm rừng thứ cấp; rừng thưa với thảm thực vật chủ yếu là các loài cây thuộc họ Dầu (*Dipterocarpaceae*) và các loài thuộc chi Bằng lăng (*Lagerstroemia*); rừng đước; và các vùng đất cát cồn chủ yếu là nơi sinh sống của bạch đàn, các loài cây rụng lá nhỏ có gai và các loài cây ra hoa thuộc chi *Casuarina*. Cỏ tranh (*Imperata cylindrica*) là loài thường xuất hiện trong các khu rừng thưa và thảm thực vật cây bụi xâm lấn phần lớn diện tích trước đây được rừng bao phủ. Đặc điểm

⁸ Quyết định số 3322/QĐ-BNN-TCLN ngày 28/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2013

⁹ Trích dẫn từ Liên minh Gỗ Hợp pháp, Tổng quan về rừng của Việt Nam, 2015

¹⁰ Tổ chức Lương thực & Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc

của vùng đồng bằng Tháp Mười là đồng cỏ ngập nước (*Đồng cỏ*), một vùng trũng thuộc đồng bằng sông Cửu Long.

Hệ động vật

Khí hậu nóng ẩm cùng với sự đa dạng các hệ sinh thái của Việt Nam là môi trường sinh sống lý tưởng cho khoảng 11.217 loài động vật. Về tổng thể, trong số này có hơn 300 loài động vật có vú như voi châu Á, gấu (gấu ngựa và gấu chó), hổ Đông Dương và báo; cùng các loài thú nhỏ hơn như nhiều loài linh trưởng quý hiếm cụ thể là các loài voọc và khỉ (ví dụ như voọc mũi hếch), dơi, sóc bay, cầy và rái cá. Nhiều loài bò sát và lưỡng cư cũng đã được thống kê như cá sấu, rùa, rắn, thằn lằn và ếch nhái. Mặc dù một số loài trong hệ động vật đã tuyệt chủng như loài tê giác Java, hoạt động bảo vệ các loài thú lớn hiện nay đã bắt đầu được quan tâm. Ngoài ra còn có khoảng 2.500 loài cá, hơn 300 loài san hô và nhiều loài động vật không xương sống trong hệ động vật hoang dã của Việt Nam đã được ghi nhận.

Các loài chim hiếm và ít được biết đến cũng đã được tìm thấy ở Việt Nam như gà lôi lam mào trắng trước đây đã từng được cho là đã tuyệt chủng, ngan cánh trắng, cò quắm cánh xanh. Việt Nam nằm trên đường bay Đông Á của các loài chim Siberia và là một điểm dừng nghỉ quan trọng cho các loài chim ven bờ di cư. Hồ sơ của tổ chức Bird Life International năm 2011 ghi nhận có 889 loài chim bao gồm 18 loài đặc hữu, 44 loài nguy cấp toàn cầu và 6 loài du nhập.

Hệ thực vật

Việt Nam đã từng có diện tích rừng bao phủ trên cả nước nhưng theo thời gian do chiến tranh, nạn chặt phá rừng và áp lực tăng dân số, một số khu vực đã đánh mất giá trị đa dạng sinh học. Sự đa dạng của hệ thực vật ở môi trường sống rừng mưa thể hiện qua sự đa dạng các loài cây thường xanh. Theo Danh mục bảo tồn quốc tế, Việt Nam được xem là trọng điểm thứ năm trên thế giới về đa dạng sinh học nhờ vào hệ động thực vật ngoại lai. Theo các báo cáo, đã có khoảng 1000 loài mới được phát hiện trong giai đoạn từ năm 1997 đến năm 2007. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều khu vực cần được tiếp tục khám phá và có thể sẽ phát hiện thêm nhiều loài trong tương lai.

Rừng tự nhiên phân bố ở khu vực Tây Bắc có độ cao lớn hơn và rừng được ngập mặn phân bố tại các khu vực ven biển. Rừng mưa tại khu vực đồi núi là nơi sinh trưởng của loài đỗ quyên đại ở phía Tây Bắc và rừng trúc cùng nhiều loài phong lan. Thông phân bố ở khu vực khô cằn miền trung và rừng được phân bố tại các lưu vực sông. Phát hiện lớn nhất và đáng chú ý nhất trong những năm gần đây là phát hiện loài Cọ Hạ Long tại vịnh Hạ Long.

Được xem là một trong những trung tâm đa dạng sinh học của thế giới, hệ thực vật của Việt Nam có khoảng 12.000 loài (thực vật bậc cao có mạch), trong đó 9.628 loài đã được ghi nhận thuộc 291 họ. Trong số này có 1.000 loài đặc hữu, 1.000 loài cây cho gỗ và 100 loài thân gỗ.

Có 352 loài có giá trị thương mại bao gồm 42 loài thuộc nhóm cây quý như trắc Nam Bộ (*Dalbergiacochinchinensis*), trắc Trung Bộ (*Dalbergia annamensis*) và cẩm lai (*Dalbergia oliveri*). Có thể phân loại thêm các loài thực vật đối với 76 loài hương liệu, 160 loài cung cấp dầu thực vật và các loài thảo dược. Một số loài thảo dược nổi tiếng gồm; gừng, vàng đắng (*Coscinium fenestratum*), hoàng liên (*Coptis teeta*), sâm ngọc linh (*Panax vietnamensis*) và bình vôi (*Stephania*).

Đe dọa và bảo tồn

Trong một vài thập kỷ trở lại đây, số lượng khu vực được bảo vệ ở Việt Nam đã giảm dần, như Vườn Quốc gia Yok Đôn (Đắk Lắk), do chặt phá rừng trái phép, săn trộm, và các mối đe dọa khác. Hoạt động buôn bán tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam mang lại giá trị đáng kể. Đối với các loài động vật hoang dã, khối lượng buôn bán hợp pháp dao động từ 3.700 đến 4.500 tấn mỗi năm (không tính hoạt động buôn bán các loài thủy sinh)¹¹; động vật được dùng làm thuốc chữa bệnh, thú nuôi, thực phẩm và đồ trang sức. Côn trùng cũng là những loài có giá trị cao với phần lớn là các loài bọ cánh cứng (*coleopterus*) và cánh vẩy (*lepidoptera*). Các loại thực vật sử dụng làm dược liệu được thu hoạch và buôn bán với khối lượng 20.000 tấn mỗi năm¹².

Các nỗ lực bảo tồn của Chính phủ Việt Nam giúp nhiều khu vực được đưa vào diện bảo vệ và hoạt động khai thác gỗ đã bị cấm. Các nỗ lực bảo tồn đã giúp tạo ra những kết quả khả quan thể hiện qua việc các loài hoang dã đã quay trở lại sinh sống tại một số khu vực rừng trồng lại. Diện tích rừng được ngày một tăng do hoạt động trồng mới thay thế. Các loài cá và giáp xác sinh sôi trở lại và các loài chim xuất hiện nhiều hơn. Nhờ vào nỗ lực bảo tồn, quần thể cá sấu nước ngọt *Crocodylus siamensis* đã phục hồi trở lại do được tái thả vào Vườn quốc gia Cát Tiên.

¹¹ Báo cáo đánh giá Tác động về môi trường và kinh tế- xã hội của Chính sách về buôn bán Động, thực vật hoang dã ở Việt Nam năm 2008, CRES/FPD/UNEP/CITES/IUED, Hà Nội, Việt Nam trang.1

¹² Như trên

5. LUẬT PHÁP

Quốc hội nắm quyền lập pháp; tuy nhiên, các cơ quan hành pháp cũng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động lập pháp. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật chịu sự ảnh hưởng của đường lối chính sách của Đảng Cộng sản. Hiến pháp là văn bản có giá trị pháp lý tối cao và tất cả các văn bản luật phải tuân thủ Hiến pháp. Trong một số trường hợp, hương ước làng xóm vẫn tồn tại song song với luật pháp của Nhà nước. Ở một mức độ nào đó, hương ước làng xóm đã và đang tác động đến công tác thực thi pháp luật tại Việt Nam. Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền ban hành các thông tư hướng dẫn tòa án cấp dưới áp dụng thống nhất pháp luật.

Án lệ hiện nay chưa được xem là một nguồn luật. Tuy nhiên, điều này sẽ thay đổi vào thời điểm tháng 9 năm 2015. Theo Điều 22 của Luật Tổ chức tòa án nhân dân, Hội đồng Thẩm phán của Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ xem xét lựa chọn quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có tính chuẩn mực của các Tòa án; tổng kết phát triển thành án lệ và công bố án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao chỉ đạo Tòa án nhân dân tối cao phải trình án lệ đầu tiên để Hội đồng Thẩm phán phê duyệt trước tháng 9 năm 2015¹³.

Việt Nam duy trì rất nhiều các văn bản pháp lý dưới hình thức các văn bản luật và dưới luật như bộ luật, quy định, nghị định, quyết định, lệnh, thông tư và chỉ thị. Những văn bản này rời rạc và được hình thành một cách tạm thời, thiếu toàn diện và liên quan đến các văn bản pháp luật quan trọng khác, có thể chỉ ra những khó khăn của các cán bộ trong các cơ quan chức năng để hiểu và áp dụng theo các quy định chính xác. Hệ lụy tiêu cực của việc ban hành quá nhiều văn bản luật cũng nghiêm trọng giống như việc ban hành thiếu; và tình trạng này có thể dẫn đến hiện tượng chồng chéo trách nhiệm và chức năng giữa các cơ quan thực thi pháp luật làm giảm hiệu quả thực thi pháp luật. Tình trạng này cũng gây nhầm lẫn trong việc xác định văn bản luật nào đang có hiệu lực và văn bản nào đã được thay thế. Cần xây dựng danh mục các văn bản luật liên quan đến tội phạm WLFC và văn bản hướng dẫn việc xét xử để các Tòa án và Viện kiểm sát khắc phục những thách thức này.

CÁC CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ

1. Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES)

Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES) là công ước quốc tế quan trọng, quy định về hoạt động buôn bán quốc tế các loài nguy cấp giữa các quốc gia nhằm tránh tình trạng khai thác quá mức các loài động thực vật dẫn đến tuyệt chủng. CITES là công ước có sự kết hợp giữa các lĩnh vực thương mại, bảo vệ môi trường và phát triển và được xem là văn bản pháp lý then chốt làm cơ sở để thế giới chung tay đảm bảo hoạt động buôn bán hợp pháp và chống lại hành vi buôn bán trái phép. Mục tiêu của công ước là đảm bảo hoạt động buôn bán quốc

¹³ UB Tư pháp của Tòa án Nhân dân Tối cao ngày 28 tháng 9 năm 2015 đã ban hành Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP về Quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ. Ngày 6 tháng 4 năm 2016 Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao cũng đã ban hành Quyết định số 220/QĐ-CA về việc Lần đầu tiên công bố 6 án lệ.

tế mẫu vật các loài động và thực vật hoang dã không đe dọa đến sự tồn tại của các loài này trong môi trường hoang dã.

Nằm trong diện bảo vệ của công ước CITES có 5.600 loài động vật và 30.000 loài thực vật. Các loài này được chia thành ba nhóm phụ lục với các cấp độ hoặc hình thức bảo vệ và quy định khác nhau theo loài tùy thuộc vào cấp độ bảo vệ cần áp dụng:

- Phụ lục I bao gồm các loài nguy cấp bị đe dọa tuyệt chủng. Hoạt động buôn bán quốc tế các loại này bị nghiêm cấm trừ trường hợp đặc biệt (xem [Điều III của Công ước](#)). Trong những trường hợp đặc biệt, hoạt động buôn bán có thể diễn ra với điều kiện được Cơ quan Quản lý CITES cấp phép và có giấy phép nhập khẩu và xuất khẩu (hoặc giấy chứng nhận tái xuất).
- Phụ lục II gồm các loài chưa bị đe dọa tuyệt chủng nhưng có thể bị đe dọa nếu hoạt động buôn bán các loài này không được kiểm soát chặt chẽ. Hoạt động buôn bán các loài này phải có giấy phép xuất khẩu do Cơ quan Quản lý CITES cấp tại quốc gia xuất khẩu.
- Phụ lục III gồm các loài được bảo vệ tránh tình trạng bị khai thác không bền vững hoặc trái phép tại ít nhất một quốc gia và cần có sự hợp tác của các quốc gia thành viên đối với hoạt động buôn bán các loài này. Hoạt động buôn bán các loài này đòi hỏi phải có giấy phép xuất khẩu do Cơ quan Quản lý CITES cấp ở quốc gia xuất khẩu.

Các bên tham gia công ước CITES (các quốc gia thành viên) quản lý hoạt động buôn bán quốc tế các loài nằm trong danh mục của CITES bằng hệ thống giấy phép và giấy chứng nhận trước khi các mẫu vật quy định tại các phụ lục của công ước được phép nhập khẩu, xuất khẩu, tái xuất hoặc nhập nội từ biển. Điều này phụ thuộc vào việc loài đó được quy định tại Phụ lục nào và trong một số trường hợp, các quốc gia có thể có các quy định kiểm soát nghiêm ngặt hơn và đề ra các loại giấy phép bổ sung bên cạnh giấy phép theo quy định của Công ước đối với hoạt động buôn bán các loài được công ước CITES bảo vệ. Khi mẫu vật của một loài nằm trong danh mục của công ước CITES được chuyển giao giữa một quốc gia là thành viên của CITES và một quốc gia không là thành viên, quốc gia thành viên có thể chấp nhận hồ sơ có giá trị tương đương với các loại giấy phép và giấy chứng nhận nêu trên.

Mỗi bên tham gia Công ước phải điều chỉnh các quy định của pháp luật trong nước cho phù hợp với quy định của Công ước và chỉ định tối thiểu một Cơ quan Quản lý chịu trách nhiệm quản lý cấp phép và một Cơ quan Khoa học chịu trách nhiệm tư vấn về tác động của hoạt động buôn bán đối với hiện trạng của các loài. Trong một số trường hợp, các Bên thành lập Cơ quan Thực thi CITES nhằm phối hợp với các cơ quan hải quan, công an và các cơ quan chức năng khác hỗ trợ hoạt động thực thi công ước CITES nếu chức năng này không thuộc phạm vi chức năng nhiệm vụ của Cơ quan Quản lý CITES. Các Bên duy trì hồ sơ thương mại và chuyển hồ sơ này về CITES hàng năm để tổng hợp thống kê khối lượng buôn bán quốc tế các loài nằm trong danh mục quy định tại các phụ lục của CITES. Điều VIII của Công ước yêu cầu các Bên triển khai các biện pháp phù hợp để thực thi các quy định của Công ước bao gồm các biện pháp trừng phạt hành vi buôn bán hoặc sở hữu mẫu vật được liệt kê trong Công ước.

Việt Nam đã ký kết công ước CITES từ năm 1994. Nhiệm vụ triển khai Công ước này thuộc trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) và trách nhiệm này cũng đã được Thủ tướng chính phủ giao cụ thể trong Chỉ thị số 03/CT-TTg (tháng 2 năm 2014) trong đó Bộ NN&PTNT chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đôn đốc, kiểm tra và hướng dẫn thực hiện nghiêm túc Chỉ thị. Việt Nam đã ban hành các văn bản luật về việc triển khai thực hiện công ước CITES như sau:

- Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004
- Luật Thủy sản năm 2003
- Nghị định số 82/2006/NĐ-CP về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.
- Thông tư số 40/2013/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục các loài động vật, thực vật hoang dã quy định trong các Phụ lục của Công ước CITES.
- Quyết định số 11/2013/QĐ-TTg ngày 24 tháng 1 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấm xuất khẩu, nhập khẩu, mua bán mẫu vật một số loài động vật hoang dã thuộc các Phụ lục của Công ước CITES.

2. Công ước về đa dạng sinh học (CBD)

Theo Công ước về Đa dạng sinh học, hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học được công nhận là vấn đề của cả nhân loại. Công ước yêu cầu các Quốc gia Thành viên bảo tồn và sử dụng bền vững các nguồn lực sinh học vì lợi ích của các thế hệ hiện tại và tương lai. Một số nguồn tài nguyên tái tạo như gỗ có vai trò quan trọng trong hệ sinh thái toàn cầu góp phần vào làm giảm khí nhà kính trong khí quyển trái đất, đóng vai trò là bồn chứa các-bon, cung cấp vật liệu cho hoạt động xây dựng, sử dụng làm nhiên liệu và là môi trường sống cho các loài. Do đó, công tác quản lý cần phải được triển khai một cách khoa học để đảm bảo duy trì nguồn cung thường xuyên và tránh vô tình làm suy giảm nghiêm trọng các nguồn tài nguyên.

Công ước quy định hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng bền vững các thành tố của đa dạng sinh học và chia sẻ công bằng và bình đẳng những lợi ích từ việc sử dụng nguồn tài nguyên di truyền, bao gồm quyền tiếp cận các nguồn tài nguyên di truyền và chuyển giao công nghệ liên quan một cách hợp lý có xét đến tất cả những quyền đối với các nguồn tài nguyên và công nghệ đó.

Công ước quy định mỗi Quốc gia Thành viên, tùy theo điều kiện và khả năng của mình, xây dựng các chiến lược, kế hoạch và chương trình quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học; và xây dựng hoặc duy trì các văn bản pháp luật và/hoặc các quy định cần thiết để bảo vệ các loài và hệ sinh thái bị đe dọa.

Công ước này có hiệu lực đối với Việt Nam từ ngày 14 tháng 2 năm 1995. Để triển khai Công ước này, Việt Nam đã ban hành những văn bản sau:

- Luật Đa dạng sinh học năm 2008

- Điều 63 của Hiến pháp quy định tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại.
- Nghị định số 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

3. Công ước về các vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt là nơi cư trú của các loài chim nước (RAMSAR), 1971

Công ước RAMSAR quy định mỗi Bên tham gia phải cân nhắc trách nhiệm quốc tế của mình đối với hoạt động bảo tồn, quản lý và sử dụng hợp lý nguồn chim nước di cư, cả trong việc xác định đối tượng đưa vào Danh mục và khi thực hiện quyền thay đổi Danh mục vùng đất ngập nước trong phạm vi lãnh thổ của mình. Công ước này định nghĩa, chim nước là loài chim về mặt sinh thái phụ thuộc vào các vùng đất ngập nước.

Tên chính thức của hiệp ước này cho thấy mục đích ban đầu là nhấn mạnh vào việc bảo tồn các vùng đất ngập nước làm nơi sinh sống của các loài chim nước. Kể từ thời điểm đó, phạm vi của Công ước đã được mở rộng để quy định tất cả các khía cạnh liên quan đến hoạt động bảo tồn và sử dụng hợp lý (bền vững) các vùng đất ngập nước, thừa nhận các vùng đất ngập nước là những hệ sinh thái có vai trò thiết yếu đối với hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý nguồn nước và vì lợi ích của cả nhân loại và do đó thể hiện đầy đủ hơn, đúng với nội dung của Công ước ban đầu¹⁴.

Tại Việt Nam, Công ước có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 1989. Việt Nam có 8 địa điểm được đăng ký theo Công ước RAMSAR. Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2003/NĐ-CP về bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định tại Nghị định này thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo các quy định của pháp luật.

4. Hiệp định Gỗ nhiệt đới quốc tế 2006

Mục đích của Hiệp định này là xúc tiến việc mở rộng và đa dạng hóa hoạt động buôn bán gỗ được khai thác hợp pháp và bền vững từ các khu rừng nhiệt đới. Hiệp định đẩy mạnh công tác quản lý bền vững các khu rừng sản xuất gỗ nhiệt đới, đặc biệt tạo ra khuôn khổ hiệu quả để tham vấn, hợp tác quốc tế và phát triển các chính sách kinh tế về gỗ, đóng góp vào tiến trình phát triển bền vững, thúc đẩy việc mở rộng và đa dạng hóa hoạt động thương mại quốc tế gỗ nhiệt đới khai thác từ các nguồn bền vững và nâng cao công tác quản lý rừng và hiệu quả sử dụng gỗ.

Hiệp định Gỗ nhiệt đới quốc tế 2006 có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 10 tháng 4 năm 2014.

5. Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, 1972

¹⁴http://www.ramsar.org/sites/default/files/documents/pdf/Ramsar40_booklet/Ramsar_LiquidAssets_E.pdf

(trang 8)

Theo Công ước này, mỗi Quốc gia thành viên phải có các biện pháp hiệu quả và tích cực để bảo vệ, bảo tồn và giới thiệu các di sản văn hóa và thiên nhiên trong phạm vi lãnh thổ của mình; và mỗi Quốc gia thành viên phải nỗ lực tối đa và tùy theo điều kiện của từng quốc gia cần phải:

- Áp dụng một chính sách chung để công nhận di sản văn hóa và thiên nhiên có một vai trò nhất định trong đời sống cộng đồng và lồng ghép biện pháp bảo vệ di sản đó vào các chương trình quy hoạch tổng thể.
- Áp dụng các biện pháp pháp lý, khoa học, kỹ thuật, hành chính và tài chính phù hợp và cần thiết để xác định, bảo vệ, bảo tồn, giới thiệu và tôn tạo di sản đó.

Việt Nam thông qua Công ước này ngày 19 tháng 10 năm 1987 và đã ban hành Luật Bảo vệ môi trường và Luật Di sản văn hóa để góp phần vào công tác triển khai Công ước này ở trong nước.

6. Công ước Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia của Liên Hợp Quốc, 2000

Công ước này là văn kiện quốc tế chủ yếu trong hoạt động chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Công ước là một bước tiến lớn trong cuộc chiến chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và thể hiện sự thừa nhận của các Quốc gia thành viên về hậu quả nghiêm trọng của loại tội phạm này cũng như yêu cầu cần đẩy mạnh và tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động xử lý loại tội phạm này. Bằng việc phê chuẩn Công ước này, các quốc gia cam kết áp dụng nhiều biện pháp chống lại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, bao gồm xây dựng các tội danh hình sự (đối với hành vi tham gia tổ chức tội phạm có tổ chức, tham nhũng và cản trở tư pháp); áp dụng các cơ chế mới và thông suốt đối với hoạt động dẫn độ, tương trợ tư pháp và hợp tác thực thi pháp luật; và thúc đẩy hoạt động đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật nhằm xây dựng và nâng cao năng lực cần thiết cho các cơ quan nhà nước.

Mỗi Quốc gia thành viên, nếu thích hợp, sẽ quy định trong pháp luật trong nước một khung thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự dài để truy cứu bất cứ hành vi phạm tội nào được Công ước này điều chỉnh và một thời hạn lâu hơn nếu người bị tình nghi là tội phạm lẫn tránh việc thực thi công lý.

Theo Báo cáo số 45/2012/TB-BNG của Bộ Ngoại giao, Công ước này có hiệu lực tại Việt Nam từ ngày 8 tháng 7 năm 2012. Theo Quyết định số 605/QĐ-TTg, Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt kế hoạch triển khai Công ước này. Hoạt động rà soát pháp luật trong nước liên quan đến Công ước này đã và đang được triển khai từ năm 2013 đến năm 2015.

7. Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC), 2003

Mục đích của Công ước này là:

- Thúc đẩy và tăng cường các biện pháp phòng và chống tham nhũng một cách hữu hiệu và hiệu quả hơn;
- Thúc đẩy, tạo điều kiện và hỗ trợ hợp tác quốc tế và trợ giúp kỹ thuật trong việc phòng và chống tham nhũng, kể cả việc thu hồi tài sản;
- Thúc đẩy sự liêm chính, chế độ trách nhiệm và việc quản lý đúng đắn công vụ và tài sản công.

Phù hợp với các điều khoản của Công ước, Công ước này được áp dụng đối với việc phòng ngừa, điều tra, truy tố tham nhũng cũng như đối với việc phong toả, tạm giữ, tịch thu và hoàn trả tài sản

có được do phạm các tội được quy định theo Công ước này. Mỗi Quốc gia thành viên phải đảm bảo thiết lập một cơ quan phòng chống tham nhũng.

Mỗi Quốc gia thành viên cũng phải quy định các hành vi sau là hành vi tội phạm: hối lộ, lạm dụng ảnh hưởng để trục lợi, lạm dụng chức vụ, làm giàu bất hợp pháp và cản trở hoạt động tư pháp.

Việt Nam phê chuẩn Công ước này ngày 19 tháng 8 năm 2009. Tuy nhiên, Việt Nam bảo lưu một số quy định như hình sự hóa hành vi làm giàu phi pháp và áp dụng các biện pháp xử lý hình sự đối với pháp nhân quy định tại các Điều 20 và Điều 26.¹⁵ Việt Nam ban hành Luật Phòng chống tham nhũng năm 2005.

8. Hiệp định ASEAN về bảo tồn thiên nhiên và các nguồn tài nguyên thiên nhiên, 1985.

Nguyên tắc cơ bản của Hiệp định Khu vực này là các Bên tham gia trong khuôn khổ luật pháp quốc gia tương ứng, cam kết áp dụng đơn phương hoặc nếu cần thiết và phù hợp, cùng áp dụng các biện pháp cần thiết để duy trì các quá trình sinh thái và hệ thống hỗ trợ sự sống nhằm bảo tồn đa dạng di truyền và đảm bảo việc sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên đã được khai thác trong phạm vi quyền tài phán của mình phù hợp với các nguyên tắc khoa học và với mục tiêu phát triển bền vững. Để đạt được mục tiêu này, các quốc gia phải xây dựng các Chiến lược Bảo tồn Quốc gia và sẽ điều phối các chiến lược này trong khuôn khổ chiến lược bảo tồn của Khu vực. Việt Nam đã trình Văn kiện Gia nhập ngày 3 tháng 7 năm 1997¹⁶. Hiệp định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 11 năm 1997¹⁷.

9. Hiệp định ASEAN về ô nhiễm khói mù xuyên biên giới, 2002

Mục đích của Hiệp định này là ngăn chặn và theo dõi ô nhiễm khói mù xuyên biên giới xuất phát từ các vụ cháy đất và/hoặc rừng cần được giảm bớt thông qua nỗ lực tổng hợp của quốc gia và tăng cường hợp tác khu vực và quốc tế. Mỗi Bên sẽ áp dụng các biện pháp phù hợp để theo dõi tất cả các vụ cháy đất và/hoặc rừng và ngăn chặn cũng như kiểm soát các hoạt động liên quan đến cháy rừng; và có các biện pháp pháp lý, hành chính và các biện pháp khác để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hiệp định này. Việt Nam ký Hiệp định này ngày 10 tháng 6 năm 2002. Việt Nam ban hành Nghị định số 09/2006/NĐ-CP về phòng cháy, chữa cháy rừng; và các quy định về tội phạm liên quan đến môi trường trong Bộ luật hình sự như gây ô nhiễm hoặc đốt rừng trái phép.

10. Dưới đây là danh sách những công ước mà Việt Nam chưa tham gia

Để tham khảo, chúng tôi liệt kê một số công ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam chưa tham gia. Nhìn chung, tất cả các công ước liệt kê dưới đây đều có vai trò nhất định trong việc xây dựng khung pháp lý về tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật.

10.1. Công ước về các loài di cư (CMS), 1979

Mục tiêu của Công ước là bảo tồn các loài di cư sống trên cạn, dưới nước và chim di cư trong phạm vi hoạt động của các loài này. Điều II của công ước CMS quy định các Bên cần ghi nhận yêu cầu phải hành động để ngăn chặn bất kỳ loài di cư nào khỏi nguy cơ tuyệt chủng. Theo Công ước

¹⁵ https://treaties.un.org/TRANGS/viewdetails.aspx?src=ind&mtdsg_no=xviii-14&chapter=18&lang=en

¹⁶ <http://agreement.asean.org/agreement/detail/207.html>

¹⁷ <http://agreement.asean.org/search.html?q=1985>

này, các Bên phải nỗ lực áp dụng ngay các biện pháp bảo vệ đối với các loài di cư có nguy cơ tuyệt chủng và đưa các loài này vào Phụ lục I của công ước CITES.

Việt Nam hiện nay chưa phê chuẩn Công ước này; tuy nhiên, Việt Nam là một Quốc gia trong phạm vi phân bố theo công ước CMS¹⁸. Khái niệm “Quốc gia trong phạm vi phân bố” đối với một loài di cư cụ thể là một quốc gia có quyền tài phán trong phạm vi hoạt động của loài di cư đó hoặc là một Quốc gia có tàu treo cờ của quốc gia đó hoạt động ngoài giới hạn tài phán của quốc gia đó có tiếp nhận loài di cư.

10.2. Công ước về tiếp cận thông tin, tham gia của người dân vào hoạt động ra quyết định và tiếp cận bình đẳng đối với các vấn đề về môi trường (Công ước Aarhus)¹⁹.

Mục tiêu của Công ước này là bảo vệ quyền của mỗi cá nhân thuộc thể hệ hiện tại và tương lai được sống trong môi trường khỏe mạnh với đầy đủ phúc lợi và mỗi Bên phải đảm bảo quyền tiếp cận thông tin, quyền tham gia của người dân vào hoạt động ra quyết định và quyền tiếp cận bình đẳng đối với các vấn đề môi trường.

Thông tin môi trường phải được công bố ngay khi có thể và vào thời điểm sớm nhất trong thời hạn một tháng sau khi có yêu cầu, trừ khi khối lượng và tính chất phức tạp của thông tin đòi hỏi thời hạn này phải được kéo dài tối đa đến hai tháng sau thời điểm yêu cầu. Người yêu cầu thông tin phải được thông báo về việc kéo dài thời gian này và lý do kéo dài thời gian.

Mỗi Bên, trong khuôn khổ luật pháp quốc gia, phải đảm bảo rằng tòa án hoặc một cơ quan độc lập và khách quan sẽ can thiệp trong trường hợp bất kỳ cá nhân nào nhận thấy một phần hoặc toàn bộ yêu cầu thông tin môi trường của cá nhân đó đã bị phớt lờ, bị khước từ vô lý hoặc không được giải đáp một cách hợp lý.

Hiện nay Việt Nam chưa là thành viên của hai Công ước nêu trên. Tuy nhiên, chúng tôi khuyến khích Việt Nam nên tham gia vào những Công ước này.

PHÁP LUẬT TRONG NƯỚC

Cần lưu ý từ đầu rằng các hình phạt áp dụng đối với tội WLFC trong hệ thống văn bản luật của Việt Nam rõ ràng còn thiếu để có thể là một công cụ răn đe hiệu quả tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, đặc biệt khi các mức cao của khung hình phạt rất hiếm khi, nếu không muốn nói là chưa bao giờ, được áp dụng.

¹⁸ <http://www.cms.int/en/parties-range-states>

¹⁹ https://treaties.un.org/TRANGs/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsg_no=XXVII-13&chapter=27&lang=en.

Khuyến nghị

1. Sửa đổi bộ luật hình sự hiện hành và các văn bản luật khác bao gồm các Nghị định và Thông tư liên quan để quy định bổ sung các hình phạt mang tính răn đe để hạn chế tình trạng phạm tội WLFC

1. Bộ luật Hình sự số 15/1999 và Bộ luật Hình sự số 37/2009/QH12 ngày 19 tháng 6 năm 2009 sửa đổi và bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 1999

**Lưu ý: Hai tháng sau khi bản dự thảo đầu tiên của báo cáo này được trình bày, vào ngày 27/11/2015, Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Bộ luật Hình sự mới (Luật số 100/2015/QH13) và có hiệu lực từ ngày 01/7/2016. Bộ luật mới bao gồm việc tăng hình phạt đối với tội phạm vi phạm luật bảo vệ rừng và động thực vật hoang dã; Nêu ra trách nhiệm hình sự đối với các pháp nhân phạm tội; Bao hàm các điều khoản liên quan được áp dụng đối với các loài quy định trong CITES, sừng tê giác và ngà voi; Và thay thế các thuật ngữ chung chung và chưa xác định trước đây, như “số lượng lớn”, “hậu quả nghiêm trọng” bằng các giá trị cụ thể và đo lường được về các loại tội phạm. Như vậy, việc ban hành Bộ luật Hình sự mới đã trực tiếp giải quyết các khuyến nghị 1, 2, 3, 4, 13 và 47 trong báo cáo này. Việc đánh giá Bộ luật Hình sự (cũ) được đề cập trong báo cáo này là nhằm mục đích tham khảo. Trong toàn bộ báo cáo, có một loạt các mục tham khảo khác về những điều khoản của Bộ luật Hình sự, và người đọc nên lưu ý những nội dung này là về Bộ luật Hình sự cũ. Đối với những mục tham khảo không còn phù hợp, báo cáo đã bổ sung các ghi chú đầy đủ.*

Điều 153: Tội buôn lậu

1. Người nào buôn bán trái phép qua biên giới thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Hàng hoá, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý có giá trị từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng hoặc dưới một trăm triệu đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160 và 161 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 193, 194, 195, 196, 230, 232, 233, 236 và 238 của Bộ luật này;

b) Vật phẩm thuộc di tích lịch sử, văn hoá;

c) Hàng cấm có số lượng lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 154, 155, 156, 157, 158, 159, 160 và 161 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 193, 194, 195, 196, 230, 232, 233, 236 và 238 của Bộ luật này.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến bảy năm:

a) Có tổ chức;

f) Thu lợi bất chính lớn;

j) Phạm tội nhiều lần;

Khoản 2 trên đây quy định phạm tội có tổ chức, thu lợi bất chính lớn hoặc phạm tội nhiều lần sẽ bị phạt tù từ ba năm đến bảy năm. Quy định này áp dụng cho các loại tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật.

[Điều 153 này còn Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 nữa với mức cao nhất là chung thân, theo tôi nên trích đầy đủ]

Điều 154: Tội vận chuyển trái phép hàng hoá, tiền tệ qua biên giới

1. Người nào vận chuyển trái phép qua biên giới thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến hai mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm:

a) Hàng hoá, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý có giá trị từ một trăm triệu đồng đến dưới ba trăm triệu đồng hoặc dưới một trăm triệu đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 153, 155, 156, 157, 158, 159, 160 và 161 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 193, 194, 195, 196, 230, 232, 233, 236 và 238 của Bộ luật này;

b) Vật phẩm thuộc di tích lịch sử, văn hoá, đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm;

c) Hàng cấm có số lượng lớn hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc tại một trong các điều 153, 155, 156, 157, 158, 159, 160 và 161 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về một trong các tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 193, 194, 195, 196, 230, 232, 233, 236 và 238 của Bộ luật này;

Lâm sản và các sản phẩm từ động thực vật hoang dã được quy định trong Danh mục hàng hóa cấm kinh doanh tại Nghị định 59/2006/ND-CP.

Điểm b), khoản 2, Điều 154 quy định hàng cấm có “số lượng rất lớn”. Như chúng tôi đã lưu ý, “số lượng lớn” và “số lượng đặc biệt lớn” không được định nghĩa trong Điều này.

Khuyến nghị

2. Bổ sung định nghĩa về “số lượng rất lớn” và “số lượng đặc biệt lớn” vào quy định của Điều 154

Điều 175: Tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng

1. “Người nào có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền..., cải tạo không giam giữ...hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:”

a) “Khai thác trái phép cây rừng...”

b) “Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép...”

2. “Phạm tội trong trường hợp rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị...”

Thông tư liên tịch số 19/2007/ TTLT/BNN&PTNT-BTP-BCA-VKSNDTC-TANDTC **hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, hướng dẫn về hành vi gây hậu quả “nghiêm trọng”, “rất nghiêm trọng” và “đặc biệt nghiêm trọng” và các hình phạt tương ứng.**

Điều 176: Tội vi phạm các quy định về quản lý rừng

1. Người nào lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

- a) Giao rừng, đất trồng rừng, thu hồi rừng, đất trồng rừng trái pháp luật;
 - b) Cho phép chuyển mục đích sử dụng rừng, đất trồng rừng trái pháp luật;
 - c) Cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:
- a) Có tổ chức;
 - b) Phạm tội nhiều lần;
 - c) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.
3. Phạm tội gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ năm năm đến mười hai năm.
4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm.

Điều 189: Tội huỷ hoại rừng

1. Người nào đốt, phá rừng trái phép rừng hoặc có hành vi khác huỷ hoại rừng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:
 - a) Có tổ chức;
 - b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng danh nghĩa cơ quan, tổ chức;
 - c) Hủy hoại diện tích rừng rất lớn;
 - d) Chặt phá các loại thực vật quý hiếm thuộc danh mục quy định của Chính phủ;
 - đ) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.
3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:
 - a) Hủy hoại diện tích rừng đặc biệt lớn;
 - b) Hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng;
 - c) Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.
4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Điều 190: Tội vi phạm các quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm

1. Người nào săn bắt, giết, vận chuyển, buôn bán trái phép động vật hoang dã quý hiếm bị cấm theo quy định của Chính phủ hoặc vận chuyển, buôn bán trái phép sản phẩm của loại động vật đó, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến hai năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:
 - a) Có tổ chức;
 - b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
 - c) Sử dụng công cụ hoặc phương tiện săn bắt bị cấm;
 - d) Săn bắt trong khu vực bị cấm hoặc vào thời gian bị cấm;
 - e) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng.
3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ hai triệu đồng đến hai mươi triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Điều 191: Tội vi phạm chế độ bảo vệ đặc biệt đối với khu bảo tồn thiên nhiên

1. Người nào vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên gây hậu quả nghiêm trọng, thì bị phạt tiền từ năm mươi triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.
2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng đối với phân khu bảo vệ nghiêm ngặt thì bị phạt tù từ hai năm đến năm năm.
3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

- a) Có tổ chức;
 - b) Sử dụng công cụ, phương tiện, biện pháp bị cấm;
 - c) Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng đối với phân khu bảo vệ nghiêm ngặt.
4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.

Một điểm chưa hoàn thiện của Bộ luật Hình sự là Bộ luật quy định chủ thể của tội phạm chỉ là thể nhân, không là pháp nhân. Do đó, nếu một pháp nhân như một doanh nghiệp phạm tội, doanh nghiệp đó chỉ bị xử phạt hành chính giống như bất kỳ thể nhân nào khác. Cho dù các thể nhân thu lợi bất pháp từ tội phạm WLFC, các đối tượng này vẫn không bị đưa ra xét xử vì điểm chưa hoàn thiện này của Điều 191.

Khuyến nghị

3. Bổ sung quy định về “pháp nhân” vào Điều 191 Bộ luật Hình sự

Trong báo cáo này chúng tôi đã đưa ra một số nội dung khuyến nghị nhằm sửa đổi pháp luật hình sự và đặc biệt là Bộ luật Hình sự. Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi bộ luật hình sự và trong khuôn khổ của hoạt động này, một hội thảo do UNODC tài trợ đã được tổ chức tại Hà Nội ngày 15 tháng 12 năm 2014. Chúng tôi hy vọng báo cáo này sẽ có những đóng góp nhất định vào quá trình này.

2. Nghị định số 82/2006/NĐ-CP về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cấy nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.

Về tổng thể, pháp luật Việt Nam đáp ứng các yêu cầu đặt ra để triển khai công ước CITES. Nghị định số 82/2006 đề ra một số quy định đối với hoạt động nhập khẩu và xuất khẩu động thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm trong lãnh thổ Việt Nam.

Việc tàng trữ, sử dụng và buôn bán trong nước các sản phẩm động vật hoang dã chủ yếu được quy định trong các văn bản pháp lý khác như Điều 190, *Bộ luật Hình sự sửa đổi 2009* và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự 1999 về vi phạm quy định bảo vệ động vật thuộc danh mục nguy cấp, các loài quý, hiếm ưu tiên bảo vệ.

Khuyến nghị

4. Cần sửa đổi Nghị định 82/2006/NĐ-CP theo hướng cấm tàng trữ, sử dụng và buôn bán sừng tê giác.

Hoạt động nhập khẩu và tái xuất sừng tê giác được quy định tại khoản 1(a), Điều I của Nghị định 82; tuy nhiên, hoạt động tàng trữ, sử dụng hoặc buôn bán trong nước sừng tê giác lại không thuộc phạm vi quy định của Nghị định này. Chính vì điểm chưa hoàn thiện này mà những đối tượng bị phát hiện tàng trữ, sử dụng hoặc buôn bán sừng tê giác trên thị trường trong nước hiện nay vẫn chưa bị xử phạt

3. Nghị định số 32/2006/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm.

Theo Nghị định này, thực vật và động vật rừng được phân thành hai nhóm. Nhóm I bao gồm những loài động vật rừng và thực vật rừng nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại, bao gồm những loài động vật rừng có giá trị khoa học, môi trường hoặc có giá trị cao về kinh tế nhưng số lượng quần thể còn rất ít trong tự nhiên hoặc có nguy cơ tuyệt chủng cao. Nhóm II gồm những loài động vật rừng, thực vật rừng bị đe dọa hoặc hiếm, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại. Cá nhân vi phạm Nghị định này có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

Khoản 2, Điều 9 của Nghị định cho phép chế biến, kinh doanh vì mục đích thương mại đối với các đối tượng sau:

- Các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và sản phẩm của chúng có nguồn gốc nuôi sinh sản;
- Các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II B là tang vật xử lý tịch thu theo quy định hiện hành của Nhà nước, không còn khả năng cứu hộ, thả lại môi trường;
- Thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I A là tang vật xử lý tịch thu theo quy định hiện hành của Nhà nước;
- Thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II A từ tự nhiên, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc trồng cấy nhân tạo.

Điều 10 của Nghị định quy định về việc xử lý vi phạm: "1. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm quy định tại Nghị định này thì căn cứ tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính, cá nhân có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định hiện hành của pháp luật".

Quy định này đồng nghĩa với việc các hành vi vi phạm các quy định về bảo vệ động vật nằm trong danh mục loài nguy cấp, quý và hiếm được ưu tiên bảo vệ có thể được xử lý theo Điều 190 Bộ luật Hình sự. Hoặc đối tượng vi phạm có thể được xử lý theo quy định tại Điều 285: Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

"1. Người nào vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao gây hậu quả nghiêm trọng, nếu không thuộc trường hợp quy định tại các điều 144, 235 và 301 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

2. Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười hai năm.

Khuyến nghị

5. Cần sửa đổi Điều 9, Nghị định 32/2006/NĐ-CP theo hướng cấm buôn bán bất kỳ loài động, thực vật hoang dã hiếm hoặc nguy cấp nào bị thu giữ từ các vụ buôn bán trái phép.

3. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm."

4. Luật số 29/2004: Luật Bảo vệ và phát triển rừng

Đây là văn bản pháp luật chủ yếu quy định hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng và quyền và trách nhiệm của chủ rừng. Luật quy định các hành vi nghiêm cấm gồm săn, bắn, bắt và bẫy trái phép các loài động vật rừng và vận chuyển, chế biến, quảng cáo, kinh doanh, xuất khẩu và nhập khẩu thực vật rừng và động vật rừng trái với quy định của pháp luật. Luật này quy định người thực

hiện các hành vi bị nghiêm cấm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều 85 của Luật này quy định chi tiết các biện pháp xử lý vi phạm như sau:

1. Người phá rừng, đốt rừng, huỷ hoại tài nguyên rừng; khai thác rừng trái phép; săn, bắn, bắt, bẫy, nuôi nhốt, giết mổ động vật rừng trái phép; mua bán, kinh doanh, vận chuyển trái phép lâm sản hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Người lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm các quy định của pháp luật trong việc giao rừng, cho thuê rừng, thu hồi rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng, cho phép sử dụng rừng, khai thác lâm sản; thiếu tinh thần trách nhiệm hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc thi hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng; bao che cho người vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng hoặc có hành vi khác vi phạm các quy định của Luật này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Những vi phạm theo quy định của Điều này phù hợp với các quy định tại Điều 176 Bộ luật Hình sự về tội vi phạm các quy định về quản lý rừng:

“1. Người nào lợi dụng hoặc lạm dụng chức vụ, quyền hạn có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

c) Cho phép khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật.”

Những vi phạm theo quy định của Điều này phù hợp với các quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự về tội vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ rừng và Luật Xử lý vi phạm hành chính:

“1. Người nào có một trong các hành vi sau đây gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

b) Vận chuyển, buôn bán gỗ trái phép, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 154 của Bộ luật này.”

Luật cũng quy định việc bồi thường tại Điều 86 về bồi thường thiệt hại:

“Người nào có hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng mà gây thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thì ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Điều 85 của Luật này còn phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.”

5. Luật số 20/2008: Luật Đa dạng sinh học

Đây là Luật Đa dạng sinh học đầu tiên của Việt Nam. Trước thời điểm ban hành luật này, các vấn đề về đa dạng sinh học được quy định trong các văn bản liên quan đến Luật Bảo vệ và phát triển rừng. Luật Đa dạng sinh học đưa ra các quy định về hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững, xác định quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, cá nhân, tổ chức, hộ gia đình và cộng đồng đối với việc bảo vệ và bảo tồn đa dạng sinh học. Điều 7 của luật này nghiêm cấm các hành vi như săn bắt, đánh bắt và khai thác các loài hoang dã trong phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của khu bảo tồn, trừ việc khai thác vì mục đích nghiên cứu khoa học. Điều này cũng nghiêm cấm các hành vi săn bắt, đánh bắt, khai thác bộ

phận cơ thể, giết, tiêu thụ, vận chuyển, mua, bán trái phép loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

Tuy nhiên, luật này không quy định cụ thể các biện pháp xử lý hành chính hoặc hình sự. Luật quy định rằng các tổ chức hoặc cá nhân gây thiệt hại về đa dạng sinh học phải bồi thường theo quy định của pháp luật (Điều 75). Trong tương lai, cần bổ sung các biện pháp xử lý hành chính hoặc hình sự vào Dự luật mới về Đa dạng sinh học. Trong thời gian trước mắt, cần xây dựng một thông tư hướng dẫn việc áp dụng các biện pháp xử lý hình sự cho Luật Đa dạng sinh học.

Khuyến nghị

6. Cần xây dựng một Thông tư hướng dẫn áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và hình sự đến khi Dự luật mới về Đa dạng sinh học được soạn thảo

6. Nghị định số 103/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản

Theo Nghị định này, vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản có thể phải chịu các mức xử phạt hành chính như sau:

- Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tàng trữ, vận chuyển công cụ kích điện trên tàu cá hoặc phương tiện nổi khác; và
- Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi khai thác, mua bán, thu gom, nuôi, lưu giữ hoặc chế biến các loài thủy sinh quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng rất lớn nếu khối lượng thủy sinh từ 30 kg trở lên.

7. Nghị định số 157/2013/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản và văn bản sửa đổi (Nghị định số 40/2015/NĐ-CP)

Nghị định 157 quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Nghị định đưa ra mức phạt áp dụng cho cá nhân hoặc tổ chức vi phạm các quy định liên quan đến công tác quản lý các loài thực vật và động vật phổ biến, nguy cấp quý và hiếm, bao gồm các loài được quy định trong Phụ lục I và II của công ước CITES nhưng không được quy định trong văn bản pháp luật trong nước khác. Tổ chức vi phạm áp dụng phạt tiền bằng 2 lần mức phạt tiền với cá nhân. Xét về lợi ích tiềm tàng mà tội phạm WLFC mang lại, mức phạt này chưa đủ tính răn đe đối với các tổ chức và cần được tăng cao hơn nữa.

Việc ban hành Nghị định 40 đã sửa đổi nội dung một số mối quan tâm chính được nêu trong Nghị định 157, có liên quan tới loài hoang dã, bao gồm việc bãi bỏ Điều 7 (khoản 2) (trước đó đã thiết lập mức tiền phạt tối thiểu đối với một hành vi phạm tội nhằm đảm bảo việc quy tội phạm hình sự khi tang vật là thực vật hoang dã thuộc nhóm IA và động vật hoang dã thuộc nhóm IB. Điều 1 của Nghị định 40 đồng thời tuyên bố về tính không phù hợp của Nghị định 157 đối với các loại động và thực vật rừng được liệt kê trong danh sách quý, hiếm, và nằm trong nguy cơ tuyệt chủng cần được ưu tiên bảo vệ theo quy định của Nhà nước. Những sửa đổi này đã đem lại kết quả là mọi vi phạm liên quan đến các loài hoang dã phải được xử lý theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Điều 7(3) của Nghị định 157 quy định hành vi vi phạm hành chính đối với thực vật rừng, động vật rừng thuộc Phụ lục I, II của Công ước CITES nhưng không quy định trong Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IA và IB. Các quy định này như sau:

- a) *Hành vi vi phạm hành chính đối với các loài thuộc Phụ lục I, xử lý hành vi vi phạm như đối với thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IA, IB.*
- b) *Hành vi vi phạm hành chính đối với các loài trong Phụ lục II, xử lý hành vi vi phạm như đối với thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA, IIB.*

Sau khi sửa đổi theo Nghị định 40, vi phạm liên quan đến các loài trong Phụ lục I, Công ước CITES, có thể được xử lý theo quy định của Bộ luật Hình sự (như với hành vi vi phạm liên quan đến các loài trong Nhóm IA và IB); trong khi các vi phạm liên quan đến các loài trong Phụ lục II có thể vẫn được xử lý theo Nghị định 157, tương tự như các loài thực vật trong nhóm IIA và động vật trong nhóm IIB.

Một vấn đề phát sinh từ Nghị định 157/2013/NĐ-CP là quy định tại Điều 6(1)(a) bán tang vật thu được là động vật rừng bao gồm các sản phẩm tươi sống và động vật yếu hoặc bị thương không thuộc nhóm IB hoặc lâm sản khác còn tươi không thuộc nhóm IA theo giá thị trường địa phương tại thời điểm bán và tiền thu được được chuyển vào ngân sách nhà nước.

Mặc dù quy định này trước mắt giúp bổ sung nguồn ngân sách Nhà nước nhưng việc bán các sản phẩm thu được trên thực tế lại khuyến khích hành vi tái phạm tội phạm WLFC và về lâu dài phương hại tới các nỗ lực thực thi pháp luật và bảo tồn.

Khuyến nghị

7. Cần tăng khung hình phạt dành cho các tổ chức trong khuôn khổ Nghị định 157/2013/NĐ-CP.

8. Bỏ Điều 6(1)(a) của Nghị định 157/2013/NĐ-CP cho phép bán các sản phẩm bị thu giữ hoặc chỉ giới hạn áp dụng cho các sản phẩm gỗ.

8. Nghị định 160/2013/NĐ-CP về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

Nghị định này quy định về tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ như sau:

- Số lượng cá thể còn ít hoặc đang bị đe dọa tuyệt chủng;
- Là loài đặc hữu hoặc có một trong các giá trị đặc biệt về khoa học; y tế; kinh tế; sinh thái, cảnh quan, môi trường và văn hóa.

Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. Nghị định còn quy định các hành vi khai thác, trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển, nuôi trồng, cứu hộ, nhập khẩu và xuất khẩu các loài thuộc danh mục loài được ưu tiên bảo vệ. Điểm chưa hoàn thiện quan trọng của Nghị định này là thiếu quy định về các biện pháp xử lý hành chính hoặc hình sự.

Khuyến nghị

9. Cần xây dựng một Thông tư hướng dẫn áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và hình sự liên quan đến Nghị định 160/2013/NĐ-CP

9. Quyết định số 95/2008/QĐ-BNN về việc ban hành Quy chế quản lý gấu nuôi

Điều 2 của văn bản dưới luật này nghiêm cấm các hành vi săn bắn, bẫy bắt, mua, bán, giết mổ, vận chuyển, quảng cáo, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất khẩu gấu và sản phẩm, dẫn xuất từ gấu trái với quy định của pháp luật; nuôi gấu không có hồ sơ quản lý và gắn chip điện tử hoặc nuôi gấu không có nguồn gốc hợp pháp; nuôi gấu không có chuồng và trại hoặc có chuồng và trại nhưng không đảm bảo các điều kiện quy định tại Quy chế này. Điều khoản này có vẻ chưa chặt chẽ: một mặt nghiêm cấm hành vi bẫy và bắt gấu; nhưng mặt khác lại cho phép hành vi nuôi nhốt gấu có điều kiện.

Khuyến nghị

10. Cần sửa đổi quyết định này để phù hợp với công ước CITES

Ngoài ra, Điều 15 quy định, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các quy định về quản lý gấu nuôi quy định tại Quy chế này sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và cá thể gấu sau khi tịch thu sẽ được xử lý theo các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; tuy nhiên, Quy chế này không quy định các biện pháp xử lý hành chính hoặc hình sự cụ thể nào. Theo chúng tôi được biết, nuôi gấu là một lĩnh vực phát triển ở Việt Nam. Sự mâu thuẫn này có thể là một nguyên nhân gây ra tình trạng suy kiệt nguồn tài nguyên hoang dã của Việt Nam.

10. Quyết định của Thủ tướng về việc nuôi hổ, 2007

Hổ là loài được pháp luật về môi trường của Việt Nam bảo vệ bao gồm Nghị định 160/2013/NĐ-CP và Nghị định 32/2006/NĐ-CP. Hổ cũng là loài được bảo vệ trong khuôn khổ công ước CITES và tại Việt Nam các hành vi săn bắn, bẫy, nuôi giữ, giết, vận chuyển, bán hoặc quảng cáo hổ hoặc các sản phẩm từ hổ là hành vi vi phạm pháp luật.²⁰

Năm 2007, Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng ban hành một Quyết định cho phép ba cơ sở nuôi sinh sản 43 con hổ mà các cơ sở này nuôi giữ trái phép. Tại thời điểm đó, ông Cao Đức Phát, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NN&PTNT) tuyên bố rằng các cơ sở nuôi sinh sản của ông Ngô Duy Tân tại tỉnh Bình Dương có trang thiết bị tốt hơn so với các sở thú của Nhà nước.²¹

²⁰ Anon, Viet Nam News tại địa chỉ <http://vietnamnews.vn/economy/163593/tiger-breeders-get-the-go-ahead-from-pm-ending-controversy.html> truy cập ngày 30 tháng 8 năm 2015.

²¹ Anon, Viet Nam News tại địa chỉ <http://vietnamnews.vn/economy/163593/tiger-breeders-get-the-go-ahead-from-pm-ending-controversy.html> truy cập ngày 30 tháng 8 năm 2015.

Một quyết định vì lợi ích của 43 con vật đã kéo theo sự gia tăng số lượng cơ sở nuôi sinh sản hổ từ 3 cơ sở lên 10 cơ sở và số lượng hổ nuôi tăng từ 43 lên 121 con.²² Quy mô của vấn đề hiện nay phức tạp hơn so với thời điểm năm 2007 và cần phải được xử lý một cách tổng thể thay vì chỉ tập trung vào quyền lợi của 121 con hổ. Sự xuất hiện của các cơ sở này đặt Việt Nam vào vị thế mâu thuẫn với các nội dung khuyến nghị của công ước CITES liên quan đến hoạt động nuôi hổ.

Năm 2007, các bên tham gia công ước CITES biểu quyết thống nhất không cho phép nuôi hổ sinh sản để buôn bán các bộ phận của hổ và hoạt động nuôi giữ hổ phải được loại bỏ dần. Các quốc gia tiêu thụ và nuôi giữ hổ (Trung Quốc, Thái Lan, Lào và Việt Nam) đã không tuân thủ các khuyến nghị của CITES về:

- Hạn chế hoạt động nuôi giữ hổ sinh sản
- Kiểm tra và tiêu hủy các bộ phận và dẫn xuất từ hổ còn tồn kho
- Có cơ chế báo cáo hợp lý về các cơ sở nuôi sinh sản (trại hổ), về hoạt động thu giữ hoặc về tình trạng và kết quả các vụ án được đưa ra tòa xét xử
- Áp dụng các quy định phù hợp nhằm nghiêm cấp hoạt động buôn bán trong nước các bộ phận của hổ nuôi

Tuyên bố 14.69 của CITES quy định “*Các Bên có nhiều hoạt động nuôi sinh sản hổ với quy mô thương mại phải áp dụng các biện pháp nhằm hạn chế số cá thể hổ ở mức giúp hỗ trợ bảo tồn loài hổ hoang dã; không được phép nuôi sinh sản hổ vì mục đích buôn bán các bộ phận và dẫn xuất từ hổ.*”

Với việc quyết định của Thủ tướng được ban hành từ năm 2007 và sau tám năm các cơ sở này không có đóng góp đáng kể vào hoạt động bảo tồn loài hổ hoang dã tại Việt Nam, chúng tôi đề xuất Chính phủ cần đóng cửa những cơ sở này để đảm bảo Việt Nam tuân thủ theo công ước CITES. Chính phủ cũng nên cân nhắc việc chỉ định một đánh giá viên độc lập để xác định phương pháp xử lý tốt nhất những động vật đang được nuôi giữ tại các cơ sở này.

Tạm thời cần có áp dụng các biện pháp nghiêm ngặt đối với các cơ sở này để tránh tình trạng sinh sản và làm phức tạp thêm vấn đề bằng cách nhốt riêng các cá thể đực và cá thể cái. Cần áp dụng các quy định đảm bảo rằng xác hổ chết phải được nộp lại cơ quan chức năng thay vì được tiêu hủy tại cơ sở như cơ chế hiện nay.

Khuyến nghị

11. Sửa đổi Quyết định của Thủ tướng về nuôi sinh sản hổ (2007) để phù hợp với Tuyên bố 14-69 của công ước CITES

12. Chỉ định một đánh giá viên độc lập để xác định phương pháp xử lý tốt nhất đối với các cá thể trong các trại hổ tại Việt Nam

Cần xem xét sớm việc tìm kiếm các sở thú uy tín quốc tế sẵn sàng nhận nuôi một số cá thể hổ và xin vốn tài trợ từ các nhà tài trợ để thành lập và/hoặc nâng cấp các cơ sở của nhà nước ở Việt Nam để

²² Như trên

có thể nuôi giữ những cá thể còn lại cho đến khi chúng chết. Nếu các cơ sở này vẫn được hoạt động, chúng tôi đề xuất dừng hoạt động sinh sản hổ và sói cá thể hổ hiện nay được xét nghiệm AND, gắn chip (vi mạch) và mẫu sọc của từng cá thể được lưu lại để tránh hành vi nhập các mẫu vật hoang dã hoặc qua đường buôn lậu vào các cơ sở này để thay thế các cá thể đã chết.

11. Thông tư liên tịch số 19/2007 hướng dẫn áp dụng một số điều của Bộ luật hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản

Thông tư này hướng dẫn việc áp dụng Điều 190 của Bộ luật Hình sự về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. Thông tư cũng hướng dẫn cách xác định các vi phạm “nghiêm trọng”, “rất nghiêm trọng” và “đặc biệt nghiêm trọng” thông qua số lượng/khối lượng loài nguy cấp, quý hoặc hiếm bị ảnh hưởng bởi hành vi vi phạm đó hoặc giá trị của tang vật vi phạm. Ví dụ, buôn bán trái phép một hoặc hai cá thể vượn cáo bay Malaysia được xác định là gây “gây hậu quả nghiêm trọng” trong khi buôn bán trái phép từ 5 cá thể trở lên được xác định là gây “gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng”. Thông tư cũng xét tới tình trạng nguy cấp của các loài này khi xác định mức độ nghiêm trọng của vi phạm để đưa ra mức độ nghiêm khắc của hình phạt. Ví dụ, buôn bán trái phép từ bốn cá thể báo gầy “hậu quả đặc biệt nghiêm trọng” tương tự như buôn bán trái phép một cá thể hổ Đông Dương. Tóm lại, theo Thông tư này, các yếu tố sau đây có vai trò chính khi tuyên án phạt theo quy định tại Điều 190 của Bộ luật Hình sự:

- (1) Giá trị của sản phẩm được trích xuất từ các loài hoang dã quý, hiếm;
- (2) Số loài bị ảnh hưởng; và
- (3) Tình trạng nguy cấp của loài đó

Liên quan đến vấn đề giá trị của sản phẩm trái pháp luật của tội phạm buôn bán động, thực vật hoang dã, cơ quan công tố gặp khó khăn khi truy tố các vụ án về động, thực vật hoang dã do khó khăn trong việc định giá trị tối thiểu của tang vật tội phạm thu giữ được. Do đó, có rất ít vụ án tội phạm buôn lậu sừng tê giác hoặc ngà voi bị kết tội do không thể xác định giá trị của tang vật thu giữ được. Đây là lý luận thiếu căn cứ vì có rất nhiều thông số ảnh hưởng tới giá trị của hàng hóa phạm pháp. Đối với các tội danh về buôn bán ma túy, Việt Nam xác định mức độ nghiêm trọng của tội phạm trên cơ sở số lượng chứ không trên cơ sở giá trị tiền tệ. Quy định tương tự cũng nên áp dụng cho các sản phẩm liên quan đến tội phạm WLFC.

Cơ sở tương tự cũng đã được áp dụng cho một dự thảo thông tư của Tòa nhân dân tối cao (SPC) ngày 19 tháng 3 năm 2014 với nội dung “*hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi buôn lậu, vận chuyển, tàng trữ trái phép ngà voi, sừng tê giác từ nước ngoài theo công ước CITES*” trong đó có xem xét trọng lượng ngà voi và sừng tê giác bị buôn lậu thay vì căn cứ trên giá trị tiền tệ.²³Cơ chế mới mà dự thảo thông tư này quy định, nếu được thông qua, sẽ có hiệu quả hơn trong việc hỗ trợ công tác truy tố các vụ án liên quan đến buôn bán trái phép ngà voi và sừng tê giác. Cần đẩy nhanh tốc độ ban hành thông tư này do đòi hỏi cấp bách của tình hình hiện nay và cần nhắc khả năng áp dụng thông tư này cho các vụ án chưa trước đây chưa xử lý nhưng vẫn còn thời hiệu xử lý.

²³Văn bản này chưa được thông qua

Khuyến nghị

13. Dự thảo thông tư của Tòa án nhân dân tối cao về “*hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi buôn lậu, vận chuyển, tàng trữ trái phép ngà voi, sừng tê giác từ nước ngoài theo công ước CITES*” cần được gấp rút thông qua

12. Tổng kết

Việt Nam có nhiều văn bản quy phạm pháp luật về tội phạm WLFC như Luật, Nghị định, Quyết định, Lệnh, Thông tư và Chỉ thị. Đây là những văn bản độc lập và chỉ mang tính tạm thời. Các cơ quan điều tra, tố tụng và thẩm phán khi cần áp dụng các văn bản luật về tội phạm WLFC phải đảm bảo chắc chắn áp dụng đúng văn bản luật và đây là vấn đề phức tạp và khó khăn trong bối cảnh các văn bản luật ở Việt Nam chưa được mã hóa hoặc sắp xếp theo chỉ mục.

Khuyến nghị

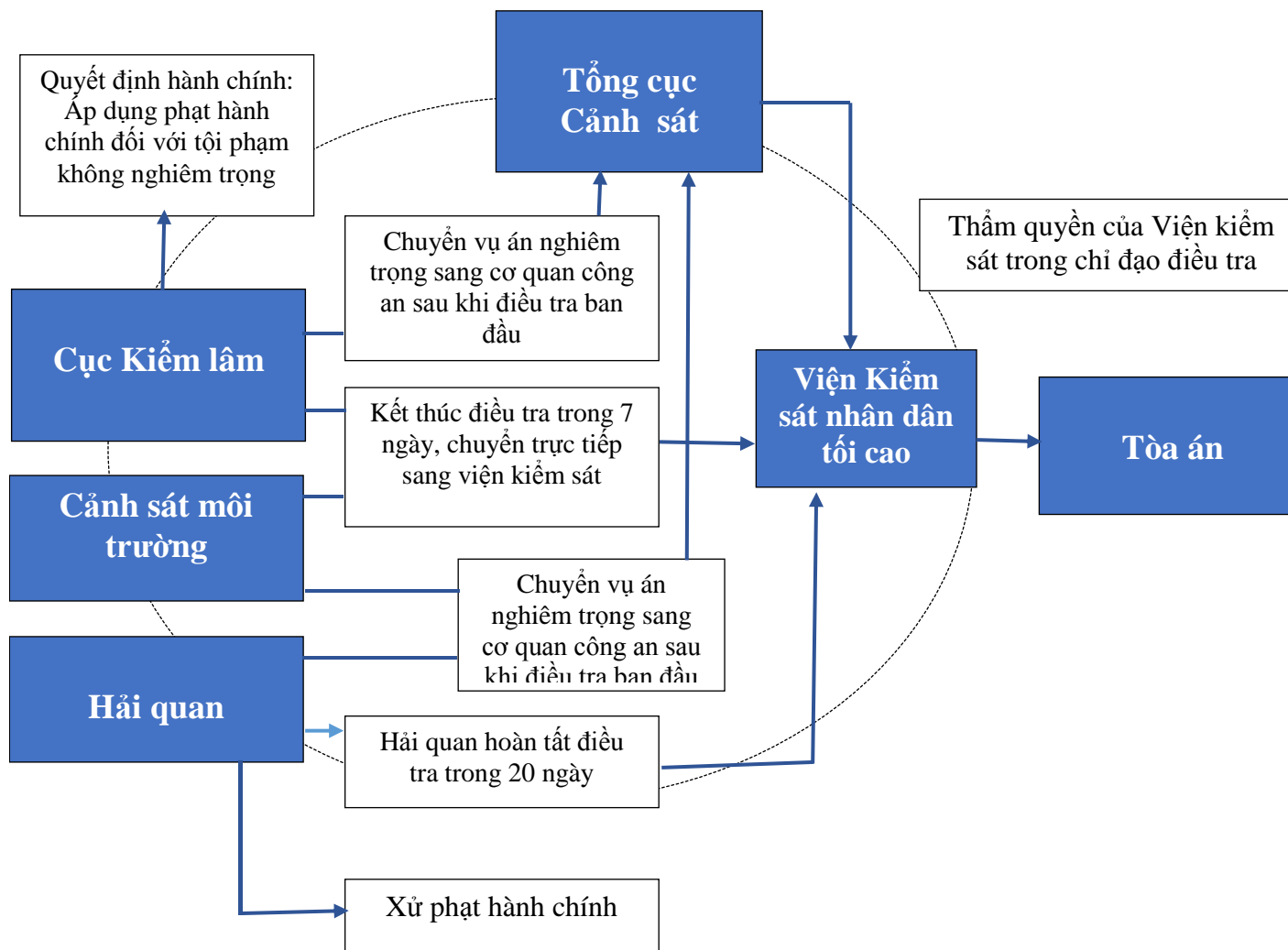
14. Triển khai dự án mã hóa và xây dựng chỉ mục các văn bản luật về tội phạm WLFC

6. THỰC THI PHÁP LUẬT

Hệ thống thực thi pháp luật

Việt Nam có một số cơ quan thực thi pháp luật tham gia hoạt động phòng chống tội phạm WLFC nhưng vai trò và trách nhiệm của các cơ quan này theo quy định tại các nghị định, thông tư, luật và quyết định còn chưa rõ ràng, dễ gây nhầm lẫn và chồng chéo.

Chức năng của từng cơ quan được quy định trong nhiều văn bản luật và nghị định. Ví dụ, trách nhiệm của Cục Kiểm lâm trực thuộc Bộ NN&PTNT là bảo vệ và quản lý rừng; trong khi đó vai trò điều tra của Bộ Công an thuộc trách nhiệm của lực lượng chủ lực là Cảnh sát Môi trường hoặc tùy thuộc vào mức độ phức tạp hoặc nghiêm trọng của tội phạm, lực lượng Cảnh sát Kinh tế hoặc Cảnh sát Hình sự. Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính, mặc dù có giữ vai trò thu ngân sách nhà nước nhưng cùng với Bộ đội Biên phòng thuộc Bộ Quốc phòng (và Cảnh sát biển Việt Nam – CSB) chịu trách nhiệm kiểm soát biên giới đất liền, trên không và trên biển khi thực thi pháp luật về thương mại và thực hiện thu giữ gỗ khai thác trái pháp luật và các loài nằm trong công ước CITES bị buôn bán trái pháp luật. Quyền giám sát và quản lý tất cả các hoạt động điều tra thực thi pháp luật thuộc phạm vi trách nhiệm của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao (VKS) . Vai trò tương ứng của mỗi cơ quan trong hệ thống tư pháp hình sự liên quan đến tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật được thể hiện trong Hình 3.



Hình 3: Hệ thống tư pháp hình sự và chức năng của các cơ quan trong các vụ án về WLFC tại Việt Nam

Cơ quan thực thi

Các cơ quan dưới đây chịu trách nhiệm thực thi pháp luật liên quan của Việt Nam hoặc có thể đóng vai trò nhất định trong hoạt động phòng ngừa hoặc đấu tranh chống tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật.

Cục Kiểm lâm

Phạm vi hoạt động của Cục Bảo vệ rừng (Cục Kiểm lâm) bao gồm quản lý hệ thống rừng đặc dụng và rừng phòng hộ của Việt Nam, đồng thời áp dụng các biện pháp phòng chống hủy hoại rừng trái phép và các hành vi trái pháp luật khác nhằm xâm hại rừng và đất rừng. Để làm được những việc này, Cục Kiểm lâm phối hợp với Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, nhằm đảm bảo việc quản lý hiệu quả tài nguyên rừng của cả nước.²⁴

²⁴ Biện pháp tư pháp hình sự đối với hoạt động buôn bán gỗ trái phép tại Đông Nam Á, UNODC, 2013

Ở cấp trung ương, Cục Kiểm lâm trực thuộc Tổng cục Lâm nghiệp, dưới sự quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh, theo hướng dẫn từ Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp tỉnh, chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh; còn kiểm lâm cấp huyện do Ủy ban nhân dân huyện và Chi cục kiểm lâm cấp tỉnh quản lý. Chức năng bảo vệ và quản lý rừng, trong đó bao gồm việc giám sát việc chặt phá rừng và suy thoái rừng đồng thời kiểm soát việc khai thác gỗ bất hợp pháp, được thực hiện bởi gần 13,000 cán bộ kiểm lâm trên toàn quốc.

Vai trò của Cục Kiểm lâm trong điều tra tội phạm được quy định rõ ràng trong Pháp lệnh số 23/2004/PL-UBTVQH11 về Tổ chức Điều tra Tội phạm. Cán bộ kiểm lâm được quyền áp dụng ba phương án giải quyết sau đây:

- Ra quyết định hành chính đối với các tội không nghiêm trọng, chủ yếu là quyết định xử phạt.
- Đối với những vụ việc tội phạm có mức độ ít nghiêm trọng hơn theo quy định của Bộ luật Hình sự, Cục Kiểm lâm thu thập bằng chứng có liên quan, tiến hành thẩm vấn và điều tra tổng thể, sau đó chuyển toàn bộ nội dung điều tra hoàn thiện và vụ việc tới văn phòng của Viện Kiểm sát Nhân dân trong vòng 20 ngày kể từ ngày ban hành quyết định bắt đầu xử lý vụ việc. Những tội phạm liên đới bao gồm: vi phạm quy định về bảo vệ động vật hoang dã quý hiếm, vi phạm cơ chế bảo vệ đặc biệt áp dụng cho các khu vực bảo tồn thiên nhiên, vv.
- Đối với các vụ việc tội phạm nghiêm trọng được liệt kê ở trên, Cục Kiểm lâm có thể bắt đầu tiến hành xử lý vụ việc và thực hiện các nghiên cứu, thẩm vấn và điều tra sơ bộ cần thiết; nhưng nhất thiết phải chuyển tài liệu vụ việc tới Cảnh sát Điều tra để điều tra sâu hơn trong vòng 7 ngày. Đối với những vụ việc như vậy, cán bộ kiểm lâm sẽ tiếp tục hỗ trợ quá trình điều tra, như đưa cán bộ cảnh sát tới hiện trường tội phạm và hỗ trợ việc tìm nhân chứng.

Tuy nhiên, khung thời hạn 7 ngày cho điều tra sơ bộ và thu thập chứng cứ gây ra nhiều khó khăn cho cán bộ kiểm lâm trên thực tế, vì tội phạm vi phạm luật bảo vệ rừng và loài hoang dã diễn ra ở những khu vực hẻo lánh, những nơi phải mất rất nhiều giờ đi bộ mới có thể tiếp cận được.

Trong quá trình chuẩn bị báo cáo này chúng tôi không có số liệu về số vụ vi phạm hoặc điều tra đã được thực hiện từ phía Cục Kiểm lâm. Tuy nhiên, trong một báo cáo năm 2013 của UNODC, Cục Kiểm lâm và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã cung cấp số liệu chi tiết cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến 30 tháng 9 năm 2013. Mặc dù những số liệu này không bao gồm số liệu cho giai đoạn 2014/2015 nhưng đây là những số liệu cần thiết để phân tích xu hướng trong đó có số vụ vi phạm đã bị phát hiện, số vụ đã được chuyển hồ sơ và loại hình các vụ việc được điều tra. Những số liệu này được công bố lần đầu trong báo cáo năm 2013 của UNODC về *Biện pháp tư pháp hình sự đối với hoạt động buôn bán gỗ trái phép tại Việt Nam*.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013, theo báo cáo của Cục Kiểm lâm, đã có tổng cộng 152.851 vụ việc. Số vụ việc chia nhỏ theo năm được thể hiện trong Hình 3 dưới đây.

	2009	2010	2011	2012	2013 (tháng 9)	Tổng
Vi phạm quy định về bảo vệ rừng	40.800	33.857	29.551	28.940	19.703	152.851
Xử lý hành chính	34.801	28.718	25.147	24.604	16.660	129.930
Xử lý hình sự	287	399	266	284*	284*	1.520
Các vụ án hình sự đã tuyên án	43**	46*	46*	46*	46*	227
Số người bị khởi tố	326	214*	214*	214*	214*	1,182

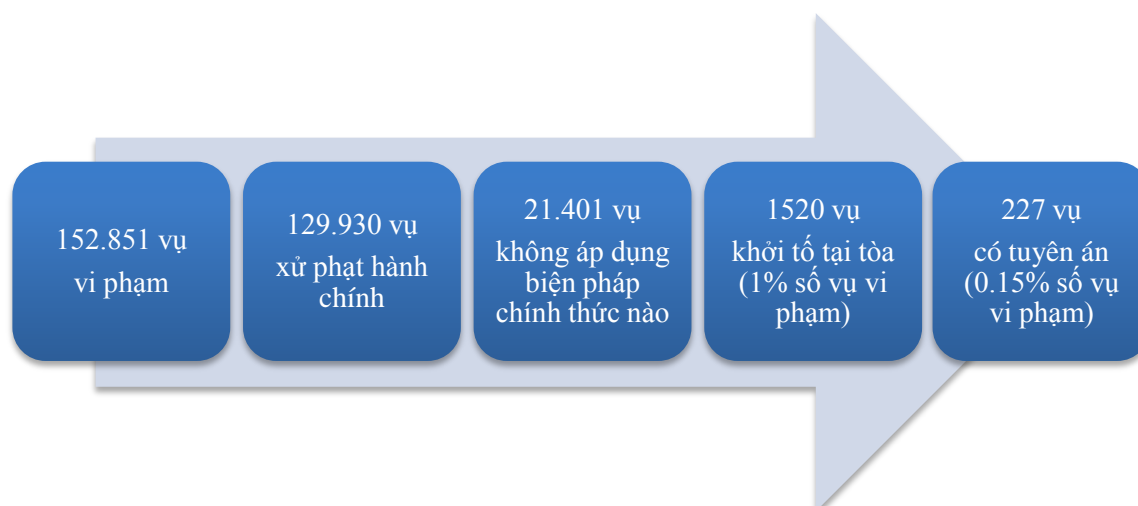
Hình 4: Số vụ án trong giai đoạn 2009-2013 theo báo cáo của Cục Kiểm lâm

* Con số chi tiết theo năm được tính toán trên cơ sở bình quân tổng số liệu

** Ước tính trên cơ sở các tỷ lệ quy ra từ tổng các số liệu

Lưu ý: Số liệu đánh dấu sao là do UNODC tính toán để bổ sung những số liệu mà Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Cục Kiểm lâm cung cấp không đủ. Do đó những con số này không phải là con số chính thức từ phía các cơ quan chính phủ.

Những con số này cho thấy một xu hướng đáng lo ngại khi chỉ có 1% tổng số vi phạm bị truy cứu trước tòa và chỉ có 15% số vụ án kết thúc bằng án hình sự. Với nguy cơ bị tòa từ chối xét xử sau khi chuẩn bị sẵn sàng cho một vụ án hình sự phức tạp, những cán bộ phụ trách vụ án đương nhiên phải áp dụng hệ thống xử lý qua loa cho xong. Chi tiết các vụ vi phạm và kết quả xử lý được thể hiện trong Bảng 4.

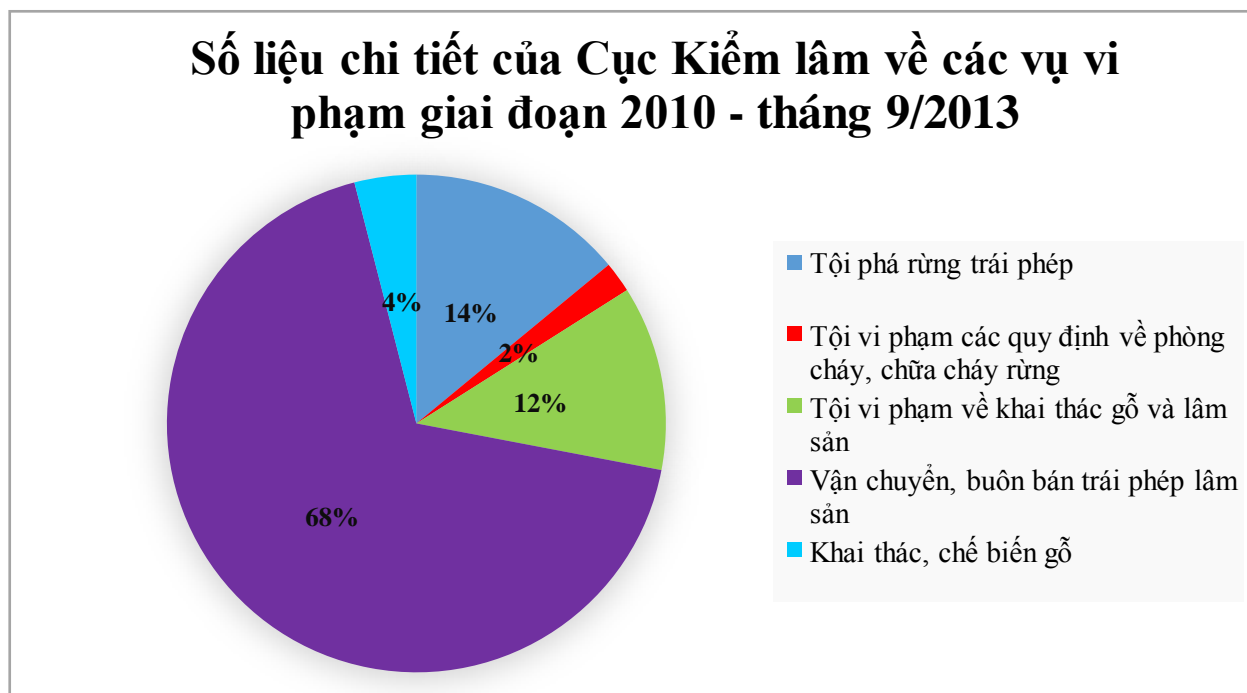


Hình 5: Chi tiết số vụ vi phạm và kết quả xử lý

Đằng sau tỷ lệ quá thấp này là những vấn đề quan trọng hơn. Đối với Cục Kiểm lâm, đây là dấu hiệu cho thấy những vấn đề cơ bản trong công tác thu thập chứng cứ, chuẩn bị cho vụ án và trình bày chứng cứ. Nếu Viện Kiểm sát nhân dân chỉ truy tố một số ít vụ án vi phạm luật bảo vệ rừng và động thực vật hoang dã và số vụ án có tuyên án chỉ chiếm 15% trong số này thì có thể Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đang có thể gặp vấn đề về kiến thức chuyên ngành và cách áp dụng pháp luật về môi

trường. Ngoài ra cũng có thể do cách diễn giải luật của Tòa án, ví dụ như quy định xác định giá trị các sản phẩm trái pháp luật bị tịch thu hoặc bản thân các văn bản luật còn chưa rõ ràng, gây nhầm lẫn.

Trong số các vụ vi phạm mà Cục Kiểm lâm xử lý, cho tới nay loại hình tội phạm phổ biến nhất là buôn bán và vận chuyển lâm sản trái phép, chiếm 68% số vụ vi phạm. Tiếp theo là hành vi phá rừng trái phép chiếm 14% và khai thác gỗ và lâm sản chiếm 12%. Những số liệu này cho thấy rất nhiều vụ việc được phát hiện bên ngoài khu vực được bảo vệ. Chi tiết nhóm các vụ vi phạm trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến 30 tháng 9 năm 2010²⁵ được trình bày trong Hình 5.



Hình 6: Chi tiết số vụ vi phạm theo hành vi vi phạm

Trong giai đoạn từ năm 2010 đến tháng 9 năm 2013, Cục Kiểm lâm đã thu giữ:

- 22.953 dụng cụ
- Gỗ các loại: 139.841m³
- Động vật rừng: 59.321 cá thể động vật với tổng trọng lượng là 122.464 kg

Đây là những số liệu hết sức bất ngờ cho thấy hoạt động đấu tranh thường nhật của Cục Kiểm lâm nhằm bảo vệ hệ động vật và thực vật của Việt Nam. Số lượng những vi phạm bị phát hiện nhiều như

²⁵Cục Kiểm lâm cung cấp số liệu cho giai đoạn từ 1/1/2010 đến 30/9/2013. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao cung cấp số liệu cho giai đoạn từ 1/1/2009 đến 30/9/2013. Đây là lý do cả hai mốc thời gian này đều được tham chiếu trong số liệu UNODC tiếp nhận năm 2013.

vậy chứng tỏ hoạt động tuần tra của Lực lượng Kiểm lâm dựa vào thông tin nghiệp vụ và nắm rõ những điểm nóng trong khu vực tuần tra.

Một ví dụ điển hình là chiến dịch hoạt động kéo dài ba tháng tại Vườn Quốc gia Chư Mom Ray từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2014. Trong khoảng thời gian này, cán bộ kiểm lâm đã phát hiện 5.795 bẫy, phá hủy 27 trại săn bắn trái phép và tịch thu hơn 100 xe gắn máy.²⁶Con số chính xác số vụ vi phạm bị phát hiện trong chiến dịch này không được tiết lộ.



Hình 7: Một số xe gắn máy trong số xe bị tịch thu trong chiến dịch kéo dài 3 tháng tại Vườn Quốc gia Chư Mom Ray năm 2014

Các cán bộ Cục Kiểm lâm phải hoạt động ở địa hình đồi núi trên diện tích rộng lớn và hẻo lánh. Bên cạnh thách thức này, các cán bộ Kiểm lâm thường chỉ có trang bị sơ sài và không được vũ trang. Thông tin của Cục Kiểm lâm cho thấy một số cán bộ kiểm lâm đã bị hành hung trong khi thi hành nhiệm vụ. Năm 2011, lâm tặc khai thác gỗ đã bắt gót năm cán bộ kiểm lâm tại Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

Trang bị vũ khí cho lực lượng kiểm lâm là quyết định khó khăn và có nhiều ý kiến ủng hộ cũng như vấp phải nhiều ý kiến phản đối. Việc trang bị vũ khí, đặc biệt cho những cán bộ chỉ được đào tạo tối thiểu, có thể dẫn tới nhiều rủi ro hơn so với việc không trang bị vũ khí. Cán bộ kiểm lâm có vũ khí, khi xô xát với những đối tượng săn bắn hoặc khai thác gỗ có vũ trang thường có thể làm tình hình thêm căng thẳng, đặc biệt tại những khu vực vùng sâu vùng xa vì đối tượng tình nghi có thể bỏ trốn. Ngược lại, có thể hạn chế tình trạng hành hung thân thể cán bộ kiểm lâm bằng việc trang bị những thiết bị bảo vệ cá nhân như dùi cui, còng tay và bình xịt hơi cay.

Hệ thống liên lạc vô tuyến (nếu có) thường thiếu và không ổn định. Đáng tiếc đây lại là vấn đề phổ biến đối với lực lượng kiểm lâm trên toàn thế giới vì môi trường làm việc là những vùng sâu vùng xa và chi phí để xây dựng mạng lưới vô tuyến hoạt động hiệu quả thường quá lớn. Trước mắt cần xem

²⁶Anon, công thông tin của IUCN tại địa chỉ http://www.iucn.org/news_homeTRANG/news_by_date/?14892/Poachers-Lose-Motorbikes-at-Chu-Mom-Ray-National-Park-Vietnam. Truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2015.

xét trang bị cho các đội kiểm lâm điện thoại vệ tinh hoặc phao vô tuyến cá nhân định vị vị trí khẩn cấp (EPIRB) làm phương tiện liên lạc, đặc biệt trong những tình huống khẩn cấp hơn là không trang bị phương tiện mặc dù không phải là giải pháp lý tưởng. Chi phí trang bị những thiết bị này hiện nay đã giảm mạnh trong đó mức giá thấp nhất của một bộ điện thoại vệ tinh là 250 đô-la Mỹ và thiết bị EPIRB cầm tay có giá 120 đô-la Mỹ.

Công tác đào tạo cũng giúp Cục Kiểm lâm nâng cao hiệu quả hoạt động. Các cán bộ cơ sở của Cục Kiểm lâm công thường rất ít khi được đào tạo về hoạt động thực thi pháp luật và thiếu công cụ để thu thập, bảo quản và lưu giữ chứng cứ. Để nâng cao năng lực của đơn vị (nếu có đủ kinh phí), Cục Kiểm lâm nên tăng cường công tác đào tạo cơ bản và đào tạo điều tra chuyên ngành cho các cán bộ kiểm lâm cơ sở, đặc biệt những cán bộ có cấp bậc thấp. Một số tổ chức IGO và NGO đã phối hợp với Cục Kiểm lâm và hỗ trợ đào tạo cán bộ cấp cơ sở. Hoạt động này cần được tiếp tục triển khai nếu có thể.

Các cơ quan kiểm lâm địa phương xây dựng kế hoạch hành động theo tháng, quý và năm cho hoạt động bảo vệ rừng và động, thực vật hoang dã trong khu vực mình quản lý trên cơ sở điều kiện và đặc thù của địa phương. Chúng tôi chưa rõ hiện nay đã có cơ chế hoặc hệ thống chính thống giúp chia sẻ thông tin nghiệp vụ với các khu vực quản lý khác về xu hướng tội phạm hoặc các đối tượng cần quan tâm đang hoạt động hay không.

Cục Kiểm lâm đã xây dựng các mối quan hệ công tác hiệu quả với lực lượng cảnh sát giao thông, cảnh sát kinh tế và môi trường và cơ quan quản lý thị trường. Cơ quan này tư vấn và hướng dẫn chính quyền cấp huyện thực hiện kiểm tra các nhà hàng và tổ chức kiểm tra đột xuất, thường xuyên tổ chức các chiến dịch truyền thông để tuyên truyền cho người dân về các loài nguy cấp và cảnh báo về hành vi vi phạm. Cơ quan này cũng chú trọng tới công tác vận động các hộ dân ký cam kết không xâm lấn đất rừng để thực hiện các mục đích trái pháp luật. Mặc dù hiện nay hiệu quả hay tác động của những hoạt động này chưa được phân tích hoặc đo lường cụ thể nhưng đây được xem là chiến lược phòng chống tích cực.

Khuyến nghị:

15. Rà soát toàn diện các vụ án không được xử lý của Cục Kiểm lâm nhằm xác định và xử lý nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ vụ án có tuyên án thấp

16. Tăng cường đào tạo cơ bản và đào tạo chuyên sâu về điều tra cho các cán bộ cơ sở của Cục Kiểm lâm

17. Trang bị cho cán bộ cơ sở của Lực lượng Kiểm lâm những thiết bị bảo vệ cá nhân và điện thoại vệ tinh khi tuần tra tại vùng sâu vùng xa

Tổng cục Hải quan

Theo Luật Hải quan 2014, Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thanh tra và giám sát các loại hàng hóa và phương tiện đi lại; Xử lý các vụ buôn bán lậu xuyên biên giới (trong đó bao gồm buôn lậu loài hoang dã và buôn lậu gỗ); Thu thuế áp cho hàng hóa chịu thuế được nhập khẩu vào Việt Nam; Thu

thập dữ liệu về các hàng hóa xuất nhập khẩu; và các nhiệm vụ khác có liên quan. Lực lượng Hải quan quản lý 120 cửa khẩu, cảng biển và cảng hàng không trong phạm vi chiều dài biên giới đất liền 4.639km với Trung Quốc, CHDCND Lào, và Campuchia và 3.260km bờ biển giáp với biển Đông. Bên cạnh đường biên giới trên biển chủ yếu thuộc trách nhiệm quản lý của lực lượng Cảnh sát Biển Việt Nam (KSB), hoạt động quản lý biên giới trên không và trên đất liền được phối hợp thực hiện với lực lượng Biên phòng.

Các cơ quan Hải quan tổ chức điều tra theo quy định của Luật Hải quan 2014, Bộ luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự, và Pháp lệnh về Tổ chức Điều tra. Tương tự như các cán bộ thuộc Cục Kiểm lâm, các vi phạm được xử lý bởi cán bộ của Tổng cục Hải quan có thể chia thành ba nhóm sau đây:

- Vi phạm hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết trực tiếp của cán bộ hải quan các cấp. Thông thường là các vi phạm không nghiêm trọng, bao gồm các vụ việc như khai không đúng thông tin hàng hóa.
- Đối với các tội phạm quy định trong các điều về buôn lậu hay vận chuyển hàng hóa/tiền tệ xuyên biên giới trái phép theo Bộ Luật Hình sự, Cục Hải quan có thể tiến hành điều tra bổ sung. Đối với các vụ việc ít nghiêm trọng, công tác điều tra phải hoàn tất trong thời hạn 20 ngày và chuyển qua VKS cùng cấp quyết định.
- Đối với các vụ việc có tính chất nghiêm trọng hơn, Cục Hải quan phải hoàn tất công tác điều tra ban đầu trong thời hạn 7 ngày trước khi chuyển vụ việc sang cho lực lượng Cảnh sát Điều tra.

Các hoạt động điều tra do các cán bộ thuộc Cục Điều tra chống buôn lậu và các cán bộ hải quan địa phương tổ chức thực hiện.

Khối lượng người, phương tiện và hàng hóa lưu thông qua mỗi cửa khẩu rất cao. Ví dụ, cảng hàng không Tân Sơn Nhất tại thành phố Hồ Chí Minh mỗi ngày có 202 chuyến bay quốc tế và tiếp đón 27.000 lượt khách tương đương với 9 triệu khách mỗi năm.²⁷ Năm 2014, Cảng Hải phòng đã thông quan 1.002.178 công-te-nơ, giảm so với con số 1.038.978 công-te-nơ năm 2013.²⁸

Để đảm bảo công tác quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu, nhằm kiểm soát và hạn chế tối đa các rủi ro, Việt Nam đã áp dụng hệ thống VNACCS/VCIS (Hệ thống thông quan hàng hóa tự động của Việt Nam) và hệ thống đăng bạ và phê chuẩn thuế quan qua mạng lưới internet ở cấp quốc gia (National Single Window System), đồng thời vận hành các hệ thống hỗ trợ khác như hệ thống RMS điện tử (Hệ thống Quản lý Rủi ro) và hệ thống quản lý thông tin về các vi phạm hải quan. Hải quan Việt Nam cũng đã đưa vào khai thác các thiết bị soi chiếu tia x tại tất cả các cảng hàng không quốc tế và cửa khẩu biên giới. Các thiết bị soi chiếu tia x di động dành cho công-te-nơ cũng đã được đưa vào sử dụng tại Cảng Cát Lái, Cảng Công-te-nơ quốc tế Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh, Cảng ICD Phước Long – Thủ Đức, tại Hải Phòng, Bình Dương và Đồng Nai. Thiết bị soi chiếu tia x cố định dành cho phương tiện cũng đã được lắp đặt tại hầu hết các cửa khẩu biên giới đất liền; tuy nhiên, công tác kiểm tra đã phát

²⁷ Anon, công thông tin điện tử Vietnam Breaking News. Việt Nam truy quét hoạt động buôn bán trái pháp luật tại địa chỉ <http://www.vietnambreakingnews.com/2015/08/vietnam-cracks-down-on-illegal-trade/> truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2015

²⁸ Anon, công thông tin điện tử của Công ty cổ phần Cảng Hải phòng tại địa chỉ <http://haiphongport.com.vn/en/output-report-nd/output-report.html> truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2015

hiện máy soi tia x tại cửa khẩu Lao Bảo đã bị hỏng trước thời điểm kiểm tra khoảng 12 tháng. Thực tế điều này đồng nghĩa với việc cửa khẩu nhậm nhứt ở biên giới Việt Nam – Lào lại không thể sử dụng thiết bị tia x để soi chiếu các phương tiện lưu thông qua cửa khẩu. Thiết bị hỏng này cần phải được khẩn cấp sửa chữa hoặc thay mới.

Khuyến nghị:

18. Cần nhanh chóng sửa chữa hoặc thay mới máy chiếu tia x dành cho phương tiện tại cửa khẩu Lao Bảo.

Trong thời gian sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến 30 tháng 6 năm 2015, cơ quan Hải quan đã đi đầu trong việc phát hiện 9.670 vụ buôn lậu và gian lận thương mại, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2014. Giá trị hàng hóa vi phạm ước tính 85 tỷ đồng, giảm 49,6% so với cùng kỳ năm 2014.²⁹ Năm 2014 cơ quan Hải quan đi đầu trong việc phát hiện 18.448 vụ buôn lậu và gian lận thương mại. Giá trị hàng hóa vi phạm ước tính vào khoảng 18,5 triệu đô-la Mỹ với 9.670 vụ bị truy tố, tổng số tiền xử phạt vi phạm hành chính lên tới 4 triệu đô-la Mỹ.³⁰ Cơ quan Hải quan cũng đã đưa vào khai thác bốn đường dây nóng như đường dây nóng chống gian lận và đường dây nóng quản lý rủi ro, và một và hệ thống tố cáo trực tuyến để người dân tố cáo hành vi buôn lậu hoặc gian lận thuế.

Cơ quan Hải quan cũng sử dụng hệ thống phân luồng: luồng đỏ (dựa trên các bộ tiêu chí, mức độ rủi ro, và tuân thủ theo pháp luật trong đó bao gồm các vấn đề CITES) kiểm tra thực tế hàng hóa và hồ sơ hải quan; luồng vàng chỉ kiểm tra hồ sơ hải quan; và luồng xanh không cần kiểm tra.

Năm 2013, cơ quan Hải quan đã áp dụng hệ thống tờ khai hải quan điện tử nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nhưng hệ thống này chỉ áp dụng cho cảng biển và cảng hàng không, chưa được triển khai áp dụng tại các cửa khẩu trên đất liền. Cơ quan Hải quan đã phát hiện thấy hệ thống hiện nay dễ bị lạm dụng và các đối tượng tội phạm sẽ sử dụng luồng xanh để tránh hàng hóa bị kiểm tra thực tế. Để hạn chế hành vi tham nhũng và tránh trường hợp tội phạm mua lại các doanh nghiệp hoạt động hợp pháp và sử dụng các doanh nghiệp này làm vỏ bọc che đậy hành vi buôn bán trái phép các sản phẩm động, thực vật hoang dã và gỗ, cơ quan Hải quan đã tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên một số hàng hóa thuộc luồng vàng và luồng xanh. Chúng tôi lưu ý rằng đây không phải là hoạt động được áp dụng phổ biến vì tại nhiều cơ quan hải quan việc kiểm tra ngẫu nhiên hàng hóa thuộc luồng vàng hoặc xanh không được thực hiện.

Cơ quan Hải quan đã tiến hành thu giữ nhiều sản phẩm động, thực vật hoang dã và gỗ. Trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2015, cơ quan Hải quan đã bắt giữ khoảng 18.000kg ngà voi, 55.200kg tê tê và 235kg sừng tê giác (cùng với 34 hàng hóa khác không công bố trọng lượng)³¹.

²⁹ Anon, Cổng thông tin điện tử của Hải quan Việt

Nam <http://www.customs.gov.vn/Lists/EnglishNews/ViewDetails.aspx?ID=425&Category=News%20and%20Events&language=en-US> truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2015

³⁰ Anon, cổng thông tin điện tử Vietnam Breaking News. Việt Nam truy quét hoạt động buôn bán trái pháp luật tại địa chỉ <http://www.vietnambreakingnews.com/2015/08/vietnam-cracks-down-on-illegal-trade/> truy cập ngày 21 tháng 8 năm 2015

³¹ Số liệu do Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam cung cấp và có thể tham khảo tại Phụ lục H của báo cáo này.

Đối với mặt hàng gỗ, cơ quan Hải quan không công bố số lượng thu giữ nhưng qua các chuyến thực địa, thông tin về việc thu giữ gỗ cấm lai đã được công bố. Ví dụ, tại cửa khẩu Lao Bảo trong năm 2014 cơ quan Hải quan đã thu giữ 1.460kg gỗ cấm lai với giá trị 74 triệu đồng (3.545 đô-la Mỹ); và trong năm 2015 cơ quan Hải quan phải xác định tuổi của 1,8 tấn gỗ cấm lai bị thu giữ và 0,3 m³ các loại gỗ không thuộc danh mục CITES với giá trị lên tới 108 triệu đồng.

Các vụ bắt giữ ngà voi và sừng tê giác trong thời gian gần đây cho thấy các nhóm tội phạm đang áp dụng các biện pháp che giấu các sản phẩm động, thực vật hoang dã theo cách thức chúng sử dụng để che giấu các lô hàng ma túy. Tháng 8 năm 2015, lực lượng Hải quan tại cảng Tiên Sa, Đà Nẵng đã thu giữ ba chuyến hàng chứa gần 3 tấn ngà voi và 120kg sừng tê giác. Một trong những chuyến hàng này được khai báo là chở gỗ nhưng kiểm tra công-te-nơ, cán bộ hải quan đã phát hiện 735kg ngà voi và 120kg sừng tê giác được giấu kín trong các bao nhựa được ngụy trang giống đá cẩm thạch. Hình ảnh về vụ bắt giữ này được thể hiện trong Hình 8.



Hình 8: Hình thức giấu ngà voi và sừng tê giác bị phát hiện tại cảng Tiên Sa, Đà Nẵng tháng 8 năm 2015 – Ảnh: Tổng cục Hải quan

Tháng 1 năm 2015, cửa khẩu Lao Bảo tỉnh Quảng Trị đã triển khai chương trình thử nghiệm mô hình Hải quan “một cửa”. Mô hình “một cửa” này được kỳ vọng sẽ nâng cao hiệu suất hoạt động hải quan, cắt giảm thời gian xử lý hải quan xuống còn một nửa. Tuy nhiên, cũng trong thời gian này, theo yêu cầu của Thông tư 38/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/3/2015, cán bộ Hải quan bắt đầu kiểm soát chặt chẽ các lô hàng chở gỗ được tạm nhập vào Việt Nam để tái xuất. Lực lượng Hải quan đã đo lường và ghi chép từng đầu gỗ được vận chuyển qua biên giới để đảm bảo lượng gỗ được tạm nhập và lượng gỗ được tái xuất là bằng nhau. Ngoài ra, Bộ Công Thương đã ban

hành Thông tư 37/2014/TT-BCT vào ngày 24/10/2014 về việc tạm ngừng kinh doanh tạm nhập tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ từ rừng tự nhiên của Lào và Campuchia.

Hệ quả cuối cùng của hai quy định trên và việc tăng cường điều tra chi tiết về sau là hàng hóa phải đợi 6-10 ngày mới được thông quan và hơn 100 xe chở gỗ phải xếp hàng chờ thông quan. Thực tế này không chỉ cho thấy khối lượng gỗ khổng lồ được vận chuyển qua cửa khẩu này, theo báo cáo tương đương 276.288 m³ trong tám tháng đầu năm từ 1 tháng 1 đến 31 tháng 8 năm 2015 mà còn cho thấy vai trò quan trọng của cửa khẩu này khi các cộng đồng của ASEAN bắt đầu có hiệu lực vào cuối năm nay. Lực lượng Hải quan tiếp tục kiểm soát chặt chẽ lượng gỗ được tạm nhập vào Việt Nam để tái xuất. Cửa khẩu Lao Bảo, hoạt động đo đạc gỗ của cán bộ Hải quan và đoàn xe chờ thông quan được thể hiện trong Hình 9.



Hình 9 – Cửa khẩu Lao Bảo, tháng 1 năm 2015 (Ảnh: Vietnamnet)

Cơ quan Hải quan thực hiện tốt công tác chia sẻ thông tin trên địa bàn với các cơ quan thực thi pháp luật bao gồm lực lượng cảnh sát và Biên phòng. Tổng cục Hải quan đã ký kết Biên bản Ghi nhớ (MoU) với các cơ quan đồng cấp của CHDCND Lào (2014), Campuchia (2014) và Trung Quốc (2013) và thường xuyên tổ chức các hội nghị chia sẻ thông tin.

Ngày 1 tháng 7 năm 1993, Việt Nam gia nhập Tổ chức Hải quan Thế giới và là quốc gia được hưởng lợi từ một số chương trình xây dựng năng lực do tổ chức này điều phối bao gồm cung cấp hỗ trợ kỹ

thuật trong hoạt động xác định trị giá và phân loại hàng hóa để xác định doanh thu trong năm 2013.³²

Cán bộ hải quan nhìn chung đều được đào tạo và tập huấn bài bản, và có nhiều cán bộ có trình độ đại học và sau đại học. Chương trình đào tạo Hải quan ban đầu kéo dài khoảng 2 tháng tùy thuộc vào vai trò của từng cán bộ và được trường Cao đẳng Hải quan Việt Nam hoặc Đại học Tài chính Hà Nội (Khoa Hải quan) triển khai thực hiện.

Một lĩnh vực mà lực lượng Hải quan cần phải nâng cao hiệu quả hoạt động là trao đổi thông tin và thông tin nghiệp vụ theo thời gian thực, cụ thể là những kỹ thuật mới được sử dụng để nhập lậu hàng hóa và những cá nhân hoặc doanh nghiệp bị tình nghi tiến hành nhập lậu hàng hóa. Yếu kém này không phải là điểm riêng của Hải quan Việt Nam và sẽ được trình bày chi tiết trong nội dung về hợp tác giữa các cơ quan liên quan của báo cáo này. Lực lượng Hải quan cũng cho rằng việc nhận diện các loài theo công ước CITES cũng là một vấn đề trở ngại lớn.

Lực lượng Hải quan Việt Nam hoạt động rất hiệu quả trong việc bắt giữ các sản phẩm WLFC được xuất khẩu và nhập khẩu trái phép vào Việt Nam. Sự rõ ràng trong quy định của các văn bản luật, đặc biệt liên quan đến giá trị của các sản phẩm động, thực vật hoang dã sẽ giúp cơ quan này hoạt động hiệu quả hơn trong việc phát hiện và truy tố tội phạm nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm WLFC.

Khuyến nghị:

19. Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị và kỹ thuật chuyên dụng nhằm nâng cao chất lượng quản lý và kiểm soát trong thanh tra hải quan.

20. Tăng cường các khóa đào tạo cơ bản và nâng cao về điều tra cho cán bộ hải quan trong việc phát hiện, điều tra và xử lý vi phạm.

21. Nâng cao kiến thức và kỹ năng của cán bộ hải quan về định danh loài theo CITES, bao gồm việc phát hiện và xử lý các ca vi phạm.

Cảnh sát môi trường (Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường)

Trách nhiệm của Cục Cảnh sát môi trường là điều tra tội phạm về động, thực vật hoang dã và lâm sản trong phạm vi thẩm quyền của Bộ Công an. Cảnh sát môi trường là cơ quan cảnh sát điều tra theo luật định có thẩm quyền điều tra hình sự và áp dụng các biện pháp xử lý hành chính đối với các hành vi phạm tội về môi trường. Được thành lập năm 2006, Lực lượng Cảnh sát môi trường hiện nay có 3.450 cán bộ, 300 cán bộ công tác ở cấp Bộ và 3.150 cán bộ công tác tại cấp tỉnh. Quy mô của cục cho thấy mức độ đầu tư lớn của Việt Nam và phản ánh cam kết của chính phủ Việt Nam trong việc xử lý tội phạm về môi trường.

³² Anon, Công thông tin điện tử của Tổ chức Hải quan Thế giới <http://www.wcoomd.org/en/media/newsroom/2013/may/vietnam-mission.aspx>; truy cập ngày 26 tháng 8 năm 2015.

Cảnh sát môi trường là cơ quan chịu trách nhiệm thực thi các chính sách quốc gia nhằm ngăn chặn những hành vi vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng, Luật Bảo vệ môi trường và Luật Đa dạng sinh học. Trên cơ sở một pháp lệnh được ban hành năm 2009, Cục Cảnh sát môi trường có thẩm quyền điều ban đầu các vụ án không nghiêm trọng và chuyển các vụ án này sang Viện Kiểm sát trong thời hạn bảy ngày. Tương tự như các cán bộ thuộc Cục Kiểm lâm, các cán bộ thuộc lực lượng Cảnh sát môi trường có quyền ngăn chặn nghi phạm và tịch thu hàng hóa nhưng phải chuyển các vụ án phạm tội nghiêm trọng sang cơ quan Cảnh sát Điều tra.

Phạm vi điều tra của Cảnh sát môi trường không giới hạn ở các vụ án liên quan đến tội phạm WLFC mà còn liên quan đến các vấn đề ô nhiễm không khí và nguồn nước, rác thải và các chất gây ngộ độc thực phẩm.

Năm 2014, Cảnh sát môi trường đã điều tra 760 vụ án liên quan đến buôn bán động vật hoang dã và lâm sản. Con số này giảm so với con số 865 vụ của năm 2013. Thông tin về kết quả xử lý các vụ việc này không được công bố.

Giống như các lực lượng cảnh sát khác, cán bộ công tác trong lực lượng Cảnh sát môi trường được đào tạo tại Học viện Cảnh sát từ 3,5 đến 4 năm tùy thuộc vào chuyên ngành. Một số cán bộ chọn tham gia lực lượng Cảnh sát môi trường ngay từ khi lựa chọn ngành học và một số khác được tuyển dụng vào ngành. Giống như các lực lượng cảnh sát khác của Việt Nam, cảnh sát môi trường là lực lượng được đào tạo chính quy.

Tại các khu vực điểm nóng, đã và đang có nhiều hoạt động được triển khai thực hiện để xác định mục tiêu các loài dễ bị tổn thương và xác định các tuyến đường buôn lậu. Chiến lược tuần tra này xuất phát từ các đơn vị quản lý khác nhau có sự điều phối chặt chẽ trên một diện tích rừng. Cảnh sát môi trường đã thực hiện một số vụ bắt giữ lớn liên quan đến động thực vật hoang dã bao gồm trường hợp của cá thể hổ trong Hình 10. Cá thể hổ này bị thu giữ vào tháng 1 năm 2015 và hậu quả là 5 đối tượng nam giới bao gồm một chủ nhà hàng và ba nhân viên đã bị bắt giữ. Công tác điều tra vụ việc đã được chuyển sang lực lượng cảnh sát điều tra của Tổng cục Cảnh sát.



Hình 10: Các bộ phận của cá thể hổ bị Cảnh sát môi trường thu giữ vào tháng 1 năm 2015

Trong cuộc tiếp xúc với các cán bộ Cảnh sát môi trường, một số vấn đề đã được các cán bộ này nêu lên bao gồm thiếu hoạt động tập huấn nhận diện các loài nguy cấp và các phương án và hình thức hỗ

trợ cho lực lượng này. Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam và Bộ Công an đã có một số hoạt động tập huấn và hoạt động tập huấn liên cơ quan cũng đã được tổ chức, chủ yếu với Chi cục Kiểm lâm cấp tỉnh do Ủy ban nhân dân tổ chức.

Cảnh sát môi trường đã xây dựng được mối quan hệ công tác hiệu quả với các đơn vị khác trực thuộc Tổng cục Cảnh sát, với Cục Kiểm lâm và Tổng cục Hải quan.

Tổng cục Cảnh sát

Tổng cục Cảnh sát chịu trách nhiệm điều tra tội phạm nghiêm trọng theo quy định của Bộ luật Hình sự. Các vụ án chủ yếu được các cơ quan như Cục Kiểm lâm, Cảnh sát môi trường và Hải quan chuyển sang sau khi các cơ quan này đã khởi tố vụ án.

Cảnh sát kinh tế là một cơ quan thuộc Tổng cục Cảnh sát chịu trách nhiệm phòng ngừa và điều tra các hành vi vi phạm trong lĩnh vực quản lý rừng bao gồm hành vi buôn lậu gỗ.

Các Cục nghiệp vụ thuộc Tổng cục Cảnh sát tiến hành các hoạt động thu thập và chia sẻ thông tin nghiệp vụ trong nội bộ Bộ Công an. Thông tin hoặc thông tin nghiệp vụ liên quan đến tội phạm WLFC được tạm thời chia sẻ với các cơ quan khác khi có yêu cầu.

Theo Tổng cục Cảnh sát, quy định về thời hạn điều tra theo Điều 119 Bộ luật Tố tụng hình sự đã hạn chế đến cho công tác điều tra của cơ quan này, đặc biệt liên quan đến các vụ án nghiêm trọng. Thời hạn điều tra các vụ án hình sự thông thường không được vượt quá hai tháng. Đối với tội phạm nghiêm trọng, có thể gia hạn đến 4 tháng. Đối với tội phạm ít nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra một lần không quá hai tháng, đối với tội phạm rất nghiêm trọng có thể được gia hạn điều tra hai lần, mỗi lần không quá bốn tháng. Một vấn đề quan ngại khác là việc nhận diện các loài thuộc công ước CITES.

Tổng cục Cảnh sát đã thực hiện một số vụ bắt giữ gỗ lớn bao gồm một vụ năm 2009 với 269 công-te-nơ gỗ loại 1 được nhập lậu từ Campuchia và đi đến cuối cùng là Trung Quốc; và một vụ diễn ra năm 2013 với 22 công-te-nơ gỗ loại 1 có khối lượng 600m³ bị bắt giữ tại Đà Nẵng sau khi nhập khẩu từ Lào. Trong vụ án thứ hai, ba cán bộ Hải quan đã bị truy tố vì hành vi tham nhũng.³³

Các cán bộ công tác trong Tổng cục Cảnh sát thường được đào tạo chính quy tại Học viện Cảnh sát và Đại học Cảnh sát tại TP HCM từ 3,5 đến 4 năm tùy thuộc vào ngành học. Các cán bộ này có thể được đào tạo tại chức do địa phương tổ chức hoặc được tổ chức tại Học viện Cảnh sát. Lực lượng cảnh sát của Việt Nam là lực lượng được đào tạo chính quy và bài bản.

Tổng cục Cảnh sát đã xây dựng được mối quan hệ công tác tốt với các cơ quan thực thi pháp luật trong nước và quốc tế khác. Bộ Công an gia nhập INTERPOL ngày 4 tháng 11 năm 1999 và đã được tham gia các hoạt động thực hành xây dựng năng lực bao gồm các khóa học về chứng nhận bảo vệ dữ liệu diễn ra trong thời gian gần đây.

Bộ đội biên phòng

Được thành lập ngày 3 tháng 3 năm 1959, Bộ đội biên phòng có vị trí tương đương với một lực lượng quân sự và là một bộ phận của Quân đội nhân dân Việt Nam. Chức năng chính của Bộ đội biên

³³ Biện pháp tư pháp hình sự đối với hoạt động buôn bán gỗ trái phép tại Đông Nam Á, UNODC, 2013

phòng là kiểm soát khu vực biên giới, bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ, trật tự công cộng và an ninh biên giới đất liền, trên biển và tại các cửa khẩu theo pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế. Đây cũng là một lực lượng quân sự tại các khu vực phòng thủ thuộc các tỉnh và huyện giáp biên.

Trách nhiệm chính của Bộ đội biên phòng là điều phối với các cơ quan thực thi pháp luật tại địa phương trong việc kiểm soát và bảo vệ đường biên giới quốc gia và mốc biên giới quốc gia, đảm bảo việc thực thi các hiệp định, quy định và pháp luật về các vấn đề biên giới, phát hiện và đấu tranh chống lại tất cả các hoạt động vi phạm pháp luật và tội phạm nhằm bảo vệ chủ quyền, an ninh và trật tự công cộng tại khu vực biên giới. Bộ đội biên phòng cũng tham gia tăng cường quan hệ đối ngoại thông qua việc duy trì tiếp xúc với các cơ quan liên quan của các quốc gia láng giềng nhằm giải quyết các vấn đề biên giới để thực hiện được mục tiêu duy trì ổn định và thúc đẩy hợp tác quốc tế.

Do tính chất quân sự nên thông tin về quy mô và cơ cấu tổ chức của Bộ đội biên phòng không được công bố. Vai trò chính của lực lượng này là tuần tra biên giới Việt Nam và các phương tiện truyền thông có nhiều tin bài về việc lực lượng biên phòng tham gia bắt giữ các đối tượng tình nghi phạm tội buôn bán trái phép chất ma túy và buôn bán người.

Tình báo tài chính

Tình báo tài chính là một đơn vị hành chính trực thuộc ngân hàng trung ương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Cơ quan này có vị trí tương đương một Cục trong cơ cấu tổ chức của Ngân hàng nhà nước với tên gọi Cục Phòng, chống rửa tiền (PCRT). Cục được thành lập vào năm 2006/7 và hiện nay có khoảng 25 cán bộ bao gồm các phòng ban như thu thập và xử lý thông tin, kỹ thuật và quản trị mạng và hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền. Nhiệm vụ tình báo tài chính được giao cho cơ quan Cảnh sát kinh tế. Cục này tiếp nhận khoảng 400 báo cáo giao dịch tình nghi hàng năm nhưng tại Việt Nam cho đến nay chưa có vụ án nào về rửa tiền bị truy tố.

Văn phòng INTERPOL Việt Nam (NCB)

Văn phòng INTERPOL Việt Nam hợp nhất với Vụ Quan hệ Quốc tế của Bộ Công an vào tháng 9 năm 2014. Kết quả là, toàn bộ Vụ hiện nay hoạt động như một Văn phòng Interpol Việt Nam, bao gồm 5 văn phòng được chỉ định hoạt động về các lĩnh vực tội phạm xuyên quốc gia, trong đó có tội phạm về loài hoang dã.

Năm 2014 INTERPOL phát động Chiến dịch Infra Terra, một sáng kiến nhằm vào những đối tượng phạm tội môi trường bị truy nã. Mục đích của sáng kiến là nâng cao nhận thức về tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật và kêu gọi người dân hỗ trợ tìm ra những kẻ bị truy nã. Một số tội phạm là người Việt Nam cũng nằm trong danh sách bị truy nã của Chiến dịch này.

Tháng 6 năm 2015, Việt Nam và Campuchia trở thành các quốc gia đầu tiên tại Đông Nam Á ứng dụng cơ sở dữ liệu toàn cầu của INTERPOL để truy tìm tội phạm xuyên biên giới. Trong khuôn khổ dự án thí điểm này, 2 văn phòng khu vực và 12 chốt kiểm soát biên giới tại Việt Nam và Campuchia đã được kết nối tới hệ thống i24/7 của INTERPOL. Dự kiến dự án thí điểm này sẽ kéo dài 12 tháng.³⁴

³⁴ Anon. Đài tiếng nói Hoa Kỳ tại địa chỉ <http://www.voacambodia.com/content/cambodia-vietnam-add-interpol-database-for-pilot-project-161355165/1405470.html>. Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2015.

Mạng lưới thực thi pháp luật khu vực

Mạng lưới thúc đẩy thực thi luật bảo vệ động thực vật hoang dã (ASEAN-WEN) ra đời ngày 1 tháng 12 năm 2005 nhằm mục đích phối hợp, chia sẻ thông tin, xây dựng và nâng cao năng lực với trọng tâm là các loài thuộc danh mục của công ước CITES trong khu vực. Mỗi quốc gia thành viên phải thành lập một nhóm đặc trách liên ngành cấp quốc gia với sự tham gia của các lực lượng cảnh sát, hải quan, môi trường và tiến hành chia sẻ thông tin thông qua các đầu mối tại mỗi cơ quan này trên phạm vi toàn khu vực.

Đến nay, ASEAN-WEN vẫn chưa được chấp nhận rộng rãi và chưa thể hoàn thành sứ mệnh đã đề ra đó là đóng vai trò là cơ quan đầu mối chia sẻ thông tin nghiệp vụ về tội phạm WLFC trong khu vực. Sự hạn chế của mô hình WEN xuất phát từ nhiều nguyên nhân trong đó bao gồm không chia sẻ thông tin một cách kịp thời và an toàn, thiếu năng lực và hợp tác từ phía các cơ quan thực thi pháp luật truyền thống do các bộ Lâm nghiệp và Nông nghiệp phụ trách. Một số cơ quan WEN cấp quốc gia hoạt động không hiệu quả và không được tiếp cận hoặc hỗ trợ từ các cơ quan thực thi pháp luật truyền thống. Việc không được chấp nhận hoặc thừa nhận ở cấp quốc gia đã dẫn đến sự thiếu hiệu quả ở cấp khu vực.

Việc đánh giá mô hình ASEAN-WEN hiện nay không thuộc phạm vi của báo cáo này nhưng mô hình WEN của Việt Nam cần được đánh giá để đo lường mức độ chấp nhận của các cơ quan thực thi pháp luật về WLFC đối với cơ quan này, để xác định những thông tin nghiệp vụ mà cơ quan này thu thập, đối tượng chia sẻ thông tin này và xác định những hoạt động xây dựng hoặc nâng cao năng lực mà cơ quan này đã tổ chức thực hiện.

Mặc dù chúng tôi không thể tiếp xúc với WEN Việt Nam trong chuyến công tác này nhưng chúng tôi đã gửi cơ quan này một bản bộ công cụ để tham khảo.

Khuyến nghị

22. Triển khai đánh giá hiệu quả hoạt động của WEN Việt Nam

Trong thời gian diễn ra chuyến công tác, chúng tôi đã tiếp xúc với bốn cơ quan thực thi pháp luật lớn sau đây: Hải quan, Biên phòng, Cục Kiểm lâm và Cảnh sát môi trường. Nội dung chi tiết của 9 cuộc tiếp xúc mà chúng tôi đã thực hiện được trình bày tại *Phụ lục E*.

Các vấn đề về tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật

Các chuyên gia đánh giá không có đủ thời gian để xem xét chi tiết từng loài động vật và thực vật có thể bị ảnh hưởng của hoạt động săn bắn và buôn bán trái phép tại Việt Nam. Vấn đề nan giải hiện nay là hoạt động buôn lậu gỗ, đặc biệt đối với gỗ trặc trong khi hoạt động buôn bán trái phép tê tê, thằn lằn, lưỡng cư cũng đặt ra nhiều vấn đề đáng quan ngại. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng săn bắn tê giác và voi hiện nay tại châu Phi là một yếu tố xúc tác để các chính phủ, các tổ chức IGO, NGO và người dân trên toàn thế giới cùng chung tay đối phó với tội phạm về động, thực vật hoang dã và tội phạm môi trường nói chung.

Đáng tiếc, Việt Nam là một trong một vài quốc gia tâm điểm góp phần vào cuộc khủng hoảng săn bắn tê giác và ngà voi này. Việt Nam là điểm tiếp nhận sừng tê giác và là địa điểm quan trọng trong tiếp nhận và quá cảnh ngà voi. Do đó, chúng tôi sẽ thảo luận từng vấn đề này trong những phần sau và đề xuất các chiến lược có thể áp dụng cho các vấn đề lớn khác về tội phạm WLFC.

Buôn lậu sừng tê giác

Năm 2007, sự gia tăng đáng lo ngại của hoạt động săn bắn tê giác tại châu Phi là dấu hiệu đánh dấu sự khởi đầu của một thảm kịch môi trường. Trước nhu cầu sừng tê giác mạnh mẽ ở trong nước, các nhóm tội phạm có tổ chức của Việt Nam và Trung Quốc đã phối hợp với các đối tượng săn bắn, môi giới và nhóm tội phạm ở châu Phi tiến hành săn lùng loài vật được ưu tiên bảo vệ này. Chín năm sau, vấn đề tiếp tục lan rộng bất chấp nỗ lực thực thi pháp luật đã được tăng cường, khung hình phạt được tăng lên và hàng triệu đô-la đã được đầu tư vào hoạt động xây dựng năng lực tại cả châu Phi và châu Á.

Sự tham gia của các đối tượng tội phạm người Việt Nam vào hoạt động buôn bán các sản phẩm động, thực vật hoang dã là thực tế không thể bác bỏ. Năm 2007, Cảnh sát Nam Phi đã phát hiện năm nhóm tội phạm người Việt Nam tham gia vào hoạt động buôn bán trái phép sừng tê giác.³⁵ Năm 2012, 24 công dân Việt Nam đã bị bắt giữ tại Nam Phi vì các tội danh liên quan đến sừng tê giác.³⁶ Ban đầu các nhóm này phạm tội công khai trước các cơ quan CMA của Nam Phi và Việt Nam.

Sự thao túng hệ thống Cấp phép Săn bắn của CITES đã giúp cho việc nhập khẩu sừng tê giác từ Nam Phi vào Việt Nam giai đoạn 2003-2010 diễn ra suôn sẻ. Một phân tích những Giấy phép Săn bắn của CITES do Cơ quan Quản lý CITES Nam Phi cấp cho công dân Việt Nam phục vụ mục đích xuất khẩu giai đoạn 2003-2010 cho thấy tổng cộng đã có 657 sừng tê giác được xuất khỏi quốc gia này. Một phân tích những giấy phép nhập khẩu do Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam cấp trong cùng thời kỳ cho thấy cơ quan này chỉ cấp phép nhập khẩu 170 sừng. Do đó, 487 sừng hay tương đương 74% đã không được khai báo khi nhập vào Việt Nam. Trong bối cảnh ở Việt Nam không tồn tại hoạt động săn bắn nên sự bất thường đáng ngạc nhiên này lẽ ra phải được các Cơ quan Quản lý CITES của Nam Phi và Việt Nam phát hiện ra. Sự bất thường này cũng cho thấy hoặc là sự kém năng lực hay những yếu kém trong quản lý giấy phép săn bắn theo công ước CITES hoặc là do các nguyên nhân khác tiêu cực hơn.

Năm 2010, lực lượng cảnh sát, các vườn quốc gia và các cán bộ môi trường của Nam Phi đã gặp gỡ các cán bộ và cơ quan đồng cấp phía Việt Nam tại Hà Nội để thảo luận phương thức kiểm soát hoạt động buôn bán sừng tê giác. Tiếp sau những động thái hợp tác đầu tiên này là chuyến thăm của các cán bộ Việt Nam tới Nam Phi vào tháng 12 năm 2012 và sự kiện ký kết Bên bản Ghi nhớ về công tác quản lý, bảo tồn và bảo vệ đa dạng sinh học và đặc biệt là hướng đến mục tiêu tăng cường hợp tác thực thi pháp luật nhằm chống lại hoạt động săn bắn tê giác. Năm 2012, Nam Phi dừng cấp giấy phép săn bắn cho công dân Việt Nam. Mặc dù vậy, lệnh cấm này không ngăn chặn được các nhóm tội phạm tìm các con đường khác để nhập khẩu sừng tê giác.

³⁵ Milken & Shaw và các tác giả, 2012. *Đường dây buôn bán sừng tê giác giữa Nam Phi và Việt Nam*.

TRAFFIC

³⁶ Như trên

Tháng 12 năm 2014, 16 người đã bị bắt giữ tại Cộng hòa Séc sau khi bị phát hiện có liên quan đến hành vi làm giả giấy phép săn bắn để chuyển sừng tê giác qua Cộng hòa Séc về Việt Nam. Các vụ tương tự cũng đã bị phát hiện sử dụng danh tính của các thợ săn Đức và Ba Lan; tuy nhiên tại các quốc gia này không có đối tượng nào bị xử lý.³⁷

Biện pháp ứng phó mà các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam đối với cuộc khủng hoảng săn bắn tê giác chủ yếu do Cục Hải quan tiến hành bằng việc bắt giữ những đối tượng vận chuyển qua Cửa khẩu hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất tại thành phố Hồ Chí Minh và Cửa khẩu hàng không quốc tế Nội Bài tại Hà Nội. Vụ bắt giữ 120 kg sừng tê giác tại cảng Tiên Sa, Đà Nẵng vào tháng 8 năm 2015 là vụ bắt giữ sừng tê giác lớn nhất tại Việt Nam. Đáng tiếc, những nỗ lực tích cực liên quan đến việc bắt giữ các đối tượng vận chuyển chưa được tận dụng để phát hiện và bắt giữ những đối tượng tội phạm chủ mưu. Hiện nay ở Việt Nam chưa tiến hành áp dụng biện pháp vận chuyển có kiểm soát đối với sừng tê giác hoặc bất kỳ sản phẩm từ động vật hoang dã hoặc gỗ nào. Rõ ràng biện pháp vận chuyển có kiểm soát không thể áp dụng cho mọi trường hợp bị thu giữ nhưng có thể áp dụng cho nhiều trường hợp. Nếu tiếp tục áp dụng như hiện tại, mỗi vụ bắt giữ và thu giữ dù được xem là một thành quả nhưng cũng có nghĩa là một cơ hội đã bị bỏ lỡ. Nếu không có thay đổi về tư duy và luật pháp, các cơ quan chức năng của Việt Nam sẽ tiếp tục chỉ bắt giữ các đối tượng vận chuyển, và như vậy sẽ bỏ lọt các đối tượng cầm đầu, được hưởng lợi nhiều nhất từ hoạt động phạm tội.

Nhu cầu sừng tê giác của Việt Nam tiếp tục khiến cuộc khủng hoảng săn bắn tê giác ở Nam Phi kéo dài không hồi kết. Với tốc độ săn bắn như hiện nay, ước tính tất cả các loài tê giác tại châu Phi sẽ bị tuyệt chủng trong vòng 20 năm tới. Hy vọng sống sót cao nhất của các loài này phụ thuộc vào các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam trong việc chủ động xử lý hoạt động nhập khẩu và cung cấp sừng tê giác tại Việt Nam kết hợp với các biện pháp giảm cầu.

657 sừng tê giác được xuất khẩu từ Nam Phi trong giai đoạn 2003-2010 là điểm khởi đầu lý tưởng để điều tra xác định các nhóm tội phạm tham gia vào hoạt động nhập khẩu sừng tê giác vào Việt Nam. Có tới 74% số sừng tê giác này đã được nhập khẩu trái phép và các đối tượng nhập khẩu có thể đã có hành vi phạm tội khi không khai báo đầy đủ và không nộp thuế và/hoặc có thể đã phạm tội lừa đảo liên quan đến giấy phép xuất nhập khẩu. Nhưng quan trọng hơn cả, những đối tượng này có thể nắm thông tin về những cá nhân tiếp tay cho hoạt động nhập khẩu bằng việc chi trả chi phí máy bay tới và trở về từ Nam Phi, chi trả chi phí để có giấy phép săn bắn. Nếu lực lượng cảnh sát lần theo dấu vết giao dịch tiền có thể xác định được những đối tượng đứng sau hoạt động buôn bán này. Tương tự, sừng tê giác là sản phẩm không được phép kinh doanh và thực tế này đặt ra câu hỏi số sừng tê giác này hiện đang ở đâu?

Chúng tôi đề xuất thành lập Nhóm đặc trách với thành phần là các cán bộ thuộc các lực lượng Hải quan, Cảnh sát môi trường, Tổng cục Cảnh sát và Viện Kiểm sát. Cần quy định rõ trách nhiệm của Nhóm đặc trách là thực hiện điều tra các vụ việc xoay quanh việc nhập khẩu 657 sừng tê giác nhằm xác định đối tượng tài trợ cho hoạt động này. Việc này sẽ không chỉ giúp tìm ra đối tượng đằng sau hành vi phạm tội mà còn xác định được tài sản cần phải tịch thu căn cứ trên các quy định của luật pháp về rửa tiền. Nhóm đặc trách phải được quyền tiếp xúc với các đối tượng vận chuyển bị bắt giữ trước khi nhóm thành lập để xác định các mối liên hệ với hoạt động điều tra của nhóm.

³⁷ Như trên

Bên cạnh hoạt động của nhóm đặc trách này, chúng tôi đề xuất tiến hành công tác thu thập thông tin nghiệp vụ với cả hai cấp độ trọng tâm là cấp chiến lược và cấp hoạt động. Đối với cấp chiến lược, thông tin nghiệp vụ thu thập được có thể giúp các nhà hoạch định chính sách cập nhật thông tin và tạo điều kiện xây dựng các chiến lược để đối phó với xu hướng nguồn cung sừng tê giác trong tương lai. Ở cấp độ hoạt động, thông tin nghiệp vụ được thu thập giúp xác định các chủ thể, tuyến đường, phương thức hoạt động và dòng tiền bất hợp pháp. Thông tin nghiệp vụ sau đó có thể được sử dụng để hỗ trợ lực lượng nằm vùng tiến hành các giao dịch mua bán sừng tê giác nhằm xác định mức giá cơ sở để áp dụng vào việc định giá sừng tê giác và giải quyết vấn đề định giá mà các cơ quan tư pháp đang vướng mắc nếu việc đề xuất lấy trọng lượng thay vì giá trị làm cơ sở để buộc tội bị tạm hoãn hoặc không được chấp nhận. Đây là một phương pháp tương đối tiết kiệm nhưng hiệu quả để có thể nắm bắt được thông tin về những chủ thể, mạng lưới, giá cả và nguồn cung.

Trong tháng 9 năm 2015, UNODC có kế hoạch tập huấn cho các cán bộ Cảnh sát môi trường trong công tác phân tích thông tin nghiệp vụ. Các cán bộ này sẽ được cung cấp phần mềm và máy tính để thực hiện vai trò chuyên gia phân tích. Có thể một số cán bộ sẽ được giao nhiệm vụ triển khai hoạt động thu thập thông tin nghiệp vụ.

Buôn bán ngà voi trái phép

Cuộc khủng hoảng săn bắn tê giác và ngà voi hiện nay tại châu Phi và hoạt động thực thi pháp luật trên toàn cầu có nhiều sự tương đồng. Trong cả hai trường hợp, lợi ích tạo ra được tăng theo cấp số nhân cùng với chuỗi cung ứng. Ví dụ, giá ngà voi tại quốc gia bản địa là 30 đến 150 đô-la Mỹ/kg, tương ứng với 1-6% giá tại thị trường cuối cùng.³⁸ Trong cả hai trường hợp, nhu cầu sản phẩm cuối cùng có nguồn gốc từ châu Á trong đó Việt Nam là quốc gia quan trọng trong hoạt động tiếp nhận và trung chuyển. theo một kết quả nghiên cứu gần đây về ngà voi, ba thị trường tiêu thụ ngà voi lớn nhất gồm Trung Quốc, Thái Lan và Việt Nam.³⁹

Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2010 và 31 tháng 8 năm 2015, các cơ quan chức năng của Việt Nam bắt giữ khoảng 18.000kg ngà voi. Số ngà voi này được gửi theo các lô hàng nhỏ bị bắt giữ tại hai cảng quốc tế và các lô hàng lớn giấu trong các công-te-nơ bị bắt giữ tại cảng Hải Phòng trong đó một phần lô hàng này dự kiến có thể sẽ được chuyển sang thị trường Trung Quốc.⁴⁰ Như chúng tôi đã thảo luận trong phần trên, vụ bắt giữ hơn hai tấn ngà voi tại cảng Tiên Sa, Đà Nẵng vào tháng 8 năm 2015 cho thấy sự thay đổi tuyến đường buôn lậu vì các đối tượng buôn lậu tìm kiếm những địa điểm thuận lợi hơn để nhập khẩu ngà voi.

Tổ chức NGO mang tên C4ADS gần đây đã hoàn thành một nghiên cứu toàn diện về mô típ buôn bán ngà voi trái phép trên toàn cầu. Theo tính toán của C4ADS trong quá trình thực hiện nghiên cứu, các đối tượng săn bắn sẽ lấy được khoảng 7,4kg ngà mỗi con voi. Tổ chức này cũng tính toán rằng tổng khối lượng ngà voi bị bắt giữ trong 100 vụ bắt giữ ngà voi lớn nhất trên thế giới trong giai đoạn 2009 và tháng 4 năm 2015 lên tới 190 tấn. Nếu số ngà voi này chiếm 17% tổng khối lượng ngà voi được giao dịch thì tương ứng có khoảng 151.033 cá thể voi đã bị săn bắn trong giai đoạn này. Tuy nhiên,

³⁸ Miller, Vira và Utermohlen, 2015. Tội phạm động, thực vật hoang dã: Loại hình & thông số rủi ro đối với hoạt động buôn bán động vật, thực vật hoang dã trái phép. C4ADS, Washington D.C.

³⁹ Như trên

⁴⁰ Như trên

nếu con số 190 tấn chiếm 10% tổng số ngà voi được giao dịch trong giai đoạn này thì tương ứng có khoảng 256.756 cá thể voi đã bị săn bắn.⁴¹

Tương tự, nếu 18 tấn ngà voi bị bắt giữ tại Việt Nam trong giai đoạn 2010 và 2015 chiếm 17% tổng khối lượng ngà voi được giao dịch trong nước thì tương ứng có khoảng 14.305 cá thể voi đã bị săn bắn để đáp ứng nhu cầu của thị trường Việt Nam. Nếu 18 tấn ngà voi bị bắt giữ tại Việt Nam chỉ chiếm 10% tổng khối lượng ngà voi được giao dịch trong nước thì tương ứng có khoảng 24.324 cá thể voi đã bị săn bắn để đáp ứng nhu cầu của thị trường Việt Nam. Để so sánh, hiện nay ở Việt Nam còn khoảng 100 con voi trong môi trường hoang dã. Đương nhiên một phần trong số ngà voi này sẽ được vận chuyển từ Việt Nam sang Trung Quốc nhưng số lượng cá thể voi bị giết tại châu Phi so với số ngà voi bị bắt giữ tại Việt Nam đã đặt ra một vấn đề đáng suy nghĩ.

Biện pháp ứng phó mà các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam đối với cuộc khủng hoảng săn bắn voi chủ yếu do Cục Hải quan tiến hành bằng việc bắt giữ những đối tượng vận chuyển qua Cửa khẩu hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất tại thành phố Hồ Chí Minh và Cửa khẩu hàng không quốc tế Nội Bài tại Hà Nội và bắt giữ ngà voi giấu trong các công-te-nơ chủ yếu được vận chuyển tới cảng Hải Phòng. Chúng tôi phải khẳng định lại rằng những nỗ lực tích cực liên quan đến việc bắt giữ các đối tượng vận chuyển và phát hiện những công-te-nơ này chưa được tận dụng để phát hiện và bắt giữ những đối tượng tội phạm chủ mưu. Hiện nay ở Việt Nam chưa tiến hành áp dụng biện pháp giao nhận có kiểm soát đối với ngà voi. Trong bối cảnh một số vụ bắt giữ lớn có nguồn gốc từ việc bắt giữ các công-te-nơ hàng, chúng tôi cho rằng đây là những đối tượng lý tưởng để áp dụng biện pháp giao nhận có kiểm soát. Nếu tiếp tục áp dụng như hiện tại, mỗi vụ bắt giữ và thu giữ dù là một thành quả nhưng cũng là một cơ hội bị bỏ lỡ.

Trong bối cảnh cuộc khủng hoảng săn bắn voi tại châu Phi đang ngày một trầm trọng, các cơ quan chức năng của Việt Nam cần phải chủ động giải quyết vấn đề này ngay tại Việt Nam. Chính nhu cầu nội địa và việc sử dụng Việt Nam là điểm quá cảnh ngà voi đã góp phần vào cuộc khủng hoảng săn bắn voi này và sự chủ động trong thực thi pháp luật kết hợp với các hoạt động giảm cầu sẽ là cơ hội tốt nhất để ngăn chặn làn sóng ngà voi đổ vào Việt Nam và lan sang Trung Quốc.

Bất kỳ nỗ lực nào trong công tác xử lý vấn đề liên quan đến ngà voi tại Việt Nam cũng cần bắt đầu từ công tác thu thập thông tin nghiệp vụ với cả hai cấp độ trọng tâm là cấp chiến lược và cấp hoạt động. Đối với cấp chiến lược, thông tin nghiệp vụ thu thập được có thể giúp các nhà hoạch định chính sách được cập nhật thông tin và tạo điều kiện xây dựng các chiến lược để đối phó với xu hướng nguồn cung ngà voi trong tương lai. Ở cấp độ hoạt động, thông tin nghiệp vụ được thu thập giúp xác định các chủ thể, tuyến đường, phương thức hoạt động và dòng tiền bất hợp pháp. Thông tin nghiệp vụ sau đó có thể được sử dụng để hỗ trợ lực lượng nằm vùng tiến hành các giao dịch mua bán ngà voi nhằm xác định mức giá cơ sở để áp dụng vào việc định giá ngà voi và giải quyết vấn đề định giá mà các cơ quan tư pháp đang vướng mắc nếu việc đề xuất lấy trọng lượng thay vì giá trị làm cơ sở để buộc tội bị tạm hoãn hoặc không được chấp nhận. Đây là một phương pháp tương đối tiết kiệm nhưng hiệu quả để có thể nắm bắt được thông tin về những chủ thể, mạng lưới, giá cả và nguồn cung.

⁴¹ Như trên

Như chúng tôi đã đề cập ở phần trên, trong tháng 9 năm 2015, UNODC có kế hoạch tập huấn cho các cán bộ Cảnh sát môi trường trong công tác phân tích thông tin nghiệp vụ. Các cán bộ này sẽ được cung cấp phần mềm và máy tính để thực hiện vai trò chuyên gia phân tích. Có thể một số cán bộ sẽ được giao nhiệm vụ triển khai hoạt động thu thập thông tin nghiệp vụ về ngà voi.

Các cán bộ thực thi pháp luật của Việt Nam cũng sẽ phải giải quyết hoạt động nhập khẩu ngà voi qua biên giới đất liền với Campuchia và CHDCND Lào và hoạt động xuất khẩu ngà voi qua đường biên giới đất liền sang Trung Quốc. Việc này đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ và chúng tôi đề xuất tổ chức một diễn đàn khu vực để thảo luận về công tác chia sẻ thông tin nghiệp vụ và điều phối hoạt động ứng phó cấp khu vực đối với vấn đề này bao gồm thiết lập các cơ chế hoạt động có kiểm soát.

Khuyến nghị các biện pháp ứng phó với nạn buôn bán trái phép sừng tê giác và ngà voi

23. Thành lập nhóm đặc trách có sự tham gia của lực lượng Cảnh sát môi trường, Tổng cục Cảnh sát, Hải quan và Viện Kiểm sát để điều tra việc nhập khẩu sừng tê giác vào Việt Nam dưới vỏ bọc giấy phép săn bắn

24. Tiến hành hoạt động thu thập thông tin nghiệp vụ nhằm xác định các vấn đề chiến lược và chiến thuật xung quanh hoạt động buôn bán sừng tê giác và ngà voi tại Việt Nam.

25. Tổ chức một diễn đàn khu vực để thảo luận về công tác trao đổi thông tin nghiệp vụ, điều phối hoạt động ứng phó cấp khu vực đối với tình trạng buôn bán trái phép sừng tê giác và ngà voi và thiết lập cơ chế giao nhận có kiểm soát

Đối phó với tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật

Dưới đây chúng tôi trình bày những khía cạnh quan trọng trong hoạt động thực thi pháp luật mà Việt Nam đang triển khai.

Quản lý và khám nghiệm hiện trường vụ án

Chất lượng công tác quản lý hiện trường vụ án đối với tội phạm WLFC tại Việt Nam phụ thuộc nhiều vào địa điểm xảy ra vụ án. Chuyển công tác thực địa tới cửa khẩu Cầu Treo tại tỉnh Hà Tĩnh, cửa khẩu Cha Lo tại tỉnh Quảng Bình, Chi cục Hải quan Cát Lái và Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất tại thành phố Hồ Chí Minh và các báo cáo mà chúng tôi tiếp nhận cho thấy rằng những thách thức trong công tác này là rất tương đồng nhưng những lĩnh vực xuất hiện thông lệ tốt lại rất khác nhau, chủ yếu tập trung vào công tác quản lý, khám nghiệm hiện trường và tuân thủ các thủ tục cũng như trình tự thu thập và xử lý chứng cứ.

Tại các trung tâm dân cư lớn, Tổng cục Cảnh sát đều bố trí lực lượng cán bộ hiện trường để xử lý hiện trường vụ án một cách chuyên nghiệp và tuân thủ các quy định về lấy mẫu và thu thập chứng cứ. Những cán bộ này chuyển chứng cứ tới các phòng thí nghiệm hoặc các viện nghiên cứu quốc gia để phân tích hoặc nếu điều kiện trong nước không cho phép sẽ chuyển ra nước ngoài. Các chuyên

gia đánh giá đã được thông tin về một vụ việc lấy mẫu thịt rừng bản, ngâm trong phóc-môn để phục vụ tiệc cưới được gửi sang Hàn Quốc phân tích.

Công tác khám nghiệm hiện trường nhìn chung đã được các cán bộ thuộc lực lượng Cảnh sát môi trường hoặc các đơn vị thuộc Tổng cục Cảnh sát triển khai một cách hợp lý trong trường hợp không có sự tham gia của các cán bộ hiện trường chuyên trách. Tuy nhiên, khó khăn hiện nay là thiếu các thiết bị chuyên dụng do cả hai cơ quan này đều không được trang bị đầy đủ.

Công tác xử lý hiện trường của lực lượng Hải quan thường không lưu giữ được các dấu vết chứng cứ như dấu vân tay hay ADN do nghi phạm để lại khi đóng gói hàng nhập lậu; tuy nhiên, các cán bộ thuộc cơ quan này nhìn chung tuân thủ tốt các yêu cầu về quy trình thu thập xử lý chứng cứ. Các cán bộ hải quan tại Cảng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất rất thành thạo trong việc đáp ứng các quy định về quy trình thu thập và xử lý chứng cứ. Cơ quan Hải quan chuyển chứng cứ tới các phòng thí nghiệm tội phạm có liên quan để phân tích theo quy định vì bản thân các cơ quan này không có chức năng đánh giá chứng cứ.

Các cán bộ thuộc lực lượng Kiểm lâm rất ít khi được đào tạo và không được trang bị đầy đủ để quản lý hiện trường một cách hiệu quả. Hiện trường của nhiều vụ án do lực lượng Kiểm lâm phát hiện nằm ở vùng sâu, vùng xa và phải đi bộ mới có thể tiếp cận được. Do đó, công tác xử lý hiện trường của lực lượng này thường yếu và nhiều chứng cứ bị mất hoặc bị bỏ qua. Quy trình thu thập và xử lý chứng cứ cũng là một vấn đề và điều này đã ảnh hưởng tới khả năng của lực lượng Cảnh sát hoặc Viện Kiểm sát trong việc truy tố các vụ án nghiêm trọng. Lực lượng Kiểm lâm cần được tập huấn về công tác quản lý hiện trường và cung cấp các bộ công cụ quản lý hiện trường di động cần thiết.

UNODC tổ chức khóa tập huấn đầu tiên về kỹ thuật hình sự tội phạm WLFC cho các cán bộ thuộc lực lượng Cảnh sát môi trường, Tổng cục Cảnh sát và Cục Hải quan tại thành phố Hồ Chí Minh từ 24 đến 26 tháng 8 năm 2015. Các đại biểu tham dự khóa tập huấn đã được đào tạo về công tác quản lý hiện trường vụ án, thu thập chứng cứ để phân tích ADN, phát hiện hành vi đầu độc động vật hoang dã, thu thập bằng chứng là vỏ đạn và thu giữ bằng chứng điện tử.

Đối với nhiều cán bộ, khóa tập huấn là sự kiện đầu tiên được tham dự liên quan đến công tác thu thập loại chứng cứ này. Thông qua khóa tập huấn, một số lỗi trong công tác thu thập chứng cứ cũng đã được bộc lộ như không đeo găng tay và đóng gói các vật dính máu không đúng quy cách. Ngay cả những cán bộ đã trải qua tập huấn cũng thường mắc những lỗi này và do đó cần tăng cường công tác đảm bảo tuân thủ đúng các quy trình thu thập chứng cứ.

Tại nhiều địa điểm không thể tổ chức trích xuất thông tin từ điện thoại, máy tính bảng hay máy tính và phải chuyển những thiết bị này tới các phòng thí nghiệm tội phạm. Đây là một thao tác quan trọng đối với các cán bộ cơ sở, đặc biệt trong trường hợp phân tích điện thoại của các đối tượng vận chuyển để xác định các đối tượng hỗ trợ hoặc tổ chức tội phạm trước khi tin tức về vụ bắt giữ hoặc thu giữ được công bố rộng rãi. Giá trị thực tế của loại thiết bị này đã được minh chứng vào tháng 5 năm 2015 khi lực lượng Cảnh sát Hoàng gia Thái Lan đã sử dụng thiết bị phân tích điện thoại Cellbrite do tổ chức NGO Freeland cung cấp để xác định đối tượng chủ mưu đằng sau đường dây buôn người chịu trách nhiệm tổ chức buôn hàng nghìn người Rohingya từ Miến Điện. Một lợi ích khác của công nghệ này là cho phép xây dựng báo cáo kỹ thuật hình sự để đưa ra trước Viện Kiểm

sát hoặc Tòa án trong thời hạn điều tra mà luật pháp quy định đối với các cơ quan thực thi pháp luật về tội phạm WLFC tại Việt Nam.

Thành công trong quản lý hiện trường vụ án đòi hỏi sự tuân thủ các thủ tục và trang bị thiết bị đặc dụng. Cần tổ chức đánh giá nhu cầu để xác định yếu kém trong năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật về WLFC của Việt Nam và mức độ ảnh hưởng của những yếu kém này đến khả năng giám định hiện trường vụ án của các cơ quan này.

Khuyến nghị:

26. Tổ chức tập huấn về hiện trường vụ án cho các cán bộ thực thi pháp luật cấp cơ sở thuộc các lực lượng Kiểm lâm, Cảnh sát môi trường, -Cảnh sát điều tra và Hải quan

27. Trang bị cho lực lượng Kiểm lâm bộ công cụ giám định hiện trường di động

28. Đề nghị các nhà tài trợ cung cấp phần cứng và phần mềm thiết bị phân tích điện thoại di động

29. Triển khai đánh giá nhu cầu để xác định những yếu kém trong công tác giám định pháp y của các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam và tác động của những yếu kém này đối với khả năng giám định hiện trường vụ án

Hỗ trợ về kỹ thuật hình sự

Hiện có một số cơ sở cung cấp các dịch vụ hỗ trợ pháp y cho các cơ quan thực thi pháp luật điều tra về WLFC tại Việt Nam.

Cơ sở chính chuyên hỗ trợ pháp y cho các cuộc điều tra tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã là Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật tại Hà Nội. Viện được chia thành 16 phòng ban và có khoảng 140 nhân viên biên chế và hợp đồng.

Viện chịu trách nhiệm kiểm tra ADN các mẫu động thực vật hoang dã như ngà voi và sừng tê giác mà Hải quan và Công an thu giữ được. Quy trình kiểm tra ADN hiện tại có khả năng giám định loài, nhưng Viện chưa đảm nhận việc kiểm tra ADN để xác định cá thể động vật riêng lẻ. Các nhân tố chính tác động đến hoạt động của Viện là vấn đề chi phí và năng lực. Viện phải chi trả 3.000.000 đồng (khoảng 136 đô la Mỹ) cho một xét nghiệm ADN. Điều này giới hạn lượng mẫu xét nghiệm của các vụ thu giữ quy mô lớn chỉ trong khoảng từ 5 đến 10 loài. Viện cũng bị hạn chế về chất lượng và số lượng các trang thiết bị thí nghiệm pháp y mà Viện đang vận hành.

Viện liên hệ với Cơ quan quản lý CITES ở Việt Nam và gửi các mẫu ngà voi và sừng tê giác mà Viện đã kiểm tra đến các cơ quan có thẩm quyền ở Nam Phi để phân tích và từ đó có thể tìm ra địa điểm săn bắn trái phép. Đây là điều đáng hoan nghênh, nhưng cần mở rộng kiểm tra mẫu của tất cả các loài bị thu giữ. Mỗi vụ thu giữ chính là cơ hội để thu thập các thông tin nghiệp vụ và bằng chứng có giá trị về địa điểm phạm tội, đối tượng tham gia, nguồn cung ứng và các tuyến đường vận chuyển. Chi phí

tương đối nhỏ 136 đô la Mỹ cho một mẫu xét nghiệm có thể vượt quá khả năng của Viện, nhưng đây chỉ là một khoản đầu tư nhỏ đối với một nhà tài trợ tiềm năng.

Các cơ sở khác cũng tham gia hỗ trợ về mặt kỹ thuật hình sự cho hoạt động phòng chống tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã nhưng không có khả năng tiến hành xét nghiệm ADN, bao gồm Trung tâm nghiên cứu tài nguyên và môi trường, Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện nghiên cứu Hải sản ở Hải Phòng, và Viện Khoa học lâm nghiệp.

Cơ sở chính chuyên hỗ trợ pháp y cho các cuộc điều tra tội phạm vi phạm lâm luật là Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam. Được thành lập năm 1961, Viện thực hiện giám định loài gỗ cho các cuộc điều tra pháp y.

Các giám định viên biết rằng phòng thí nghiệm pháp y của Cục Động vật hoang dã và Cá Hoa Kỳ sẵn sàng đào tạo tại chỗ cho những nhà khoa học và kỹ thuật viên phòng thí nghiệm từ khắp nơi trên thế giới. Mạng lưới TRACE, có trụ sở tại Anh quốc và chuyên về kỹ thuật hình sự liên quan đến động vật hoang dã, cũng đã tiến hành đào tạo *tại chỗ* ở một số quốc gia ở châu Á trong đó có Việt Nam.

Khoa học tiếp tục phát minh ra các phương pháp và phương tiện mới để phân tích các dữ liệu về hiện trường phạm tội. Cần tiến hành đánh giá nhu cầu để xác định được các vấn đề về năng lực của các viện kỹ thuật hình sự Việt Nam và tác động của chúng đến khả năng phân tích các mẫu vật thu được từ hiện trường tội phạm WLFC của các tổ chức này.

Khuyến nghị

30. Tài trợ để Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật có đủ khả năng tiến hành xét nghiệm ADN các mẫu ngà voi và sừng tê giác tịch thu bởi các cơ quan thực thi pháp luật có thẩm quyền.

31. Tiến hành đánh giá nhu cầu của các viện kỹ thuật hình sự Việt Nam để xác định các vấn đề về năng lực và tác động của chúng đến khả năng phân tích các mẫu vật thu được từ hiện trường tội phạm WLFC của các tổ chức này.

Nhận thức về tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã và lâm sản

Các cơ quan thực thi pháp luật và các thành viên Viện kiểm sát ở Việt Nam được đánh giá là có nhận thức tốt về tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã và lâm sản. Các cơ quan này chắc chắn hiểu rằng cần phải điều chỉnh pháp luật liên quan đến tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã và lâm sản để có thể xét xử thành công và đưa ra các biện pháp trừng phạt mạnh hơn. Nhu cầu nâng cao nhận thức của hệ thống tư pháp về hệ quả của WLFC tỏ ra cấp thiết hơn. Vấn đề này sẽ được giải quyết ở phần sau của báo cáo này về hệ thống Tòa án.

Giám định loài

Một trong những phát hiện chính từ các chuyến thăm quan và nói chuyện với các cơ quan thực thi pháp luật khác nhau tham gia công tác phòng chống tội phạm WLFC là họ không có đủ kiến thức kỹ thuật về các loài và sản phẩm động thực vật hoang dã nguy cấp theo Công ước CITES, ngoài các loài thường bị buôn lậu: ngà voi, hổ, tê tê, rùa biển, rắn hổ mang, và các loài động thực vật đặc hữu phổ

biến khác. Đây là một trong những thách thức lớn nhất đối với các cán bộ tuyến đầu tham gia điều tra tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã và lâm sản trên toàn thế giới, không riêng ở Việt Nam.

Hiện có khoảng 30.000 loài thực vật và 5.600 loài động vật được bảo vệ theo Công ước CITES. Đây là những con số vô cùng lớn, đặc biệt là về số loài thực vật, và con số này còn chưa bao gồm 'các loài trông giống nhau' thường được các nhóm tội phạm sử dụng làm vỏ bọc để khai man về chủng loại gỗ nhằm tránh các yêu cầu về giấy phép CITES. Ngoài ra, các cán bộ thực thi pháp luật của Việt Nam cũng phải hiểu biết về các loài bản địa được pháp luật Việt Nam bảo hộ.

Việc giám định lâm sản đặc biệt khó khăn do thường thiếu các đặc trưng mô tả hay dùng để xác định chủng loại cây (lá, hoa, và quả). Các cán bộ thực thi pháp luật cần được đào tạo và có nhiều năm kinh nghiệm mới có đủ khả năng giám định loài, đặc biệt là ở trình độ được Tòa án chấp nhận. Quan trọng nhất là các cán bộ thành thạo kỹ năng này thường quan tâm và đam mê lĩnh vực này, và các cán bộ như vậy thường rất hiếm và ở cách xa nhau.

Để giải quyết vấn đề này trong ngắn hạn, công tác đào tạo giám định loài cho cán bộ thực thi pháp luật tuyến đầu nên tập trung vào các loài gỗ và động thực vật hoang dã phổ biến bị buôn bán trái phép. Mặc dù đây không phải là biện pháp tối ưu nhưng kiến thức chuyên môn của đội ngũ cán bộ sẽ được tăng cường để có thể áp dụng kết hợp với các khóa đào tạo khác, như kỹ năng kiểm tra chứng từ và thẩm vấn nhằm hỗ trợ cho việc phát hiện các chuyển hàng có nghi vấn.

Trong trung và dài hạn, giải pháp cho vấn đề này có thể phụ thuộc nhiều vào công nghệ hơn là phát triển bộ kỹ năng cho cán bộ tuyến đầu. Hiện có một số tiến bộ công nghệ thú vị đang được nghiên cứu sẽ đóng góp đáng kể vào công tác giám định loài gỗ và động thực vật hoang dã, một vài trong số đó bao gồm mã vạch và vân tay ADN, di truyền loài, và các ứng dụng điện thoại thông minh để giám định loài gỗ và động thực vật hoang dã. Một ứng dụng điện thoại thông minh như vậy đã được đưa vào sử dụng là WildScan. Được phát triển bởi tổ chức Freeland và sử dụng dưới nhiều ngôn ngữ, cơ sở dữ liệu hiện có của ứng dụng này bao gồm hơn 300 loài thực và động vật được liệt kê trong Công ước CITES. Hệ thống này đã gặp phải một số vấn đề trong quá trình phát triển nhưng chắc chắn đây vẫn là một bước đi đúng hướng. Liên minh phòng chống tội phạm về các loài động thực vật hoang dã toàn cầu cũng đang cộng tác với những nhà khoa học hàng đầu và những cán bộ thực thi pháp luật tuyến đầu để cho ra mắt các tài liệu hướng dẫn giám định pháp y các loại gỗ. Dự kiến các tài liệu hướng dẫn này sẽ hoàn thiện vào cuối năm 2015.

Chó nghiệp vụ phát hiện và truy nguyên dấu vết

Chó nghiệp vụ được Lực lượng Công an và Biên phòng Việt Nam sử dụng để hỗ trợ cho các hoạt động tìm kiếm và cứu nạn, cũng như trợ giúp các đơn vị thực thi pháp luật và biên phòng. Những chú chó nghiệp vụ này được huấn luyện tại Trường Trung cấp 24 Biên phòng tại Hà Nội, đây là cơ sở duy nhất thực hiện chuyên môn này tại Việt Nam. Các nhóm chó tập trung tại trường và tại năm địa điểm ở khu vực biên giới trên khắp cả nước.

Tại Việt Nam, việc sử dụng chó nghiệp vụ phát hiện động thực vật hoang dã chỉ giới hạn tại khu vực cảng Hải phòng, và những chú chó này do Tổ chức Huấn luyện chó nghiệp vụ cho công tác bảo tồn của các tổ chức phi chính phủ (WDC) cung cấp và huấn luyện. Chưa có báo cáo nào về các vụ thu giữ

hoặc về tính hiệu quả của những chú chó này; tuy nhiên, chó nghiệp vụ phát hiện động thực vật hoang dã đã chứng minh sự thành công ở Trung Quốc và không có lý do gì ở Việt Nam lại không như vậy. Việc sử dụng chó nghiệp vụ phát hiện động thực vật hoang dã nên được mở rộng áp dụng tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất và Nội Bài, và cần có một nhóm chó nghiệp vụ lưu động để tiến hành kiểm tra đột xuất tại các trạm kiểm soát biên giới. Hiện chưa rõ liệu Lực lượng Hải quan Việt Nam có tự huấn luyện đội chó nghiệp vụ của mình không hay cần phải mở rộng quy mô chương trình huấn luyện của WDC.

Sự hiện diện của đội ngũ chó nghiệp vụ và dò đường có thể có tác dụng ngăn chặn đáng kể các đối tượng tham gia buôn lậu gỗ và động thực vật hoang dã. Tại các quốc gia khác, chó nghiệp vụ tỏ ra thành thạo trong việc xác định vị trí các sản phẩm động thực vật hoang dã bao gồm ngà voi và là một công cụ hiệu quả của lực lượng thực thi pháp luật.

Khuyến nghị

32. Chương trình sử dụng chó nghiệp vụ phát hiện động thực vật hoang dã cần được mở rộng áp dụng tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất và Nội Bài, và cần có một nhóm chó nghiệp vụ lưu động để sử dụng tại các trạm kiểm soát biên giới trên bộ.

Năng lực điều tra cao cấp

Tính chất phức tạp của các nhóm tội phạm có tổ chức trong nước và xuyên quốc gia về WLFC tại Việt Nam khiến cho công tác điều tra các nhóm tội phạm này của các cơ quan thực thi pháp luật gặp nhiều khó khăn. Việt Nam đã cho thấy sự thành thạo trong việc thu giữ hàng lậu và bắt giữ tội phạm cấp trung, nhưng chưa tinh thông trong bắt giữ và truy tố các nhóm tội phạm có tổ chức cấp cao có được lợi nhuận cao nhất từ WLFC.

Nghề lén các thiết bị viễn thông liên lạc, triển khai các thiết bị nghe trộm và theo dõi, và sử dụng các cán bộ nằm vùng, là những thông lệ thực hành tiêu chuẩn được thừa nhận trên toàn cầu trong điều tra các nhóm tội phạm có tổ chức trong nước và xuyên quốc gia.

Mặc dù một số cơ quan có nhiệm vụ ngăn chặn, phát hiện và điều tra tội phạm WLFC tại Việt Nam có thể tiếp cận các trang thiết bị và phương pháp điều tra cao cấp nhưng chúng hiếm khi (hay chưa từng) được sử dụng để điều tra các tội phạm WLFC. Điều này khiến các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam gặp bất lợi đáng kể khi điều tra các nhóm tội phạm có tổ chức trong nước và xuyên quốc gia liên quan đến các loại hình tội phạm này, và đây là vấn đề cấp bách cần chấn chỉnh ngay.

Hình 11 tóm tắt những biện pháp điều tra cao cấp của các cơ quan có nhiệm vụ ngăn chặn, phát hiện và điều tra tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã và lâm sản.

	Cục Kiểm lâm	Cảnh sát môi trường	Biên phòng	Hải quan	Cơ quan cảnh sát điều tra
Sử dụng kỹ thuật giao hàng có kiểm soát	Không	Không	Không	Không	Không
Năng lực kỹ thuật hình sự bao gồm giám định điện thoại và máy tính	Không	Có	Chưa rõ	Không	Có
Cơ sở dữ liệu từ mạng lưới bí mật	Không	Có	Chưa rõ	Có	Có
Cơ sở dữ liệu về các vụ án liên quan	Không	Không	Không	Không	Không
Cơ sở dữ liệu thông tin nghiệp vụ	Không	Có	Không	Có	Có
Biện pháp trinh sát	Hạn chế	Có	Có	Có	Có
Biện pháp hoạt động bí mật	Không	Có	Chưa rõ	Không	Có
Biện pháp giám sát điện thoại	Không	Có	Chưa rõ	Không	Có
Thiết bị nghe lén	Không	Có	Chưa rõ	Không	Có
Thiết bị theo dõi	Có	Có	Có	Có	Có
Giám sát các phương tiện truyền thông xã hội	Không	Không	Không	Không	Có

Hình 11: Các biện pháp điều tra cao cấp

Thông tin nghiệp vụ và Chia sẻ thông tin nghiệp vụ

Bất kỳ phân tích nào về thông tin nghiệp vụ được thu thập hoặc chia sẻ giữa các cơ quan thực thi pháp luật có nhiệm vụ xử lý tội phạm WLFC tại Việt Nam cũng phải xem xét ba loại thông tin nghiệp vụ thực thi pháp luật khác nhau. Đó là:

- Chiến lược
- Tác chiến

- Chiến thuật

Mỗi loại thông tin nghiệp vụ được thu thập cho một đối tượng sử dụng và mục đích khác nhau, và do đó phải được phân tích riêng rẽ.

Thông tin nghiệp vụ chiến lược cung cấp cho tổ chức một cái nhìn toàn cảnh về các hoạt động tội phạm, những yếu điểm, xu hướng và mục đích của từng loại tội phạm nhất định, ví dụ như tội phạm WLFC. Loại thông tin nghiệp vụ này có tác dụng cảnh báo tới những chủ thể ra quyết định và cho phép họ xây dựng các kế hoạch dự phòng để giải quyết những vấn đề này trong dài hạn. Hầu hết các thông tin nghiệp vụ chiến lược được thu thập từ các nguồn mở. Trên thực tế, nghiên cứu thông tin nghiệp vụ đương đại chỉ ra rằng thông tin nghiệp vụ nguồn mở đang đóng vai trò ngày càng quan trọng trong mọi khía cạnh của công tác nghiệp vụ. Thậm chí trong cả các công tác phản gián truyền thống, như an ninh quốc gia, khoảng 70-80% dữ liệu do các cơ quan phản gián nắm giữ là thông tin nguồn mở, không phải thông tin mật.⁴²

Những loại báo cáo này nhìn chung là bí mật và không được cung cấp bởi các cơ quan thực thi pháp luật. Tuy nhiên, có một số báo cáo chiến lược do các tổ chức bao gồm TRAFFIC, EIA và UNODC phát hành, đem lại những hiểu biết sâu sắc để hỗ trợ những nhà hoạch định chính sách ở Việt Nam xây dựng các chiến lược dài hạn nhằm đối phó với tội phạm WLFC. Các báo cáo viên không được cung cấp thông tin về cách thức các cơ quan thực thi pháp luật có liên quan ở Việt Nam thu thập thông tin nghiệp vụ chiến lược, hay liệu các thông tin này có dẫn đường cho các quyết định chính sách hay không.

Thông tin nghiệp vụ tác chiến hướng đến việc đạt được các mục tiêu thực thi pháp luật. Loại thông tin nghiệp vụ này cung cấp dữ liệu liên quan đến các cá nhân hoặc tổ chức buôn lậu cụ thể, và giúp các đối tượng ra quyết định phân bổ nguồn lực để giải quyết những vấn đề này. Loại thông tin nghiệp vụ này bao gồm phương thức hoạt động, năng lực, yếu điểm, nguồn cung ứng, và các tuyến đường buôn lậu được sử dụng. Loại thông tin nghiệp vụ này có thể được dùng để nhắm vào các nhóm tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, và nhìn chung mang bản chất chủ động. Tương tự, những loại báo cáo này thường là bí mật, nhưng có một số báo cáo chất lượng cao được các tổ chức phi chính phủ bao gồm WCS, ENV, EIA và WWF phát hành về những vấn đề liên quan đến tội phạm WLFC ở Việt Nam.

Hoạt động phòng chống tội phạm WLFC ở Việt Nam hiếm khi mang bản chất chủ động; chủ yếu là hệ quả của việc thu giữ hàng lậu, phát hiện hiện trường tội phạm WLFC, hay phản hồi từ các báo cáo vi phạm. Các báo cáo viên không được cung cấp thông tin về cách thức thu thập và phổ biến thông tin nghiệp vụ tác chiến. Ngược lại, loại thông tin nghiệp vụ này có vẻ như không được thu thập, bởi thực tế là Lực lượng Hải quan tìm cách tiếp cận loại thông tin nghiệp vụ này từ INTERPOL hoặc Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO). Để các cơ quan thực thi pháp luật về WLFC có thể đối phó hiệu quả với tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia thì các cơ quan này cần thu thập và phổ biến thông tin nghiệp vụ tác chiến.

⁴² Dupont, 2003, Tình báo thế kỷ 21, *Tình báo và An ninh quốc gia* 18, số 4, (2003): 15-39.

Nghiệp vụ chiến thuật hướng đến một hoạt động tội phạm cụ thể, với mục tiêu bắt giữ tội phạm thực hiện hành vi phạm tội đó; chẳng hạn, tiến hành hành động dựa trên thông tin liên quan đến một vụ giao dịch ngà voi sắp diễn ra. Thông tin nghiệp vụ chiến thuật thường mang bản chất ngắn hạn, từ một ngày đến một vài tuần, tùy thuộc vào loại tội phạm.

Đây là loại thông tin nghiệp vụ chủ yếu được các cơ quan thực thi pháp luật về WLFC ở Việt Nam thu thập và phổ biến. Loại thông tin nghiệp vụ ngắn hạn này có thể tác động đến các vụ việc riêng lẻ, nhưng nhìn chung không thay đổi được thực trạng tội phạm hay cho phép chủ thể ra quyết định xây dựng các kế hoạch dài hạn. Việc trao đổi thông tin nghiệp vụ loại này thường mang tính vụ việc và nhằm giải quyết các trường hợp đơn lẻ.

Lực lượng Hải quan, Cục cảnh sát điều tra và Cảnh sát môi trường có khả năng thu thập và chia sẻ thông tin nghiệp vụ dưới dạng điện tử trong phạm vi tổ chức mình. Mỗi cơ quan đều duy trì kho dữ liệu nghiệp vụ nhất định.

Việt Nam không có hệ thống nào cho phép chuyển giao thông tin nghiệp vụ về WLFC một cách an toàn, ổn định, thực chất giữa các cơ quan thực thi pháp luật quốc tế. Năm 2015, UNODC tiến hành một nghiên cứu về vấn đề chia sẻ thông tin nghiệp vụ về WLFC trong phạm vi ASEAN. Những phát hiện của báo cáo này đã được trình bày tại Hội nghị quan chức cấp cao về phòng chống tội phạm xuyên quốc gia của ASEAN ở Bangkok năm 2015, và xác định nhu cầu phải có một kho dữ liệu trung tâm trong phạm vi ASEAN để thu thập thông tin nghiệp vụ về WLFC. Đáng tiếc là những hạn chế của các công cụ pháp luật khu vực và quốc tế hiện tại, cũng như khung pháp lý trong nước của các thành viên ASEAN, đang thu hẹp đáng kể các cơ hội tạo ra một cơ sở dữ liệu nghiệp vụ mở rộng thống nhất bao gồm dữ liệu về hoạt động sản xuất, thương mại, tài chính, thực thi pháp luật và Hải quan. Bởi vậy, việc phát triển cơ sở dữ liệu nghiệp vụ một cửa phục vụ cho hoạt động nghiệp vụ chủ động vẫn sẽ là một quá trình lâu dài.

Báo cáo đề xuất trong ngắn hạn, tùy vào năng lực sẵn có, chi phí và chức năng nhiệm vụ, nền tảng truyền thông của Mạng lưới thực thi Hải quan (CENcomm) thuộc Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) sẽ đưa ra giải pháp truyền thông có thể áp dụng ngay và phù hợp nhất cho các quốc gia thành viên ASEAN để trao đổi thông tin nghiệp vụ song phương và thu nhận kiến thức đa chiều một cách an toàn.

Hiện có một cơ sở dữ liệu được xây dựng nhằm mục đích chia sẻ thông tin về tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã đang được Tổng Cục Môi trường (VEA) tại Hà Nội (trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường) chủ trì xây dựng. Cơ sở dữ liệu này được xây dựng để lưu trữ tất cả thông tin liên quan đến tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã xảy ra trên địa bàn Hà Nội. Cơ sở dữ liệu này cung cấp chức năng tìm kiếm và báo cáo cho phép các cán bộ tìm kiếm thông tin cụ thể như tên đối tượng vi phạm, ngày sinh, địa chỉ và mô tả hành vi vi phạm, loài động thực vật hoang dã liên quan, cán bộ phụ trách vụ việc và kết quả xét xử. Cơ sở dữ liệu này có thể truy cập được tại trang web của VEA, và sẵn sàng để các cơ quan thực thi pháp luật tại Hà Nội bao gồm Kiểm lâm, Cảnh sát môi trường, Hải quan và Viện kiểm sát sử dụng. Cảnh sát môi trường cấp trung ương cũng có thể sử dụng cơ sở dữ liệu này.

Các cán bộ địa phương đã được huấn luyện, cung cấp tài liệu hướng dẫn và phương thức truy cập để nhập dữ liệu. VEA hiện đang thảo luận với Thanh tra Tổng cục Cảnh sát để các cán bộ của tổng cục

bắt đầu sử dụng hệ thống này. Hệ thống này cho thấy tiềm năng rất lớn và đóng vai trò tương tự như Mạng lưới thực thi bảo vệ động, thực vật hoang dã Việt Nam. Tuy nhiên cho đến nay hệ thống này chưa được các cơ quan chức năng đưa vào sử dụng rộng rãi có thể do thực tế các cơ quan đang sử dụng trong nội bộ của cơ quan đó không có chức năng thực thi pháp luật.

Sử dụng một hệ thống đã được áp dụng và vận hành hiệu quả sẽ dễ dàng và hữu hiệu hơn nhiều so với việc phát triển một hệ thống mới từ đầu. Cần tiến hành đánh giá cơ sở dữ liệu này để xác định xem liệu nó có thể được sử dụng đối với cả tội phạm vi phạm lâm luật cũng như tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã hay không, nếu phù hợp nên áp dụng trên toàn quốc. Nếu hệ thống này được chuyển sang vận hành hệ thống trên một trang web riêng sẽ khả thi hơn là phụ thuộc vào cổng thông tin của VEA. Nếu không, ít nhất là mô hình tốt với mục đích chia sẻ và lưu trữ thông tin và dữ liệu tội phạm vi phạm luật bảo vệ rừng và loài hoang dã ở phạm vi quốc gia.

Hiện chưa rõ những loại phần mềm phân tích nào đang được sử dụng tại Việt Nam, mặc dù AFP được cho là đang áp dụng Hệ thống Siemens tại Trung tâm điều phối chống tội phạm xuyên quốc gia và UNODC sẽ cung cấp Hệ thống phần mềm Sentinel cho lực lượng Cảnh sát môi trường. Hiện cũng chưa rõ số lượng cán bộ phân tích nghiệp vụ làm việc tại mỗi cơ quan thực thi pháp luật.

Công tác thu thập, phân tích thông tin nghiệp vụ mang tính quyết định và dẫn đường cho các kế hoạch và hoạt động thực thi pháp luật. Trên thực tế, các cơ quan thực thi pháp luật về WLFC có thể có được những tiến bộ rõ rệt về hiệu quả hoạt động nếu họ chú ý hơn và phân bổ nhiều nguồn lực hơn vào các hoạt động điều tra và phòng ngừa dựa trên thông tin nghiệp vụ. Việc chia sẻ thông tin nghiệp vụ trong nước và quốc tế một cách an toàn, ổn định, thực chất có ý nghĩa sống còn nếu các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam muốn đấu tranh chống lại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia về WLFC.

Khuyến nghị

33. Cơ sở dữ liệu được chia sẻ được sử dụng như một kho dữ liệu quốc gia về các vấn đề của WLFC để tất cả các cơ quan thực thi pháp luật liên quan có thể truy cập.

34. Việt Nam nên áp dụng nền tảng CENcomm để chia sẻ dữ liệu và thông tin tình báo về WLFC một cách an toàn trên phạm vi quốc tế.

Hợp tác liên cơ quan

Một trong những vấn đề cấp bách và thường xuyên nhất được nêu ra trong các cuộc thảo luận là việc thiếu sự hỗ trợ và hợp tác trong chia sẻ thông tin và thông tin nghiệp vụ. Vấn đề này xảy ra với cả đối tác trong nước và khu vực, đồng thời liên quan đến các cơ quan thực thi pháp luật quốc tế. Việc kỳ vọng rằng các thể chế như Tổ chức Hải quan Thế giới, thông qua hệ thống phân nhánh đồng đảo của mình, và INTERPOL, cùng các tổ chức quốc tế toàn cầu khác, có thể cung cấp thông tin kịp thời, đáng tin cậy về những thay đổi trong tuyến đường buôn lậu, phương thức thủ đoạn hoạt động, các chuyến hàng nghi vấn và những đối tượng buôn lậu đã bị phát giác là hoàn toàn có thể hiểu được. Đã có một số ví dụ về 'các cuộc gọi một lần' để thông báo về một phương tiện vận tải nghi vấn.

Tại Việt Nam hiện có một mạng lưới Văn phòng liên lạc qua biên giới (BLO) dưới sự hỗ trợ của UNODC nằm gần khu vực biên giới được công nhận với Lào và Campuchia, với nhân viên chủ yếu là các cán bộ thực thi pháp luật tuyến đầu. BLO hoạt động với tư cách là các tiêu điểm trao đổi thông tin nghiệp vụ quan trọng theo thời gian thực dọc và xuyên biên giới. Lúc đầu BLO được thiết lập để đối phó với hoạt động buôn lậu ma túy, nhưng nhiệm vụ của BLO hiện đã mở rộng bao gồm cả hoạt động vận chuyển người trái phép, và tội phạm WLFC.

Mối quan hệ với các đối tác biên giới đồng cấp của nước CHDCND Lào được ghi nhận rất tích cực, với các cuộc họp định kỳ và một kênh mở để chia sẻ thông tin thông qua hệ thống BLO. Chính phủ Việt Nam cũng đã cung cấp trang thiết bị cho các đối tác đồng cấp tại Lào.

Có thể thấy mối quan hệ với các đối tác biên giới đồng cấp của Campuchia là tốt, nhưng có thể cải thiện hơn nữa. Quan niệm phổ biến của một số Cán bộ thực thi pháp luật Việt Nam là các đối tác đồng cấp Campuchia thường tham nhũng và không đủ tin tưởng để chia sẻ các thông tin nhạy cảm. Đây có thể là thực trạng ở một số khu vực, nhưng những mối quan hệ này cần được phát triển và củng cố.

Mối quan hệ với các đối tác biên giới đồng cấp của Trung Quốc được ghi nhận tích cực, với một kênh mở để chia sẻ thông tin thông qua các cuộc họp định kỳ. Tuy nhiên Trung Quốc hiện không có cơ chế liên lạc qua biên giới để chia sẻ thông tin về WLFC.

Vụ Quan hệ Quốc tế của Bộ Công an tập trung vào việc tăng cường tiếp nhận, quản lý, và trao đổi thông tin liên quan đến buôn bán loài hoang dã trái phép, với sự tham gia của các đối tác quốc tế, đặc biệt là thông qua Văn phòng Interpol, nhằm ngăn ngừa, phát hiện, và chống lại các loại tội phạm loài hoang dã.

Khó có thể đánh giá vai trò và ảnh hưởng của INTERPOL với tư cách là một thể chế điều phối thực thi pháp luật để cung cấp thông tin nghiệp vụ kịp thời và định hướng hành động, hoặc cho CITES MA hoặc thông qua ASEAN-WEN hay thể chế chính phủ nào khác của Việt Nam, và có vẻ như INTERPOL đang thực hiện chức năng phản ứng và kiểm tra/xác minh hơn là đóng một vai trò chủ động. INTERPOL đang nỗ lực tập hợp các cơ quan thực thi pháp luật với nhau để chia sẻ các vấn đề và thông tin nghiệp vụ tác chiến liên quan đến tội phạm buôn lậu gỗ, và đã tổ chức một số cuộc họp giữa các cơ quan này theo Dự án LEAF. Như đã trình bày ở trên, Campuchia và Việt Nam đang thử nghiệm một dự án thí điểm, theo đó hai văn phòng khu vực và 12 trạm kiểm soát biên giới của Việt Nam và Campuchia được kết nối vào hệ thống i24/7 của INTERPOL. Dự án thí điểm dự kiến kéo dài trong 12 tháng.

Trong Chiến dịch phối hợp hành động Cobra III của INTERPOL năm 2015, có một hoạt động kéo dài một tháng, trong đó các quan chức năng về WLFC từ châu Á (trong đó có Việt Nam), châu Phi, châu Âu và châu Mỹ họp mặt tại Bangkok để trao đổi thông tin nghiệp vụ và cộng tác trong các cuộc điều tra đang được tiến hành. Kết quả của Chiến dịch hành động Cobra III là đã có 139 nghi phạm bị bắt và 247 vụ thu giữ các sản phẩm động thực vật hoang dã và lâm sản từ 37 quốc gia. Những kết quả này tuy kém hơn hẳn so với Chiến dịch I và II nhưng vẫn đáng được biểu dương.

Mặc dù những chiến dịch kiểu này là rất có giá trị, có tác dụng thúc đẩy chia sẻ thông tin nghiệp vụ và kết nối mạng lưới nhưng không thể thay thế được một cơ chế chia sẻ thông tin nghiệp vụ thường trực.

Lực lượng Cảnh sát liên bang Australia đang điều hành Trung tâm điều phối phòng chống tội phạm xuyên quốc gia (TCCC) tại Thành phố Hồ Chí Minh để trao đổi thông tin nghiệp vụ liên quan đến tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia giữa Australia và Việt Nam. TCCC cho phép trao đổi thông tin và thông tin nghiệp vụ thu được từ những vụ bắt giữ nhiều bằng nhóm buôn lậu ma túy hoạt động giữa hai quốc gia. Trung tâm này cũng nhấn mạnh vai trò quan trọng của các cán bộ liên lạc trong việc thúc đẩy trao đổi thông tin nghiệp vụ.

Việt Nam không có cán bộ liên lạc về WLFC tại châu Phi hoặc các khu vực khác thuộc châu Á. Dựa vào mối liên hệ không thể phủ nhận giữa châu Phi và Việt Nam trong hoạt động buôn lậu các sản phẩm động thực vật hoang dã, có cơ sở để cho rằng việc trao đổi thông tin nghiệp vụ với các quốc gia chủ chốt ở châu Phi như Nam Phi và Kenya là cấp thiết để chặn đứng tuyến đường buôn lậu này. Bổ nhiệm các cán bộ liên lạc sẽ hỗ trợ các quốc gia châu Phi xác định được những đối tượng người Việt Nam đang hoạt động phi pháp trong địa bàn của họ, đồng thời hỗ trợ Việt Nam xác định và khoan vùng các đối tượng tham gia buôn lậu và rửa tiền. Mặc dù Việt Nam không ký kết các hiệp định tương trợ tư pháp với bất kỳ quốc gia nào ở châu Phi nhưng Việt Nam là thành viên của nhiều công ước quốc tế, trong đó có CITES, điều này cho phép trao đổi thông tin nghiệp vụ vì mục đích thực thi pháp luật.

Khuyến nghị

35. Với tư cách là một phần của dự án thí điểm, tiến hành thiết lập các văn phòng liên lạc về WLFC tại Nam Phi và Kenya bao gồm các cán bộ từ Cục Cảnh sát môi trường. Khuyến khích các nhà tài trợ hỗ trợ kinh phí về nhân sự và trang thiết bị cho những văn phòng này.

Phòng chống rửa tiền

Việt Nam đã thi hành pháp luật về Phòng chống rửa tiền (AML), Điều 250 và 251 của Bộ luật Hình sự được điều chỉnh bởi Luật phòng chống rửa tiền năm 2012, và Nghị định số 116/2013/NĐ-CP về Phòng và Chống rửa tiền. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Tài chính cũng đã ban hành các thông tư liên quan. Cơ quan điều tra tài chính (FIU), Cục Phòng chống rửa tiền (AMLD), được thiết lập trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra, Việt Nam cũng là thành viên của Nhóm Châu Á/Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG).

Nhằm ghi nhận những nỗ lực của Việt Nam trong xây dựng khung chính sách và pháp lý, Nhóm hành động tài chính chống rửa tiền (FATF) đã xóa Việt Nam khỏi quy trình tuân thủ vì Việt Nam đã hoàn thành các cam kết đối với Kế hoạch hành động FATF 2010.⁴³

⁴³ Đánh giá thường niên của FATF, Paris, 14 tháng 2, 2014

Mặc dù pháp luật về AML đã ra đời từ năm 2012 nhưng vẫn chưa có vụ khởi tố tội phạm rửa tiền nào thành công ở Việt Nam. Đây là kết quả đáng thất vọng nếu xét đến phạm vi và quy mô của vấn nạn WLFC tại Việt Nam và lợi nhuận trái phép mà những tội phạm này tạo ra. Thực trạng này có thể do nhiều nguyên nhân, trong đó có việc không thừa nhận đây là loại hình tội phạm phổ biến ở Việt Nam, thiếu hiểu biết về các quy định pháp lý và cách thức vận dụng chúng trong khuôn khổ pháp luật Việt Nam, hoặc không phân bổ đủ nguồn lực và không có đủ kiến thức chuyên môn để giải quyết vấn nạn này.

Những cuộc điều tra chống rửa tiền đem lại cho các cơ quan thực thi pháp luật về WLFC ở Việt Nam cơ hội thực sự để tìm ra đâu là đối tượng được hưởng lợi nhiều nhất từ WLFC. Thất bại trong việc sử dụng công cụ này sẽ hạn chế năng lực của các cơ quan thực thi pháp luật trong điều tra và triệt phá tội phạm có tổ chức. Nhu cầu nâng cao kiến thức, kỹ năng và năng lực trong điều tra tài chính, cả về phương diện quy mô tiềm năng và các loại hình điều tra, vai trò của các cơ quan trong việc truy tìm, xác minh, đóng băng và thu giữ tài sản và tiền bất hợp pháp, bao gồm cả các nguồn thông tin tài chính khác nhau, cũng như cách thức xác minh tài sản và thiết lập các hồ sơ tài chính là rất quan trọng.

Ngoài ra cũng cần phải đảm bảo mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan thực thi pháp luật và Viện kiểm sát trong quá trình điều tra về WLFC. Để thúc đẩy hợp tác chặt chẽ đồng thời nâng cao hiểu biết về chính sách và pháp luật AML, cần tiến hành các khóa đào tạo chung cho các kiểm sát viên Viện kiểm sát và các cơ quan thực thi pháp luật liên quan.

Khuyến nghị

36. Cần tiến hành các khóa đào tạo chung về chống rửa tiền cho các kiểm sát viên của Viện kiểm sát và các cơ quan thực thi pháp luật liên quan

Giám sát truyền thông xã hội và thương mại điện tử

Trong quá trình đánh giá làm báo cáo, hoạt động buôn bán các sản phẩm gỗ và động thực vật hoang dã trên nền tảng Internet thông qua các trang web thương mại điện tử và các mạng truyền thông xã hội cũng được đem ra thảo luận, qua đó chỉ ra thực trạng là không có đủ nhân lực và nguồn lực để giám sát hoạt động này. Với 39,8 triệu người dùng internet thường xuyên và khoảng 28 triệu tài khoản mạng xã hội ở Việt Nam, hoạt động buôn bán các sản phẩm gỗ và động thực vật hoang dã trực tuyến tuy bị giới hạn về nguồn lực nhưng là một lĩnh vực đem lại nhiều lợi ích tiềm năng và không thể bỏ qua.⁴⁴

Mạng Internet đem lại cơ hội để các cơ quan thực thi pháp luật về môi trường ở Việt Nam phát hiện, thâm nhập, khởi tố và triệt phá các nhóm tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia hoạt động cả ở trong nước và quốc tế. Tăng cường năng lực hoạt động của các cơ quan này trong môi trường Internet giúp cải thiện nhận thức cũng như nâng cao năng lực đối phó với vấn nạn này. Thất bại trong việc giải quyết vấn đề này sẽ cho phép các nhóm tội phạm có tổ chức tiếp tục được kết nối tự do với người dân và những thị trường ở Việt Nam.

⁴⁴ We Are Social, 2015 tại <http://www.slideshare.net/johnnyvo/vietnam-digital-social-mobile-2015>, truy cập ngày 24 tháng 7 năm 2015.

Do đó, lực lượng Cảnh sát môi trường được khuyến nghị nên thành lập một đơn vị giám sát hoạt động buôn bán WLFC thông qua các mạng truyền thông xã hội và trang web thương mại điện tử. UNODC đã tổ chức huấn luyện về điều tra tội phạm liên quan đến Internet như một phần trong hoạt động đào tạo của Chương trình PATROL về Hợp tác xuyên biên giới. Cần cung cấp khóa huấn luyện này hoặc các hoạt động đào tạo tương tự cho đơn vị Cảnh sát môi trường, kèm theo một chương trình tham vấn ngắn hạn để hướng dẫn các cán bộ cho đến khi họ có đủ khả năng áp dụng các kỹ thuật điều tra trực tuyến công khai và bí mật. Đơn vị này sẽ cần có một số lượng máy tính, máy tính xách tay và thiết bị kết nối mạng không dây với chi phí tối thiểu.

Một tài liệu riêng được đính kèm với báo cáo này ở phần *Phụ lục I* nhằm cung cấp cho những nhà hoạch định chính sách một cái nhìn sơ lược về các lợi ích của việc điều tra hoạt động buôn bán trực tuyến các sản phẩm WLFC tại Việt Nam.

Khuyến nghị

37. Cục Cảnh sát môi trường nên thiết lập một đơn vị giám sát hoạt động buôn bán trực tuyến các sản phẩm WLFC thông qua các mạng xã hội và trang web thương mại điện tử. UNODC tìm kiếm nguồn tài trợ để cung cấp trang thiết bị, các khóa đào tạo và tham vấn cho đơn vị này

Với vai trò là quốc gia nguồn, điểm trung chuyển và đích đến của các sản phẩm WLFC, Việt Nam đã được các IGO và NGO cung cấp nhiều khóa đào tạo và trang thiết bị để nâng cao năng lực đối phó với WLFC. Trong quá trình chuẩn bị báo cáo này, các báo cáo viên đã tìm hiểu các khóa đào tạo và xây dựng năng lực chuyên biệt về WLFC được tổ chức ở Việt Nam từ năm 2011. Một số tổ chức đã đáp ứng yêu cầu của chúng tôi, và bảng ở Hình 12 cho thấy danh sách các khóa đào tạo đã được tiến hành. Chúng tôi không thu được thông tin cụ thể về các trang thiết bị mà những cơ quan này đã cung cấp. Loại hình đào tạo, địa điểm và số lượng cán bộ được đào tạo thể hiện trong bảng đính kèm với báo cáo này ở *Phụ lục J*.

Việc phân tích các khóa đào tạo đã cung cấp cho thấy công tác giám định loài vẫn là vấn đề quan trọng, mặc dù đây là loại hình được đào tạo nhiều nhất. WWF và WCS đã tổ chức một số khóa dành cho các cán bộ Cục kiểm lâm (FPD), và xét đến vai trò quan trọng mà tổ chức này nắm giữ thì hoạt động này cần được tuyên dương và mở rộng nếu có thể. UNODC, với sự hỗ trợ của Tổ chức Freeland, là những cơ quan chính cung cấp các khóa đào tạo nâng cao bao gồm giao hàng có kiểm soát, thông tin nghiệp vụ, pháp y, và hợp tác xuyên biên giới. Vẫn còn thiếu các khóa về phòng chống rửa tiền (chỉ có hai khóa do UNODC tổ chức cho các kiểm sát viên Viện kiểm sát), thông tin nghiệp vụ (chỉ có hai khóa UNODC dự kiến tổ chức cho lực lượng Cảnh sát môi trường), nguồn nhân lực, giám sát cấp cao và hoạt động nằm vùng. Ngoài ra cũng có rất ít khóa đào tạo cho các kiểm sát viên Viện kiểm sát, đây là vấn đề cần phải khắc phục.

Hiện có một số chông chéo giữa các cơ quan, đặc biệt là trong đào tạo về điều tra cấp cao, giám định loài và kiểm lâm. Sự chông chéo này có thể dẫn đến việc đưa ra các thông tin lẫn lộn và các ưu tiên khác nhau cho những người tham gia đào tạo. Quan trọng là tài liệu đào tạo bao gồm cả tài liệu phát tay và sổ tay hướng dẫn phải nhất quán và được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh WLFC tại Việt Nam.

Các NGO, IGO và các cơ quan thực thi pháp luật tương ứng của Việt Nam cần hợp tác xây dựng trọng tâm và nội dung đào tạo. Điều này giúp đảm bảo tính nhất quán, tiết kiệm chi phí, và tập trung đào tạo những lĩnh vực ưu tiên của các cơ quan có liên quan.

Chúng tôi khuyến nghị nên thành lập một ủy ban bao gồm thành viên của các cơ quan thực thi pháp luật có liên quan, các IGO và NGO để xác định nhu cầu và điều hành hoạt động đào tạo về thực thi pháp luật WLFC tại Việt Nam.

Khóa đào tạo	Cục Kiểm lâm	Cảnh sát môi trường	Biên phòng	Hải quan	Cơ quan cảnh sát điều tra	Viện kiểm sát
Giám định loài	UNODC Freeland TRAFFIC WWF WCS CITES	UNODC Freeland TRAFFIC WCS CITES	UNODC Freeland TRAFFIC WCS CITES	UNODC Freeland Cục bảo tồn đa dạng sinh học (BCA) MONRE TRAFFIC WCS CITES	UNODC Freeland TRAFFIC WCS CITES	WCS CITES
Khóa tuần tra cơ bản	WWF WCS	–	–	–	–	–
Đào tạo kiểm lâm viên	WWF WCS	–	–	–	–	–
Giám sát tài nguyên thiên nhiên	WWF	–	–	–	–	–
Kỹ năng hiện trường cao cấp	WWF WCS	–	–	–	–	–
Phòng chống buôn lậu	UNODC Freeland	UNODC Freeland	UNODC Freeland	UNODC Freeland	UNODC Freeland	–
Hoạt động bí mật	–	–	–	–	–	–
Trình sát	–	–	–	–	–	–
Chuyển hàng có kiểm soát	UNODC	UNODC	UNODC	UNODC	UNODC	–

trong nước						
Đào tạo điều tra viên cao cấp	UNODC Freeland WWF WCS	UNODC Freeland WCS	UNODC Freeland WCS	UNODC Freeland WCS	UNODC Freeland WCS	–
Phòng chống rửa tiền	–	–	–	–	–	UNODC
Thông tin nghiệp vụ	–	UNODC	–	UNODC	UNODC	–
Kỹ thuật hình sự về động thực vật hoang dã	TRACE TRAFFIC	TRACE TRAFFIC UNODC	TRACE TRAFFIC UNODC	TRACE TRAFFIC UNODC	TRACE TRAFFIC UNODC	–
Quản lý nhân sự	–	–	–	–	–	–
Kiểm soát công-ten-nơ	–	–	–	UNODC	–	–
Hợp tác xuyên biên giới	UNODC Freeland	UNODC Freeland	UNODC Freeland	UNODC Freeland	UNODC Freeland	–
Đào tạo kiểm sát viên	–	–	–	–	–	WCS

Hình 12: Các khóa đào tạo WLFC tại Việt Nam phân theo loại hình đào tạo và cơ quan tổ chức

Khuyến nghị

38. Thiết lập một ủy ban bao gồm các cơ quan thực thi pháp luật liên quan cùng đại diện của các IGO và NGO để xác định nhu cầu và điều hành hoạt động đào tạo về thực thi pháp luật WLFC tại Việt Nam.

Các hiệp định tương trợ tư pháp

Các hiệp định tương trợ tư pháp (MLAT) là công cụ hữu hiệu để đối phó với tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, đặc biệt là tội phạm WLFC. Các quy định pháp luật chặt chẽ nhất liên quan đến WLFC thường thuộc về các quốc gia nguồn, nơi những biểu tượng văn hóa đang bị tàn sát và rừng bị chặt phá trái phép. Việt Nam đã ký kết 20 hiệp định tương trợ tư pháp với các quốc gia sau đây:

Algeria

Ấn Độ

ASEAN (chỉ có giá trị tại các quốc gia đã thông qua hiệp định)

Bắc Triều Tiên

Belarus
Bulgaria
Cộng hòa Séc
Cuba
Đài Loan
Hàn Quốc
Hungary
Kazakhstan (chưa xác nhận)
Lào
Mông Cổ
Nga
Phần Lan
Pháp
Trung Quốc
Ucraina
Vương quốc An

Mặc dù các báo cáo viên được thông báo là sắp đạt được một hiệp định với Nam Phi nhưng đáng tiếc là chưa có hiệp định nào được ký kết với các quốc gia châu Phi và Hoa Kỳ. Trong một vụ án gần đây tại Nam Phi, một công dân Thái Lan đã bị kết án 40 năm tù vì buôn bán sừng tê giác, sau đó kháng cáo giảm án xuống 30 năm tù. Công dân Thái Lan này được cho là đang làm việc cho một tội phạm người Lào có quan hệ mật thiết với Việt Nam, người này hiện vẫn được tự do.

Công dân Lào nằm ngoài tầm với của các cơ quan có thẩm quyền Nam Phi do không có MLAT. Điều tương tự cũng có thể xảy ra với các tội phạm đầu não về WLFC hoạt động ở Việt Nam và cử người khác làm thay công việc của mình ở châu Phi và những phần còn lại của thế giới. Nếu không có MLAT, trên thực tế Việt Nam sẽ trở thành nơi trú ẩn an toàn cho những tội phạm này để chúng hoạt động trên phạm vi quốc tế.

May mắn là Việt Nam có MLAT với các quốc gia thuộc GMS; tuy nhiên các báo cáo viên không được cung cấp ví dụ nào về việc Việt Nam dẫn độ các nghi phạm WLFC.

Khuyến nghị

39. Việt Nam nên đàm phán các Hiệp định tương trợ tư pháp với những quốc gia là nơi cung cấp các sản phẩm động thực vật hoang dã và lâm sản nhập khẩu trái phép vào Việt Nam

7. TÒA ÁN

Theo Luật Tổ chức của Tòa án nhân dân năm 2014, cơ quan xét xử cao nhất của Việt Nam đồng thời là tòa phúc thẩm cao nhất là Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án nhân dân tối cao cũng giám đốc việc xét xử của tòa cấp dưới để đảm bảo việc áp dụng thống nhất mọi quy định của luật hiện hành, tổ chức tập huấn cho cán bộ tư pháp, và soạn thảo luật và các quy định có liên quan.

Hệ thống tòa án của Việt Nam bao gồm: các Tòa án Nhân dân cấp cao (PHC), các Tòa án Nhân dân cấp tỉnh (PPC) và các Tòa án Nhân dân cấp quận huyện (DPC). Tòa án quân sự có thẩm quyền xét xử các vụ án liên quan đến quân đội (Điều 102, 104 của Hiến pháp). Sơ đồ tổ chức của hệ thống tòa án Việt Nam được nêu trong Phụ lục D – đính kèm với báo cáo này.

Cơ cấu của Tòa án nhân dân tối cao bao gồm: Chánh án, Phó chánh án, Thẩm phán, thẩm tra viên, thư ký tòa án và công chức. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao do Quốc hội bầu theo đề nghị của Chủ tịch nước và có nhiệm kỳ theo nhiệm kỳ của Quốc hội (Điều 88, 105 Hiến pháp, Điều 26 Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2013); Phó chánh án do Chủ tịch nước bổ nhiệm trong số Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao với nhiệm kỳ năm năm, kể từ ngày được bổ nhiệm (Điều 28 Luật tổ chức Tòa án nhân dân 2013); Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm và Chủ tịch nước ra quyết định bổ nhiệm trên cơ sở phê chuẩn của Quốc hội với nhiệm kỳ 5 năm trong trường hợp bổ nhiệm lần đầu và 10 năm trong trường hợp bổ nhiệm lần thứ hai (Điều 88 Hiến pháp, Điều 72 và 74 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân).

Việt Nam hiện có 03 Tòa án nhân dân cấp cao, 63 Tòa án Nhân dân cấp tỉnh và 678 Tòa án cấp huyện. Tòa án nhân dân cấp cao (PHC) đóng vai trò là tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Tòa án Nhân dân cấp tỉnh (PPC) đóng vai trò là tòa phúc thẩm của Tòa án cấp huyện (DPC), đồng thời cũng thụ lý các vụ án với tư cách là tòa sơ thẩm. Mỗi tỉnh có một PPC và mỗi quận huyện có một DPC, đóng vai trò là tòa sơ thẩm của các vụ án dân sự và hình sự. Theo Hiến pháp, ngoại trừ các vụ xét xử theo thủ tục rút gọn, các hội thẩm nhân dân được tham gia vào các phiên tòa sơ thẩm, và thực hiện chức năng hội thẩm của mình một cách độc lập (Điều 103 của Hiến pháp). Các PPC và DPC đều tham gia xét xử tội phạm WLFC ở cấp sơ thẩm hoặc phúc thẩm, nhưng rất ít các vụ án liên quan đến WLFC bị kháng nghị lên đến SPC.

Các phán quyết của tòa sơ thẩm có thể bị kháng cáo, kháng nghị lên tòa án cấp cao hơn trong thời hạn mà Bộ luật tố tụng hình sự (CrPC) quy định. Một hội đồng phúc thẩm bao gồm ba thẩm phán. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày, thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 1 tháng kể từ ngày tuyên án. Tòa án cấp phúc thẩm có quyền:

- Bác đơn kháng cáo và giữ nguyên bản án của tòa sơ thẩm;
- Sửa bản án của tòa sơ thẩm;
- Hủy bỏ phán quyết của tòa sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiến hành điều tra hoặc xét xử lại;
- Hủy bản án của tòa sơ thẩm và đình chỉ vụ án

Việt Nam có hệ thống xét xử hai cấp. Nếu một bên không đồng ý với phán quyết của tòa sơ thẩm, bên đó có thể kháng cáo lên tòa phúc thẩm. Quyết định của tòa phúc thẩm là quyết định cuối cùng và phải được thực thi. Các vụ án hình sự về WLFC được xét xử sơ thẩm tại các Tòa án cấp tỉnh và cấp quận huyện. Tòa sơ thẩm có quyền yêu cầu điều tra về các vụ án liên quan đến WLFC. Phiên tòa sơ thẩm bao gồm một thẩm phán và hai hội thẩm, tuy nhiên với các tội phạm nghiêm trọng tòa có thể bao gồm hai thẩm phán và ba hội thẩm.

Trong một cuộc họp với các quan chức ngành tư pháp, thông tin SPC không xét xử các vụ án về WLFC (hoặc các vụ án khác), trừ những vụ đặc biệt nghiêm trọng, đã được tiết lộ, nhưng có thể giám đốc thẩm hoặc tái thẩm vụ án theo thủ tục nếu có đơn kháng án và có quyền giám đốc thẩm việc xét xử của tòa án cấp dưới (Điều 20 Luật Tổ chức tòa án).

Hiến pháp quy định công dân được coi là vô tội, trừ khi chứng minh được là có tội. Hiến pháp cũng quy định công dân có quyền được hỗ trợ tư pháp (Điều 22 của Hiến pháp). Quy định này áp dụng cho mọi vụ án hình sự, và do đó cũng áp dụng với các vụ án về WLFC.

Hiện không có thông tin hay hồ sơ tổng hợp về các vụ án WLFC trên toàn quốc. Do vậy cần chuẩn bị một bản tóm tắt các vụ xét xử liên quan đến tội phạm môi trường và WLFC. Bản tóm tắt sẽ là công cụ hữu ích cho các thẩm phán tham gia xét xử WLFC.

Khuyến nghị

40. Thiết kế và xây dựng một tài liệu tổng hợp các vụ xét xử liên quan đến WLFC

Tòa án không áp dụng các nguyên tắc cơ bản của nguyên tắc án lệ môi trường, như *‘người gây ô nhiễm phải chi trả’*, *‘nguyên tắc phát triển bền vững’* hay *‘nguyên tắc phòng ngừa’*. Đây là những nguyên tắc của trường phái luật dựa trên án lệ môi trường được thừa nhận rộng rãi trong các hiệp định quốc tế và chính sách quốc gia tại nhiều nước, theo đó tòa án các nước này áp dụng những nguyên tắc trên để bảo vệ môi trường và bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, trong đó có hệ động thực vật, một cách hiệu quả. Với việc áp dụng những nguyên tắc này, các tòa án của Việt Nam được trang bị công cụ để ngăn ngừa thiệt hại cho các nguồn tài nguyên rừng và động thực vật hoang dã. Theo pháp luật Việt Nam, nạn nhân của các vụ việc liên quan đến rừng có quyền yêu cầu bồi thường phần đất bị hư hại hoặc phá hủy. Tòa án có thẩm quyền chấp thuận các yêu cầu bồi thường về đất đai và phục hồi về môi trường trong các phán quyết của mình khi xét xử các vụ án về tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã và lâm sản.

Điều 6 Nghị định số 99/2009 quy định ngoài các biện pháp xử phạt hành chính, có thể yêu cầu đối tượng vi phạm thực hiện một hoặc một số hành động khắc phục hậu quả sau:

1. Khôi phục tình trạng ban đầu của phần đất bị hủy hoại do hành vi vi phạm hành chính, như:
 - a) Trồng cây thay thế cho cây đã bị chặt phá, hoặc chi trả chi phí tái trồng rừng theo lãi suất đầu tư áp dụng ở địa phương tại thời điểm vi phạm;
 - b) Khôi phục các trang thiết bị và phương tiện để bảo vệ phần rừng đã bị hủy hoại hoặc khai thác, hoặc chi trả chi phí khôi phục;
 - c) Giao nộp các lâm sản trái phép để làm tang vật vụ án.

2. Di chuyển hoặc chi trả chi phí di chuyển các công trình xây dựng trái phép trong rừng.
3. Chi trả chi phí chữa cháy.
4. Chi trả chi phí cho các biện pháp khắc phục thiệt hại do sâu bệnh.
5. Tiêu hủy động vật hoang dã cùng nội tạng đã bị nhiễm bệnh, là đối tượng của hành vi vi phạm.

Ngoài biện pháp xử phạt chính, người vi phạm còn có thể bị cấm đảm nhiệm một chức vụ, thực hành một nghề nghiệp, hoặc làm một công việc nhất định. Tòa án không có thẩm quyền thu hồi giấy phép, nhưng có quyền yêu cầu cơ quan có liên quan thu hồi giấy phép của người bị kết án.

Điều 18 của CrPC nêu rõ tòa án phải tiến hành xét xử công khai và tất cả mọi người đều có quyền tham dự phiên tòa, trừ khi pháp luật có quy định khác. Trong những trường hợp cần bảo vệ các bí mật nhà nước hay thuần phong, mỹ tục của dân tộc, tòa án phải tiến hành xử kín; tuy nhiên bản án của tòa phải được tuyên công khai.

Trong quá trình phỏng vấn, nhóm công tác đã họp với một thẩm phán của PPC thuộc tỉnh Quảng Bình. Nhóm công tác được biết rằng các thẩm phán và hội thẩm nhìn chung còn thiếu kiến thức về WLFC, và cần phải nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực này; rằng pháp luật hình sự trong nước còn nhiều kẽ hở và thiết sót, chính bởi vậy mà có rất ít vụ án được đưa ra xét xử tại tòa. Nhóm công tác cũng được báo cáo là số lượng thẩm phán tại tòa không đủ đáp ứng khối lượng vụ án phải thụ lý.

Khuyến nghị

41. Thiết kế và xây dựng các chương trình đào tạo cho những thành viên của hệ thống tòa án để nâng cao hiểu biết và nhận thức của họ trong giải quyết các vụ án liên quan đến tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã và lâm sản

42. Tổ chức một chuỗi hội thảo cho các thẩm phán để nâng cao hiểu biết và nhận thức của họ về tính chất đặc thù của các vụ án buôn bán động thực vật hoang dã và lâm sản

Theo thông tin có được thì Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Bình chưa từng thụ lý vụ án buôn bán động thực vật hoang dã nào kể từ năm 2010. Tuy nhiên, PPC và các tòa án cấp huyện của tỉnh đã xét xử 13 vụ sơ thẩm và 6 vụ kháng cáo liên quan đến buôn bán trái phép lâm sản từ năm 2010 đến 2015. Danh sách chi tiết các vụ xét xử được nêu trong Phụ lục B, đính kèm với Báo cáo này.

Qua danh sách ở Phụ lục B, chúng ta có thể thấy là trong hầu hết các vụ án, đối tượng vi phạm chỉ phải chịu hình phạt rất nhẹ, và trong một số vụ án thì đối tượng phạm tội chỉ bị phạt tù không giam giữ. Nguyên nhân là bởi pháp luật hình sự và đặc biệt là Bộ luật hình sự không quy định những hình phạt mang tính ngăn chặn đối với WLFC. [*Lưu ý: Bộ luật Hình sự mới được thông qua ngày 27/11/2015 đưa ra những hình phạt nghiêm khắc hơn và có thể được áp dụng đối với các vi phạm WLFC ngay khi Bộ luật có hiệu lực từ ngày 1/7/2016*]. Nhiều vụ việc chỉ áp dụng biện pháp xử phạt hành chính, động thực vật hoang dã và lâm sản trái phép bị thu giữ được đem bán đấu giá, và đối tượng phạm tội được thả tự do mà không bị đem ra xét xử tại tòa. Bằng chứng là tại Vườn quốc gia Yok Don, tỉnh Dak Lak, nhóm công tác đã tận mắt thấy nhiều loại lâm sản trái phép và xe máy thu giữ từ các đối tượng phạm tội bị bắt giữ tại Vườn quốc gia.

Để giải quyết hiệu quả những vụ án về WLFC, các thẩm phán của PPC và DPC cần chia sẻ thông tin cũng như các phán quyết của mình không chỉ trong nội bộ, mà với cả các thẩm phán ở các quốc gia láng giềng như CHDCND Lào và Campuchia, thông qua việc hình thành mạng lưới các thẩm phán xét xử những vụ án về WLFC. Các cuộc hội thảo cũng cần được tổ chức để nâng cao hiểu biết của họ về WLFC.

Khuyến nghị

43. Thiết lập mạng lưới thẩm phán để chia sẻ thông tin trọng yếu giữa các thẩm phán của Tòa án Nhân dân cấp tỉnh và các Tòa án cấp huyện về những phiên xét xử sơ thẩm và phúc thẩm nhằm giải quyết hiệu quả các vụ án về buôn bán động thực vật hoang dã và lâm sản

44. Chuẩn bị và tổ chức các cuộc hội thảo chung trong tiểu vùng bao gồm các đại diện Thẩm phán và Kiểm sát viên của Việt Nam, Cộng hòa DCND Lào, và Campuchia để chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về hệ thống pháp luật và thể chế nhằm cải thiện kết quả xét xử các vụ án về WLFC

Một số quốc gia đã thiết lập các tòa án xanh chuyên xét xử những vụ án về môi trường do tính chất đặc thù của những vụ án này. Việt Nam có thể xem xét việc cho ra đời các tòa án xét xử lưu động chuyên về động thực vật hoang dã (Tòa án môi trường) hoặc các tòa án xét xử theo thủ tục rút gọn để giải quyết vụ án nhanh chóng và hiệu quả hơn, và để gia tăng số lượng các vụ kết án liên quan đến WLFC.

Khuyến nghị

45. Đẩy mạnh nghiên cứu trên toàn quốc để thiết lập các tòa án môi trường hoặc tòa án xét xử rút gọn trực thuộc Tòa án Nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp quận huyện để giải quyết nhanh và hiệu quả các vụ án về WLFC

Bộ luật Hình sự quy định một số điều khoản về trách nhiệm giải trình của hệ thống tư pháp; cụ thể luật quy định các thẩm phán hoặc hội thẩm phải bị xử lý hình sự nếu đưa ra các bản án trái pháp luật (Điều 295 Bộ luật Hình sự); và các quyết định trái pháp luật (Điều 296 Bộ luật Hình sự), đây là một ví dụ về chế định pháp lý tốt.

8. VIỆN KIỂM SÁT

Viện Kiểm sát Nhân dân được phân thành ba cấp bao gồm Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân cấp tỉnh và Viện Kiểm sát Nhân dân cấp quận huyện.

Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao được bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch nước và được Quốc hội thông qua. Viện Kiểm sát có quyền truy tố các đối tượng phạm tội ra trước tòa (Điều 107 của Hiến pháp).

Viện Kiểm sát có nhiệm vụ giám sát việc khởi tố các vụ án hình sự, các hoạt động điều tra, và chuẩn bị hồ sơ vụ án để đưa ra xét xử tại tòa. Điều 150 của CrPC quy định điều tra viên phải tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra hoặc nơi phát hiện tội phạm để tìm ra dấu vết tội phạm và vật chứng, đồng thời làm sáng tỏ các tình tiết có ý nghĩa đối với vụ án. Tất cả những hoạt động này đòi hỏi các kỹ thuật điều tra cũng như kiến thức pháp luật để quyết định xem có cấu thành vụ án hình sự hay không. Điều này có ý nghĩa quyết định với số phận của vụ án. Việc hầu hết vụ án chỉ được giải quyết bằng xử phạt hành chính và không được đưa ra xét xử tại tòa như các vụ án hình sự do thiếu kiến thức chuyên môn là hoàn toàn có thể xảy ra (Điều 155 của CrPC)

Những bị cáo bị cáo buộc thực hiện hành vi phạm tội có quyền tham dự và được luật sư bào chữa trong các vụ xét xử tại tòa. Bị cáo không có khả năng thuê luật sư thường sẽ được tòa chỉ định một luật sư bào chữa, điều này cũng xảy ra trong trường hợp bị cáo chưa thành niên hoặc trong các vụ án nghiêm trọng. Bị cáo và luật sư bào chữa có quyền kiểm tra chéo các nhân chứng. Họ cũng có quyền không bị ép phải nhận tội và được phép từ chối ra làm chứng. Như đã nói ở trên, đối tượng bị kết án có quyền kháng cáo lên tòa án cấp cao hơn. Những quy định này được áp dụng cho các vụ án hình sự trong đó có WLFC.

Điều 105 của CrPC quy định nếu người đề nghị khởi tố rút yêu cầu trước khi xét xử sơ thẩm thì vụ án sẽ bị đình chỉ. Quy định này mở rộng quyền hạn của Viện Kiểm sát không phải tiếp tục theo đuổi vụ án. Tuy nhiên, luật cũng đưa ra biện pháp dự phòng: nếu phát hiện người đề nghị khởi tố rút lại yêu cầu do bị ép buộc hoặc cưỡng bức, Viện Kiểm sát hoặc tòa án có thể tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án. Ngoài ra, nếu bị cáo đưa ra được bằng chứng mới quan trọng đối với vụ án, tòa có nghĩa vụ phải mở lại vụ án (Điều 120 của CrPC).

Nhóm công tác được Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho biết là các kiểm sát viên chưa từng được đào tạo chuyên sâu về khởi tố WLFC. Điều này dẫn đến khả năng hồ sơ vụ án không được chuẩn bị kỹ càng trước khi đưa ra xét xử tại tòa. Bản chất của xét xử là xác lập một hình phạt thích đáng cho hành vi vi phạm pháp luật. Nếu không xác lập được một hình phạt thích hợp ngay từ đầu thì nhiều khả năng tòa sẽ bãi bỏ vụ án.

Điều 30 của Hiến pháp quy định tất cả mọi người đều có quyền khiếu nại về hành vi trái pháp luật của các cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân. Có thể liên hệ điều khoản này với các nguyên tắc đã được thừa nhận của trường phái luật môi trường, như quyền khiếu kiện hoặc quyền tiếp cận công lý, có nghĩa là bất kỳ ai phát giác hoạt động WLFC trái phép cũng có thể nộp hồ sơ lên cơ quan có thẩm quyền liên quan hoặc tòa án.

Khuyến nghị

46. Thiết kế và tổ chức các khóa đào tạo cho kiểm sát viên về các kỹ thuật điều tra vụ án buôn bán động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật bao gồm biện pháp bảo quản các tang vật vụ án một cách an toàn và thích hợp.

Nhóm công tác cũng được biết về các kẽ hở khác của pháp luật liên quan như sau:

- Trong một vụ án năm 2012, 158kg ngà voi đã bị thu giữ và vụ án được đem ra xét xử tại tòa. Tuy nhiên, việc truy tố không thành công do không có cơ chế xác định giá trị số ngà voi thu giữ được.
- Một vụ án khác cũng được báo cáo cho nhóm công tác là vụ hai con sư tử đông lạnh bị thu giữ tại biên giới. Khi đưa ra xét xử tại tòa, truy tố không thành công do Nghị định số 32/2006 không đề cập đến sư tử. Kết quả là vụ án chỉ được giải quyết bằng các biện pháp xử phạt hành chính, thay vì áp dụng các chế tài hình sự.

Khuyến nghị

47. Sửa đổi pháp luật hình sự hiện hành để đưa vào các quy định về tất cả các loài nguy cấp theo Công ước CITES

Như đã nêu ở trên, pháp luật hình sự hiện vẫn còn kẽ hở và thiết sót theo đó đòi hỏi phải có quy định về giá trị tối thiểu của sản phẩm WLFC trái phép, bị thu giữ trong quá trình điều tra, đủ điều kiện để truy tố vụ án ra tòa. Kẽ hở này trên thực tế đã làm thất bại mục đích chính của việc trừng phạt tội phạm bởi đa phần thủ phạm được thả và chỉ phải chịu các biện pháp xử phạt hành chính, bằng cách trả vài khoản tiền phạt.

Ở đây sẽ là thích hợp để đề cập đến dự thảo thông tư do SPC ban hành ngày 19/03/2014, với tựa đề '*Hướng dẫn thủ tục tố tụng hình sự đối với đối tượng buôn bán, vận chuyển, tàng trữ trái phép ngà voi và sừng tê giác từ nước ngoài theo CITES*'. Việc khởi tố các vụ án về WLFC đang gặp nhiều vấn đề do khó có thể định giá hoặc tính toán được giá trị tang vật của hành vi phạm tội, như ngà voi hay sừng tê giác thu giữ tại biên giới. Theo dự thảo thông tư, lượng thay vì giá trị, ngà voi và sừng tê giác bị buôn lậu sẽ được dùng làm căn cứ khởi tố, điều này cũng phù hợp với thực tiễn công tác và các điều khoản của Bộ luật Hình sự. Theo dự thảo thông tư, tỉ lệ chuyển đổi trọng lượng giữa ngà voi và sừng tê giác là 1kg sừng tê giác tương ứng với 10kg ngà voi. Hệ thống mới được trình bày trong dự thảo thông tư tỏ ra có hiệu quả hơn nhiều và sẽ giúp khởi tố thành công các vụ án liên quan đến ngà voi và sừng tê giác trái phép.

Xét xử chậm trễ cũng là một trở ngại trong việc đảm bảo truy tố thành công, do thủ phạm có thể bỏ trốn và mất tích trong thời gian xét xử kéo dài, một số vụ án kéo dài đến năm năm. Kết quả là chỉ thu giữ được các sản phẩm động thực vật hoang dã mà không bắt giữ được thủ phạm hay đưa ra xét xử tại tòa.

Trên thực tế việc Việt Nam thực thi không hiệu quả pháp luật về bảo tồn động thực vật hoang dã dẫn đến số lượng các vụ truy tố tội phạm WLFC ở mức tương đối thấp. Thực trạng này càng trở nên

trầm trọng hơn bởi các bản án đưa ra biện pháp trừng phạt không thích đáng, không có tác dụng ngăn chặn, đặc biệt trong bối cảnh hoạt động buôn bán này bất hợp pháp đem lại lợi nhuận cao.

Pháp luật có một số điều khoản quy định về trách nhiệm giải trình của Viện Kiểm sát; bao gồm ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật (Điều 297 Bộ luật Hình sự); dùng nhục hình (Điều 298 Bộ luật Hình sự); bức cung (Điều 299 Bộ luật Hình sự); làm sai lệch hồ sơ vụ án (Điều 300 Bộ luật Hình sự); và thiếu trách nhiệm để người bị giam giữ bỏ trốn (Điều 301 Bộ luật Hình sự). Hiện chưa có bằng chứng về việc các điều khoản này đã được áp dụng trên thực tế.

9. PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

Bộ luật Hình sự có các quy định mở rộng về tội phạm tham nhũng, bao gồm Điều 278 tội tham ô tài sản; Điều 279 tội nhận hối lộ; Điều 280 tội lạm dụng chức vụ và/hoặc quyền hạn để chiếm đoạt tài sản; Điều 281 tội lợi dụng chức vụ và/hoặc quyền hạn trong khi thi hành công vụ; Điều 283 tội lợi dụng chức vụ và/hoặc quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi; Điều 289 tội đưa hối lộ; Điều 290 tội làm môi giới hối lộ; và Điều 291 tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ và quyền hạn để trục lợi. Ngoài ra còn có các bộ luật và văn bản dưới luật về vấn đề này như sau:

- **Luật số 55/2005/QH11 – Luật Phòng, chống tham nhũng 2005**, có hiệu lực từ ngày 1/6/2006, và được sửa đổi năm 2007. Ngoài việc hình sự hóa một số loại hình tham nhũng như tham ô, giả mạo, hối lộ, lạm dụng chức vụ, và rửa tiền, luật này còn đề ra các quy định về công khai tài sản đối với cán bộ nhà nước để tạo điều kiện xác minh những nguồn thu nhập bất hợp pháp.
- **Nghị định số 74/2005/NĐ-CP – Phòng chống rửa tiền**: Nghị định có hiệu lực từ ngày 1/8/2005, áp dụng đối với các cá nhân, cơ quan và tổ chức tại Việt Nam, cũng như các cá nhân, tổ chức nước ngoài cư trú hoặc thực hiện giao dịch liên quan đến dịch vụ và tài sản tại Việt Nam. Nghị định xác lập trách nhiệm chung về phòng chống rửa tiền và nghiêm cấm tham gia hoặc tạo điều kiện cho hoạt động rửa tiền. Nghị định cũng quy định về hoạt động hợp tác quốc tế trong phòng và chống rửa tiền.
- **Luật số 03/2011/QH13 – Luật tố cáo 2011**, có hiệu lực từ ngày 1/7/2011. Luật quy định về hoạt động tố cáo liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của các cơ quan, tổ chức và cá nhân. Một cơ chế phát giác hiệu quả có ý nghĩa sống còn bởi nó khuyến khích việc công khai những hành vi sai trái và nâng cao trách nhiệm giải trình.

Bên cạnh các quy định pháp luật kể trên, năm 2009 Việt Nam đã thông qua Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến 2020. Chiến lược bao gồm một kế hoạch hành động nhằm tăng cường tính minh bạch, cải thiện hoạt động điều tra và truy tố các vụ án tham nhũng, và nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của xã hội trong đấu tranh chống tham nhũng.

Các quy định kể trên là những công cụ thích hợp và có hiệu lực cần được sử dụng trong chống tham nhũng.

Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng năm 2014⁴⁵ xếp Việt Nam ở hạng thứ 119/175 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu, với điểm số là 31/100⁴⁶. Điều này có nghĩa là chỉ số giữ nguyên trong ba năm liên tiếp, trong khi đó hầu hết các quốc gia láng giềng thuộc Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đều cho thấy sự cải thiện, ngoại trừ Myanmar cũng không có thay đổi. Một trong những khuyến nghị chính của *‘Hướng tới minh bạch: Báo cáo về Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng’* như sau:

‘Để thực thi pháp luật hiệu quả hơn, không chỉ cần tăng cường sự phối kết hợp giữa các cơ quan có liên quan, mà còn phải trao quyền và nâng cao trách nhiệm giải trình của các tổ chức chống tham nhũng. Chúng tôi khuyến nghị Chính phủ cân nhắc việc trao quyền cho một tổ chức với nhiệm vụ,

⁴⁵ Hướng tới minh bạch (TT), Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng (CPI) phát hành ngày 3/12/2014

⁴⁶ CPI được tính toán dựa trên từ thang điểm từ 0-100 (trong đó 0 nghĩa là quốc gia tham nhũng cao và 100 là rất minh bạch)

quyền hạn rõ ràng, cũng như tính độc lập và năng lực để lãnh đạo, phối kết hợp và chịu trách nhiệm chung cho các nỗ lực thực thi pháp luật.⁴⁷

Việt Nam đã ký kết Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng (UNCAC) ngày 10/12/2003, và được Chủ tịch nước phê chuẩn ngày 30/06/2009. Các tổ chức hoạt động dưới sự chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tội hối lộ, cho dù chủ động hay bị động, được quy định tại điều 289, 277 và 279 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, đánh giá năm 2012 của LHQ về việc thực thi UNCAC cho rằng các Điều luật này không đủ mạnh và rất nhiều điều khoản của Công ước chưa được ban hành hoặc hướng dẫn thi hành trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Theo Điều 21 và 22 của UNCAC, mỗi Quốc gia thành viên phải cân nhắc áp dụng những quy định trong UNCAC cũng như các biện pháp khác nếu cần thiết để hình sự hóa tội hối lộ và tham ô tài sản trong khu vực tư nhân, trong trường hợp phạm tội có chủ ý trong các hoạt động kinh tế, tài chính và thương mại. Tội hối lộ và tham ô tài sản trong khu vực tư nhân chưa được thừa nhận là tội phạm hình sự trong bất kỳ văn bản pháp luật nào của pháp luật Việt Nam hiện hành.⁴⁸

Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phát động ‘Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2020’ vào ngày 12/05/2009 với một số mục tiêu cụ thể và mạnh mẽ nhằm ‘loại bỏ các cơ hội và điều kiện phát sinh tham nhũng, và củng cố niềm tin của nhân dân và cộng đồng quốc tế’. Chiến lược gồm một số tham vọng táo bạo thông qua một quy trình đánh giá theo từng giai đoạn nhằm đạt được các yêu cầu phát triển và tuân thủ theo UNCAC. Trách nhiệm giám sát và đánh giá chính thuộc về Thanh tra Chính phủ và Văn phòng Ban chỉ đạo trung ương về phòng chống tham nhũng. Mặc dù chắc chắn đang có những bước tiến và thành tựu tích cực nhưng do tính chất phức tạp của hoạt động tham nhũng và hối lộ ngày càng gia tăng nên các thách thức càng trở nên khó khăn hơn và dường như có ít tác động đến hoạt động tội phạm WLFC xuyên biên giới cũng như tác động đến các điều kiện phát triển của hoạt động phạm tội như việc làm giả giấy chứng nhận và giấy phép của các cơ quan xuất nhập khẩu.

Có rất nhiều phạm vi và lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro về tham nhũng và hối lộ. Việc chi trả nhiều tiền mặt để hàng hóa buôn lậu trái phép vượt qua các trạm kiểm soát, và sự chênh lệch giữa thu nhập của lực lượng Kiểm lâm, Cảnh sát và Hải quan, đều làm tăng nguy cơ các cán bộ tuyến đầu bị đưa hối lộ và các ưu đãi khác. Rất có khả năng những hành vi tham nhũng là phổ biến và trong một số trường hợp mang tính hệ thống.

Báo cáo cho biết trong một số trường hợp, văn hóa hối lộ đã lây lan mạnh (ví dụ tại Móng Cái, vùng đất khét tiếng ở biên giới phía bắc giáp với Trung Quốc) khiến cho ngay cả việc luân chuyển cán bộ cũng không có hoặc có rất ít tác dụng. Điều này chứng tỏ hoặc ít nhất gợi ý rằng tham nhũng trong một số trường hợp có tính tổ chức. Có ý kiến cho rằng ‘nguy cơ’ hoặc thậm chí ý chí chống lại và/hoặc ngăn chặn những thông lệ này, đều bị ngăn cản bởi sự thiếu hành động của một số cán bộ cấp cao, mà chủ yếu là do cán bộ phụ thuộc nhiều vào nguồn thu nhập ngoài luồng để hỗ trợ cho mức lương chính vốn rất thấp và họ không hiểu hoặc không quan tâm đến những tác động tiêu cực ở cấp quốc gia và toàn cầu nếu họ bỏ qua và không quyết tâm đối phó với hoạt động buôn lậu, trong đó có WLFC. Khái niệm về ‘kiểm tra tính liêm chính’ và việc áp dụng các phương pháp điều tra bí

⁴⁷ Khuyến nghị của TT CPI, 2014

⁴⁸ Phòng chống tham nhũng ở Việt Nam, Đỗ Thị Phương, 2010

mặt, ngay cả ở những ‘điểm nóng’ cũng không được chấp nhận rộng rãi và coi là cần thiết, hoặc chỉ được coi là trách nhiệm của lãnh đạo cấp cao.

Đây là những lĩnh vực khó khăn và khi phải đối mặt với một tổ chức tội phạm xuyên quốc gia trị giá hàng tỉ đô la thì càng không thể xem nhẹ quy mô của những thách thức này. Cần nhận thức rõ rằng Đảng, Quốc hội và Chính phủ Việt Nam đang công khai thừa nhận tham nhũng là một vấn nạn và cần được xử lý triệt để.

Cần có cam kết về một định hướng rõ ràng, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình công khai thông qua hệ thống tòa án và xóa bỏ thông lệ hối lộ khi làm kinh doanh. Nếu không được giải quyết, thông lệ này cũng sẽ tác động đáng kể đến uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, gây ra những hậu quả lâu dài đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và lòng tin vào khả năng duy trì tăng trưởng kinh tế.

Khuyến nghị

48. Đưa định nghĩa được thừa nhận về tội hối lộ trong khu vực nhà nước và tư nhân vào Bộ luật Hình sự, cùng các chế tài xử phạt mạnh mẽ

49. Thiết lập đường dây nóng bảo mật và dành riêng cho việc tố giác những hành vi và cán bộ tham nhũng, cùng các biện pháp bảo vệ về pháp lý cho những người phát giác và người tố giác

50. Tiến hành đánh giá độc lập các điểm tiềm ẩn nhiều nguy cơ và các tuyến đường buôn lậu để đưa ra những cơ chế khả thi và hiệu quả nhằm đối phó với tệ nạn tham nhũng và xử lý các cán bộ không trung thực

10. CÁC TÁC NHÂN VÀ GIẢM THIỂU NHU CẦU

Các tác nhân

Việc khai thác và lạm dụng hệ động thực vật nguy cấp tồn tại ở hai cấp độ khác nhau: xuyên quốc gia và quốc gia.

Bất chấp các đề nghị và nỗ lực hết mình, nhóm công tác vẫn không được cung cấp thông tin hay bằng chứng rõ ràng nào về các hoạt động của tội phạm xuyên quốc gia, hoặc những vụ thu giữ động thực vật hoang dã nguy cấp, lâm sản trái phép hay các loài động thực vật khác ở quy mô lớn để chứng minh cho sự thành công trong việc ngăn chặn xu hướng buôn lậu trái phép. Đây là điều bất thường đáng lo ngại nếu so sánh với các số liệu báo cáo về hoạt động buôn lậu. Vị trí của Việt Nam dù nhỏ nhưng được nêu bật trong Phụ lục F '*Báo cáo nguồn mở về các vụ thu giữ*' và ở một mức độ nhất định, vị trí này được thể hiện trong dữ liệu về các vụ thu giữ ở phần 7 '*Thực thi pháp luật*'. Không thể chối cãi rằng các loài tê tê, hổ, voi và gấu đang gần như tuyệt chủng trong tự nhiên ở Việt Nam, chưa kể đến một số loài bò sát nguy cấp và các loài thực vật quý hiếm nhất định.

Thực trạng này không chỉ là gánh nặng trên vai các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam, Viện Kiểm sát, Tòa án hay Chính phủ; mà nó là tổng hòa của nhiều nhân tố, rất nhiều trong số đó đã được nhấn mạnh trong các khuyến nghị, và chủ yếu xoay quanh một Bộ luật Hình sự yếu kém và khó hiểu, các kỹ thuật buôn lậu và hoạt động tội phạm ngày càng phức tạp, tình trạng làm giả và làm sai lệch giấy phép thương mại, lạm dụng sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, hoạt động nuôi, trồng các loài động thực vật. Biên giới trên biển và trên đất liền rộng lớn, với khoảng 120 trạm kiểm soát Hải quan, đem lại thêm những cơ hội và thách thức cho hoạt động buôn lậu trên đất liền, trên biển và, ở mức độ thấp hơn, trên không.

Cơ hội phát sinh tham nhũng, cả hình thức đưa và nhận hối lộ, chỉ càng khiến cho công tác phát hiện, thu giữ, khởi tố, và kết án chính xác tội phạm WLFC trở nên khó khăn hơn thực trạng vốn có.

Trên phạm vi quốc gia và quốc tế, tội phạm đang được hưởng lợi từ các nghị định và quy định pháp luật không nhất quán, khó hiểu, và thường mâu thuẫn. Điều này được minh chứng qua sự mập mờ trong quy định của Luật Bảo tồn đa dạng sinh học (2008) về hoạt động sản xuất nông nghiệp liên quan đến những loài thuộc Danh sách loài nguy cấp, quý và hiếm được ưu tiên bảo vệ. Hoạt động này được phân thành hai nhóm, theo Điều 45 Luật Bảo tồn đa dạng sinh học. Điều này có nghĩa là khi áp dụng vào thực tế sẽ gặp khó khăn trong việc phân tách hoạt động nuôi sinh sản và nuôi sinh trưởng cũng như khó khăn trong phân biệt các cơ sở được phép chăm sóc và nuôi trồng động thực vật hoang dã. Hệ quả của nó là sự ra đời của các quy trình thủ tục hành chính phức tạp, theo đó Cục kiểm lâm thay mặt cho CMA luôn cố gắng diễn giải cách thức để phân biệt giữa chăn nuôi hợp pháp và bất hợp pháp.

Giấy chứng nhận/giấy phép thực tế được cấp cho hoạt động sản xuất nông nghiệp 'hợp pháp' liên quan đến các loài nguy cấp, thực vật, cá và các loài động vật biển có vú quý hiếm khác. Đây là hoạt động xuất khẩu thương mại đang phát triển mạnh, với việc các loài bị đánh cắp từ tự nhiên lại bị mạo nhận là sinh sản trong điều kiện nuôi nhốt.

Thực trạng này càng trầm trọng hơn do cách thức giải quyết các vi phạm hành chính về quản lý, bảo tồn và thu giữ động thực vật hoang dã, được nêu trong nhiều văn bản pháp luật. Các mức tiền phạt

thường quá thấp và thực tế là động thực vật hoang dã thu giữ được – cho dù là động vật hay thực vật, còn sống hay đã chết, thường được bán ra thị trường và được mua lại bởi chính đối tượng phạm tội sở hữu chúng đầu tiên, do đó không có nhiều tác dụng ngăn chặn hành vi phạm tội. Nhóm công tác không tìm được bằng chứng gì để chứng minh hoặc thậm chí gợi ý rằng số tiền thu được đã được sử dụng cho các hoạt động bảo tồn hay phòng chống tội phạm.

Ngay cả trong thời gian trước và trong Tết Nguyên Đán (Tết âm lịch), được coi là lễ hội lớn nhất và phổ biến nhất trong năm ở Việt Nam, khi lượng tiêu thụ động vật, thực vật và động vật có vú hoang dã ngoại nhập ở mức đỉnh điểm, thì cũng không hoặc có rất ít bằng chứng về các vụ thu giữ. Chiến thuật kiểm tra trên cả thị trường hợp pháp và bất hợp pháp, các nhà hàng, và những địa điểm cung ứng thực phẩm khác, tỏ ra hoặc không hiệu quả hoặc sai hướng; gần như không có tác động bất lợi gì đến hoạt động buôn bán và tiêu thụ động thực vật hoang dã vẫn đang tiếp diễn.

Các quan chức biện hộ rằng lực lượng Công an rất khó phát hiện hoạt động tiêu thụ và buôn bán ‘thịt thú rừng’ diễn ra trong các cộng đồng địa phương. Mặc dù các hoạt động này có thể không phải là hoạt động săn bắn quy mô lớn, làm nguồn cung chính cho các thị trường tội phạm xuyên quốc gia nhưng những hoạt động này được cho là sẽ củng cố và duy trì quan điểm cho rằng trọng tâm là nhằm thu hoạch đất đai để thu lợi thay vì bảo tồn.

Mặc dù điều kiện sống và sinh kế của người dân ở hầu hết các tỉnh thành của Việt Nam trong vòng 10-15 năm qua đã được cải thiện đáng kể, đặc biệt là các tỉnh tập trung những ngành công nghiệp lớn; nhưng vẫn có sự chênh lệch không nhỏ giữa tầng lớp giàu và nghèo nhất. Hiện vẫn còn những thách thức trong việc đảm bảo và duy trì nguồn sinh kế thay thế cho các cộng đồng nông thôn. Điều này đặc biệt rõ nét ở những làng xã hẻo lánh nơi đất và rừng là những phương tiện kiếm sống chủ yếu.

Vị trí thương mại và chiến lược của ngành lâm nghiệp là một vấn đề đang còn nhiều tranh luận. Cần lưu ý rằng phần lớn diện tích rừng của Việt Nam đã bị xuống cấp, tàn phá, hoặc rụng lá sau các cuộc xung đột vào giữa thế kỷ 20. Bởi vậy, Việt Nam đã khởi động chương trình tái trồng rừng quốc gia năm 1987. Những nỗ lực của chương trình này đã nâng tỉ lệ che phủ rừng từ khoảng 26% năm 1994 lên khoảng 39.7% năm 2011. Tuy nhiên, trong khi tổng diện tích rừng trên cả nước đã tăng trong vòng 20 năm qua thì phần lớn sự tăng trưởng này đến từ việc phát triển cây trồng quy mô lớn, chủ yếu là cao su.

Sự tăng trưởng theo cấp số nhân của ngành sản xuất và xuất khẩu gỗ ở Việt Nam có lẽ đã vượt xa sản lượng gỗ chất lượng cao sẵn có. Do lệnh cấm khai thác gỗ vì mục đích thương mại ở Việt Nam nên gỗ được nhập khẩu từ các quốc gia láng giềng, chủ yếu là Campuchia, CHDCND Lào và Myanmar, ngoài ra còn có Indonesia, Malaysia, châu Phi và Nam Mỹ.⁴⁹

Sự tăng trưởng nhanh chóng của ngành công nghiệp chế biến gỗ đã khiến nhu cầu và cơ hội nhập khẩu gỗ trái phép nở rộ, và làm gia tăng hoạt động buôn bán gỗ lậu xuất khẩu trái phép từ các quốc gia nguồn.

⁴⁹ UNODC: Tư pháp hình sự về hoạt động buôn bán gỗ trái phép ở Việt Nam, 2013

Lĩnh vực chế biến gỗ trong nước dự đoán kim ngạch xuất khẩu kỷ lục ở mức 3,9 tỉ đô la Mỹ năm 2011. Số liệu từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy kim ngạch xuất khẩu gỗ từ đầu năm tính đến tháng 11 năm 2014 đạt 3,5 tỉ đô la Mỹ, tăng 15% so với cùng kỳ năm ngoái. Hoa Kỳ, chiếm một phần ba tổng giá trị xuất khẩu, vẫn là đối tác nhập khẩu gỗ lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu gỗ được dự báo sẽ đạt mức 3,9 tỉ đô la Mỹ vào cuối năm, tức là cao hơn 500 triệu đô la Mỹ so với số liệu được ghi nhận của năm ngoái.⁵⁰

Giảm thiểu nhu cầu

Hoạt động săn trộm và buôn bán trái phép động thực vật hoang dã bắt nguồn từ nhu cầu ngày càng gia tăng về các sản phẩm động thực vật hoang dã bất hợp pháp, đặc biệt là từ những nền kinh tế tăng trưởng nhanh ở châu Á. Các loài động thực vật bị săn bắn trái phép và tách ra khỏi môi trường sống tự nhiên, bị buôn bán dù còn sống hay đã chết, dưới dạng từng phần hoặc thành phẩm liên quan, và vận chuyển đến các thị trường tiêu thụ nơi chúng bị mua để dùng làm thuốc đông y, thực phẩm, vật nuôi, đồ thờ, đồ trang trí, hay thuốc kích dục.

Việt Nam nhanh chóng chuyển đổi từ quốc gia cung cấp động thực vật hoang dã đáp ứng nhu cầu của các thị trường xuất khẩu (chủ yếu là Trung Quốc) trở thành nước nhập khẩu và tiêu thụ động thực vật hoang dã chủ chốt. Thực trạng này phần lớn là do sự tăng trưởng kinh tế mau lẹ của Việt Nam trong vòng 20 năm qua, theo đó bùng nổ nhu cầu về hàng hóa xa xỉ, bao gồm các sản phẩm động thực vật hoang dã giá trị cao, thường được tiêu thụ trong các nhà hàng đặc sản hoặc dùng làm thuốc đông y. Tuy nhiên, đây cũng là hệ quả của sự suy giảm trên diện rộng các loài động thực vật hoang dã ở hầu hết các khu vực rừng núi trong phạm vi Việt Nam.

Rất nhiều nghiên cứu và khảo sát đã được tiến hành ở Việt Nam trong những năm gần đây để tìm hiểu về thái độ và hành vi của những người tiêu thụ động thực vật hoang dã, và hướng đến các nỗ lực giảm thiểu nhu cầu. Chẳng hạn, nghiên cứu năm 2013 của TRAFFIC về người tiêu thụ sừng tê giác ở Việt Nam cho thấy đối tượng mua sừng tê giác thường là phụ nữ trung niên hoặc lớn tuổi hơn, có học thức, và thường mua cho người khác; trong khi đối tượng sử dụng sừng tê giác thường là những người đàn ông giàu có tuổi từ 40 trở lên⁵¹.

Một cuộc khảo sát khác được TRAFFIC thực hiện năm 2007 tại Hà Nội chỉ ra rằng đa phần cộng đồng thiếu hiểu biết về pháp luật bảo vệ động thực vật hoang dã cũng như các tác động đến môi trường của hành vi tiêu thụ động thực vật hoang dã⁵². Khảo sát cũng cho thấy việc tiêu thụ động thực vật hoang dã ở Hà Nội không chỉ phổ biến, mà còn đang có chiều hướng gia tăng, do nhiều người tham gia khảo sát xác định họ sẽ sử dụng trong tương lai. Thêm vào đó, một cuộc khảo sát do Viện Xã hội học thực hiện tại Hà Nội năm 2014 cũng cho kết quả tương tự⁵³, đồng thời khảo sát cũng phát hiện ra rằng người tiêu dùng bị thúc đẩy bởi niềm tin trong sâu thẳm về hiệu quả của sản phẩm động

⁵⁰ Thông tin từ dữ liệu về GỖ VIỆT NAM tại Hội chợ công nghiệp ngày 14-17/10/2015 (phát hành ngày 19/02/15)

⁵¹ TRAFFIC, 2013, *Người sử dụng sừng tê giác: Họ là ai?*, Hà Nội, Việt Nam

⁵² Venkataraman, B, 2007, *Vấn đề về thái độ: Hành vi tiêu thụ sản phẩm động vật hoang dã tại Hà Nội, Việt Nam*, TRAFFIC Khu vực Đông Nam Á, Chương trình Mê công mở rộng, Việt Nam

⁵³ Viện Xã hội học, 2014, *Khảo sát về Nhận thức, Thái độ và Hành vi liên quan đến sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã ở Hà Nội*, ra đời trong khuôn khổ dự án của GEF/Ngân hàng Thế giới về "Tiêu thụ động vật hoang dã ở Việt Nam: Cải cách chính sách và thông lệ thực hành để củng cố bảo tồn đa dạng sinh học"

thực vật hoang dã (mặc dù chỉ dựa vào các thông tin sai lệch, truyền thuyết hoặc tin đồn), và họ thiếu nhận thức về tác động cuối cùng của việc mua và sử dụng những sản phẩm này đến môi trường tự nhiên.

Những nghiên cứu này đều chỉ ra rằng các nhân tố kinh tế và xã hội phức tạp có ảnh hưởng quan trọng đến hành vi tiêu thụ động thực vật hoang dã ở Việt Nam, trong đó có văn hóa tặng quà trong kinh doanh, truyền thống ăn sâu bám rễ về sử dụng thuốc làm từ các sản phẩm động thực vật hoang dã, và khao khát thể hiện sự giàu sang cũng như địa vị xã hội. Sự giàu sang là một nhân tố đáng kể thúc đẩy hành vi tiêu thụ động thực vật hoang dã, do giá cả đắt đỏ của các sản phẩm động thực vật hoang dã quý hiếm; và nhu cầu này cao nhất là ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, nơi tập trung nhiều doanh nhân giàu có và quan chức nhà nước.

Có rất nhiều tổ chức NGO đang làm việc trên các khía cạnh khác nhau của vấn đề giảm thiểu nhu cầu ở Việt Nam, sử dụng những chiến dịch tiếp thị mục tiêu và nâng cao nhận thức cộng đồng, trong đó có ENV, TRAFFIC, WWF, Tổ chức Nhân đạo quốc tế (Humane Society International), Tổ chức Động vật châu Á (Animals Asia Foundation), WCS Việt Nam, Tổ chức Cứu trợ hoang dã (WildAid), Tổ chức Freeland, và các tổ chức khác, bên cạnh các cơ quan chính phủ như CMA (trực thuộc MARD) và Cục Bảo tồn đa dạng sinh học (trực thuộc MONRE). Chắc chắn rằng theo thời gian kết hợp với những nỗ lực thực thi pháp luật hiệu quả, các hoạt động giáo dục và nâng cao nhận thức cộng đồng sẽ đóng vai trò quan trọng trong ngăn chặn và giảm thiểu tình trạng buôn bán và tiêu thụ động thực vật hoang dã bất hợp pháp.

Ví dụ, ENV phát hành một báo cáo vào tháng 5/2015 cho thấy sự thay đổi trong thái độ của công chúng đối với việc sử dụng mật gấu trong vòng 5 năm từ 2009-2014 ở Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh⁵⁴. Các kết quả báo cáo của ENV chỉ ra rằng số lượng người sử dụng mật gấu (những người đã sử dụng mật gấu trong vòng 2 năm qua) đã giảm 61%. Lý do ngừng sử dụng mật gấu là bởi họ không có nhu cầu về mật gấu; mật gấu tỏ ra không hiệu quả; và họ cảm thấy lo ngại cho loài gấu. Hơn một nửa số người tham gia khảo sát cũng nói thêm rằng họ đã được tiếp cận với một số tài liệu hoặc hoạt động nâng cao nhận thức về bảo vệ gấu.

Sau chiến dịch kéo dài một năm, năm 2014 CMA Việt Nam và Tổ chức Nhân đạo quốc tế cũng công bố kết luận rằng số lượng người mua hoặc sử dụng sừng tê giác đã giảm 38%⁵⁵, với một phần tư số người được hỏi đồng ý rằng sản phẩm này không có tác dụng chữa bệnh. Hiện vẫn còn một số tranh luận về giá trị của những kết quả nghiên cứu này, bởi chúng chỉ dựa trên một mẫu quy mô tương đối nhỏ, và thiếu các nghiên cứu liên tục, thiết thực và nhất quán về mật thống kê để xác minh những kết luận này; mặc dù vậy, đây vẫn nên được khen ngợi là một bước đi tích cực theo hướng nâng cao nhận thức và phấn đấu giảm thiểu nhu cầu về sừng tê giác.

Gần đây Việt Nam cũng đang cân nhắc việc phá hủy kho ngà voi, sừng tê giác và xương hổ thu giữ từ hoạt động buôn bán trái phép, một động thái cho thấy cam kết của mình trong đấu tranh chống nạn

⁵⁴ Trung tâm Giáo dục thiên nhiên – Việt Nam, 2015, *‘Phân tích thay đổi trong xu hướng tiêu thụ mật gấu ở Việt Nam’*, Hà Nội, Việt Nam

⁵⁵ CMA Việt Nam và Tổ chức Nhân đạo quốc tế, 2014, *‘Chiến dịch giảm thiểu nhu cầu tiêu thụ sừng tê giác ở Việt Nam’*, Hà Nội, Việt Nam

buôn lậu động vật hoang dã. Mặc dù vẫn còn một số quan điểm trái chiều về việc liệu phá hủy kho hàng lưu trữ có khả năng càng làm gia tăng nhu cầu về sản phẩm động vật hoang dã hay không, nhưng hành động này chắc chắn sẽ xóa bỏ số hàng lưu trữ và giảm nguy cơ bị thất thoát cho hoạt động buôn bán bất hợp pháp. Phá hủy kho hàng lưu trữ cũng là một cơ hội hiếm có để thu hút sự chú ý của công chúng về quy mô, tính chất và tác động của những hành vi phạm tội nghiêm trọng ẩn sau các vụ thu giữ này, đồng thời có tác dụng ngăn chặn hoạt động buôn bán trái phép.

Không có giải pháp duy nhất nào có thể giải quyết được mọi vấn đề của WLFC, chúng ta cần kết hợp nhiều biện pháp để tấn công tổng lực từ mọi hướng. Thực thi pháp luật rất quan trọng, nhưng như vấn nạn ma túy đã cho chúng ta thấy, nếu thực thi pháp luật không đi kèm với giảm thiểu nhu cầu thì cuối cùng cũng sẽ thất bại. Đây chính là lý do khiến giảm thiểu nhu cầu mang tính quyết định đối với việc giải quyết thành công vấn nạn WLFC.

Cộng đồng địa phương

Được sự cho phép của Ủy ban Nhân dân xã phường hoặc quận huyện, vô số nhóm/diễn đàn địa phương đã được thành lập để bảo vệ môi trường, phối hợp hoạt động với cán bộ của lực lượng Kiểm lâm trong các cuộc tuần tra chung. Ở một số khu vực gần biên giới, lực lượng Biên phòng có nhiệm vụ cung cấp thông tin cho các cộng đồng địa phương về những biện pháp xử phạt hành vi săn bắn và buôn bán trái phép, cũng như nâng cao nhận thức của họ về các loài nguy cấp. Do không có hoặc có rất ít bằng chứng về các tác động cũng như kết quả của những giải pháp này nên khó có thể đánh giá hay nhận xét về tính hiệu quả của chúng. Ngân sách khen thưởng cho việc cung cấp thông tin hay hỗ trợ công tác bảo tồn dường như cũng rất thấp, và không đủ để bù đắp cho những rủi ro và nguy hiểm mà người cung cấp thông tin hay gia đình họ phải đối mặt.

Các cộng đồng địa phương rất ít khi bị áp dụng các chế tài xử phạt hành chính, và điều này có thể phản ánh thái độ thờ ơ với hành vi tiêu thụ động thực vật hoang dã.

Quan trọng là phải lôi kéo các cộng đồng sinh sống gần nơi cư trú của động thực vật hoang dã, như vùng rừng núi và xung quanh các khu vực được bảo vệ, tham gia vào công tác xây dựng và quyết định chính sách, cũng như đóng góp và nhất trí với các chiến lược về bảo tồn, bảo vệ và phòng ngừa. Điều này có mối liên hệ với các dự án giảm nghèo, nhờ đó cộng đồng địa phương mới được cung cấp đủ phương tiện sinh kế và họ không cần phải sinh sống dựa vào nguồn động thực vật hoang dã.

Từ tất cả các cuộc phỏng vấn và thăm quan đã được tiến hành, có thể thấy hiện vẫn chưa có sự tham gia và gắn kết một cách có ý nghĩa của các tổ chức xã hội dân sự.

Giảm nghèo

Trên khắp Việt Nam có những cộng đồng sinh sống ở những vùng hẻo lánh và bị cô lập, nơi nguồn thực phẩm và sinh kế phụ thuộc hoàn toàn vào rừng và động thực vật hoang dã. Khi hoạt động buôn bán động thực vật hoang dã tiếp tục tăng trưởng, có thể thấy là chưa có các chính sách của chính phủ hay các chương trình khác liên quan đến những mục tiêu phát triển và giảm nghèo quốc gia. Đầu tư lớn vào hoạt động lai tạo và nhân giống các loài nuôi nhốt đem lại nguồn thu và lợi nhuận lớn, nhưng hoạt động này gần như không được trao hay chia sẻ cho cộng đồng địa phương. Có rất ít bằng chứng về việc áp dụng một phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng trong quản lý động thực vật hoang dã bền vững, và việc phân biệt giữa buôn bán động thực vật hoang dã bất hợp pháp và sử

dụng động thực vật hoang dã hợp pháp nhìn chung vẫn phức tạp và dễ gây nhầm lẫn. Vai trò và tầm quan trọng của các diễn đàn thuộc Ủy ban Nhân dân xã phường và quận huyện là nền tảng để đảm bảo các phương thức sinh kế thay thế mang tính bền vững được triển khai, hỗ trợ và quản lý.

Quản lý gỗ

Chính phủ Việt Nam đã đạt được một số thành tựu trong giải quyết tình trạng chặt phá và buôn bán gỗ trái phép. Chính phủ đang đàm phán về một thỏa thuận hợp tác tự nguyện (VPA) với Liên minh châu Âu (EU), một quy trình thúc đẩy việc đánh giá lại hệ thống pháp luật và tìm cách cải thiện mối quan hệ giữa chính phủ và khu vực xã hội dân sự. Hoạt động này cũng bao gồm việc thiết lập Lực lượng thực thi lâm luật, quản trị rừng và buôn bán gỗ trực thuộc Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam. Với việc áp dụng hệ thống đảm bảo tính hợp pháp (LAS), Chính phủ phấn đấu xây dựng một hệ thống xác minh và truy nguyên nguồn gốc gỗ minh bạch hơn. Ngoài ra còn có các thỏa thuận đã ký kết với CHDCND Lào và Campuchia theo đó Chính phủ cam kết hợp tác trong lĩnh vực quản lý rừng và buôn bán lâm sản.⁵⁶

Đáng tiếc là tình trạng tham nhũng, thiếu tuân thủ luật pháp và yếu kém về năng lực thu thập dữ liệu khiến việc xác định nguồn gốc các loại gỗ ở CHDCND Lào và Campuchia gặp nhiều khó khăn. Một số báo cáo của EIA và tổ chức Global Witness đã chỉ ra mức độ tham nhũng và tình trạng lạm dụng hoặc làm giả giấy phép xảy ra thường xuyên ở hai quốc gia này.⁵⁷ Điều này ảnh hưởng nặng nề đến tính chính xác của các tuyên bố mà Việt Nam đưa ra để chứng nhận nguồn gốc các loại gỗ nhập khẩu từ hai nước này. Khi nào còn chưa có một hệ thống điện tử cho phép tất cả giấy phép được nhập vào một cơ sở dữ liệu điện tử tập trung mà cả ba quốc gia có thể truy cập và truy nguyên được nguồn gốc gỗ thì khi đó vẫn tồn tại những nghi ngờ về khả năng xác minh nguồn gốc gỗ nhập vào Việt Nam từ CHDCND Lào và Campuchia.

Chủ đề thường trực trong công tác thực thi pháp luật là việc khan hiếm thông tin về các chuyến hàng bất hợp pháp, và việc thiếu vắng một cơ chế chính thức để gửi và nhận các cảnh báo về tuyến đường và điểm đến của các chuyến hàng bất hợp pháp. 'Phòng Quản lý rủi ro' thuộc Tổng cục Hải quan cần xây dựng một hệ thống như vậy, nhưng hiện tại, phòng này không phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hàng hóa xuất nhập khẩu.

⁵⁶ Chatham House: Viện nghiên cứu các vấn đề quốc tế của Hoàng gia Anh, Buôn bán gỗ bất hợp pháp: Phản ứng của Việt Nam, Tháng 12/2014

⁵⁷ Cơ quan Điều tra môi trường đã xuất bản một số báo cáo trong những năm gần đây, như *Xuyên biên giới: Buôn bán gỗ trái phép giữa Lào và Việt Nam* (2011), *Trộm cướp gỗ hồng đào* (2012a), *Trạm kiểm soát: Các nhóm lợi ích mạnh mẽ tiếp tục phá hoại công tác quản trị rừng tại Lào như thế nào?* (2012b), *Xu hướng phá rừng: Hoạt động buôn bán gỗ trái phép ở Trung Quốc* (2012), *Những tuyến đường dẫn đến tuyệt chủng* (2014b) và *Các cuộc khủng hoảng gỗ hồng đào tại Myanmar* (2014a). Nhóm vận động Global Witness (2015) đã xuất bản tài liệu mới nhất *Cái giá của sự xa xỉ*, một báo cáo trong đó các tác giả giữ nguyên cáo buộc về những mạng lưới và xu hướng có tổ chức ở Campuchia tạo điều kiện cho hoạt động buôn bán gỗ trái phép, với sự tham gia của các quan chức cấp cao và các công ty tư nhân.

11. DỮ LIỆU VÀ PHÂN TÍCH

Hiển nhiên là đang thiếu trầm trọng một quy trình thu thập, lưu trữ và quản lý dữ liệu tiêu chuẩn ở tất cả các cơ quan. Phân tích cho thấy có một nhóm giải pháp rõ ràng, những giải pháp này cần được hiểu thấu đáo và cần phải xem xét đến các khác biệt về văn hóa và tổ chức một cách khéo léo và có chủ đích. Điều này càng trở nên cần thiết hơn trong bối cảnh quốc tế:

- ✓ Thiếu sự tin cậy và tín nhiệm giữa các cơ quan trong nước và quốc tế
- ✓ Các yêu cầu pháp lý và thủ tục khác nhau về cung cấp thông tin và thông tin nghiệp vụ
- ✓ An ninh thông tin và quản lý thông tin
- ✓ Rủi ro của nguồn tin và nguy cơ tiết lộ kỹ thuật và bí mật kinh doanh
- ✓ Sử dụng sai mục đích và/hoặc phát tán thông tin không phù hợp ra bên ngoài

Nền tảng truyền thông của Mạng lưới thực thi Hải quan (CENcomm) thuộc Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) cung cấp giải pháp truyền thông có thể áp dụng ngay và phù hợp nhất cho Việt Nam để trao đổi thông tin nghiệp vụ song phương và thu nhận kiến thức đa chiều một cách an toàn. Các cơ quan thực thi pháp luật về WLFC tại Việt Nam cần áp dụng cơ sở dữ liệu này để thu thập dữ liệu, chia sẻ thông tin và thông tin nghiệp vụ trên phạm vi quốc tế.

Cục Quản lý môi trường Việt Nam tại Hà Nội đã xây dựng một cơ sở dữ liệu để cung cấp các giải pháp chia sẻ thông tin WLFC trên toàn quốc. Cơ sở dữ liệu này có thể truy cập được tại trang web của VEA, và sẵn sàng để các cơ quan thực thi pháp luật tại Hà Nội bao gồm Cục Kiểm lâm, Cảnh sát môi trường, Hải quan và Viện kiểm sát sử dụng. Cảnh sát môi trường cấp trung ương cũng có thể sử dụng cơ sở dữ liệu này. Hiện hệ thống này mới chỉ áp dụng cho các tội phạm về động thực vật hoang dã, nhưng cần được mở rộng áp dụng cho cả tội phạm về lâm sản.

Thành công thực sự là phải khuyến khích các cơ quan thực thi pháp luật, bảo vệ và bảo tồn động thực vật hoang dã tại Việt Nam đóng góp một cách cởi mở và toàn diện, tiến hành khảo sát kỹ lưỡng, độc lập và với bên ngoài để đảm bảo độ tin cậy và tính minh bạch.

12. KẾT LUẬN

Mỗi năm Việt Nam ước tính có khoảng 3.700 đến 4.500 tấn động vật hoang dã (trừ các loài thủy hải sản) bị sử dụng làm thực phẩm, thuốc, đồ trang trí và vật nuôi. Ngoài ra, có hơn 20.000 tấn cây thuốc được tiêu thụ hàng năm (Chính phủ Việt Nam, 2004, Nguyen Q.T và cộng sự 2004). Quản lý tốt các nguồn tài nguyên thiên nhiên là yếu tố cốt yếu để đảm bảo nguồn cung thường xuyên về các loại tài nguyên có khả năng tái tạo, và ngăn chặn sự suy giảm tài nguyên nghiêm trọng không lường trước được. Hậu quả trực tiếp của sự quản lý yếu kém thông qua thực trạng khai thác và tiêu thụ quá mức chính là việc các loài động thực vật bị tuyệt chủng và môi trường sống bị phá hủy. Như báo cáo đã nhấn mạnh, có một số nhân tố góp phần gây ra sự suy giảm các nguồn tài nguyên động thực vật hoang dã và lâm sản ở Việt Nam, như hạn chế về kiến thức và nhận thức, nhu cầu cao về tiêu thụ động thực vật hoang dã làm thực phẩm và thuốc, ưu tiên áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, giám sát và thanh tra không đầy đủ, thiếu sự phối hợp và hợp tác giữa các cơ quan, và các vấn đề của pháp luật hình sự.

Báo cáo phản ánh những điểm mạnh và điểm yếu trong công tác phòng ngừa và đấu tranh các tội phạm về động thực vật hoang dã và lâm sản của Việt Nam. Báo cáo đưa ra nhiều khuyến nghị và kế hoạch thực thi để giải quyết các thách thức nhằm cải thiện tình hình, chẳng hạn sửa đổi các văn bản pháp luật về WLFC, đặc biệt là Bộ luật Hình sự, để giải quyết các vấn đề như trách nhiệm của pháp nhân, đưa ra các chế tài xử phạt mang tính răn đe, nghiêm cấm việc tàng trữ, sử dụng và buôn bán sừng tê giác, và đưa ra một đề xuất là căn cứ vào khối lượng thay vì giá trị bằng tiền của ngà voi và sừng tê giác bất hợp pháp để khởi tố vụ án. Những biện pháp như hệ thống hóa các văn bản pháp luật, xây dựng bản tóm tắt các vụ xét xử về WLFC, nâng cao kiến thức chuyên môn và nhận thức của các cơ quan tòa án, viện kiểm sát và các cơ quan thực thi pháp luật khác về tính chất đặc thù của tội phạm về động thực vật hoang dã và lâm sản và thiết lập một cơ chế liên hệ giữa các thẩm phán để họ chia sẻ thông tin và nội dung các phán quyết về tội phạm WLFC sẽ giúp sắp xếp hiệu quả hơn các chức năng của hệ thống Tư pháp trong đấu tranh chống tội phạm WLFC. Ngoài ra cũng cần phải sửa đổi các quy định pháp luật liên quan đến việc thực thi các công ước và hiệp định quốc tế, đặc biệt là CITES, đồng thời củng cố quan hệ phối hợp và hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật. Các chiến dịch truyền thông toàn diện để ngăn chặn hành vi tiêu thụ động thực vật hoang dã bất hợp pháp làm thực phẩm và thuốc và nâng cao nhận thức của cộng đồng cũng mang ý nghĩa quyết định đối với công tác bảo tồn động thực vật hoang dã ở Việt Nam.

13. DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ

1*	Sửa đổi bộ luật hình sự hiện hành và các văn bản luật khác, bao gồm các Nghị định và Thông tư liên quan để quy định bổ sung các hình phạt mang tính răn đe nhằm hạn chế động cơ phạm tội WLFC
2*	Bổ sung định nghĩa về “số lượng rất lớn” và “số lượng đặc biệt lớn” vào quy định của Điều 154.
3*	Bổ sung quy định về “pháp nhân” vào Điều 191 Bộ luật Hình sự
4*	Cần sửa đổi Nghị định 82/2006/NĐ-CP theo hướng cấm tàng trữ, sử dụng và buôn bán sừng tê giác.
5	Cần sửa đổi Điều 9, Nghị định 32/2006/NĐ-CP theo hướng cấm buôn bán bất kỳ loài động, thực vật hoang dã quý hiếm hoặc nguy cấp nào
6	Cần xây dựng một Thông tư hướng dẫn áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và hình sự cho đến khi Dự luật mới về Đa dạng sinh học được soạn thảo
7	Cần tăng tối đa khung hình phạt dành cho các tổ chức trong khuôn khổ Nghị định 157/2013/NĐ-CP
8	Bỏ Điều 6(1)(a) của Nghị định 157/2013/NĐ-CP cho phép bán các sản phẩm bị thu giữ hoặc chỉ giới hạn áp dụng cho các sản phẩm gỗ.
9	Cần xây dựng một Thông tư hướng dẫn áp dụng các biện pháp xử lý hành chính và hình sự liên quan đến Nghị định 160/2013/NĐ-CP
10	Cần sửa đổi Quyết định 95/2008 về Quy chế quản lý gấu nuôi cho phù hợp với công ước CITES
11	Sửa đổi Quyết định của Thủ tướng về nuôi sinh sản hổ (2007) để phù hợp với Tuyên bố 14-69 của công ước CITES
12	Chỉ định một cơ quan đánh giá độc lập để xác định phương pháp xử lý tốt nhất đối với các cá thể trong các trại hổ tại Việt Nam
13*	Dự thảo thông tư của Tòa án nhân dân tối cao về “ <i>Hướng dẫn việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi buôn lậu, vận chuyển, tàng trữ trái phép ngà voi, sừng tê giác từ nước ngoài theo công ước CITES</i> ” cần được gấp rút thông qua
14	Triển khai dự án hệ thống hóa và xây dựng chỉ mục các văn bản luật về tội phạm WLFC
15	Tiến hành đánh giá toàn diện các vụ FPD [theo tiêu ở toàn bộ lực lượng kiểm lâm, không chỉ ở FPD, ở các nội dung khác cũng vậy] xử lý không thành công để xác định và giải quyết các nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ kết án quá thấp
16	Tăng cường huấn luyện kỹ năng điều tra cơ bản và chuyên sâu cho các cán bộ FPD tuyển đầu
17	Cung cấp trang thiết bị bảo hộ cá nhân và các thiết bị liên lạc vệ tinh cho cán bộ FPD tuyển đầu khi tuần tra ở những vùng hẻo lánh
18	Gấp rút sửa chữa hoặc thay mới máy X-quang soi phương tiện vận tải bị hỏng ở cửa khẩu Lao Bảo
19	Hỗ trợ đầu tư trang thiết bị và kỹ thuật chuyên dụng nhằm tăng cường quản lý và kiểm soát đối với công tác kiểm hóa của hải quan.
20	Tăng cường các khóa tập huấn cơ bản và nâng cao về điều tra cho cán bộ hải quan trong việc phát hiện, điều tra, và xử lý cá vụ vi phạm.

* Khuyến nghị này đã được giải quyết khi Bộ Luật Hình sự mới được thông qua vào ngày 27/11/2015, trong đó có bao gồm các điều khoản đã được củng cố về tội phạm rừng và tội phạm động thực vật hoang dã.

- 21 Nâng cao kiến thức và kỹ năng của cán bộ hải quan về định danh loài CITES, trong đó có phát hiện và xử lý các vụ vi phạm.
- 22 Tiến hành đánh giá tính hiệu quả của Mạng lưới thực thi pháp luật về động, thực vật hoang dã của Việt Nam (Viet Nam WEN)
- 23 Thiết lập lực lượng đặc nhiệm bao gồm các cơ quan thực thi pháp luật liên quan và Viện Kiểm sát để điều tra hoạt động nhập khẩu sừng tê giác vào Việt Nam dưới vỏ bọc của giấy phép săn bắn
- 24 Tiến hành hoạt động thu thập thông tin nghiệp vụ để xác định các vấn đề chiến lược và tác chiến liên quan đến sừng tê giác và ngà voi ở Việt Nam
- 25 Tổ chức một diễn đàn khu vực cho các cơ quan thực thi pháp luật của CHDCND Lào, Campuchia, Việt Nam và Trung Quốc để thảo luận về trao đổi thông tin nghiệp vụ, và hợp tác khu vực nhằm đối phó với nạn buôn lậu sừng tê giác và ngà voi cũng như xây dựng các nghị định thư cho hoạt động giao hàng có kiểm soát
- 26 Huấn luyện kỹ thuật điều tra hiện trường cho cán bộ thực thi pháp luật tuyển đầu từ các cơ quan thực thi pháp luật liên quan
- 27 Cung cấp cho FPD bộ dụng cụ khám nghiệm hiện trường cơ bản xách tay
- 28 Tìm kiếm nguồn tài trợ để cung cấp phần cứng và phần mềm phân tích điện thoại di động
- 29 Tiến hành đánh giá nhu cầu để xác định các vấn đề về năng lực kỹ thuật hình sự của các cơ quan thực thi pháp luật liên quan của Việt Nam và tác động của chúng đến khả năng khám nghiệm hiện trường vụ án của các cơ quan này
- 30 Tài trợ để Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật có đủ khả năng tiến hành xét nghiệm ADN các mẫu ngà voi và sừng tê giác tịch thu bởi các cơ quan thực thi pháp luật có thẩm quyền
- 31 Tiến hành đánh giá nhu cầu của các viện kỹ thuật hình sự Việt Nam để xác định các vấn đề về năng lực và tác động của chúng đến khả năng phân tích các mẫu vật thu được từ hiện trường tội phạm WLFC của các tổ chức này
- 32 Mở rộng chương trình sử dụng chó nghiệp vụ phát hiện động thực vật hoang dã tại sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất và Nội Bài, và cần có một nhóm chó nghiệp vụ lưu động để sử dụng tại các trạm kiểm soát biên giới trên bộ.
- 33 Sử dụng cơ sở dữ liệu chia sẻ như một kho dữ liệu quốc gia về các vấn đề của WLFC để tất cả các cơ quan thực thi pháp luật liên quan có thể cùng chia sẻ
- 34 Việt Nam nên áp dụng nền tảng CENcomm để chia sẻ dữ liệu và thông tin nghiệp vụ về WLFC một cách an toàn trên phạm vi quốc tế
- 35 Thiết lập các văn phòng liên lạc về WLFC tại Nam Phi và Kenya bao gồm các cán bộ từ Cục Cảnh sát môi trường
- 36 Tiến hành các khóa đào tạo chung về chống rửa tiền cho các thành viên của Viện kiểm sát và các cơ quan thực thi pháp luật liên quan
- 37 Cục Cảnh sát môi trường cần thiết lập một đơn vị giám sát hoạt động buôn bán trực tuyến các sản phẩm WLFC thông qua các mạng xã hội và trang web thương mại điện tử. UNODC cần tìm kiếm nguồn tài trợ để cung cấp trang thiết bị, các khóa đào tạo và tham vấn cho đơn vị này
- 38 Thiết lập một ủy ban bao gồm các cơ quan thực thi pháp luật liên quan cùng đại diện của các IGO và NGO để xác định nhu cầu và điều hành hoạt động đào tạo về thực thi pháp luật WLFC tại Việt Nam
- 39 Việt Nam nên đàm phán các Hiệp định tương trợ tư pháp với những quốc gia nguồn về các sản phẩm động thực vật hoang dã và lâm sản nhập khẩu trái phép vào Việt Nam
- 40 Thiết kế và xây dựng một tài liệu tổng hợp các vụ xét xử liên quan đến WLFC
- 41 Thiết kế và xây dựng các chương trình đào tạo cho những thành viên của hệ thống tư pháp

	để nâng cao hiểu biết và nhận thức của họ trong giải quyết các vụ án liên quan đến tội phạm buôn bán động thực vật hoang dã và lâm sản
42	Tổ chức một chuỗi hội thảo cho các thẩm phán để nâng cao hiểu biết và nhận thức của họ về tính chất đặc thù của các vụ án buôn bán động thực vật hoang dã và lâm sản
43	Thiết lập mạng lưới thẩm phán để chia sẻ thông tin trọng yếu giữa các thẩm phán của Tòa án Nhân dân cấp tỉnh và các Tòa án cấp huyện về những phiên xét xử sơ thẩm và phúc thẩm nhằm giải quyết hiệu quả các vụ án về buôn bán động thực vật hoang dã và lâm sản
44	Chuẩn bị và tổ chức các cuộc hội thảo chung trong tiểu vùng bao gồm các đại diện Thẩm phán và Kiểm sát viên của Việt Nam, Cộng hòa DCND Lào, và Campuchia để chia sẻ thông tin và kinh nghiệm về hệ thống pháp luật và thể chế nhằm cải thiện kết quả xét xử các vụ án về WLFC
45	Đẩy mạnh nghiên cứu trên toàn quốc để thiết lập các tòa án môi trường hoặc tòa án xét xử theo thủ tục rút gọn trực thuộc Tòa án Nhân dân cấp tỉnh hoặc cấp quận huyện để giải quyết nhanh và hiệu quả các vụ án về WLFC
46	Thiết kế và tổ chức các khóa đào tạo cho kiểm sát viên về các kỹ thuật điều tra tội phạm động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật bao gồm biện pháp bảo quản an toàn và thích hợp các tang vật vụ án
47*	Sửa đổi pháp luật hình sự hiện hành để đưa vào các quy định về tất cả các loài nguy cấp theo Công ước CITES
48	Đưa định nghĩa được thừa nhận về tội hối lộ trong khu vực nhà nước và tư nhân vào Bộ luật Hình sự, cùng các chế tài xử phạt mạnh mẽ
49	Thiết lập đường dây nóng bảo mật dành riêng cho việc tố giác những hành vi và cán bộ tham nhũng, cùng các biện pháp bảo vệ về pháp lý cho những người phát giác và người tố giác
50	Tiến hành đánh giá độc lập các điểm tiềm ẩn nhiều nguy cơ và các tuyến đường buôn lậu để đưa ra những cơ chế khả thi và hiệu quả nhằm đối phó với tệ nạn tham nhũng và xử lý các cán bộ không trung thực

* Khuyến nghị này đã được giải quyết khi Bộ Luật Hình sự mới được thông qua vào ngày 27/11/2015, trong đó có bao gồm các điều khoản đã được củng cố về tội phạm rừng và tội phạm động thực vật hoang dã.

PHỤ LỤC A

DANH SÁCH CÁC CUỘC HỌP VÀ THÀNH PHẦN THAM DỰ

Thứ Hai, 26/01/2015

STT	Thời gian	Cơ quan/Tổ chức/Lĩnh vực	Khách mời
1	11:00	Cơ quan quản lý CITES Việt Nam Hà Nội	Tiến sĩ Nguyễn Bá Ngãi Ông Đỗ Quang Tùng, Giám đốc CQQL CITES Việt Nam Bà Zhuldyz Akisheva, Giám đốc quốc gia UNODC tại Việt Nam
2	14:00	USAID, Việt Nam Hà Nội	Ông Jonathan Simon, Giám đốc chương trình Bà Laura McKechnie, Phó Giám đốc Ông Brian Giacometti, Giám đốc hợp phần quản trị và trách nhiệm giải trình
3	15:00	Phái đoàn châu Âu, Việt Nam Hà Nội	Ông Hoàng Thành, Cán bộ chương trình, Hợp tác về biến đổi khí hậu và môi trường

Thứ Ba, 27/01/2015

STT	Thời gian	Cơ quan/Tổ chức/Lĩnh vực	Khách mời
4	09:00	Hội thảo về WLFC Workshop do Ông Đỗ Quang Tùng Giám đốc Cơ quan quản lý CITES Việt Nam và Bà Olga Kuzmianok, UNODC, Quản lý chương trình WLFC toàn cầu Hà Nội	Đại diện đồng đảo của Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Tòa án Nhân dân Tối cao, Tổng cục Hải quan, BCA, Kiểm lâm, Bộ NNPTNT, các cán bộ của CITES, Ngân hàng Phát triển châu Á, Tổng cục Thủy sản, WCS và các cán bộ của UNODC

Thứ Tư, 28/01/2015

STT	Thời gian	Cơ quan/Tổ chức/Lĩnh vực	Khách mời
5	12:00	Chi cục Hải quan và Bộ đội Biên phòng Cửa khẩu Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh	Ông Cao Đức Thắng, Phó cục trưởng Chi cục Hải quan Ông Đào Việt Công, Cán bộ Hải quan Ông Phạm Văn Nhiên, Trưởng đồn biên phòng Ông Nguyễn Hữu, Phó trưởng đồn biên phòng

Thứ Năm, 29/01/2015

STT	Thời gian	Cơ quan/Tổ chức/Lĩnh vực	Khách mời
6	09:00	Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Bình	Bà Phạm Thị Hoàng Mai, Phó Chánh án Bà Trương Thị Thanh Thủy, Thư ký tòa án hình sự
7	11:00	Phòng Cảnh sát môi trường Tỉnh Quảng Bình	Ông Nguyễn Văn Dương, Trưởng Phòng Cảnh sát môi trường Ông Thuận, Trưởng đội 3, WLFC Ông Trần Anh Tuấn, Phó đội 1, Quản trị viên
8	14:00	Chi cục Kiểm lâm Tỉnh Quảng Bình	Ông Lê Thuận Thành, Trưởng phòng Pháp lý và Điều tra, Chi cục Kiểm lâm

Thứ Sáu, 30/01/2015

STT	Thời gian	Cơ quan/Tổ chức/Lĩnh vực	Khách mời
9	09:00	Chi cục Hải quan cửa khẩu Cha Lo Tỉnh Quảng Bình	Ông Trần Đình Hải, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan Cha Lo Ông Phan Nhật Trường, Đội phó đội tuần tra, Chi cục Hải quan Ông Nguyễn Khắc Định, Đội phó đội hành chính Ông Lê Quốc Hùng, Cán bộ Hải quan Ông Trần Hữu Long, Cán bộ Hải quan Ông Trần Văn Sỹ, Cán bộ Hải quan Ông Bùi Thi Thăng, Cán bộ Hải quan

Thứ Hai, 02/02/2015

STT	Thời gian	Cơ quan/Tổ chức/Lĩnh vực	Khách mời
10	09:00	Chi cục Kiểm lâm Thành phố Hồ Chí Minh	Ông Nguyễn Hữu Hùng, Phó giám đốc Chi cục Kiểm lâm Ông Lâm Đức Quế, Giám đốc Trung tâm cứu hộ
11	14:00	Chi cục Hải quan cảng biển Cát Lái Thành phố Hồ Chí Minh	Bà Nguyễn Thị Bông, Phó chi cục trưởng, Chi cục Hải quan cảng Sài gòn khu vực 1 Ông Trần Kỳ Lân, Đội phó, Đội thanh tra xuất nhập khẩu, Chi cục Hải quan Bà Dương Thị Minh Hạnh, Đội phó Đội xuất nhập khẩu, Chi cục Hải quan Ông Đoàn Hữu Nghị, Đội phó, Chi cục Hải quan

Thứ Ba, 03/02/2015

STT	Thời gian	Cơ quan/Tổ chức/Lĩnh vực	Khách mời
12	08:00	Viện kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	Bà Phạm Thị Thu Hà, Phó Phòng 1, Án kinh tế và chức vụ Ông Trần Kiến Xương, Chánh văn phòng Ông Đoàn Thanh Khiết, Kiểm sát viên Bà Ngọc, Kiểm sát viên
13	14:00	Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Chi cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh	Tiến sỹ Quang Đổ, Chi cục trưởng, Chi cục Hải quan Ông Tống Lê Dân, Chi cục phó, Trưởng Đội phòng chống buôn lậu, Chi cục Hải quan Ông Hồ Văn Bảy, Cán bộ Hải quan Ông Phan Đức Thắng, Cán bộ Hải quan

Thứ Tư, 04/02/2015

STT	Thời gian	Cơ quan/Tổ chức/Lĩnh vực	Khách mời
14	14:00	Vườn quốc gia Yok Don, Chi cục Kiểm lâm và Bộ đội biên phòng Tỉnh Dak Lak	Ông Nguyễn Hữu Tạo, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm Yok Don Ông Lê Văn Thừa, Phó Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế Ông Lò Văn Xoăn, Phó trưởng đồn, Đồn biên phòng

Thứ Sáu, 06/02/2015

STT	Thời gian	Cơ quan/Tổ chức/Lĩnh vực	Khách mời
15	10:00	WCS, Việt Nam Hà Nội	Ông Scott Robertson, Đại diện quốc gia

Thứ Ba, 10/02/2015

STT	Thời gian	Cơ quan/Tổ chức/Lĩnh vực	Khách mời
16	10:00	WWF-Việt Nam Hà Nội	Ông Huỳnh Tiến Dũng, Giám đốc Chương trình bảo tồn, WWF Việt Nam Bà Katherine Birch, Giám đốc Phát triển chương trình, WWF
17	11:30	Bộ NNPTNT, Cơ quan quản lý CITES Việt Nam Hà Nội	Ông Vương Tiến Mạnh, Phó Giám đốc

PHỤ LỤC B

Báo cáo của Việt Nam					
DANH SÁCH CÁC VỤ XÉT XỬ SƠ THẨM VỀ WLFC TẠI TÒA ÁN TỈNH QUẢNG BÌNH					
STT	Hành vi phạm tội	Đối tượng phạm tội	Hình phạt	Khối lượng gỗ	Năm
01	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác, vận chuyển gỗ thuộc nhóm 3-8	Đoàn Tuấn Thành	Chín tháng tù treo	3.3 m ³	2010-2015
02	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác, vận chuyển gỗ thuộc nhóm 3-5	Nguyễn Thanh Phương	Chín tháng tù giam	5m ³	“
03	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác, vận chuyển gỗ thuộc nhóm 3-5	Đình Tiến Quang	Chín tháng tù giam	3m ³	“
04	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác, vận chuyển gỗ thuộc nhóm 3-8	Đình Thanh Tùng	Sáu tháng tù giam	5.3m ³	“
05	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác, vận chuyển gỗ thuộc nhóm 3-5	Hoàng Văn Dũng	Sáu tháng tù giam	1.5m ³	“
06	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác, vận chuyển gỗ thuộc nhóm 7	Đình Lê Duẩn	Mười lăm tháng cải tạo không giam giữ	3.3m ³	“
07	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác, vận chuyển gỗ thuộc nhóm 3-6	Nguyễn Văn Dần	Chín tháng tù giam	7.5m ³	“
Tòa án Nhân dân huyện Quảng Ninh (1 vụ)					
08	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác, vận chuyển gỗ thuộc nhóm 2	Nguyễn Danh Trinh	Ba mươi tháng tù treo và phạt 8 triệu đồng	13.106m ³	2010-2015
Tòa án Nhân dân huyện Bố Trạch (1 vụ)					
09	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác gỗ	Nguyễn Văn Minh & 12 người khác	24-30 tháng tù giam	19.52m ³ & 7100 kg	2010-2015

Tòa án Nhân dân huyện Quảng Trạch (2 vụ)					
10	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác gỗ thuộc nhóm 7	Nguyễn Văn Lương	Sáu tháng tù giam	2.48m ³	2010-2015
11	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác gỗ thuộc nhóm 5	Trần Văn Toàn	Bảy tháng tù giam	3.73m ³	2010-2015
Tòa án Nhân dân huyện Minh Hóa (1 vụ)					
12	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác, vận chuyển gỗ (nhập khẩu từ Lào)	Nguyễn Hồng Hề và Phan Hữu	Mười hai tháng tù giam Sáu tháng tù treo	1397 kg	2010-2015

		Phước			
Tòa án Nhân dân Thành phố Đồng Hới (1 vụ)					
13	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác, vận chuyển gỗ thuộc nhóm 3	Nguyễn Văn Thế	Chín tháng tù treo	21m ³	2010-2015
Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Bình – DANH SÁCH CÁC VỤ KHÁNG CÁO					
01	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác gỗ	Nguyễn Thanh Phương	Chín tháng cải tạo không giam giữ		2010-2015
02	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác gỗ	Tu Văn Thân	Hai mươi bảy tháng cải tạo không giam giữ		“
03	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác gỗ	Nguyễn Văn Lương	Mười lăm tháng tù giam		“
04	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác gỗ	Nguyễn Văn Minh	Hủy án sơ thẩm		“
05	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác gỗ	Đình Thanh Tùng	Sáu tháng tù treo		“
06	Điều 175 Bộ luật Hình sự Khai thác gỗ	Hoàng Văn Dũng	Mười tám tháng cải tạo không giam giữ		“

PHỤ LỤC C

NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG VỀ ĐIỀU 189, 190 & 191 BỘ LUẬT HÌNH SỰ (LUẬT SỐ 15/1999)

Điều 189 – Tội hủy hoại rừng:

1. “Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.”

Tình huống của Điều 190 và 191 giống như trên ngoại trừ quy định về các mức phạt tiền và thời hạn phạt tù. Nếu xem xét kỹ điều luật này, chúng ta nhận thấy một số điểm đáng lưu ý sau:

- Thứ nhất, khi đối tượng vi phạm bị bắt giữ cùng với số gỗ bất hợp pháp thì đối tượng của hành vi phạm tội trong trường hợp này là số gỗ bất hợp pháp, sẽ bị tịch thu, còn đối tượng vi phạm được thả tự do và chỉ bị xử phạt hành chính.
- Số gỗ bất hợp pháp bị thu giữ theo chế tài xử phạt hành chính sau đó sẽ được đấu giá bởi cơ quan xử phạt hành chính, và tiền thu được từ đấu giá sẽ được nộp vào Ngân sách nhà nước. Chính quyền hoặc cơ quan thực thi pháp luật phát hiện ra tội phạm, ví dụ cục Hải quan, lực lượng biên phòng hay cảnh sát, hoặc Cục kiểm lâm (FPD), sẽ được nhận một phần số tiền đấu giá.
- Nếu đối tượng vi phạm bị bắt giữ lần thứ hai, thực hiện một hành vi phạm tội về động thực vật hoang dã và lâm sản khác, và đã bị xử phạt hành chính, thì người đó sẽ chịu thêm một mức phạt tiền khác. Tiền phạt do đối tượng phạm tội chi trả được nộp vào Ngân sách nhà nước, và một phần trong số đó lại được trao cho cơ quan chịu trách nhiệm thu tiền phạt, đồng thời đối tượng phạm tội được thả tự do.
- Trường hợp thứ ba, nếu đối tượng phạm tội một lần nữa bị bắt giữ với tang vật là một sản phẩm/đối tượng WLFC, ví dụ gỗ bất hợp pháp, vụ án sẽ được trình lên tòa án có thẩm quyền. Dựa vào bản án, tòa chuyển bị cáo (đã từng vi phạm hai lần) sang cải tạo không giam giữ tối đa là ba năm, hoặc phạt tù từ ba đến sáu năm, đây có thể coi là hình phạt quá nhẹ cho một bị cáo phạm tội nhiều lần và thường xuyên, đã từng thực hiện hành vi phạm tội hai lần trước đó.

Dựa vào thông tin trên có thể đưa ra các kết luận sau:

- Các chế tài xử phạt hành chính là lựa chọn dễ dàng và được áp dụng thường xuyên nhất
- Đối tượng phạm tội được thả tự do và đối tượng của hành vi phạm tội được đưa ra đấu giá. Một phần tiền đấu giá được trao cho cơ quan thực thi pháp luật
- Phạt tiền là lựa chọn tiếp theo bởi nó có tác dụng khuyến khích các cơ quan thực thi pháp luật chịu trách nhiệm thu tiền phạt và một lần nữa đối tượng phạm tội lại được thả tự do
- Vụ án được đưa ra tòa sau khi đối tượng phạm tội bị bắt giữ lần thứ ba; pháp luật quy định tòa án có quyền tuyên phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù mặc dù bị cáo lặp lại hành vi phạm tội ba lần. Thường thì tòa án sẽ áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.
- Các chế tài xử phạt không mang tính răn đe.

Cần xem xét lại và điều chỉnh quy định pháp luật của ba Điều khoản này để đưa ra các biện pháp và chế tài xử phạt hiệu quả hơn.

PHỤ LỤC E

TỔNG HỢP KẾT QUẢ CÁC CHUYẾN CÔNG TÁC TỚI CÁC CƠ QUAN THỰC THI PHÁP LUẬT

1. Cửa khẩu đường bộ Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh

Cửa khẩu trên bộ với CHDCND Lào do Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính và lực lượng Bộ đội biên phòng trực thuộc Bộ Quốc phòng phối hợp quản lý. Quyền hạn quản lý của Hải quan là 1km hai bên cánh gà của cửa khẩu và lực lượng Biên phòng quản lý khu vực đường biên giới và các thông bản lân cận. Trong khung thời gian từ 07h00 đến 22h00 (khung giờ do hai bên thỏa thuận) bình quân có khoảng 1.000 người và 200 phương tiện qua lại cửa khẩu mỗi ngày. Hoạt động của các lực lượng tại cửa khẩu được tổ chức, duy trì tốt và đạt hiệu quả cao cùng với đầy đủ trang thiết bị và thẩm quyền thực thi pháp luật.

Ưu điểm

- ✓ Có tiếp xúc và trao đổi với các cơ quan đồng cấp phía CHDCND Lào thông qua các cuộc họp hàng tháng hoặc họp đột xuất nếu cần
- ✓ Phối hợp công tác hiệu quả và kế hoạch hành động được lực lượng Hải quan và Biên phòng thống nhất và cùng triển khai thực hiện
- ✓ Ví dụ về chuyến thăm của một lãnh đạo Ủy ban Nhân dân nhân dịp phát hiện vụ việc
- ✓ Lực lượng Biên phòng tiếp xúc với các thôn bản để cảnh báo về hoạt động buôn bán các loài nguy cấp và hình phạt tương ứng

Lĩnh vực cần cải thiện/Thách thức

- × Thiếu hỗ trợ kỹ thuật như thiết bị soi chiếu phương tiện và chỉ có hai máy soi hành lý
- × 80% hàng hóa qua cửa khẩu được phân vào luồng xanh, không kiểm tra thực tế, tạo điều kiện dễ dàng cho hoạt động buôn bán trái phép
- × Lượng người và phương tiện qua cửa khẩu trong 12 tháng qua đã tăng tương ứng 26% và 34% nhưng số lượng nhân sự và hỗ trợ kỹ thuật không tăng, thời gian công tác hiện nay là từ 3-5 năm
- × Thiếu kiến thức chuyên môn về các loài quy định trong công ước CITES ngoại trừ số tay hướng dẫn quản lý
- × Không được cung cấp thông tin hoặc thông tin nghiệp vụ để kiểm tra người hoặc phương tiện tình nghi
- × Ít được tập huấn; một hoặc hai lần đối với lãnh đạo về nhận dạng loài trong công ước CITES

- × Không có hoạt động huy động sự tham gia của cộng đồng hoặc đề nghị cộng đồng cung cấp thông tin về các đối tượng hoặc tuyến đường buôn bán trái phép, không có ngân sách riêng để mua thông tin

Kết quả

2014 – phát hiện 4 vụ vi phạm, bao gồm 8 vụ gian lận thương mại và 6 vụ nhập lậu chất ma túy, 3 vụ vi phạm về gỗ đã được chuyển sang Cục Kiểm lâm xử lý nhưng chưa phát hiện tội phạm về động, thực vật hoang dã.

2. Cảnh sát môi trường PC49, Quảng Bình

Cục Cảnh sát môi trường là cơ quan trực thuộc Bộ Công an, chịu trách nhiệm quản lý rừng và động, thực vật hoang dã và điều tra tội phạm rừng. Tỉnh Quảng Bình có hai phần ba diện tích là rừng và thuộc khu đa dạng sinh học Bắc Trường Sơn với rất nhiều loài động thực vật đặc thù. Khu vực này có 493 loài động vật bao gồm 67 loài thú, 48 loài bò sát, 297 loài chim và 61 loài cá; đây cũng là khu vực có nhiều loài hiếm như Voọc Hà Tĩnh, gấu, hổ, Mang lớn (*Muntiacus vuquangensis*), Trĩ Việt Nam (*Lophura hatinhensis*), và gà lôi lam mào đen. 641.132 ha rừng bao gồm 447.837ha rừng tự nhiên và 38.851 ha rừng trồng trong đó có 17.397 ha rừng thông. Diện tích đất không có rừng là 146.386 ha. Rừng tại khu vực này có nhiều loài gỗ có giá trị cao như gỗ lim, gỗ mahogany, gỗ mun, huỳnh (*Tarrietia javanica*), thông và nhiều giống mây, tre cũng như nhiều loại lâm sản quý khác.

Ưu điểm

- ✓ Đã thả về rừng 29 cá thể khỉ và voọc và 2 cá thể hổ mang
- ✓ Có dấu hiệu cho thấy có sự tham gia của cộng đồng địa phương vào việc xác định các “điểm nóng” tội phạm và tố cáo tội phạm
- ✓ Có ví dụ về hoạt động tập huấn chung với Chi Cục Kiểm lâm và các cơ quan thực thi pháp luật khác về nhận diện loài
- ✓ Có cán bộ chuyên trách phân công phụ trách các khu vực và tiến hành tổng kết đánh giá định kỳ hàng tháng, sáu tháng và 12 tháng để rút kinh nghiệm

Lĩnh vực cần cải thiện/Thách thức

- × Cơ cấu quản lý phức tạp và rườm rà; bảy ban quản lý rừng và hai ban quản lý doanh nghiệp với vai trò và phạm vi trách nhiệm chồng lấn nhau
- × Mỗi cơ quan lập kế hoạch riêng về phòng chống tội phạm về động thực vật hoang dã và vi phạm lâm luật, thiếu kế hoạch chung hoặc kế hoạch liên ngành đối với các “điểm nóng” về hoạt động bảo vệ hoặc quản lý rừng

- × Nhiều cộng đồng sống trong hoặc gần rừng có sinh kế phụ thuộc vào rừng dẫn tới tình trạng phá rừng làm nương rẫy hoặc săn bắn trái phép
- × Chính quyền và khu vực tư nhân không thống nhất hoặc hỗ trợ công tác quản lý và bảo vệ rừng

Kết quả

Đã phát hiện 26 vụ buôn bán trái phép động vật hoang dã với tổng trọng lượng 641,9kg

Có 285 xưởng chế biến gỗ trái phép trong năm 2014 trong đó 277 xưởng đã bị tháo dỡ

3. Kiểm lâm Quảng Bình, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (DARD)

FPD là cơ quan đầu mối về tội phạm buôn bán trái phép động vật hoang dã và vi phạm lâm luật và giữ vai trò là cơ quan điều phối với các cơ quan thực thi pháp luật khác về kế hoạch đối phó với tội phạm WLFC và các hoạt động quản lý rừng và phòng chống tội phạm.

Ưu điểm

- ✓ Tổ chức các chiến dịch truyền thông đến các cộng đồng địa phương để nâng cao nhận thức về tội phạm WLFC
- ✓ Tuyển đường tuần tra đa dạng và có kế hoạch hành động mục tiêu đối với từng khu vực “điểm nóng”
- ✓ Tham mưu cho chính quyền huyện tổ chức kiểm tra nhà hàng và kiểm tra đột xuất
- ✓ Có thẩm quyền tạm dừng người, phương tiện và khám xét nhà và nơi ở để phát hiện những nghi phạm tình nghi
- ✓ Có ví dụ về sự phối hợp hoạt động của lực lượng kiểm lâm lưu động với cảnh sát giao thông để hỗ trợ công tác phát hiện và tìm ra tội phạm

Lĩnh vực cần cải thiện/Thách thức

- × Hoạt động săn bắn, giết mổ và buôn bán trái phép động vật hoang dã đã tăng và ngày một phức tạp
- × Có chung đường biên với Cửa khẩu Cha Lo và CHDCND Lào
- × Có 134 trang trại động vật hoang dã được chứng nhận trong tỉnh
- × Thiếu hỗ trợ về công nghệ thông tin và truyền thông và thiết bị kỹ thuật hỗ trợ nhận diện loài hoặc các MO mới nhất
- × Không tiến hành đánh giá hay quản lý các vị trí dễ dính líu tới hối lộ và tham nhũng

Kết quả

Kể từ năm 2013: đã phát hiện 2.192 vụ, chuyển 4 vụ sang cơ quan cảnh sát để điều tra thêm, tổng số tiền phạt trên 10 tỷ đồng và thu giữ 2.598,09 m³ gỗ.

Giai đoạn 2010-2014, có 79 vụ tội phạm WLFC, tất cả các vụ đều chỉ xử phạt hành chính do không có đủ cơ sở về cố ý phạm tội để đưa ra xét xử trước tòa. Trong một số vụ, tội phạm bỏ trốn và để lại bằng chứng:

Năm 2010: 19 vụ; 2011: 23 vụ; 2012: 14 vụ; 2013: 08 vụ; 2014: 15 vụ

Không có giải thích rõ ràng về sự khác biệt giữa các con số hay thông tin về loại hình tội phạm, địa điểm hay số người bị bắt giữ.

4. Cửa khẩu Cha Lo, tỉnh Quảng Bình

Cửa khẩu trên bộ với CHDNCND Lào do Chi cục Hải quan Quảng Bình phối hợp với lực lượng Biên phòng (lực lượng không tham gia cuộc họp nhưng có tham gia tích cực vào các nhiệm vụ thực địa). Phạm vi hoạt động của lực lượng Hải quan là 500m hai bên cánh gà của cửa khẩu và 5km trong lãnh thổ. Lực lượng Biên phòng đóng vai trò là cầu nối với cộng đồng và triển khai các chiến dịch nâng cao nhận thức. Cửa khẩu hoạt động từ 7h00 đến 19h00 hàng ngày theo thỏa thuận chung giữa hai bên và là một trong số 120 cửa khẩu trên đất liền, trên biển và trên không của Việt Nam. Năm 2014, Chi cục Hải quan cửa khẩu Cha Lo đã tiến hành thông quan cho 21.900 trường hợp (bình quân 60 trường hợp mỗi ngày), tăng 69% so với năm 2013; 75.100 phương tiện qua lại (bình quân 206 phương tiện mỗi ngày trên cơ sở năm 365 ngày), tăng 26%; 2,2 triệu tấn hàng nhập – xuất khẩu, tăng 24%. Giá trị nhập khẩu và xuất khẩu đạt 1,7 tỷ đô-la Mỹ, tăng 6% so với năm 2013; đóng góp vào ngân sách 228 tỷ đồng. Cửa khẩu có trang thiết bị tốt, một chố nghiệp vụ về ma túy, hai xe ô tô và hai xe gắn máy cùng với các trang thiết bị khác.

Hiện tại cửa khẩu có 39 nhân viên trong đó 32 người có bằng đại học và cao đẳng, và 07 người có chứng chỉ và giấy chứng nhận nghề.

Ưu điểm

- ✓ Có sự phối hợp tốt giữa lực lượng Hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra hàng hóa và phương tiện và lực lượng Biên phòng chịu trách nhiệm kiểm tra người
- ✓ Vận hành hệ thống VNACCS/VCIS (Hệ thống Thông quan Hàng hóa Tự động Việt Nam). Hệ thống đã được ứng dụng để xử lý 99% số hồ sơ khai hải quan và giúp đẩy nhanh tốc độ quy trình kiểm tra
- ✓ Có thông tin về hoạt động tập huấn của Cơ quan Quản lý CITES và WCS về nhận diện loài trong CITES

- ✓ Có mối quan hệ hợp tác tốt và hiệu quả với cơ quan đồng cấp của Lào theo định kỳ hoạt động và tiến hành trao đổi thông tin về phương tiện tình nghi

Lĩnh vực cần cải thiện/Thách thức

- × Thiếu thông tin cập nhật về các MO nhập lậu hiện nay hoặc thường xuyên thay đổi, phụ thuộc vào công tác tự học hỏi
- × Xem xét lại lực lượng, đặc biệt nhu cầu tăng cường bộ phận chống nhập lậu
- × Thiếu thông tin chi tiết và năng lực nhận diện các loài khác nhau thuộc công ước CITES và thiếu kiến thức về rừng
- × Không có hoạt động chia sẻ thông tin nghiệp vụ quốc tế, dù thông qua các tổ chức trong nước như Tổng cục Hải quan WCO hay các cơ quan thực thi pháp luật quốc tế khác, thông qua Cơ quan Quản lý CITES hay Bộ Công an
- × Máy soi quét hành lý đã lạc hậu (từ năm 2002 và 2013), không có máy soi chiếu phương tiện hay hình thức hỗ trợ kỹ thuật khác

Kết quả

Năm 2014, đã phát hiện và xử lý 108 vụ nhập lậu, gian lận thương mại và buôn bán ma túy với tổng giá trị các sản phẩm bị thu giữ là 244 triệu đồng, tổng giá trị phạt là 319 triệu đồng. Từ năm 2005, Chi cục Hải quan đã phát hiện 31 vụ phạm tội WLFC, thu giữ 20 m³ gỗ quý hiếm (gỗ trắc) và 359kg động vật hoang dã (rùa, kỳ đà, trăn, cầy hương và khỉ).

5. Chi cục Kiểm lâm thành phố Hồ Chí Minh

Trách nhiệm chính của cơ quan này là quản lý và bảo vệ 36.727,39 ha rừng và đất rừng tại thành phố Hồ Chí Minh, phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông, Cảnh sát môi trường, Quản lý thị trường, Cảnh sát kinh tế và Hải quan. Nhiệm vụ hành chính của cơ quan này rất sâu rộng và nặng nề trong đó có quản lý các vấn đề pháp lý, tiến hành thanh tra, kiểm tra và quản lý các sản phẩm từ động, thực vật hoang dã và lâm sản. Cơ quan này cũng có nhiệm vụ giám sát các nguồn tài nguyên rừng và theo dõi, kiểm soát hoạt động nuôi động vật hoang dã.

Ưu điểm

- ✓ Có ví dụ về sự phối hợp liên ngành hiệu quả với lực lượng cảnh sát giao thông, cảnh sát môi trường, cảnh sát kinh tế và quản lý thị trường
- ✓ Thực hiện chương trình hiệu quả và mạnh mẽ tại Trạm cứu hộ động vật hoang dã Củ Chi và trong công tác thả các loài nguy cấp và hiếm về tự nhiên
- ✓ CITES đã tổ chức 2-3 khóa tập huấn mỗi năm nhưng các cán bộ cấp cơ sở vẫn gặp khó khăn trong việc nhận dạng động vật từ nguồn ảnh được cung cấp

- ✓ Có bằng chứng kiểm tra đột xuất tại các nhà hàng và chợ mặc dù không phát hiện được vi phạm và không tịch thu được hiện vật
- ✓ Có chiến lược truyền thông sâu rộng bao gồm phối hợp với Ủy ban Nhân dân các xã và thị trấn trong việc nâng cao nhận thức và trao đổi thông tin với chủ rừng, 34 trường trung học cơ sở và các diễn đàn khác
- ✓ Thông tin về số lượng lớn các hộ dẫn đã ký vào cam kết không xâm lấn đất rừng thực hiện các mục đích trái pháp luật

Lĩnh vực cần cải thiện/Thách thức

- × Hoạt động tập huấn về kỹ thuật điều tra còn yếu và nhận thức về pháp y còn hạn chế, phụ thuộc vào các trung tâm cứu hộ và một cán bộ kỹ thuật hoặc các cơ quan về động thực vật hoang dã trong việc nhận dạng loài
- × Do điều kiện địa hình nên phải đi bộ hoặc sử dụng tàu để tuần tra và đi thực địa tới những khu vực khó khăn
- × Đội ngũ cán bộ chịu áp lực lớn do quy mô nhiệm vụ và trách nhiệm mà pháp luật quy định
- × Xuất hiện bằng chứng cho thấy có nhiều hoạt động buôn bán qua mạng tạo ra nhiều thách thức về mặt kỹ thuật và phương tiện trong việc bám sát hoạt động tội phạm này

Kết quả

Năm 2014 đã phát hiện 38 vụ phạm tội về buôn bán động, thực vật hoang dã liên quan đến 1.171 loài với 1.992kg bị thu giữ (khoảng 60% số vụ do FPD thành phố Hồ Chí Minh khởi tố).

6. Chi cục Hải quan cảng Cát Lái, thành phố Hồ Chí Minh

Cảng hiện đang áp dụng hệ thống điện tử và quy trình quản lý rủi ro và tuân thủ hải quan để quản lý hàng hóa nhập khẩu và xuất khẩu. Hệ thống được thiết kế theo các hiệp ước thương mại khu vực và quốc tế nhằm giảm thiểu hoạt động kiểm tra hàng hóa thực tế và kiểm tra hồ sơ của của cơ quan hải quan. Tác động tạo ra là hoạt động kiểm tra đối với mỗi phương tiện hiện nay chỉ mất 15 phút. Đây là cảng biển quốc tế hiện đại và nhộn nhịp tiếp đón số lượng công-te-nơ rất lớn mỗi ngày: 1.590 triệu phương tiện xuất khẩu/công-te-nơ và 1.500 triệu phương tiện nhập khẩu/công-te-nơ mỗi năm qua cảng.

Ưu điểm

- ✓ Các đội giám sát và tuần tra được tổ chức chặt chẽ

- ✓ Áp dụng luồng đỏ cho các quốc gia thuộc “điểm nóng) (kiểm tra toàn diện)
- ✓ Thiết bị soi chiếu và giám sát điện tử hiện đại – 5% (80-100 mỗi ngày)
- ✓ Phúc lợi và công tác phát triển nhân sự tốt

Lĩnh vực cần cải thiện/Thách thức

- × Lệ thuộc vào hệ thống phân luồng xanh, vàng, đỏ để xác định yêu cầu kiểm tra
- × Gặp khó khăn trong phối hợp liên ngành, đặc biệt công tác chia sẻ thông tin và thông tin nghiệp vụ quốc tế

Kết quả

Trong giai đoạn 2011-2014, chỉ phát hiện 2 vụ tội phạm WLFC: 282kg ngà voi, da tê tê và đuôi voi được dán mác là đậu nành và 45,2 m³ gỗ dán mác cao su tự nhiên. Trong cả hai vụ, “đối tượng phạm tội đều không nhận thức được từ trước hành vi phạm tội” và bị xử lý hành chính.

7. Chi cục Hải quan Sân bay Tân Sơn Nhất, thành phố Hồ Chí Minh

Đây là lực lượng chuyên nghiệp, có sự lãnh đạo sát sao và có tính tổ chức cao, chịu trách nhiệm quản lý 183 chuyến bay chuyên chở hành khách và 120 chuyến bay chuyên chở hàng hóa mỗi ngày và 20 triệu khách trong năm 2014.

Ưu điểm

- ✓ Áp dụng tốt hệ thống kiểm tra quản lý rủi ro điện tử
- ✓ Có chiến dịch truyền thông tích cực thông qua các phương tiện khác nhau: tờ rơi, biểu đồ và thông điệp cảnh báo và nhắc nhở hành khách và các hãng chuyên chở về quy định của pháp luật đối với hoạt động chuyên chở hàng hóa, đặc biệt là hoạt động buôn bán trái phép các loài hoang dã và các sản phẩm liên quan
- ✓ Có quy trình thu thập và xử lý chứng cứ rất tốt từ bước tình nghi ban đầu cho đến khi chuyển sang cơ quan chức năng

Lĩnh vực cần cải thiện/Thách thức

- × Thiếu hướng dẫn và chỉ dẫn về phương pháp định giá và xử lý tiếp những loài bị thu giữ thuộc công ước CITES như ngà voi, sừng tê giác và tê tê
- × Thiếu hoạt động chia sẻ thông tin và thông tin nghiệp vụ quốc tế về các MO mới, các tuyến đường buôn bán trái phép hoặc đối tượng hay chuyển hàng tình nghi và những loài hoang dã cụ thể đang được buôn bán trái phép vào, ra khỏi và qua Việt Nam

- × Không đủ nhân sự quản lý khối lượng công việc, hành khách và hàng hóa ngày một tăng
- × Không được đào tạo đầy đủ về nhận dạng loài thuộc công ước CITES

Ưu điểm

Trong giai đoạn 2013 và 2014 đã phát hiện 16 vụ tội phạm về WLFC với 496,512kg ngà voi và sản phẩm từ ngà voi, 48,429kg sừng tê giác và 7kg vảy tê tê và bắt giữ 13 người. Tổng cộng 11 vụ đã được chuyển sang cơ quan cảnh sát để điều tra bổ sung và bốn vụ đang chờ xử lý.

8. Vườn quốc gia Yok Đôn, tỉnh Đắk Lắk

Đây là Vườn quốc gia rộng với diện tích 115.000 ha, phía tây giáp biên giới Campuchia kéo dài 60km. Ban quản lý gồm 14 đội thường trực và hai đội kiểm lâm cơ động.

Ưu điểm

- ✓ Phối hợp tuần tra chung với cộng đồng trong phạm vi vườn quốc gia và khu vực biên giới
- ✓ Chương trình của WWF đào tạo cán bộ kiểm lâm sử dụng các thiết bị định vị GPS nhằm ghi chép, giám sát và theo dõi hành vi di chuyển của các loài hoang dã và đánh dấu các loài nguy cấp quy định trong công ước CITES
- ✓ Công bố tên và hình ảnh của đối tượng phạm tội bị bắt giữ trong cộng đồng
- ✓ Hoạt động tuần tra các điểm nóng có tổ chức được cập nhật qua bản đồ GPS
- ✓ Các cán bộ có thành tích trong công tác được nhận học bổng tại Ấn Độ và Nhật Bản

Lĩnh vực cần cải thiện/Thách thức

- × Ngân sách còn hạn hẹp, hầu như không có kế hoạch tổ chức các hoạt động mới hoặc bổ sung
- × Khó khăn trong xử lý cưỡng chế những gia đình sống trong vườn quốc gia và sử dụng nguồn tài nguyên rừng
- × Diện tích rừng thưa rộng lớn chung biên giới với Campuchia và trên 100km² diện tích rừng, đặt ra nhiều khó khăn cho công tác tuần tra
- × Cần có chiến lược truyền thông toàn diện để tuyên truyền tới nhiều đối tượng người dân hơn
- × Thiếu tập huấn về nhận dạng loài và hạn chế tập huấn về hoạt động quản lý hiện trường vụ án và thu thập và xử lý chứng cứ

Kết quả

Trong giai đoạn 2010 và 2014 có 79 vụ trên quy mô lớn nhưng chỉ ba vụ trong số đó được chuyển thành án hình sự do có sử dụng súng AK47 thay vì dùng các khí cụ tự chế. Tất cả ba vụ từ năm 2011, 2012 và 2013 vẫn đang chờ lực lượng cảnh sát xử lý. Đã có 37 công dân Việt Nam bị bắt giữ và xử phạt hành chính.

9. Cửa khẩu Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị

Cửa khẩu trên bộ với CHDCND Lào này vận hành cơ chế kiểm tra một cửa phối hợp với các cơ quan đồng cấp của Lào tạo điều kiện để các cơ quan Hải quan, Biên phòng và Kiểm dịch phối hợp kiểm tra. Phạm vi trách nhiệm của Hải quan là 500m hai bên cánh gà biên giới và 5km trong nội địa. Lực lượng biên phòng giữ vai trò cầu nối với cộng đồng và triển khai các chiến dịch nâng cao nhận thức.

Hiện nay có 48 cán bộ Hải quan với 100% đều có bằng đại học và cao đẳng.

Ưu điểm

- ✓ Có sự phối hợp tốt giữa lực lượng Hải quan chịu trách nhiệm kiểm tra hàng hóa và phương tiện và lực lượng Biên phòng chịu trách nhiệm kiểm tra người
- ✓ Vận hành hệ thống VNACCS/VCIS (Hệ thống Thông quan Hàng hóa Tự động Việt Nam). Hệ thống đã được ứng dụng để xử lý 99% số hồ sơ khai hải quan và giúp đẩy nhanh tốc độ quy trình kiểm tra
- ✓ Có mối quan hệ hợp tác tốt và hiệu quả với cơ quan đồng cấp của Lào theo định kỳ hoạt động và tiến hành trao đổi thông tin về phương tiện tình nghi.

Lĩnh vực cần cải thiện/Thách thức

- × Thiếu thông tin cập nhật về các MO nhập lậu hiện nay hoặc thường xuyên thay đổi, phụ thuộc vào công tác tự học hỏi
- × Thiếu thông tin chi tiết và năng lực nhận diện các loài khác nhau thuộc công ước CITES và thiếu kiến thức về rừng, phụ thuộc vào kinh nghiệm của các bộ
- × Không có hoạt động chia sẻ thông tin nghiệp vụ quốc tế, dù thông qua các tổ chức trong nước như Tổng cục Hải quan WCO hay các cơ quan thực thi pháp luật quốc tế khác, thông qua Cơ quan Quản lý CITES hay Bộ Công an
- × Máy soi quét công-te-nơ đã không hoạt động trong thời gian 12 tháng

Kết quả

Năm 2014 phát hiện 5 vụ vận chuyển trái phép gỗ trặc với tổng cộng 1.460kg gỗ trị giá 74,4 triệu đồng. Tất cả các vụ việc đều đã được bị phạt hành chính. Năm 2015, phát hiện 2 vụ án

liên quan đến 0,3m³ gỗ không nằm trong công ước CITES và 1,8 tấn gỗ trặc trị giá 108 triệu đồng. Cả hai vụ việc đều đã bị xử phạt hành chính.

Năm 2014 phát hiện ba vụ nhập trái phép các loài hoang dã với tổng cộng 35kg tê tê, 67kg rắn, 13,5kg rùa mai mềm và 1 cá thể rùa còn sống. Tất cả các vụ việc đều bị xử phạt hành chính.

PHỤ LỤC F

THÔNG TIN NGUỒN MỞ VỀ CÁC VỤ THU GIỮ

Mặc dù công tác thực địa không phát hiện ra những trường hợp phạm tội trên diện rộng, xuyên biên giới và xuyên quốc gia, ngoại trừ các vụ thu giữ được ghi nhận tại cảng biển và sân bay ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng từ các vụ thu giữ được báo cáo trong vòng vài năm trở lại đây có thể thấy rõ ràng rằng tình trạng buôn lậu các loài động thực vật nguy cấp, đặc biệt là các loài tê tê nguy cấp và hoạt động tự do tại Vixay Keosavang chỉ ra vấn nạn tham nhũng phổ biến đáng lo ngại cũng như những sai sót trong việc cấp và chứng thực các giấy phép thương mại.

Giao dịch chợ đen

Đối với các số liệu được công bố, điều quan trọng là trước tiên chúng ta phải hiểu được quy mô và nhu cầu về các loài nguy cấp nhất. Tê tê – một loài động vật có vẩy ăn kiến đang gần như tuyệt chủng, và có rất nhiều bài báo cũng như các cuộc khảo sát đã chỉ ra sự giảm sút này. Trang web *'Havoscope: [Thông tin chợ đen toàn cầu](#)* được sử dụng như một nguồn thông tin miễn phí. Chỉ tính riêng trong năm 2013, các cán bộ bảo vệ động thực vật hoang dã đã thu giữ khoảng 8,125 con tê tê trong 49 vụ phạm tội xảy ra trên 13 quốc gia. Con số ước tính này chỉ tương đương với khoảng 10-20% số lượng các vụ buôn bán trên thực tế. Tức là đã có khoảng 40,625 đến 81,250 con tê tê có thể đã bị giết chỉ trong năm 2013. Những con số đáng kinh ngạc này chỉ là phần nổi của tảng băng chìm. Giá trung bình cho 1kg vẩy tê tê (nên nhớ rằng thành phần của chúng chỉ là keratin, giống như móng tay người) trong năm 2013 là 3000 đô la Mỹ và tại thị trường Châu Á, tê tê nguyên con trị giá khoảng 1000 đô la Mỹ. Tương tự, ngà voi có giá khoảng 850 đô la Mỹ/1kg, sừng tê giác có giá khoảng 97,000 đô la Mỹ/1 kg, giá của 1kg mật gấu là 200,000 đô la Mỹ, xương hổ là 2000 đô la Mỹ và báo gấm hoa mai là 5,700 đô la Mỹ. Danh sách này còn rất dài, và khi mà các loài động thực vật, các loài cá và động vật có vú trở nên quý hiếm hơn thì những mức giá này đang tăng lên theo cấp số nhân.

Để minh họa về số lượng các vụ buôn lậu đang diễn ra, thông tin chi tiết về các vụ thu giữ thu thập được từ các nguồn khác nhau, internet và tài khoản truyền thông sẽ được nhấn mạnh trong báo cáo này. Rất nhiều trong số những thông tin báo cáo dưới đây được trích từ cuốn *TRAFFIC – hệ thống giám sát hoạt động buôn bán động thực vật hoang dã: Bản tin TRAFFIC về các vụ thu giữ và khởi tố, từ tháng 3/1997 đến tháng 10/2014*.

- **Togo-Việt Nam**

Ngày 28 tháng 1 năm 2015, lực lượng an ninh Togo tại cảng Lome thu giữ 2.1 tấn ngà voi trong một kiện hàng được đóng gói sẵn sàng vận chuyển về Việt Nam. Ngà voi được kê khai là hạt điều và gỗ. Hai người đàn ông Togo và một người Việt Nam tên Đinh Hữu Khao được cho là có liên quan tới vụ xuất nhập hàng hóa này.

- **Togo – Việt Nam**

Ngày 22 tháng 1 năm 2015, lực lượng an ninh Togo tại cảng Lome thu giữ 1.7 tấn ngà voi trong một kiện hàng được đóng gói sẵn sàng vận chuyển về Việt Nam. Ngà voi cũng được kê khai dưới tên hàng hạt điều và gỗ. Hai người đàn ông Togo và một người Việt Nam tên Đinh Hữu Khao được cho là có liên quan tới vụ xuất nhập hàng hóa này. Có ít nhất 500 con voi được cho là đã bị

tàn sát để phục vụ cho chuyển hàng, ước tính giá trị lên tới 8 triệu đô la Mỹ trên thị trường quốc tế.

- **CHDCND Lào – Việt Nam**

Ngày 27 tháng 11 năm 2014, cơ quan chức năng Việt Nam tại cửa khẩu Lao Bảo – tỉnh Quảng Trị phát hiện tê tê và một số loài bò sát được giấu trong những kiện hàng trên một chuyến xe khách. Người lái xe thừa nhận đã được một người không quen biết thuê vận chuyển những động vật này.

- **Sân bay Vaclav Havel, thủ đô Praha – CH Séc**

Ngày 23 tháng 7 năm 2014, cơ quan chức năng thu giữ được 24kg ngà voi do một công dân Việt Nam sống tại CH Séc vận chuyển về Hà Nội. Bốn chiếc ngà voi được chia nhỏ thành 15 phần đã bị tịch thu.

- **Sân bay Vaclav Havel, thủ đô Praha – CH Séc**

Ngày 23 tháng 7 năm 2014, cơ quan chức năng thu giữ được 35kg ngà voi do một công dân Việt Nam sống tại CH Séc vận chuyển về Hà Nội

- **Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam**

Ngày 30 tháng 6 năm 2014, lực lượng Công an thuộc Bộ Công an thu giữ được 350kg tê tê còn sống.

- **Cảng Hải Phòng, Việt Nam**

Ngày 24 tháng 6 năm 2014, cán bộ Hải quan thu giữ hơn 1 tấn ngà voi đã được cắt nhỏ vận chuyển lậu từ Hồng Kông bằng đường biển trong 1 công-ten-nơ hàng tới Trung Quốc, được kê khai là than củi.

- **Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh**

Ngày 22 tháng 6 năm 2014, cán bộ Hải quan thu giữ 39 chiếc ngà voi và 100 sản phẩm làm từ ngà voi (tổng cộng 90kg) được kê khai là thực phẩm, vận chuyển lậu qua một vài sân bay.

- **Sân bay Vaclav Havel, thủ đô Praha – CH Séc**

Ngày 15 tháng 6 năm 2014, cơ quan chức năng thu giữ 33kg ngà voi do một công dân Việt Nam sống tại CH Séc vận chuyển về Hà Nội.

- **Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh**

Ngày 11 tháng 6 năm 2014, cán bộ Hải quan thu giữ 77 chiếc ngà voi (tổng cộng 110kg) trong hành lý được kê khai là đồ đặc cá nhân. Những chiếc ngà voi này có xuất xứ từ Nigeria và được vận chuyển trên chuyến bay từ Doha, Qatar.

- **Sân bay Frankfurt, Đức**

Ngày 8 tháng 6 năm 2014, lực lượng an ninh bắt giữ một công dân Việt Nam đang sinh sống tại Séc trên đường về Việt Nam mang theo 31kg ngà voi.

- CHDCND Lào – Việt Nam**
 Ngày 8 tháng 6 năm 2014, bộ đội biên phòng tỉnh Kon Tum, Việt Nam bắt được một người đàn ông địa phương đang vận chuyển gần 15kg ngà voi. Người đàn ông bị bắt giữ khai rằng anh ta mua ngà voi tại Lào và đang “chuẩn bị bán chúng” tại Việt Nam.
- Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam**
 Ngày 18 tháng 5 năm 2014, Công an Móng Cái thu giữ 21 con tê tê, tổng khối lượng là 85.5kg. Hầu hết tê tê đều còn sống.
- Sân bay Frankfurt, Đức**
 Tháng 5 năm 2014, lực lượng an ninh bắt giữ một công dân Việt Nam đang sống tại Séc trên đường về Việt Nam mang theo 60kg ngà voi.
- Tỉnh Thừa Thiên–Huế, Việt Nam**
 Tháng 4 năm 2014, cảnh sát môi trường thu giữ 1 con tê tê nhốt trong cũi sau xe máy, ngoài ra trong cũi còn có một số động vật hoang dã khác như rắn hổ mang và rùa.
- Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam**
 Ngày 28 tháng 3 năm 2014, Công an tỉnh phát hiện và thu giữ 52 con tê tê nhốt phía sau xe tải. Tất cả đều còn sống tại thời điểm tịch thu.
- Tỉnh Svay Rieng, Campuchia – khu vực biên giới với Việt Nam**
 Tháng 3 năm 2014, lực lượng chức năng thu giữ 263kg ngà voi.
- Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
 Ngày 10 tháng 3 năm 2014, cơ quan chức năng bắt giữ một công dân Việt Nam mang trong hành lý 13kg sừng tê giác (5 chiếc còn nguyên và một số mảnh sừng).
- Sân bay quốc tế Siem Reap, Campuchia**
 Tháng 2 năm 2014, cán bộ Hải quan bắt giữ 2 công dân Việt Nam về tội buôn bán trái phép 79.5kg ngà voi.
- Rwanda – Trung Đông - Ấn Độ - Việt Nam – Lào**
 Ngày 27 tháng 2 năm 2014, Hải quan Thái Lan bắt giữ một số đối tượng buôn lậu đang cố vận chuyển 5 chiếc sừng tê giác giấu trong một số bức tượng từ Rwanda khi đang quá cảnh tại Bangkok. Điểm đến cuối cùng của chuyến hàng là Lào, nhưng đã trung chuyển qua Trung Đông, Ấn Độ, Thái Lan, và Việt Nam.
- Thái Lan**
 Ngày 19 tháng 2 năm 2014, cảnh sát bắt giữ 2 người đàn ông và tìm thấy trong xe 5 con hổ con (*Panthera Tigris*, Phụ lục 1 CITES) và một số loài động vật khác (rùa và thằn lằn chúa) đang được vận chuyển trái phép qua Lào để tới Việt Nam.
- Sân bay quốc tế Siem Reap, Campuchia**
 Ngày 16 tháng 2 năm 2014, cán bộ Hải quan bắt giữ 2 công dân Việt Nam sau khi tìm thấy khoảng gần 80kg ngà voi trong hành lý của họ. Theo như khai báo họ đã mua số ngà voi này tại Angola, đi qua Hàn Quốc và Campuchia trước khi đến điểm sau cùng là Hà Nội, Việt Nam.

- Sân bay quốc tế Suvarnabhumi, Bangkok, Thái Lan**
 Ngày 19 tháng 1 năm 2014, Hải quan Thái Lan thu giữ 21.8kg sừng tê giác (9 chiếc sừng nguyên) từ một hành khách quá cảnh đi từ Nairobi, Kenya tới Hà Nội, Việt Nam.
- Angola - Dubai - Singapore - Lào**
 Ngày 14 tháng 1 năm 2014, Cơ quan thú y và thực phẩm nông nghiệp Singapore thu giữ hành lý và bắt giữ 2 người đàn ông Việt Nam tại Sân bay Changi về tội vận chuyển trái phép 13 chiếc ngà voi, 16 chiếc vòng ngà và 109 miếng ngà voi. Hành lý được chuyển tới trong chuyến bay từ Angola tới Lào đi qua Dubai và Singapore. Điều tra cho thấy 2 người đàn ông trên được 1 người Việt Nam không rõ tên tại 1 khu chợ ở Angola hứa sẽ trả 1000 đô la Mỹ nếu kiện hàng này được vận chuyển an toàn tới Lào. Hai người đàn ông sau đó bị kết án 16 tháng tù giam.
- Uganda - Dubai - Singapore - Lào – Việt Nam**
 Ngày 10 tháng 1 năm 2014, một công dân Việt Nam trên chuyến bay từ Uganda về Việt Nam qua Lào, quá cảnh tại Dubai và Singapore đã bị bắt giữ và tìm thấy trong hành lý 22kg sừng tê giác đen (*Diceros bicornis*). Người này sau đó bị kết án 15 tháng tù giam.
- Tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam**
 Ngày 23 tháng 12 năm 2013, Công an thu giữ 200kg kì đà hoa (*Varanus salvator*), 60kg rùa núi vàng (*Indotestudo elongata*) (đều thuộc Phụ lục 2 CITES), và 50kg rắn sọc dưa (*Coelognathus radiate*) trong một xe khách đi qua Tỉnh Thanh Hóa. Chuyển xe đi từ tỉnh Đồng Tháp – khu vực Đồng bằng Sông Cửu long tới tỉnh Quảng Ninh-miền bắc Việt Nam.
- Tỉnh Phú Yên, Việt Nam**
 Ngày 18 tháng 11 năm 2013, Lê Văn Tùng bị phạt 450 triệu VNĐ (khoảng 21,250 đô la Mỹ) sau khi bị bắt giữ tại huyện Đông Hòa một tháng trước đó khi đang vận chuyển trái phép 49 con tê tê sống (256kg) từ Thành phố Hồ Chí Minh đi tỉnh Hà Tĩnh trên một xe cấp cứu mang biển số giả.
- Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
 Đầu tháng 10 năm 2013, cán bộ Hải quan thu giữ khoảng 2.4 tấn ngà voi, được giấu trong một công ten nơ nhập khẩu từ Malaysia và dán nhãn hàng là động vật biển vỏ cứng.
- Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
 Ngày 4 tháng 10 năm 2013, cán bộ Hải quan thu giữ 2.1 tấn ngà voi, được giấu trong một công ten nơ nhập khẩu từ Malaysia dưới mác là động vật biển vỏ cứng và trên đường tới Trung Quốc.
- Thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
 Tháng 8 năm 2013, cán bộ Hải quan tại Cảng Hải Phòng phát hiện hơn 6 tấn tê tê còn sống (*Manis javanica*) (Phụ lục 1 CITES) trong một công ten nơ dùng để chứa cá đông. Kiện hàng đi từ Indonesia và không rõ điểm đến. Từ đầu năm đến tháng 8 năm 2013, theo báo cáo có hơn 10 tấn tê tê – còn sống và đã chết – và 1.2 tấn vảy tê tê được thu giữ tại Cảng Hải Phòng.
- Sân bay quốc tế Nội Bài, Hà Nội, Việt Nam**
 Ngày 6 tháng 8 năm 2013, cán bộ Hải quan bắt giữ 2 công dân Việt Nam đang vận chuyển 50kg ngà voi từ Nga.

- **Sân bay quốc tế Nội Bài, Hà Nội, Việt Nam**
Tháng 8 năm 2013, cán bộ Hải quan bắt giữ 2 người đàn ông mang theo 122kg ngà voi từ Singapore.
- **Cảng Hải Phòng, Việt Nam**
Ngày 23 tháng 7 năm 2013, cán bộ Hải quan thu giữ 1.4 tấn vẩy tê tê vận chuyển trái phép trong công ten nơ từ Sierra Leone. Vẩy tê tê được giấu dưới một lớp cá mèi khô.
- **Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Ngày 30 tháng 6 năm 2013, cán bộ Hải quan thu giữ một số đồ thủ công làm từ ngà voi (21kg) vận chuyển trái phép từ Pháp. Một công dân Việt Nam bị bắt giữ.
- **Vườn quốc gia Côn Đảo, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam**
Ngày 9 tháng 6 năm 2013, đội kiểm lâm bắt giữ 2 người đàn ông địa phương đang lấy tổng cộng 498 quả trứng rùa xanh (*Chelonia mydas*) (Phụ lục 1 CITES) từ các tổ trứng rùa trong một khu vực bãi biển được bảo vệ. Mỗi người bị phạt 23 triệu VNĐ (1090 đô la Mỹ).
- **Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất – Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Ngày 20 tháng 5 năm 2013, cán bộ Hải quan bắt giữ 1 người đàn ông đến từ Châu Âu mang theo 6 chiếc sừng tê giác (Phụ lục 1 CITES) nặng 5kg.
- Trung tâm Giáo dục Thiên nhiên – Việt Nam (ENV) cũng có một báo cáo với tựa đề “*Tổng kết các vụ thu giữ hổ từ 2006 đến 2013*” trong đó đưa ra con số khoảng 280 vụ vi phạm có liên quan tới hổ và các sản phẩm từ hổ từ năm 2006. Trong đó bao gồm 120 trường hợp quảng cáo và bán các sản phẩm như xương hổ, răng hổ, móng vuốt và các sản phẩm khác, và một số trường hợp vi phạm tương tự khác. Tuy nhiên, cần phải hiểu rằng không phải tất cả các trường hợp thu giữ đều được các cơ quan thực thi pháp luật báo cáo cho ENV và báo cáo này cũng không phản ánh đầy đủ quy mô và mức độ phạm tội của việc buôn bán trái phép, nuôi nhốt trái phép hoặc sử dụng các bộ phận của hổ làm thuốc hay phục vụ các mục đích sản xuất khác.

PHỤ LỤC G

Bảo tồn hổ và các loài mèo lớn châu Á khác thuộc Phụ lục I (Nghị quyết Hội nghị 12.5)

Báo cáo gửi Ban Thư ký CITES của Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam

Tháng 1, 2014

1. Giới thiệu

Việt Nam là nơi sinh sống của các loài mèo vàng châu Á (*Catopuma temmickii*), báo đốm (*Neofelis nebulosa*), báo (*Panthera pardus*) và hổ Đông Dương (*Pantheratigris corbetii*). Các cuộc điều tra về tình hình và phân bố mới chỉ được thực hiện đối với loài hổ Đông Dương. Kết quả từ một cuộc khảo sát nhanh loài hổ và môi trường sống của loài hổ được thực hiện vào năm 2011 ước tính (dựa trên các báo cáo của địa phương) còn lại ít hơn 50 cá thể chủ yếu sống ở các khu vực vùng sâu vùng xa dọc khu vực biên giới Việt Nam với CHDCND Lào và Cam-pu-chia. Số lượng hổ hoang dã ở Việt Nam đã và đang giảm dần từ nhiều năm nay từ vài nghìn cá thể xuống bên bờ vực tuyệt chủng. Những nguy cơ chính đối với các loài mèo lớn châu Á hoang dã ở Việt Nam là mất môi trường sống, săn bắt bất hợp pháp hổ, báo, mèo hoang dã và con mồi của các loài này cũng như việc buôn bán trái phép các bộ phận và sản phẩm của các loài mèo lớn.

2. Cơ sở pháp lý

Việc săn bắn, buôn bán và vận chuyển các loài mèo lớn châu Á, bộ phận và sản phẩm của chúng bị pháp luật nghiêm cấm. Các hành vi phạm tội liên quan đến săn bắt, vận chuyển và buôn bán được xử lý theo Bộ luật Hình sự của Việt Nam và có thể bị phạt tù từ 6 tháng đến 7 năm, phạt tiền đến 25.000 đô-la Mỹ và tước giấy phép kinh doanh. Trong giai đoạn 2012 – 2013, các quy định pháp lý đã được cập nhật/sửa đổi như sau:

- Nghị định số 157/2013/NĐ-CP về xử phạt hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản
- Nghị định số 160/2013/NĐ-CP của Bộ Tài nguyên và Môi trường căn cứ theo Luật đa dạng sinh học về **tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ**, trong đó liệt kê loài hổ Đông Dương nằm trong danh mục các loài “ưu tiên bảo vệ”

Ngoài ra, các quy định sau đây đang trong quá trình sửa đổi:

- Nghị định số 32/2006/NĐ-CP về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm

- Điều 190 về vi phạm liên quan đến bảo vệ động thực vật hoang dã theo Bộ luật Hình sự của Việt Nam
- Thông tư 90/2010/TT-BNNPTNT về xử lý tang vật là động vật rừng sau khi xử lý tịch thu

3. Bảo vệ hổ:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện đang xây dựng và hoàn thiện một chương trình khôi phục loài hổ đến năm 2022 để trình Thủ tướng Chính phủ. Sáu khu vực “khôi phục” loài hổ đã được xác định để tập trung vào việc phục hồi môi trường sống và con mồi, bao gồm các rừng quốc gia Yok Đôn, Chư Mom Ray, Vũ Quang, Pù Mát và các khu bảo tồn thiên nhiên Sông Thanh, Sốp Cộp. Hai trong số này, Yok Đôn và Pù Mát sẽ được bảo vệ bổ sung do các rừng quốc gia này được xác định là các khu vực ưu tiên để khôi phục loài voi châu Á ở Việt Nam, nằm trong chương trình bảo tồn loài voi trị giá 4 triệu đô-la Mỹ được Chính phủ thông qua gần đây.

Danh sách 146 khu vực bảo tồn đã được Chính phủ công bố (Nghị định số 117/2010/NĐ-CP), trong đó hơn 2,2 triệu ha rừng được bảo vệ để dành riêng cho bảo tồn động thực vật hoang dã và môi trường sống. Chiến lược phát triển khu vực bảo tồn đến năm 2020 cũng đã được xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ cuối năm 2013.

4. Thực thi:

Mạng lưới thực thi pháp luật về động thực vật hoang dã ở Việt Nam được thiết lập năm 2010 để nâng cao năng lực giám sát của chính quyền trung ương đối với các hoạt động thực thi pháp luật. Thành viên của Vietnam-WEN bao gồm các đại diện từ Cơ quan Quản lý CITES, Cục Kiểm lâm, Cục Cảnh sát Môi trường, Tổng cục Hải quan, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Cục Bảo tồn Đa dạng sinh học, Interpol và Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao. Vietnam-WEN đã xác định ưu tiên là theo dõi hoạt động buôn bán trái phép các loài mèo lớn châu Á, voi, tê tê và tê giác.

Trong giai đoạn 2012-2013, các cơ quan thực thi pháp luật bao gồm công an, hải quan, kiểm lâm đã ngăn chặn một số các vụ việc vi phạm về buôn bán, vận chuyển và xử lý trái phép các loài, bao gồm hổ (khoảng 20 mẫu vật), báo đốm (1 mẫu vật), mèo vàng châu Á (2 mẫu vật) cũng như các động vật thuộc họ móng guốc (con mồi của hổ). Xem bảng dưới đây.

2012

Thứ tự	Loại tang vật	Tên khoa học	Nơi thu giữ	Mô tả		
				Còn sống	Đã chết	Thành phẩm
1	1 bộ xương hoàn chỉnh	<i>Panthera tigris</i>	Hà Nội			x
2	1 xác đông lạnh	<i>Panthera tigris</i>	Quảng Ninh		x	
5	1 xác đông lạnh	<i>Panthera tigris</i>	Hà Nội		x	

Thứ tự	Loại tang vật	Tên khoa học	Nơi thu giữ	Mô tả		
				Còn sống	Đã chết	Thành phẩm
6	3 xác đông lạnh	<i>Panthera tigris</i>	Nghệ An		x	
7	2 tấm da	<i>Panthera tigris</i>	Hà Nội			x
8	4 nanh	<i>Panthera tigris</i>	Hà Nội			X
9	22 vuốt	<i>Panthera tigris</i>	Hà Nội			X
10	1 bộ xương hoàn chỉnh	<i>Panthera tigris</i>	Hà Nội			x
11	1 xác đông lạnh	<i>Panthera tigris</i>	Hà Nội			
12	1 bộ xương hoàn chỉnh	<i>Panthera tigris</i>	Hà Nội			x
13	Thị và xương đang chế biến	<i>Panthera tigris</i>	Phú Thọ			
14	2 xác đông lạnh	<i>Panthera tigris</i>	Quảng Bình		X	
15	4 hổ con còn sống	<i>Panthera tigris</i>	Hà Tĩnh	X		
16	1 xác đông lạnh	<i>Panthera tigris</i>	Thanh Hóa		X	

2013

Thứ tự	Loại tang vật	Tên khoa học	Nơi thu giữ	Mô tả		
				Còn sống	Đã chết	Thành phẩm
1	01 cá thể hổ còn sống	<i>Panthera tigris</i>	Hà Nội	X		
2	01 cá thể hổ già (đông lạnh)	<i>Neofelis nebulosa</i>	Quảng Ninh		X	
3	02 xác động vật nguyên con	<i>Catopuma temminckii</i>	Hà Nội		X	
4	01 xác hổ đã được xử lý	<i>Panthera tigris</i>	Nghệ An			X

5. Chiến dịch nâng cao nhận thức

Một loạt các khóa đào tạo về tăng cường năng lực cho cán bộ thực thi pháp luật về CITES và động thực vật hoang dã đã được thực hiện trong năm 2012 và 2013 với sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật từ phía Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ và tổ chức quốc tế. Học viên bao gồm các lực lượng công an, kiểm lâm, hải quan, biên phòng ở một số khu vực thương mại chính ở các cửa khẩu quốc tế (ví dụ, các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Ninh) hoặc các điểm nóng về tiêu thụ (ví dụ, thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Trong giai đoạn 2013-2013, Cơ quan Quản lý CITES và Cục Bảo tồn Đa dạng sinh học đã tiến hành một loạt chiến dịch nâng cao nhận thức, hội thảo và các cuộc họp nhằm tăng cường nhận thức về bảo tồn động thực vật hoang dã, pháp luật về động thực vật hoang dã và giảm tiêu thụ động thực vật hoang dã cho một số nhóm đối tượng bao gồm cán bộ chính quyền, nhà báo, sinh viên, Hội phụ nữ, đoàn thanh niên và Đảng viên.

Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam, hợp tác với các tổ chức phi chính phủ đã xuất bản nhiều tranh cổ động, tờ rơi để nâng cao nhận thức của người dân về bảo tồn hổ và các quy định liên quan về bảo vệ động thực vật hoang dã.

6. Các cơ sở nuôi giữ hổ:

Có 10 cơ sở nuôi giữ hổ cả của nhà nước và tư nhân ở Việt Nam do Chi cục Kiểm lâm tỉnh quản lý. Quy định pháp lý hiện hành về bảo vệ động thực vật hoang dã nghiêm cấm các sở thú và trang trại sử dụng hổ vào mục đích thương mại. Trong trường hợp hổ chết, chúng phải được tiêu hủy theo quy định.

Số lượng hổ trong các cơ sở nuôi giữ

Thứ tự	Tên cơ sở	Số lượng	Giới tính		F1
			Đực	Cái	
1	Vườn thú Đại Nam	21	4	5	12
2	Thái Bình Dương	22	5	9	8
3	Thanh Cảnh	7	2	5	0
4	Công viên nước (vườn thú) Củ Chi	7	3	3	1
5	Cơ sở Thanh Hóa	12	4	5	3
6	Cơ sở Thái Nguyên	5	1	2	2
7	Vườn thú Sài Gòn	6	2	4	0
8	Vườn thú Hà Nội	10	2	4	4
9	Trung tâm Cứu hộ Sóc Sơn	12	1	2	9
10	Vườn thú Bảo Sơn	5			0
	Tổng	107	24	39	39

Nguồn: Cơ quan quản lý CITES Việt Nam 2012

7. Hợp tác quốc tế

- Việt Nam là thành viên tích cực của Diễn đàn về loài Hổ Toàn cầu kể từ năm 1995
- Cục Kiểm lâm Việt Nam và Cục Kiểm lâm CHDCND Lào đã ký một Bản ghi nhớ vào năm 2011, và trong cuộc họp hàng năm vào tháng 9/2013

PHỤ LỤC H

CƠ QUAN QUẢN LÝ CITES – BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆT NAM 2015

Các hình thức đào tạo (cho ai, ở đâu, cái gì, khi nào và tại sao và do ai thực hiện – quan hệ đối tác với tổ chức phi chính phủ cụ thể, cơ quan nhà nước của Việt Nam và/hoặc hợp tác quốc tế):

1. Khóa đào tạo về nhận diện các loài dành cho học viên đến từ các cơ quan Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát Môi trường, Biên phòng và Quản lý thị trường.

2. Khóa đào tạo về các quy định của CITES và pháp luật trong nước về động thực vật hoang dã dành cho các cơ quan Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát Môi trường, Biên phòng, Quản lý thị trường, Viện Kiểm sát, tòa án.

3. Đối tác:

Các cơ quan của Việt Nam: Cục Kiểm lâm, Cục Bảo tồn thiên nhiên, Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Quản lý thị trường, Cục Cảnh sát Môi trường, Tòa án Nhân dân Tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

Các tổ chức phi chính phủ: WCS, TRAFFIC, WWF, HIS, TRACE.

Hợp tác quốc tế: Ban Thư ký CITES, ASEAN-WEN, GTF, UNODC, FAO.

Các cơ quan và địa điểm

Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam được thành lập năm 1994 thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, do một giám đốc và các phó giám đốc lãnh đạo. Cơ quan này bao gồm các phòng chuyên môn về thực thi pháp luật, thông tin, tuyên truyền và đào tạo, cấp phép, quản lý các trang trại, cơ sở nuôi giữ và các cơ sở nhân giống nhân tạo, và quan hệ quốc tế. Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam đại diện cho Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ với tư cách là thành viên của Công ước CITES, cũng như điều phối việc thực hiện CITES ở Việt Nam. Với sự hợp tác của các cơ quan liên quan cùng sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Lâm nghiệp, việc triển khai thực hiện Công ước CITES ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể.

Thứ nhất, xây dựng và củng cố hệ thống pháp luật và chính sách nhằm kiểm soát hoạt động buôn bán động thực vật hoang dã, bao gồm các luật và quy định theo quy định quốc tế, cụ thể là CITES. Hiện nay Việt Nam đang được Ban Thư ký CITES quốc tế xếp hạng “A” về xây dựng và triển khai thực hiện các văn bản pháp lý liên quan đến thực hiện CITES.

Thứ hai, xét thấy việc nuôi giữ và nhân giống nhân tạo các loài động thực vật hoang dã là một biện pháp thực tế để bảo tồn có hiệu quả và thực thi CITES, Chính phủ Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách khuyến khích người dân và khu vực tư nhân đầu tư vào việc thúc đẩy nuôi giữ và nhân giống nhân tạo. Ngoài ra, việc vận động và nhận thức về CITES cũng như thực thi CITES ở Việt Nam đã và đang được tăng cường. Các cơ quan thực thi pháp luật ở Việt Nam thường xuyên được đào tạo nâng cao nhận thức về các quy định của CITES cũng như các kỹ năng nhận biết các loài thường được buôn bán.

Thứ ba, nhiều cuốn sổ tay về nhận biết động thực vật hoang dã, phương thức buôn bán, vận chuyển bất hợp pháp đã được biên soạn, dịch sang tiếng Việt và phổ biến cho các cơ quan thực thi pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi CITES. Sổ tay là một công cụ hiệu quả giúp các cơ quan thực thi pháp luật kiểm soát tốt hơn tình trạng vận chuyển bất hợp pháp động thực vật hoang dã trên toàn quốc. Cũng qua những tài liệu này, cộng đồng nhận thức tốt hơn về vai trò của động thực vật hoang dã thông qua các nỗ lực chung trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của đất nước. Nhiều người đã “nói không với các sản phẩm từ động thực vật hoang dã” và tích cực tham gia vào các cuộc thi “khám phá đời sống hoang dã” và “bảo vệ động thực vật hoang dã vì hôm nay và ngày mai”, do các Bộ ngành và các tổ chức phát động.

Thứ tư, việc thực thi CITES ở Việt Nam không chỉ liên kết với cộng đồng ASEAN, bao gồm Lào, Campuchia và Thái Lan mà còn với các nước khác trong khu vực và các châu lục khác như Trung Quốc và Nam Phi. Việt Nam cũng đang tích cực thực hiện đánh giá về một số loài cấm buôn bán có nguồn gốc từ Việt Nam như khuyến nghị của Ủy ban Thường trực CITES và Liên minh châu Âu, và thiết lập hạn ngạch xuất khẩu đối với một số loài theo quy định của CITES. Với sự tham gia của các Cơ quan Khoa học CITES, việc đánh giá có cơ sở khoa học để cung cấp một bức tranh toàn cảnh về tình hình bảo tồn và buôn bán, cũng như đưa ra các khuyến nghị về các biện pháp bảo tồn có hiệu quả. Cụ thể, nhiều đánh giá được triển khai thực hiện với sự cộng tác chặt chẽ của các tổ chức phi chính phủ quốc tế như WCS, WWF và TRAFFIC. Việt Nam không chỉ tích cực tham gia các sáng kiến hiện tại mà còn đóng vai trò trong việc xây dựng và thúc đẩy các cơ chế hợp tác mới như CITES, Công ước về Đa dạng sinh học, và Công ước Ramsar.

Ngoài ra, Việt Nam cũng là một thành viên tích cực tại các diễn đàn về động thực vật hoang dã toàn cầu như Diễn đàn toàn cầu về loài hổ, Sáng kiến toàn cầu về loài hổ, Mạng lưới Thực thi pháp luật về Động thực vật hoang dã của ASEAN. Cộng đồng quốc tế đánh giá cao sự tham gia tích cực của Việt Nam trong CITES, giúp Việt Nam tránh được các biện pháp hạn chế về thương mại và thiệt hại kinh tế, đồng thời, nâng cao vai trò và vị thế của Việt Nam trong việc thực thi CITES, không chỉ trong ASEAN mà còn ở cả khu vực châu Á.

Địa chỉ của Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam: Nhà B9, số 2 Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

Cấp được đào tạo: quản lý cao cấp, trưởng nhóm và cán bộ hiện trường (các chức danh tương đương khác của các cơ quan)

1. Các cấp độ đào tạo: Sau đại học về sinh học, luật, kinh tế, tài chính, lâm nghiệp và cảnh sát.
2. Cấp giám đốc và phó giám đốc của Cơ quan Quản lý CITES Việt Nam đã hoàn thành các chương trình thạc sỹ về sinh học và CITES.
3. Trưởng nhóm của các lực lượng Cảnh sát Môi trường, Hải quan, Quản lý thị trường, Kiểm lâm có nhiều kinh nghiệm về đấu tranh chống tội phạm trong lĩnh vực động thực vật hoang dã. Những cán bộ này đã tham gia nhiều khóa đào tạo về quy định của CITES và nhận biết các loài trong CITES. Thêm vào đó, họ cũng được cung cấp kiến thức về pháp luật trong nước liên quan đến bảo vệ động thực vật hoang dã, như Luật Bảo vệ và Phát triển Rừng, Luật Thủy sản, Luật Đa dạng sinh học, Bộ luật Hình sự, v.v.

Chiến lược, hướng tiếp cận phòng chống tham nhũng, kiểm tra liêm chính, và cơ quan chịu trách nhiệm (Hội đồng Nhân dân hoặc cơ quan khác)

Vào ngày 10/12/2003, Việt Nam chính thức ký Công ước Liên hợp quốc về Chống Tham nhũng tại Hội nghị thượng đỉnh tổ chức tại Merida. Nhằm tích cực thực hiện Công ước về Chống Tham nhũng, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Kế hoạch thực hiện Công ước về Chống Tham nhũng (kèm theo Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 7/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ). Kế hoạch này tuân thủ đầy đủ các quy định về quan điểm và áp dụng thỏa ước quốc tế tại Việt Nam. Mục đích, nội dung và lộ trình của kế hoạch này được đồng bộ với mục đích, nội dung và lộ trình của Chiến lược quốc gia về Phòng Chống Tham nhũng đến năm 2020 của Việt Nam. Đóng vai trò chủ đạo thực hiện kế hoạch này là Ban chỉ đạo quốc gia về Phòng chống tham nhũng và Thanh tra Chính phủ. Nhằm đảm bảo việc thực hiện đầy đủ pháp luật về chống tham nhũng, điều quan trọng là phải có một hệ thống pháp lý và bộ quy tắc ứng xử toàn diện, cũng như đạo đức nghề nghiệp đối với cán bộ công chức, viên chức, cũng như những người ở tuyến đầu trong cuộc đấu tranh này. Nói chung, tất cả các cơ quan, tổ chức, đơn vị và công dân đều phải có trách nhiệm phòng chống tham nhũng, bao gồm một số cơ quan chủ chốt: thanh tra, kiểm toán, cơ quan điều tra, viện kiểm sát và tòa án.

Ban chỉ đạo quốc gia về Phòng chống tham nhũng do Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam làm Trưởng ban, hai Phó Trưởng ban là Phó chủ tịch Quốc hội và Phó Thủ tướng Chính phủ, một Trưởng ban Nội chính Trung ương, và các thành viên bao gồm Tổng Thanh tra Chính phủ, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, Thứ trưởng Bộ Công An, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao, Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao, và Tổng Kiểm toán Nhà nước. Ủy ban này có trách nhiệm chỉ đạo, điều phối, thanh tra và đôn đốc các hoạt động phòng chống tham nhũng trên toàn quốc, bao gồm chỉ đạo và đôn đốc công tác thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố và xét xử các vụ án tham nhũng nghiêm trọng và phức tạp, bảo đảm việc xử các vụ việc này tuân thủ quy định hiện hành.

Năm 2011, Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2011/NĐ-CP quy định nghĩa vụ công khai tài sản và thu nhập đối với tất cả các cơ quan đơn vị. Một mặt quy định không yêu cầu phải tiết lộ công khai thông tin, một mặt quy định vẫn có thể giúp xác định các hành vi sai trái. Mỗi Bộ đều có “cơ quan thanh tra” riêng, các cơ quan thanh tra này báo cáo cho cả Thanh tra Chính phủ và các Bộ trưởng của các Bộ đó. Viện Kiểm sát Nhân dân chịu trách nhiệm khởi tố các vụ án tham nhũng. Tòa án Nhân dân chịu trách nhiệm giám sát và bảo đảm triển khai thực hiện thống nhất hệ thống pháp luật về phòng chống tham nhũng. Kiểm toán Nhà nước là cơ quan kiểm toán tối cao trong nước, có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác và hợp pháp trong việc sử dụng ngân sách nhà nước. Tất cả các báo cáo về phòng chống tham nhũng phải được gửi tới Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Trong lĩnh vực rừng và động thực vật hoang dã, chúng tôi đang triển khai thực hiện Chiến lược Đa dạng sinh học quốc gia đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 thông qua xây dựng Chương trình quốc gia về Kiểm soát buôn bán và tiêu thụ trái phép các loài bị đe dọa. Từ chương trình này, Việt Nam hy vọng có thể thu được nhiều nguồn lực khác nhau để bảo vệ rừng và động thực vật hoang dã cũng như đấu tranh với nạn tham nhũng. Tuy nhiên, đến nay Việt Nam vẫn chưa phát hiện được vụ việc tham nhũng nào trong lĩnh vực lâm nghiệp và động thực vật hoang dã.

Trung tâm thông tin/nghiệp vụ – số lượng thông tin tiếp nhận, gửi đi (cho ai) có thể giúp thực hiện hành động, kết quả thu giữ, bắt giữ người vi phạm và kết quả xử lý:

Kể từ năm 2010, các cơ quan của Việt Nam đã phát hiện và bắt giữ nhiều vụ việc buôn bán trái phép động thực vật hoang dã. Các tang vật thu được bao gồm ngà voi, sừng tê giác, tê tê (sống, vảy và thịt), đồi mồi và rùa tươi sống cùng nhiều loại khác.

Chúng tôi tiếp nhận thông tin về buôn bán trái phép từ các cơ quan thực thi pháp luật khác, và thông qua tất cả các thành viên của Ban chỉ đạo Việt Nam – WEN, như Hải quan, Kiểm lâm, Cảnh sát Môi trường, Biên phòng và Quản lý thị trường. Tuy nhiên, do tang vật đều là hàng hóa thuộc danh mục cấm và trong một số trường hợp, các điều tra viên không xác định được chủ sở hữu của hàng hóa bất hợp pháp đó nên không thể tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự và thay vào đó chỉ ra quyết định xử phạt hành chính. Tất cả các tang vật đều được tiêu hủy, hoặc chuyển giao cho các cơ sở nghiên cứu khoa học, viện bảo tàng (đối với mẫu vật chết), hoặc các trung tâm cứu hộ để thả trở lại thiên nhiên. Các đối tượng tội phạm về động thực vật hoang dã đang sử dụng các phương thức thủ đoạn ngày càng tinh vi để tránh bị các cơ quan thực thi pháp luật kiểm soát, đặc biệt là sử dụng mạng internet để buôn bán và tiêu thụ sản phẩm từ động thực vật hoang dã. Thông tin về các vụ việc bắt giữ kèm theo tại các Phụ lục sau:

Phụ lục 1 – Bắt giữ tê giác

Thời gian	Tên loài	Số lượng tang vật	Mô tả	Địa điểm bắt giữ
16/11/2011	Tê giác	3 Chiếc	Sừng	Hà Nội
26/2/2012	Tê giác	22 Chiếc	Sừng	Hà Nội
4/11/2012	Tê giác	23.5 kg	Sừng	Hà Nội
6/11/2012	Tê giác	3 Chiếc	Sừng	Quảng Ninh
6/11/2013	Tê giác	16.5 kg	Sừng	TP Hồ Chí Minh
4/5/2013	Tê giác	7.28 kg	Sừng	TP Hồ Chí Minh
4/5/2013	Tê giác	0.65 kg	Sừng	Hà Nội
4/5/2013	Tê giác	0.55 kg	Sừng	Hà Nội
4/5/2013	Tê giác	0.95 kg	Sừng	Hà Nội
20/5/2013	Tê giác	5.07 kg	Sừng	TP Hồ Chí Minh
30/5/2013	Tê giác	0.85 kg	Sừng	Hà Nội
10/5/2013	Tê giác	6.89 kg	Sừng	TP Hồ Chí Minh
10/5/2013	Tê giác	3.4 kg	Sừng	Bắc Giang
24/12/2013	Tê giác	6.3 kg	Sừng	Thái Bình
20/3/2014	Tê giác	13.1 kg	Sừng	TP Hồ Chí Minh

Thời gian	Tên loài	Số lượng tang vật	Mô tả	Địa điểm bắt giữ
27/10/2014	Tê giác	6 Chiếc	Sừng	Hà Nội
1/11/2014	Tê giác	7 kg	Sừng	Hà Nội
25/12/2014	Tê giác	0.2 kg	Sừng	Hà Nội
12/3/2015	Tê giác	1.4kg	Sừng	TP Hồ Chí Minh

Phụ lục 2 – Bắt giữ voi

Thời gian	Tên loài	Số lượng tang vật (kg)	Mô tả	Địa điểm bắt giữ
13/5/2010	Voi	2,194.2	Ngà	Hải Phòng
13/5/2010	Voi	1,518.4	Ngà	Hải Phòng
25/5/2010	Voi	370.0	Ngà	Hải Phòng
25/5/2010	Voi	1,245.6	Ngà	Hải Phòng
23/5/2010	Voi	82.0	Ngà	Thái Bình
19/3/2010	Voi	149.3	Ngà	Quảng Ninh
27/11/2010	Voi	14.0	Ngà	Nghệ An
10/1/2011	Voi	1,168.0	Ngà	Hải Phòng
6/4/2011	Voi	506.0	Ngà	Hải Phòng
18/4/2011	Voi	296.0	Ngà	Quảng Ninh
3/7/2011	Voi	15.0	Ngà	Hải Dương
12/5/2011	Voi	856.0	Ngà	Hải Phòng
02/11/2011	Voi	350.0	Ngà	Hải Phòng
28/11/2011	Voi	209.4	Ngà	Nghệ An
18/4/2011	Voi	300.0	Ngà	Quảng Ninh
22/11/2011	Voi	1,061.0	Ngà	Quảng Ninh
30/12/2011	Voi	65.0	Ngà	Hà Nội
17/3/2012	Voi	8.1	Ngà	Hà Nam

Thời gian	Tên loài	Số lượng tang vật (kg)	Mô tả	Địa điểm bắt giữ
4/4/2012	Voi	282.0	Ngà	TP Hồ Chí Minh
18/7/2012	Voi	137.0	Ngà	TP Hồ Chí Minh
30/7/2012	Voi	2,475.0	Ngà	TP Hồ Chí Minh
17/5/2012	Voi	744.5	Ngà	Hải Phòng
4/4/2012	Voi	282.0	Ngà	TP Hồ Chí Minh
22/6/2012	Voi	27.6	Ngà	Hà Nội
8/11/2012	Voi	61.2	Ngà	Hà Nội
3/12/2012	Voi	64.7	Ngà	Đà Nẵng
31/1/2013	Voi	92.0	Ngà	TP Hồ Chí Minh
22/3/2013	Voi	29.0	Ngà	Tây Ninh
5/5/2013	Voi	28.0	Ngà	Quảng Ninh
31/6/2013	Voi	21.0	Ngà	TP Hồ Chí Minh
31/7/2013	Voi	50.2	Ngà	Hà Nội
16/9/2013	Voi	167.0	Ngà	Hà Nội
25/9/2013	Voi	74.0	Ngà	Hải Phòng
9/10/2013	Voi	2,162.5	Ngà	Hải Phòng
21/10/2013	Voi	2,400.0	Ngà	Hải Phòng
10/11/2013	Voi	39.8	Ngà	Bắc Giang
16/12/2013	Voi	144.0	Ngà	Hà Nội
12/2/2014	Voi	4.2	Ngà	TP Hồ Chí Minh
23/4/2014	Voi	30.0	Ngà	Quảng Ninh
9/5/2014	Voi	51.0	Ngà	Hà Nội
16/5/2014	Voi	243.7	Ngà	Quảng Ninh
24/5/2014	Voi	1,000.0	Ngà	Hải Phòng

Thời gian	Tên loài	Số lượng tang vật (kg)	Mô tả	Địa điểm bắt giữ
10/6/ 2014	Voi	110.0	Ngà	TP Hồ Chí Minh
22/6/2014	Voi	90.6	Ngà	TP Hồ Chí Minh
1/8/2014	Voi	14.6	Ngà	TP Hồ Chí Minh
18/8/2014	Voi	1,262.0	Ngà	Hải Phòng
28/8/2014	Voi	40.0	Ngà	TP Hồ Chí Minh
12/3/2015	Voi	0.41kg	Ngà	TP Hồ Chí Minh

Phụ lục 3 – Bắt giữ tê tê

Thời gian	Tên loài	Số lượng tang vật	Mô tả	Địa điểm bắt giữ
20/3/2010	Tê tê	158 kg	Sống	TP Hồ Chí Minh
10/5/2010	Tê tê	1778.3 kg	Vảy	Hải Phòng
26/8/2010	Tê tê	3 đầu	Sống	Lâm Đồng
20/11/2010	Tê tê	28 kg	Sống	Thanh Hóa
19/12/2010	Tê tê	160 kg	Sống	Hải Dương
5/1/2011	Tê tê	500 kg	Sống	Thái Bình
19/1/2011	Tê tê	2.8 kg	Sống	Hà Tĩnh
24/1/2011	Tê tê	4726 kg	Thịt	Hải Phòng
24/3/2011	Tê tê	55 kg	Sống	Hà Tĩnh
15/7/2011	Tê tê	410 kg	Vảy	Quảng Ninh
6/11/2011	Tê tê	450 kg	Đông lạnh	Lang Son
2/12/2012	Tê tê	46 kg	Sống	Hà Tĩnh
8/12/2011	Tê tê	400 kg	Sống	Hải Dương
12/12/2011	Tê tê	477.7 kg	Sống	Hà Tĩnh
13/12/2011	Tê tê	250 kg	Sống	Hà Nội
16/12/2011	Tê tê	439 kg	Sống	Thanh Hóa

Thời gian	Tên loài	Số lượng tang vật	Mô tả	Địa điểm bắt giữ
27/12/2011	Tê tê	30 kg	Sống	Hà Tĩnh
3/1/2012	Tê tê	90 kg	Vây	Quảng Ninh
5/1/2012	Tê tê	9 kg	Sống	Thanh Hóa
19/3/2012	Tê tê	1200 kg	Đông lạnh	Quảng Ninh
26/3/2012	Tê tê	41 kg	Sống	Thanh Hóa
4/4/2012	Tê tê	2 kg	Vây	TP Hồ Chí Minh
24/4/2012	Tê tê	304 kg	Sống	Nghệ An
7/5/2012	Tê tê	14.2 kg	Sống	Hà Tĩnh
22/5/2012	Tê tê	5927.1 kg	Thịt	Hải Phòng
11/7/2012	Tê tê	729 kg	Vây	Quảng Ninh
17/7/2012	Tê tê	7200 kg	Sống	Hải Phòng
27/7/2012	Tê tê	33.9 kg	Sống	Thừa Thiên - Huế
31/7/2012	Tê tê	16 kg	Sống	Bình Phước
4/9/2012	Tê tê	424 kg	Sống	Hà Tĩnh
9/2012	Tê tê	93.7 kg	Sống	Thừa Thiên - Huế
/92012	Tê tê	35 kg	Sống	Thừa Thiên - Huế
20/12/2012	Tê tê	20 kg	Sống	Quảng Trị
26/12/2012	Tê tê	500 kg	Sống	Hà Tĩnh
18/1/2013	Tê tê	173 kg	Vây	Hải Phòng
28/3/2013	Tê tê	517 kg	Vây	Hải Phòng
25/4/2013	Tê tê	6 kg	Sống	Lào Cai
15/5/2013	Tê tê	5556.2 kg	Thịt	Hải Phòng
18/5/2013	Tê tê	80 kg	Sống	Quảng Ninh
28/5/2013	Tê tê	178 kg	Sống	Hải Dương
31/5/2013	Tê tê	58.1 kg	Sống	Thái Nguyên

Thời gian	Tên loài	Số lượng tang vật	Mô tả	Địa điểm bắt giữ
17/7/2013	Tê tê	280 kg	Sống	Quảng Ninh
18/7/2013	Tê tê	263 kg	Vảy	Hà Nội
18/7/2013	Tê tê	348,6 kg	Sống	Quảng Ninh
3/7/2013	Tê tê	24.4 kg	Sống	Hà Tĩnh
12/7/2013	Tê tê	6262 kg	Đông lạnh	Hải Phòng
14/8/2013	Tê tê	471 kg	Sống	Quảng Ninh
30/8/2013	Tê tê	233 kg	Sống	Hưng Yên
24 /9/ 2013	Tê tê	3040 kg	Đông lạnh	Hải Phòng
24 /9/ 2013	Tê tê	990 kg	Vảy	Hải Phòng
1 /10/ 2013	Tê tê	230 kg	Sống	Quảng Ninh
11/10/2013	Tê tê	5900 kg	Thịt	Hải Phòng
18 /10/2013	Tê tê	255.8 kg	Sống	Phú Yên
1/11/2013	Tê tê	92.3 kg	Sống	Hà Tĩnh
3/12/2013	Tê tê	487 kg	Sống	Quảng Ninh
28/3/2014	Tê tê	197.3 kg	Sống	Ninh Bình
8/5/2014	Tê tê	29 kg	Sống	Lào Cai
18/5/2014	Tê tê	85.5 kg	Sống	Quảng Ninh
22/6/2014	Tê tê	220 kg	Sống	Quảng Ninh
23/6/2014	Tê tê	315 kg	Sống	Thanh Hóa
30/6/2014	Tê tê	350 kg	Sống	Quảng Ninh
22/7/2014	Tê tê	1471 kg	Vảy	Hải Phòng
26/7/2014	Tê tê	100 kg	Sống	Thanh Hóa
29/7/2014	Tê tê	196 kg	Sống	Quảng Ninh
29/7/2014	Tê tê	70 kg	Sống	Quảng Ninh
29/7/2014	Tê tê	20.5 kg	Sống	Thanh Hóa

Thời gian	Tên loài	Số lượng tang vật	Mô tả	Địa điểm bắt giữ
17/8/2014	Tê tê	175 kg	Vảy	Thanh Hóa

Phụ lục 4 – Bắt giữ rùa

Thời gian	Tên loài	Số lượng tang vật	Mô tả	Địa điểm bắt giữ
14/1/2011	Rùa	87 đầu	Sống	Hà Tĩnh
20/2/2011	Rùa	20 đầu	Sống	Quảng Ninh
03/7/2012	Rùa	43 đầu	Sống	Đồng Nai
30/5/2013	Rùa	15 đầu	Sống	Nghệ An
24/2/2013	Rùa	94 đầu	Sống	Quang Ngãi
09/5/2013	Rùa	1 đầu	Sống	Quang Ngãi
26/3/2013	Rùa	10 đầu	Không rõ	Hà Tĩnh
10/1/2013	Rùa	38 đầu	Không rõ	Hà Tĩnh
21/2/2013	Rùa	200kg	Sống	Quảng Ninh
20/8/2013	Rùa	90 đầu	Sống	Quảng Ninh
21/4/2013	Rùa	1 đầu	Không rõ	Quảng Ninh
10/10/2013	Rùa	3 đầu	Sống	Thừa Thiên - Huế
19/4/2014	Rùa	29 đầu	Sống	Quảng Ninh
19/4/2014	Rùa	29 đầu	Sống	Quảng Ninh
29/7/2014	Rùa	25 đầu	Sống	Thanh Hóa
29/7/2014	Rùa	114 đầu	Sống	Quảng Ninh
5/7/2014	Rùa	9 đầu	Sống	TP Hồ Chí Minh
2/7/2014	Rùa	1,400 kg	Sống	Quảng Ninh
29/7/2014	Rùa	114 đầu	Sống	Quảng Ninh
20/12/2014	Rùa	31 đầu	Sống	Thừa Thiên - Huế

PHỤ LỤC I

TÌNH TRẠNG BUÔN BÁN CÁC SẢN PHẨM ĐỘNG THỰC VẬT HOANG DÃ QUA INTERNET Ở VIỆT NAM

Mạng Internet đã tạo ra một cuộc cách mạng trong cách chúng ta sống, cách chúng ta giao tiếp và cách chúng ta làm việc. Một số mạng xã hội như Facebook và Twitter đóng vai trò kết nối các cá nhân, gia đình và các nhóm có mối quan tâm giống nhau bất kể họ ở đâu trên thế giới. Các trang thương mại điện tử như eBay và Alibaba mang đến cho các nhà cung cấp khả năng tiếp cận với thị trường và người tiêu dùng trên toàn cầu với sức mua ngày càng tăng lên. Tiềm năng của các phương tiện trung gian này không nằm ngoài sự chú ý của các nhóm tội phạm có tổ chức, chúng đã nhanh chóng lợi dụng khả năng che dấu danh tính và tiếp cận thị trường mà những hệ thống này mang lại. Những phương tiện ban đầu được thiết kế làm nền tảng để kết nối mọi người đã bị lạm dụng để tổ chức và thực hiện hoạt động tội phạm mà không bị phát hiện, trừng phạt ở nhiều nơi trên thế giới.

Hiện tượng này không loại trừ Việt Nam, do người dân và cụ thể là giới trẻ tiếp cận nhanh chóng với công nghệ. Theo trang web *We Are Social* và như minh họa trong Hình 1, ước tính có khoảng 39.8 triệu người sử dụng internet ở Việt Nam trong đó 28 triệu người có tài khoản mạng xã hội đang hoạt động.⁵⁸ Những con số này hiện nay thể hiện cơ hội để hoạt động tội phạm có tổ chức tiếp cận không hạn chế với người dân và thị trường.



Hình 1

Phụ lục này trình bày tóm lược về hai hình thức trực tuyến dùng để tạo điều kiện cho hoạt động buôn bán các sản phẩm động thực vật hoang dã và gỗ ở Việt Nam, cụ thể là mạng xã hội và các trang thương mại điện tử. Các vấn đề tiềm ẩn mà mỗi nền tảng này đặt ra đối với việc thực thi pháp luật sẽ được thảo luận, cũng như các chiến lược có thể áp dụng để xử lý những vấn đề này.

Việc sử dụng internet để tạo điều kiện cho hoạt động tội phạm không phải là mới. Từ thời điểm mới hình thành, Internet đã được các đối tượng tội phạm sử dụng để thực hiện hoạt động tội phạm. Nhiều nước trong đó có Việt Nam đã ban hành luật quy định về việc sử dụng Internet và hình sự hóa một số hành vi nhất định. Nghị định 72 năm 2013 đưa ra các định nghĩa và quy định các điều khoản cho phép kiểm soát các hoạt động giao tiếp qua Internet ở Việt Nam. Điều 3(22) của Nghị định 72 định nghĩa mạng xã hội là, “*Mạng xã hội (social network) là hệ thống thông tin cung cấp cho cộng đồng người sử dụng mạng các dịch vụ lưu trữ, cung cấp, sử dụng, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau, bao gồm dịch vụ tạo trang thông tin điện tử cá nhân, diễn đàn (forum), trò chuyện (chat) trực*

⁵⁸We Are Social, tại địa chỉ <http://www.slideshare.net/johnnyvo/vietnam-digital-social-mobile-2015>, truy cập ngày 24/7/2015.

tuyển, chia sẻ âm thanh, hình ảnh và các hình thức dịch vụ tương tự khác.”

Điều 5 của Nghị định xác định các hành vi bị cấm bao gồm các điểm (b) tuyên truyền, kích động tội ác và (đ) mua bán hàng hóa, dịch vụ bị cấm. Các điều khoản này rõ ràng không loại trừ việc các cơ quan thực thi pháp luật tiến hành các hành động theo Bộ luật Hình sự, nhưng vẫn có các biện pháp thay thế nếu không có đủ chứng cứ để xử lý đối với các hành vi tội phạm nghiêm trọng.

Mặc dù đã có khung pháp lý để theo dõi các hoạt động liên quan đến internet, các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam chịu trách nhiệm điều tra tội phạm về rừng và động thực vật hoang dã cho rằng họ không có đủ nguồn lực và được đào tạo bài bản để xử lý các hoạt động tội phạm về động thực vật hoang dã và gỗ sử dụng internet. Mặc dù việc thực thi pháp luật đối với loại hình này có thể gặp phải những vấn đề liên quan đến trang thiết bị, chuyên môn, thẩm quyền và khả năng chấp nhận bằng chứng, việc này cũng mang đến cho các cơ quan thực thi pháp luật Việt Nam những cơ hội để thu thập thông tin nghiệp vụ và chứng cứ, tạo điều kiện cho việc sử dụng cán bộ đặc tình, và tăng cường kiến thức về quy mô và phạm vi vấn đề tội phạm về rừng và động thực vật hoang dã ở Việt Nam.

Lĩnh vực đầu tiên được trình bày là mạng xã hội và tác động của nó đối với hoạt động buôn bán trái phép động thực vật hoang dã và gỗ. Sự ra đời của công nghệ điện thoại thông minh và việc truy cập Internet dễ dàng đã giúp các mạng xã hội phổ biến trên toàn cầu. Các doanh nghiệp hợp pháp sử dụng mạng xã hội để quảng bá sản phẩm, giúp kết nối các gia đình, bạn bè và người sử dụng có thể tham gia các nhóm xã hội của những người có cùng suy nghĩ. Các nhóm bảo tồn và thậm chí các cơ quan thực thi pháp luật cũng sử dụng mạng xã hội để kết nối với cộng đồng toàn cầu.

Khi cơ hội xuất hiện, các đối tượng tội phạm nhanh chóng lợi dụng, và mạng xã hội không phải ngoại lệ. Đối tượng phạm tội có thể sử dụng mạng xã hội để tìm kiếm sản phẩm, sắp đặt việc vận chuyển, sử dụng đại lý để mở rộng mạng lưới khách hàng, trao đổi thời gian và tìm kiếm người mua. Chúng dựa vào tình trạng thiếu năng lực thực thi pháp luật, trà trộn với các doanh nghiệp hợp pháp (đặc biệt với mặt hàng gỗ), và hưởng lợi từ khả năng cận sản phẩm hoặc người tiêu dùng mà bình thường chúng không tiếp cận được.

Tổ chức phi chính phủ TRAFFIC đã tiến hành một vài nghiên cứu về tình trạng buôn bán trái phép các loài hoang dã và tiếp tục theo dõi tình trạng này. Trong một nghiên cứu ở Trung Quốc tập trung vào việc bán các sản phẩm thuộc danh mục CITES trên mạng xã hội, TRAFFIC xác định được sáu thương lái bán hàng trăm sản phẩm bao gồm ngà voi và sừng tê giác.⁵⁹ Một nghiên cứu sâu đối với Việt Nam chưa được thực hiện, nhưng có khả năng sẽ thu được kết quả tương tự, tuy ở mức độ nhỏ hơn.

Có một số cách thức mà các cơ quan thực thi pháp luật có thể theo dõi mạng xã hội. Những cách này bao gồm theo dõi cụ thể các cá nhân hoặc nhóm quan tâm, thu thập siêu dữ liệu và sau đó phân tích các siêu dữ liệu đó, và việc tạo ra các tài khoản giả hoặc “đại diện”.

Việc theo dõi mục tiêu một đối tượng hoặc nhóm quan tâm có thể đem lại cơ hội thu thập thông tin nghiệp vụ và/hoặc chứng cứ. Cá nhân thường đăng các hình ảnh về tài khoản của họ mà có thể được sử dụng để xác định danh tính thật, như biển số xe, nơi sinh sống, làm việc, trường học, thành viên gia đình, họ hàng và những đối tượng liên quan là

⁵⁹ Traffic, 2015. Các mục tiêu di chuyển: Theo dõi việc buôn bán các sản phẩm loài hoang dã trái phép trực tuyến tại Trung Quốc,

ai. Từ những thông tin này, điều tra viên có thể lập sơ đồ mạng lưới, từ đó xác định những đối tượng có thể quan tâm.

Do tính chất xuyên quốc gia của tội phạm về động thực vật hoang dã và gỗ, các mạng lưới thường hoạt động ở nhiều nước. Việc theo dõi tài khoản mạng xã hội của đối tượng nghi vấn có thể giúp lập sơ đồ mạng lưới và cung cấp những thông tin nghiệp vụ có giá trị đối với các cơ quan thực thi pháp luật.

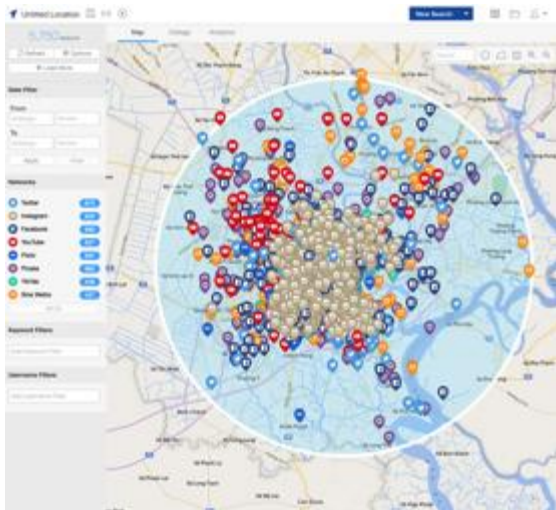
Việc theo dõi các nhóm quan tâm sẽ xác định được những người có chung mối quan tâm, và cũng có thể xác định mạng lưới liên hệ giữa những cá nhân này. Việc là thành viên của một nhóm sẽ dẫn đến các đề nghị tham gia các nhóm tương tự, từ đó tăng tiềm năng thông tin nghiệp vụ và tiếp cận. Một ví dụ về sơ đồ quan hệ trong liên kết mạng xã hội được minh họa trong Hình 5 ở cuối phụ lục này.

Do việc dễ dàng tạo tài khoản, mạng xã hội cũng tạo cơ hội cho các cơ quan thực thi pháp luật tạo các tài khoản “đại diện”, các hồ sơ giả để các cán bộ đặc tình có thể tiếp cận với các đối tượng nghi vấn và giả vờ mua hàng cấm. Các tài khoản “đại diện” này có thể được sử dụng để thực hiện các chiến dịch “giả mua để bắt”, hoặc được sử dụng trong các cuộc điều tra kéo dài.

Việc theo dõi mạng xã hội cũng giúp cơ quan thực thi pháp luật tìm hiểu các phương thức thủ đoạn mà các đối tượng buôn lậu sử dụng, nhằm xác định giá trị và tình trạng còn hàng, và xác định các xu hướng mới nổi lên. Các nhà cung cấp thường liên hệ với khách hàng tiềm năng qua việc chào bán sản phẩm. Có được thông tin này, cán bộ có thể xây dựng các chiến lược phù hợp nhất để xác định mắt xích chính trong đường dây cung cấp trái pháp luật.

Việc theo dõi các siêu dữ liệu do các mạng xã hội tạo ra cũng là một giải pháp dành cho các cơ quan thực thi pháp luật trong việc xử lý tội phạm về động thực vật hoang dã và gỗ trên Internet. Có một số nền tảng tìm kiếm dành cho các cơ quan thực thi pháp luật (thông qua hình thức thuê bao) (và cho cả người dân) trong việc thu thập và phân tích siêu dữ liệu. Geofeedia là một nền tảng như vậy, nền tảng này có thể được điều chỉnh để tìm kiếm trên toàn cầu sử dụng các từ khóa hoặc tên người sử dụng, hoặc có thể tinh chỉnh để tìm kiếm một khu vực địa lý có phạm vi nhỏ hẹp như bán kính chỉ 100 mét ở mọi nơi trên thế giới. Nhược điểm chính của hệ thống là chi phí mua hệ thống, hình ảnh và thông tin đăng tải phải được gắn thẻ địa lý để có thể truy cập bằng hệ thống, và cả khối lượng dữ liệu rất lớn mà hệ thống tạo ra.

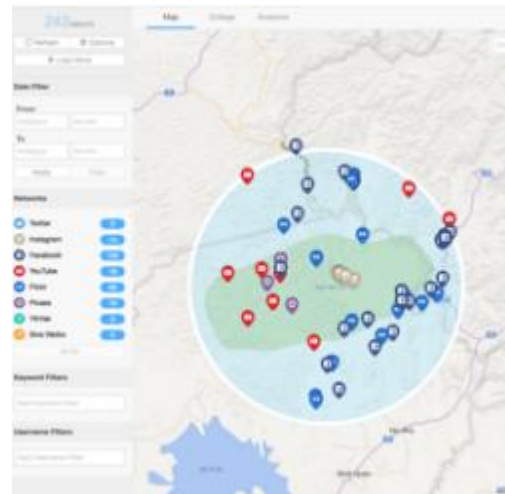
Geofeedia tìm kiếm khắp các mạng xã hội phổ biến bao gồm Twitter, Instagram, Facebook, Youtube, Flickr, Picasa, Yik Yak, Sina Weibo, và cho phép tìm kiếm theo thời gian thực hoặc có khả năng ghi lại dữ liệu trên một trang cụ thể trong vài tháng. Số lượng “lượt xuất hiện” trong một khu vực địa lý xác định có thể được chỉ ra từ số lượng thông tin đăng tải ở khu vực đó trong một khoảng thời gian nhất định. Như minh họa trong Hình 5, hơn 5.750 ‘lượt xuất hiện’ thu được trong vòng 2 giờ đồng hồ trong bán kính 5 km ở TP Hồ Chí Minh. (Phiên bản lớn hơn của hình ảnh này được thể hiện tại Hình 6 ở cuối Phụ lục này)



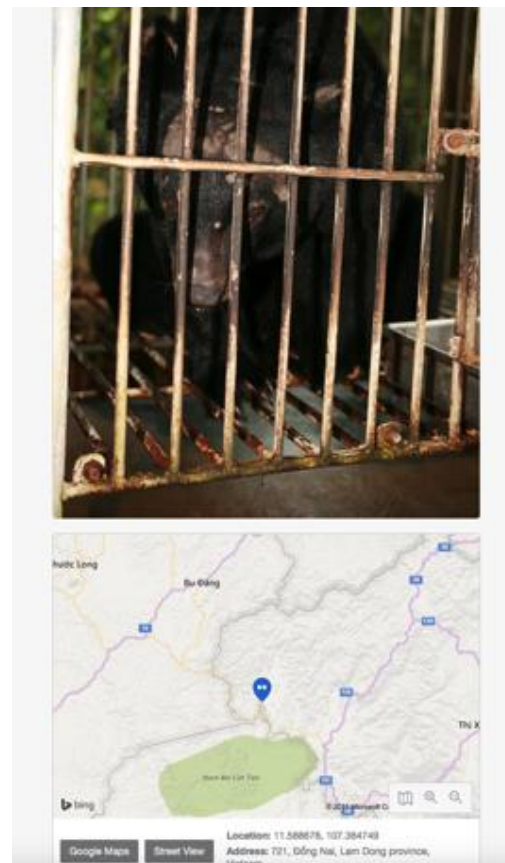
Hình 2

Giống như hầu hết các hệ thống thu thập siêu dữ liệu, rất nhiều dữ liệu thu được có thể không liên quan đối với các cơ quan thực thi pháp luật. Tuy nhiên, trong rất nhiều dữ liệu đó, nếu một thông tin đăng tải được cơ quan thực thi pháp luật quan tâm, thông tin đó sẽ được thu thập để sau đó phân tích. Thậm chí nếu thông tin đăng tải đó bị xóa đi sau đó thì vẫn có thông tin lưu lại, trừ hình ảnh.

Công cụ này có lẽ hữu ích hơn với các cơ quan thực thi pháp luật ở chỗ có thể tiến hành tìm kiếm theo khu vực địa lý tùy chọn và từ khóa hoặc chức năng tên người sử dụng. Việc tìm kiếm trong phạm vi lân cận ở khu vực cửa khẩu, rừng quốc gia hoặc các tuyến buôn lậu có thể xác định được những người đang có mặt ở những khu vực đó hoặc có thể chụp được bằng chứng hình ảnh của hành vi tình nghi phạm tội. Một ví dụ như trường hợp này được minh họa trong Hình 3, cho thấy thực hiện tìm kiếm quanh khu vực rừng quốc gia Cát Tiên ở miền nam Việt Nam. Tìm kiếm này cho thấy chỉ có 234 lượt xuất hiện trong giai đoạn vài tháng; tuy nhiên, trong số những lượt xuất hiện này, như trong Hình 4, là hình một cá thể gấu nhốt trong một cái chuồng nhỏ.



Hình 3



Hình 4

‘Lượt xuất hiện’ này cung cấp vị trí theo GPS nơi bức ảnh được chụp và tên người sử dụng của người chụp bức ảnh. Những chi tiết này có thể được điều tra viên sử dụng nếu họ muốn tiếp tục tiến hành điều tra. Chức năng tên người sử dụng và từ khóa cũng đem lại khả năng tìm kiếm tùy chọn, có thể được sử

dụng để xác định các trường hợp phạm tội về động thực vật hoang dã và rừng. Tìm kiếm sử dụng từ khóa “ngà voi” trong thời gian một tháng vào các tháng 6/7 năm 2015 trả về 5.875 kết quả. Mặc dù trong kết quả trả về xuất hiện một số lượng lớn các sản phẩm từ ngà voi đã qua xử lý để bán như vòng đeo tay hoặc bộ cờ, đa số các kết quả trả về không liên quan đến ngà voi mà là màu trắng ngà, váy cưới, bánh ngọt, trang điểm và xe cộ.

Tìm kiếm từ khóa “sừng tê giác” cả bằng tiếng Anh lẫn tiếng Việt không trả về bất kỳ kết quả nào trên khắp Việt Nam. Điều này không có nghĩa là các đối tượng tội phạm không sử dụng mạng xã hội để buôn bán sừng tê giác ở Việt Nam. Có thể các đối tượng tội phạm đang sử dụng một mật mã hoặc thuật ngữ để mô tả sản phẩm, hoặc nhiều khả năng hơn là chúng không gắn thẻ địa lý vào các hình ảnh của chúng.

Hệ thống Geofeedia và các hệ thống tương tự có giá không rẻ và việc mua hệ thống này dường như nằm ngoài khả năng của các cơ quan thực thi pháp luật môi trường ở Việt Nam. Tuy nhiên, điều này không có ngăn cản các cơ quan thực thi pháp luật được hưởng lợi ích từ những hệ thống này.

Một số tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực môi trường có đội ngũ nhân viên được đào tạo bài bản và có nhiệt huyết, với nhiều kinh nghiệm điều tra mạng xã hội và khả năng truy cập các hệ thống thu thập siêu dữ liệu, sẵn sàng hỗ trợ các cơ quan thực thi pháp luật nếu có yêu cầu. Các tổ chức phi chính phủ này là lực lượng hỗ trợ chưa được các cơ quan thực thi pháp luật sử dụng hết khả năng trong cuộc đấu tranh chống tội phạm về động thực vật hoang dã và rừng trên toàn cầu.

Phương tiện thứ hai mà phần phụ lục này trình bày tóm lược đó là các trang thương mại điện tử ở Việt Nam, tập trung vào buôn bán

gỗ trắc. Gỗ trắc là một loại gỗ giá trị cao, có nhu cầu lớn ở Trung Quốc và Việt Nam. Việc buôn bán loài *Dalbergia Cochinchensis* (Gỗ trắc Thái Lan) được quản lý theo CITES theo đề nghị của Thái Lan. Một loài có giá trị cao khác là *Dalbergia bariensis* (Gỗ trắc Miến Điện) cũng được bảo vệ ở Việt Nam và đang được khai thác khắp khu vực tiểu vùng sông Mekong (GMS).

Các trang thương mại điện tử lớn được các đối tượng buôn bán gỗ trắc sử dụng ở Việt Nam bao gồm www.alibaba.com, www.globalwood.org và www.tradekey.com. Các trang web này cung cấp gỗ trắc ở dạng gỗ khúc, gỗ xẻ, gỗ tấm và đồ nội thất. Các trang thương mại điện tử này cho phép nhà cung cấp và người mua tiềm năng kết nối với nhau mà không phải đến tận nơi kiểm tra thực tế hàng hóa. Đối với các băng nhóm tội phạm, điều này có thêm một lợi thế đó là giảm khả năng bị bắt do sở hữu gỗ bất hợp pháp, do ban đầu không phải khai báo địa điểm của gỗ. Điều này cũng giúp các băng nhóm tội phạm có tổ chức sử dụng các công ty bình phong để quảng cáo và tiêu thụ các sản phẩm gỗ bất hợp pháp.

Phân tích các trang thương mại điện tử trực tuyến như Alibaba giúp các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam có được cái nhìn về quy mô và phạm vi của thị trường gỗ trắc ở Việt Nam. Điều này cũng tạo cơ hội để cơ quan thực thi pháp luật đóng giả làm trung gian môi giới hoặc người mua gỗ trắc, hoặc đóng giả làm khách hàng để xác minh tính hợp pháp của gỗ trắc do nhà cung cấp chào bán.

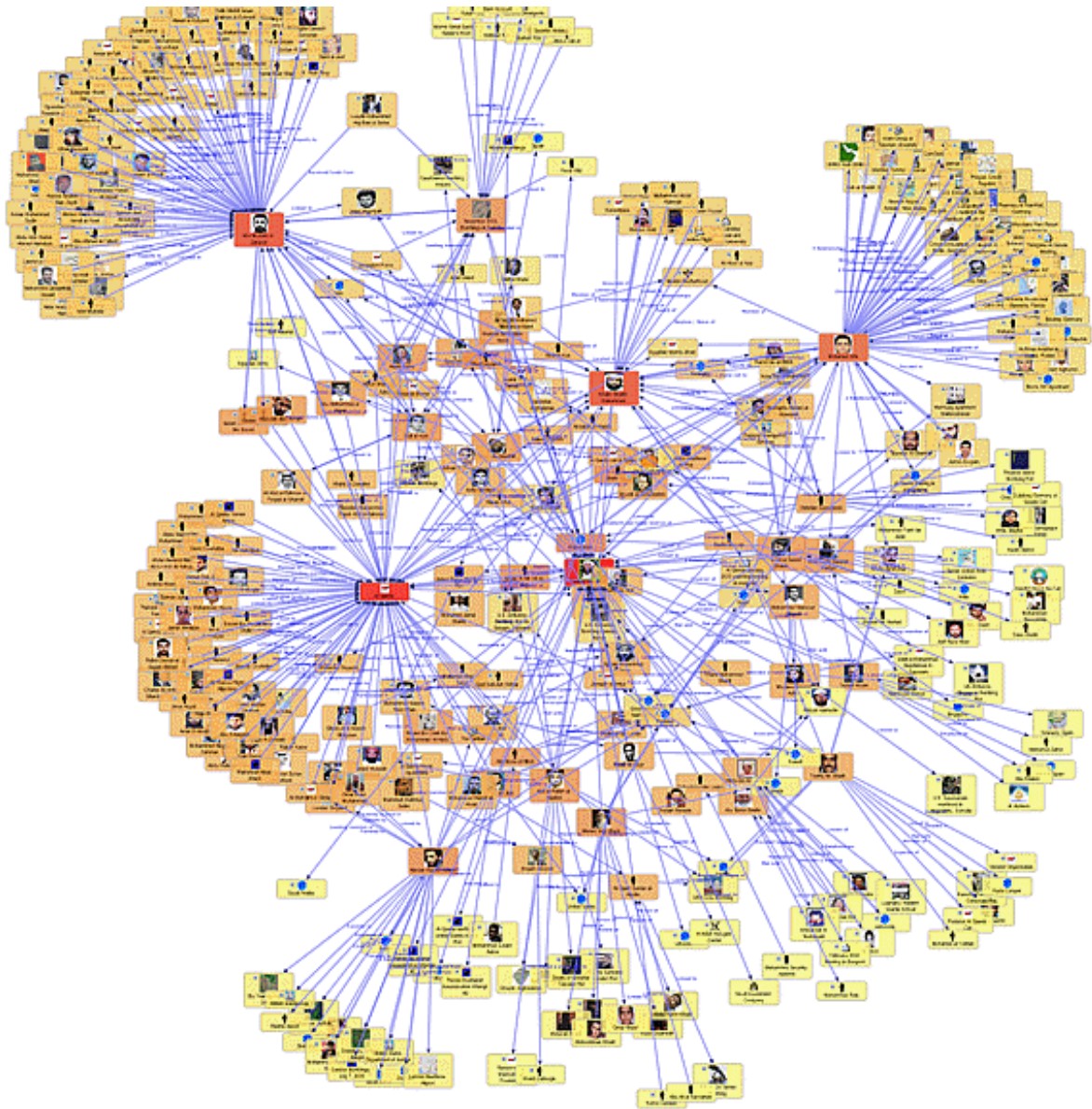
Sau khi thu được chi tiết từ nhà cung cấp, có thể đối chiếu khẳng định của nhà cung cấp với hồ sơ đã nộp để xuất/nhập khẩu gỗ trắc, nhằm xác minh việc tuân thủ pháp luật và quy định của Việt Nam. Đây chỉ là một ví dụ về cách mà các cơ quan thực thi pháp luật có thể

sử dụng các trang thương mại điện tử để xác định các xu hướng và đánh giá sự tuân thủ pháp luật ở Việt Nam, đối với cả các sản phẩm gỗ cũng như động thực vật hoang dã.

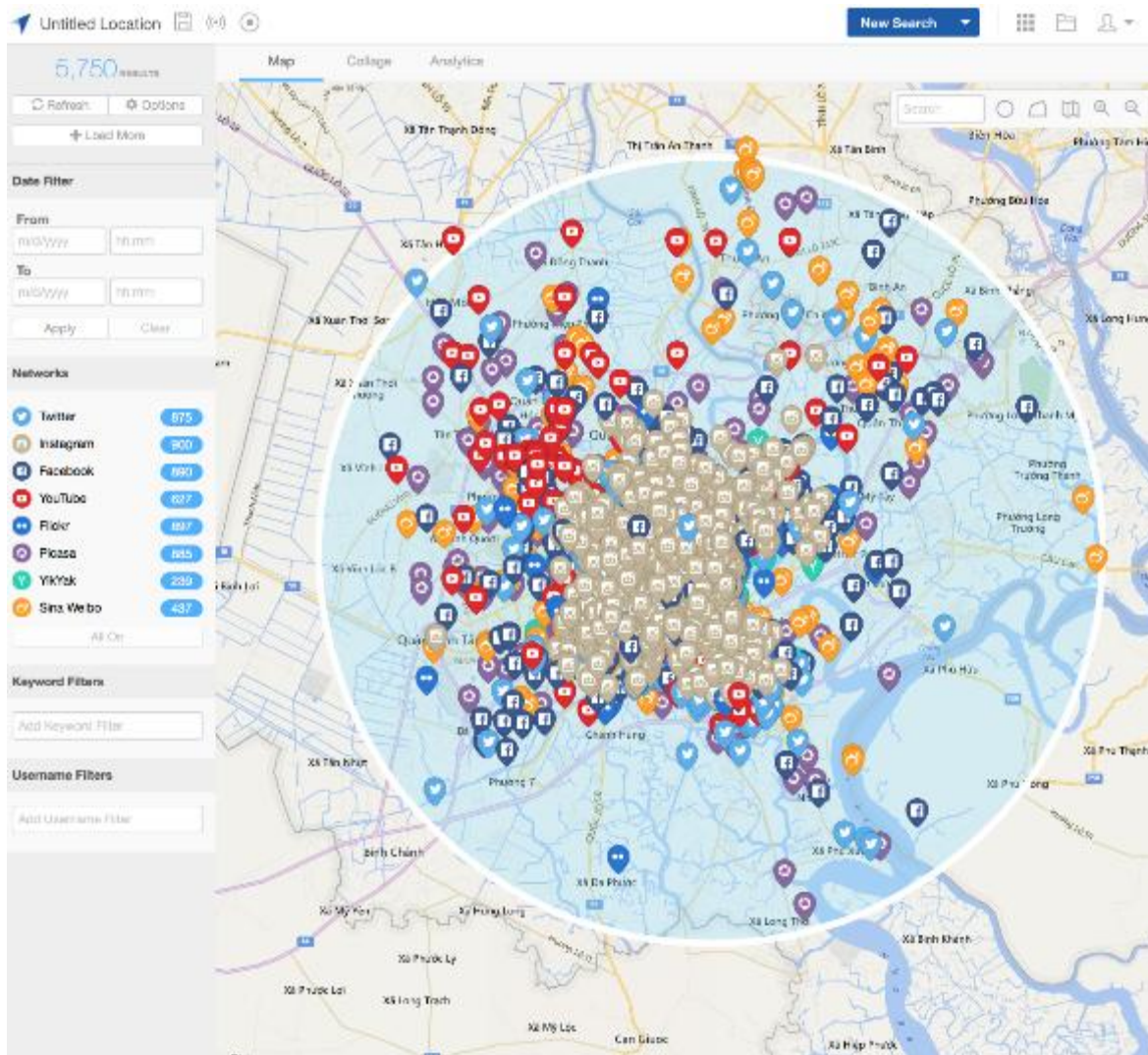
Như đã nói ở trên, các cơ quan thực thi pháp luật của Việt Nam cho rằng họ không có đủ nguồn lực và thiếu các chương trình đào tạo để xử lý vấn đề tội phạm về động thực vật hoang dã và gỗ trên mạng internet. Do đó, UNODC đã bắt đầu tiến hành đào tạo cho các cán bộ thực thi pháp luật sử dụng internet như một công cụ phân tích thông tin nghiệp vụ. Các cán bộ được hướng dẫn cách tạo tài khoản “đại diện” và cách sử dụng tài khoản “đại diện” này để xác định các đối tượng tình nghi buôn lậu. Một tài khoản “đại diện” như vậy được thiết lập trong một hội thảo đào tạo đã có hơn 1.200 “bạn”, và là tài khoản đại diện được sử dụng để thu thập thông tin được cung cấp trong phụ lục này. Cùng với các thành viên khác trong Liên minh, hình thức đào tạo này nên được mở rộng để bao gồm các các bộ Kiểm lâm, Cảnh sát Môi trường ở Hà Nội, TP Hồ Chí Minh, và các điểm nóng về tội phạm trong lĩnh vực động thực vật hoang dã và gỗ ở Việt Nam.

Để hiểu biết tốt hơn về vai trò của mạng xã hội và các trang thương mại điện tử trong vấn đề tội phạm về động thực vật hoang dã và gỗ ở Việt Nam, và thông báo cho các cơ quan thực thi pháp luật ở Việt Nam hướng tiếp cận tốt nhất đối với vấn đề này, đề xuất tiến hành nghiên cứu toàn diện để xác định quy mô và phạm vi vấn đề. Như đã nói ở trên, tổ chức phi chính phủ TRAFFIC đã tiến hành một số nghiên cứu như vậy ở Trung Quốc, và đây có thể là tổ chức phù hợp để tiến hành một nghiên cứu tương tự ở Việt Nam.

Mạng Internet tạo cơ hội cho các cơ quan thực thi pháp luật ở Việt Nam phát hiện, xâm nhập, truy tố và phá vỡ các băng nhóm tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia hoạt động trên phạm vi quốc gia và quốc tế. Việc tăng cường năng lực hoạt động trong lĩnh vực này sẽ giúp nắm bắt thông tin và đấu tranh với loại tội phạm này tốt hơn. Nếu không xử lý hiệu quả vấn đề này, các nhóm tội phạm có tổ chức sẽ tiếp tục có cơ hội tiếp cận người dân và thị trường Việt Nam mà không bị kiểm soát.



Hình 5 – Ví dụ về phân tích Mạng xã hội (Nguồn - Sentinel Visualizer)



Hình 6 – Kết quả tìm kiếm Geofeedia khu vực TP Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC J

XÂY DỰNG NĂNG LỰC CHO CƠ QUAN CHÍNH PHỦ VÀ TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ QUỐC TẾ TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VỀ ĐỘNG THỰC VẬT HOANG DÃ VÀ VI PHẠM LÂM LUẬT GIAI ĐOẠN 2010-2015

Khóa đào tạo	Đơn vị tổ chức	Thời gian	Người tham gia	Các cơ quan thực thi pháp luật tham gia
Khóa đào tạo về chống buôn lậu của PATROL	UNODC, Freeland	8-12/9/2014	Văn phòng liên lạc qua Biên giới các tỉnh Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An	Cảnh sát, Hải quan, Biên phòng (tổng cộng 20 học viên)
Khóa đào tạo về chống buôn lậu của PATROL	UNODC, Freeland	15-19/8/2014	Văn phòng liên lạc qua Biên giới các tỉnh Điện Biên, Sơn La	Cảnh sát, Hải quan, Biên phòng (tổng cộng 22 học viên)
Khóa đào tạo về chống buôn lậu của PATROL	UNODC, Freeland	17-21/11/2014	Văn phòng liên lạc qua Biên giới các tỉnh Lào Cai, Hà Giang	Cảnh sát, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng (tổng cộng 35 học viên)
Khóa đào tạo về chống buôn lậu của PATROL	UNODC, Freeland	24-28/11/2014	Văn phòng liên lạc qua Biên giới tỉnh Quảng Ninh	Cảnh sát, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng (tổng cộng 35 học viên)
Kiểm soát điện tử và Vận chuyển có kiểm soát trong nội địa	UNODC	26-29/5/2015	Văn phòng liên lạc qua Biên giới các tỉnh An Giang (4 nơi) và Tây Ninh (2 nơi); sân bay TP HCM	Cảnh sát, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng của các Văn phòng liên lạc qua Biên giới, + Hải quan sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất (tổng cộng 25 học viên)
Kiểm soát điện tử và Vận chuyển có kiểm soát trong nội địa	UNODC	1-4/6/2015	Văn phòng liên lạc qua Biên giới các tỉnh Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An; & sân bay Đà Nẵng	Cảnh sát, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng của các Văn phòng liên lạc qua Biên giới, + Hải quan sân bay quốc tế Đà Nẵng (tổng cộng 24 học viên)
Chương trình đào tạo nâng cao nhận thức Wildlife Friendly Skies – về nhận biết các loài, phương thức thủ đoạn buôn lậu, phát hiện và xử lý buôn lậu các loài hoang dã	Freeland, BCA/MONRE	28/1 & /5/12, 2015	Sân bay quốc tế Nội Bài	Cán bộ sân bay khu vực mặt đất, Hải quan, khu vực hàng hóa, kiểm dịch và các bộ phận liên quan đến kiểm tra và phát hiện động vật hoang dã (tổng cộng 220 học viên)

Khóa đào tạo	Đơn vị tổ chức	Thời gian	Người tham gia	Các cơ quan thực thi pháp luật tham gia
Đào tạo về thực thi pháp luật hàng năm trong Dự án MAPS (về nhận biết các loài, kỹ thuật điều tra, v.v.)	TRAFFIC	2011 – nay	Bắc Kạn	Chi cục Kiểm lâm Bắc Kạn
Hội thảo đào tạo về chính sách CITES và phân biệt các loài tê giác và voi	TRAFFIC	11-12/7/2013	Hà Nội, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Hà Tĩnh, TP Hồ Chí Minh	Cảnh sát, Hải quan, Kiểm lâm (tổng cộng 43 học viên)
Hội thảo nâng cao năng lực của Hải quan trong đấu tranh chống buôn lậu sừng tê giác	TRAFFIC	19 – 30/9/2013	14 tỉnh thành phố ở Việt Nam	Cục Điều tra chống buôn lậu của Tổng cục Hải quan Việt Nam (tổng cộng 49 học viên)
Đào tạo về giám định các loài hoang dã	TRACE, TRAFFIC	23 – 24/4/2014	Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Hà Tĩnh, Huế, TP Hồ Chí Minh, An Giang, Tây Ninh	Cảnh sát, Hải quan, Kiểm lâm, chuyên gia giám định (tổng cộng 51 học viên)
Đào tạo tuần tra cơ bản. Năng lực tuần tra cơ bản	WWF Việt Nam- Dự án CarBi	2012	Thừa Thiên Huế	Kiểm lâm CarBi, Kiểm lâm khu bảo tồn thiên nhiên Huế (24 học viên)
Đào tạo cơ bản về theo dõi tài nguyên thiên nhiên cho cán bộ và kiểm lâm hai khu bảo tồn thiên nhiên. Năng lực tiến hành theo dõi và đánh giá tài nguyên thiên nhiên	WWF Việt Nam- Dự án CarBi	2012	Thừa Thiên Huế	Kiểm lâm CarBi, Kiểm lâm khu bảo tồn thiên nhiên Huế (40 học viên)
Khóa đào tạo cơ bản 10 ngày về thực thi lâm luật và thực hành tại hiện trường	WWF Việt Nam- Dự án CarBi	2012	Thừa Thiên Huế	Kiểm lâm CarBi, Kiểm lâm khu bảo tồn thiên nhiên Huế (24 học viên)
Đào tạo thực tế cho cán bộ và kiểm lâm khu bảo tồn Saola Huế về phương pháp điều tra sâu về Saola trong các khu vực bảo tồn Saola.	WWF Việt Nam- Dự án CarBi	2012	Thừa Thiên Huế	Kiểm lâm CarBi, Kiểm lâm khu bảo tồn thiên nhiên Huế (10 học viên)
Đào tạo thực hành và thực thi pháp luật nâng	WWF Việt Nam- Dự án	11-13/3/2013	Thừa Thiên Huế và Quảng Nam	Kiểm lâm CarBi, khu bảo tồn Huế, khu bảo tồn

Khóa đào tạo	Đơn vị tổ chức	Thời gian	Người tham gia	Các cơ quan thực thi pháp luật tham gia
cao cho các khu bảo tồn và rừng quốc gia Bạch Mã	CarBi			Quảng Nam, rừng quốc gia Bạch Mã (19 học viên)
Nhận biết các loài hoang dã chính trong khu vực bảo tồn Saola	WWF Việt Nam- Dự án CarBi	25-30/10/2013	Thừa Thiên Huế và Quảng Nam	Kiểm lâm CarBi, khu bảo tồn Huế, khu bảo tồn Quảng Nam, rừng quốc gia Bạch Mã (54 học viên)
Đào tạo cơ bản cho các đội liên ngành tập trung vào các lĩnh vực và kỹ năng thực thi pháp luật như Sơ cứu, Quy định pháp lý liên quan, Điều tra hiện trường...	WWF Việt Nam- Dự án CarBi	24-28/2/2014	Thừa Thiên Huế và Quảng Nam	Khu bảo tồn Huế, Khu bảo tồn Quảng Nam, Rừng quốc gia Bạch Mã; Chi cục Kiểm lâm và Công An các huyện A Lưới, Đông Giang, Nam Đông; 637 trạm Biên phòng; Công An các xã vùng đệm quanh các khu bảo tồn (26 học viên)
Đào tạo nhận biết các loài thực vật chính cho Kiểm lâm Huế, Kiểm lâm khu bảo tồn Huế	WWF Việt Nam- Dự án CarBi	27-28/3/2014	Thừa Thiên Huế	Kiểm lâm Carbi, Kiểm lâm khu bảo tồn Huế (26 học viên)
Đào tạo nhận biết các loài thực vật chính cho Kiểm lâm Quảng Nam, khu bảo tồn Quảng Nam và rừng quốc gia Bạch Mã	WWF Việt Nam- Dự án CarBi	24 và 25/5/2014	Thừa Thiên Huế và Quảng Nam	Kiểm lâm Quảng Nam, khu bảo tồn Quảng Nam và rừng quốc gia Bạch Mã (30 học viên)
Đào tạo dành cho phóng viên tại Móng Cái	WCS	2010	Móng Cái, Quảng Ninh	Phóng viên các báo, VTV
03 khóa đào tạo cơ bản (nhận biết các loài, luật và xử lý tang vật thu giữ)	WCS- Cơ quan quản lý CITES đồng tổ chức	12 -16/4, 26-29/4, 17-21/5, 2010	Hà Nội, Rừng quốc gia Cúc Phương, Trung tâm cứu hộ Sóc Sơn	Kiểm lâm, Cảnh sát, Biên phòng, Hải quan, Viện Kiểm sát, Quản lý thị trường, Thú Y
Đào tạo điều tra nâng cao	WCS		TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Kiểm lâm, Cảnh sát, Biên phòng, Hải quan, Viện Kiểm sát, Quản lý thị trường, Thú Y, Kiểm dịch
Đào tạo phân biệt các loài	WCS-Kiểm lâm khu vực phía bắc đồng tổ chức	09-10/6/2011	TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Kiểm lâm, Cảnh sát, Biên phòng, Hải quan các tỉnh, thành phố Quảng Ninh, Hải Phòng và Lạng Sơn
Đào tạo cơ bản cho các cơ quan thực thi pháp luật của tỉnh Hà Tĩnh	WCS-FFI- Cơ quan Quản lý CITES-Đại	14-18/5/2012	TP Vinh, Nghệ An	Kiểm lâm, Cảnh sát, Biên phòng, Hải quan, Viện Kiểm sát, Quản lý thị

Khóa đào tạo	Đơn vị tổ chức	Thời gian	Người tham gia	Các cơ quan thực thi pháp luật tham gia
	học Vinh đồng tổ chức			trường, Thú Y, Kiểm dịch các tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình
Đào tạo tại Hà Nội dành cho các cơ quan của tỉnh Quảng Bình	WCS	4-7 /12/ 2012	Hà Nội	Kiểm lâm, Cảnh sát, Biên phòng, Hải quan, Viện Kiểm sát, Quản lý thị trường, Thú Y, Kiểm dịch các tỉnh Quảng Bình
Đào tạo cho Kiểm sát viên	WCS- Viện Kiểm sát Nhân dân TP HCM đồng tổ chức		Cát Tiên	Kiểm sát viên khu vực phía nam
Đào tạo cơ bản tại Tp HCM cho các cơ quan của tỉnh Đồng Nai	WCS	19-22/8/ 2013	TP Hồ Chí Minh	Kiểm lâm, Cảnh sát
Đào tạo cơ bản tại Vinh	WCS-Cơ quan Quản lý CITES đồng tổ chức	4/2013	TP Vinh, Nghệ An	Kiểm lâm, Cảnh sát, Biên phòng, Hải quan, Viện Kiểm sát, Quản lý thị trường, Thú Y, Kiểm dịch tỉnh Quảng Bình
Đào tạo cơ bản năm 2013 tại Hà Nội dành cho các cơ quan của tỉnh Quảng Ninh	WCS	19- 21/11/2013	Hà Nội	Kiểm lâm, Cảnh sát, Biên phòng, Hải quan, Viện Kiểm sát, Quản lý thị trường, Thú Y, Kiểm dịch tỉnh Quảng Ninh
Chương trình đào tạo thực thi pháp luật về động thực vật hoang dã	Cục Cảnh sát Môi trường, Kiểm lâm khu vực 3	3-6/3/2015	TP HCM, Bình Dương và Tây Ninh	Kiểm lâm, Cảnh sát Môi trường, Cảnh sát Kinh tế, Hải quan, Viện Kiểm sát, Quản lý thị trường, (40 học viên)
Hoạt động thực thi pháp luật	Kiểm lâm khu vực 3	10/12/2014	TP HCM, Bình Phước	Kiểm lâm khu vực 3, Chi cục Kiểm lâm Bình Phước
Chương trình đào tạo thực thi pháp luật về động thực vật hoang dã	Kiểm lâm khu vực 4	11- 14/8/2015	Đắk Nông, Bình Phước	Kiểm lâm, Cảnh sát Môi trường, Hải quan, Biên phòng, Cảnh sát Kinh tế.
Đào tạo thực tế cho Cảnh sát Môi trường của Hà Nội	WCS – Phòng Cảnh sát Môi trường, Công An Hà Nội đồng tổ chức	2015	Hà Nội	Phòng Cảnh sát Môi trường, Công An Hà Nội
Chương trình đào tạo về Tội phạm trong lĩnh vực	WCS	3-8/1/2011	Lâm Đồng	Cảnh sát, Kiểm lâm

Khóa đào tạo	Đơn vị tổ chức	Thời gian	Người tham gia	Các cơ quan thực thi pháp luật tham gia
động thực vật hoang dã: khóa đào tạo thực tế nâng cao				
Đào tạo cơ bản ở Đồng Nai 2010	WCS	2010	Đồng Nai	Kiểm lâm, Cảnh sát Môi trường, Hải quan, Quản lý thị trường và Viện Kiểm sát
Đào tạo cơ bản ở Đồng Nai 2013	WCS	2013	Lâm Đồng	Kiểm lâm, Cảnh sát Môi trường, Hải quan, Quản lý thị trường và Viện Kiểm sát